

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ~~5430~~ BTC-QLG

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2022

V/v xin ý kiến các chính sách tại  
dự thảo Luật giá (sửa đổi)

Kính gửi: .....

Thực hiện Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2022 của Quốc hội, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh, căn cứ quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị quý cơ quan, đơn vị có ý kiến đóng góp bằng văn bản đối với Dự thảo Luật Giá (sửa đổi) (Hồ sơ kèm theo và đã được đăng xin ý kiến rộng rãi trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính).

Văn bản góp ý xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) trước ngày 10.10.2022.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan. ✓

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng website);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng website);
- Lưu: VT, QLG. *me* (40)

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



*Tạ Anh Tuấn*  
**Tạ Anh Tuấn**

## **DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN**

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

## LUẬT GIÁ (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Quốc hội ban hành Luật Giá (sửa đổi) số /2023/QH15.

### CHƯƠNG I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của nhà nước bao gồm bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá; hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; hoạt động thẩm định giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước.
- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá và thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam.

#### Điều 3. Áp dụng Luật Giá và các Luật có liên quan

Các hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật này. Trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá; thẩm định giá thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

#### Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Hàng hóa* là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản.

2. *Dịch vụ* là hàng hóa có tính vô hình, quá trình sản xuất và tiêu dùng không tách rời nhau, bao gồm các loại dịch vụ trong hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. *Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu* là những hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, quốc phòng, an ninh; bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông; sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người và quốc phòng, an ninh.

4. *Giá thị trường* là giá hàng hóa, dịch vụ trong giao dịch khách quan và độc lập được hình thành do các yếu tố chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

5. *Mặt bằng giá thị trường* là mức giá bình quân của hàng hóa, dịch vụ hoặc nhóm hàng hóa, dịch vụ trên thị trường trong một thời kỳ tại một không gian nhất định và được phản ánh bằng chỉ số giá tiêu dùng.

6. *Giá thành toàn bộ của hàng hóa, dịch vụ* là giá thành tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, bao gồm:

a) Giá thành sản xuất hàng hóa, dịch vụ; giá mua hàng hóa, dịch vụ đối với tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại;

b) Chi phí lưu thông để đưa hàng hóa, dịch vụ bán ra thị trường.

7. *Giá tối thiểu* là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không được định giá hàng hóa, dịch vụ thấp hơn.

8. *Giá tối đa* là mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không được định giá hàng hóa, dịch vụ cao hơn.

9. *Khung giá* là giới hạn các mức giá từ giá tối thiểu đến giá tối đa.

10. *Giá tham chiếu* là mức giá do cơ quan có thẩm quyền công bố làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tham khảo quyết định giá hàng hóa, dịch vụ.

11. *Yếu tố hình thành giá* gồm giá thành toàn bộ thực tế hợp lý, hợp lệ tương ứng với chất lượng của hàng hóa, dịch vụ; lợi nhuận (nếu có); các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; giá trị vô hình của thương hiệu.

12. *Bình ổn giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp, biện pháp nhằm ổn định giá hàng hóa, dịch vụ trong một khoảng thời gian.

13. *Định giá* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định giá cho hàng hóa, dịch vụ.

14. *Hiệp thương giá* là phương thức thỏa thuận giữa các doanh nghiệp về giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm trung gian hỗ trợ các bên thỏa thuận theo quy định của Luật này.

15. *Kê khai giá* là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá gửi thông báo mức giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi định giá, điều chỉnh giá.

16. *Niêm yết giá* là hình thức công khai mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng Đồng Việt Nam đến người tiêu dùng.

17. *Thẩm định giá* là hoạt động tư vấn xác định giá trị bằng tiền của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

18. *Thông đồng về giá, thẩm định giá* là việc các tổ chức, cá nhân có hành vi thỏa thuận, cấu kết nhằm làm sai lệch mức giá hàng hóa, dịch vụ hoặc kết quả thẩm định giá tài sản để trục lợi.

### **Điều 5. Nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước**

1. Nhà nước thực hiện quản lý, điều tiết giá theo cơ chế thị trường gắn với công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; bảo đảm công khai, minh bạch, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật này thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ theo các nguyên tắc, phương pháp phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.

2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước; có tính đến chính sách phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ.

3. Góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, thúc đẩy xã hội hóa hoạt động cung cấp dịch vụ công, có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

### **Điều 6. Công khai thông tin về giá**

1. Nội dung công khai bao gồm:

a) Các báo cáo, đề án, chương trình kế hoạch, chủ trương, biện pháp quản lý, điều hành giá, bình ổn giá, các văn bản về quyết định giá của hàng hóa, dịch vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Giá cụ thể các hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân quyết định trong khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu được nhà nước quy định, giá kê khai;

c) Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá.

2. Việc công khai thông tin về giá quy định tại Điều này không áp dụng đối với các thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước và các trường hợp không được phép công khai theo quy định của pháp luật.

3. Việc công khai được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang điện tử của cơ quan, đơn vị, phát hành ấn phẩm hoặc văn bản gửi đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên

quan. Đối với các nội dung công khai quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này phải được cập nhật lên cơ sở dữ liệu về quốc gia về giá.

4. Đối tượng phải thực hiện công khai gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, doanh nghiệp thâm định giá.

5. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền, đưa tin về chính sách pháp luật về giá, cơ chế quản lý, điều hành giá chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Đối với cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá; cán bộ, công chức thuộc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá:

a) Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật vào quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực giá;

b) Tiết lộ, sử dụng thông tin do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Thông đồng về giá, thâm định giá dưới mọi hình thức.

2. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:

a) Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ;

b) Gian lận về giá bằng cách cố ý thay đổi các nội dung đã cam kết trong các giao dịch mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian, địa điểm, điều kiện mua, bán, chất lượng hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ;

c) Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác; lợi dụng chính sách của Nhà nước để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý;

d) Các hành vi thông đồng về giá dưới mọi hình thức để trục lợi.

3. Đối với doanh nghiệp thâm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thâm định giá:

a) Tranh giành khách hàng dưới hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc, các hành vi hạ giá dịch vụ bất hợp lý và cạnh tranh không lành mạnh khác; thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thâm định viên về giá, doanh nghiệp thâm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thâm định giá;

b) Thông đồng với khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá;

c) Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thoả thuận trong hợp đồng;

d) Tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng thẩm định giá và tài sản được thẩm định giá, trừ trường hợp được khách hàng thẩm định giá đồng ý hoặc pháp luật cho phép;

d) Gây trở ngại hoặc can thiệp vào công việc điều hành của tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá khi họ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

4. Đối với thẩm định viên về giá, ngoài các quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Cho thuê, cho mượn; sử dụng Thẻ thẩm định viên về giá trái với quy định của pháp luật về giá;

b) Hành nghề thẩm định giá với tư cách cá nhân;

c) Làm việc trong cùng một thời gian cho từ hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên;

d) Ký Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá không đúng lĩnh vực hành nghề;

đ) Thực hiện thẩm định giá cho đơn vị được thẩm định giá mà thẩm định viên về giá có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là thành viên trong ban lãnh đạo hoặc kế toán trưởng của đơn vị được thẩm định giá.

5. Đối với khách hàng thẩm định giá:

a) Chọn tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá để ký hợp đồng thẩm định giá;

b) Cung cấp không chính xác, không trung thực, không đầy đủ, không kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản cần thẩm định giá;

c) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá;

d) Sử dụng kết quả thẩm định giá không trong thời gian hiệu lực, không theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá.

6. Tổ chức, cá nhân đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá trái với quy định tại Luật này.

## CHƯƠNG II

### THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC;

## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

### **Điều 8. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

1. Thống nhất quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá.
2. Phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ trong danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá ban hành kèm theo Luật này.
3. Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá trong danh mục ban hành kèm theo Luật này.
4. Quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước bình ổn giá, kê khai giá.

### **Điều 9. Thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý về giá và thẩm định giá.
2. Xây dựng, trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá và thẩm định giá, Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.
3. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chiến lược về giá và thẩm định giá trong từng thời kỳ.
4. Trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá. Trình Chính phủ đề trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.
5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Chính phủ.
6. Định giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo phân công của Chính phủ; quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và hướng dẫn thực hiện phương pháp.
7. Tiếp nhận kê khai giá và hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện kê khai giá.
8. Tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.
9. Quy định điều kiện dự thi và điều kiện đề cấp Thẻ thẩm định viên về giá; tổ chức thi, cấp thẻ thẩm định viên về giá; quản lý, cấp, tước có thời hạn và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá; quy định về đăng ký và quản lý hành nghề thẩm định viên về giá.
10. Cấp, cấp lại, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; đình chỉ hoạt động kinh doanh thẩm định giá.



11. Quản lý hoạt động thẩm định giá đối với doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức nghề nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

12. Công khai danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá hành nghề.

13. Quy định chương trình đào tạo, điều kiện được tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá và chứng chỉ thẩm định giá nhà nước; quy định về cập nhật kiến thức thẩm định giá cho thẩm định viên về giá.

14. Quy định về đánh giá hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và việc chấp hành các quy định của Nhà nước về thẩm định giá.

15. Thực hiện thẩm định giá nhà nước theo quy định.

16. Thực hiện hợp tác quốc tế về giá và thẩm định giá.

17. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá.

#### **Điều 10. Thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ**

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính trong công tác quản lý nhà nước về giá.

2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

3. Đề xuất và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, kê khai giá.

4. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo phân công của Chính phủ; Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành phương pháp định giá đặc thù đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù theo phân công.

5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực quản lý theo phân công của Chính phủ.

6. Tiếp nhận kê khai giá theo phân công của Chính phủ, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

7. Cung cấp dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

8. Tổ chức thực hiện thẩm định giá nhà nước theo quy định pháp luật.

#### **Điều 11. Thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá trên địa bàn. Phân công việc tổ chức thực hiện công tác quản lý, điều hành giá, định giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn theo quy định của pháp luật về giá;

- b) Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền;
- c) Tổ chức phân công, phân cấp việc tiếp nhận kê khai giá trên địa bàn tỉnh;
- d) Quyết định chủ trương và biện pháp triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quy định;
- đ) Thực hiện nhiệm vụ thu thập, theo dõi, tổng hợp, phân tích diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn theo quy định;
- e) Xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định;
- g) Tổ chức thực hiện thẩm định giá nhà nước theo quy định pháp luật;
- h) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

**Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh**

**1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có quyền:**

- a) Tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước định giá;
- b) Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc nhà nước công bố giá tham chiếu;
- c) Cạnh tranh về giá theo quy định của pháp luật;
- d) Áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định về định giá hàng hóa, dịch vụ;
- đ) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi yếu tố hình thành giá thay đổi;
- e) Tiếp cận thông tin về chính sách giá của Nhà nước; các biện pháp quản lý, điều tiết giá của Nhà nước và các thông tin công khai khác;
- g) Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá; yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.

**2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có nghĩa vụ:**

- a) Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trình cơ quan có thẩm quyền quyết định, kê khai giá lần đầu và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước;
- b) Chấp hành quyết định về giá, biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Kê khai giá bán hàng hóa, dịch vụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức giá đã kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kê khai giá theo quy định tại Luật này;

d) Niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và bán đúng giá niêm yết;

e) Công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật này;

g) Cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Nhà nước định giá, áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giá;

h) Giải quyết kịp thời mọi khiếu nại về giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng**

1. Người tiêu dùng có quyền:

a) Lựa chọn, thỏa thuận và góp ý về giá khi mua hàng hóa, dịch vụ;

b) Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về giá, chất lượng, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ;

c) Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn chất lượng, số lượng, giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, cam kết;

d) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi;

e) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Người tiêu dùng có nghĩa vụ:

a) Thanh toán theo mức giá thỏa thuận, mức giá đã lựa chọn hoặc mức giá do Nhà nước quy định khi mua hàng hóa, dịch vụ;

b) Thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá.

### **Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá**

Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cơ quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ quy định tại Điều 9, 10, 11 Luật này.

## **CHƯƠNG III**

## **BÌNH ỔN GIÁ, ĐỊNH GIÁ**

### **Mục 1**

#### **BÌNH ỔN GIÁ**

##### **Điều 15. Nguyên tắc bình ổn giá**

1. Việc bình ổn giá phải được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, kịp thời, công khai, minh bạch.
2. Phù hợp với các điều ước, cam kết quốc tế và bối cảnh kinh tế xã hội, mục tiêu kiểm soát lạm phát chung.
3. Việc bình ổn giá được thực hiện tại một địa phương, trên phạm vi vùng hoặc cả nước. Trường hợp cần thiết căn cứ tình hình thực tế, khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và áp dụng chương trình bình ổn giá thị trường trên địa bàn tỉnh trong dịp trước, trong và sau Tết nhằm ổn định giá cả thị trường.

##### **Điều 16. Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá**

1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá là hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc Danh mục do Chính phủ quy định. Trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục, trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét điều chỉnh Danh mục.
2. Trong trường hợp khẩn cấp do thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục để áp dụng trong thời hạn nhất định.

##### **Điều 17. Các trường hợp và biện pháp bình ổn giá**

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình ổn giá trong trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian và ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định tại pháp luật về tình trạng khẩn cấp.
2. Các biện pháp bình ổn giá có thời hạn:

a) Điều hòa, kiểm soát cung cầu bao gồm: điều hòa sản xuất hàng hóa trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; điều hòa hàng hóa giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ lưu thông;

b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá; việc định giá được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương này. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án giá đã được rà soát, đánh giá theo quy định thì xem xét, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật ngân sách hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý, phù hợp với thẩm quyền.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 18. Thẩm quyền và trách nhiệm bình ổn giá**

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương bình ổn giá trên quy mô vùng hoặc cả nước. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương bình ổn giá; Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chủ trương bình ổn giá. Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bình ổn giá và tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo chủ trương, biện pháp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương bình ổn giá trên địa bàn tỉnh. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương và biện pháp bình ổn giá. Sở quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá.

### **Điều 19. Thực hiện bình ổn giá**

1. Trường hợp bình ổn giá trên quy mô vùng hoặc cả nước, căn cứ chủ trương bình ổn giá được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện và phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai bình ổn giá như sau:

a) Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có để xác định nguyên nhân làm cơ sở cho việc lựa chọn biện pháp bình ổn giá phù hợp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả kịp thời về Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để tổng hợp;

b) Lựa chọn, quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Điều 17 Luật này;

c) Tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện biện pháp bình ổn giá.

2. Trường hợp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh, căn cứ chủ trương bình ổn giá được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công tổ chức triển khai bình ổn giá như sau:

a) Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có để xác định nguyên nhân làm cơ sở cho việc lựa chọn biện pháp bình ổn giá phù hợp;

b) Lựa chọn một hoặc một số biện pháp bình ổn giá quy định tại Điều 17 Luật này trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

c) Tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện biện pháp bình ổn giá.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 20. Kiểm tra yếu tố hình thành giá**

1. Kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 19 Luật này là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, đánh giá về tính đúng đắn, đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của các yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ nhằm rà soát, nhận diện các yếu tố tác động đến giá hàng hóa, dịch vụ có cơ sở để xuất chủ trương bình ổn giá.

2. Thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền bình ổn giá xác định đối tượng cần kiểm tra; trên cơ sở đó có văn bản thông báo gửi đến tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

b) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra yếu tố hình thành giá có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin, hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến yếu tố hình thành giá;

c) Thời gian kiểm tra yếu tố hình thành giá tối đa không quá 30 ngày làm việc, việc kiểm tra được tiến hành trực tiếp tại trụ sở của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp cần thiết kéo dài thời gian kiểm tra, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm thông báo đến đối tượng kiểm tra, thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc;

d) Kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra có báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá;

đ) Việc kiểm tra không được ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

3. Báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá:

a. Báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm các nội dung về mục đích, yêu cầu, đối tượng kiểm tra; kết quả kiểm tra; nguyên nhân và đề xuất các biện pháp và thời hạn thực hiện bình ổn giá;

b. Báo cáo kết quả kiểm tra là căn cứ để quyết định biện pháp và thời hạn thực hiện bình ổn giá.

4. Trong quá trình kiểm tra, trường hợp phát hiện hành vi vi phạm, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Mục 2**

### **ĐỊNH GIÁ**

#### **Điều 21. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá**

1. Nhà nước định giá đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu, ảnh hưởng toàn diện đến kinh tế - xã hội, đời sống người dân và sản xuất kinh doanh, bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền nhà nước sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật thương mại và các Luật khác;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu, có tính chất độc quyền trong mua bán và không thể thay thế;

c) Tài nguyên quan trọng;

d) Hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được ban hành thống nhất tại phụ lục kèm theo Luật này. Trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập Báo cáo đánh giá tác động của việc điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ đề trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

#### **Điều 22. Nguyên tắc định giá**

1. Bảo đảm tính đúng, tính đủ các yếu tố hình thành giá thực tế hợp lý, hợp lệ, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường; có tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

2. Kịp thời xem xét điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

3. Bảo đảm hài hòa quyền lợi và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và của nhà nước.

### **Điều 23. Căn cứ định giá**

1. Giá thành toàn bộ, chất lượng của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá; mức lợi nhuận dự kiến.

2. Quan hệ cung cầu của hàng hóa, dịch vụ và sức mua của đồng tiền; khả năng thanh toán của người tiêu dùng.

3. Giá thị trường trong nước, thế giới và khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ tại thời điểm định giá.

### **Điều 24. Phương pháp định giá**

1. Phương pháp định giá là các cách thức, quy trình kỹ thuật để xác định giá hàng hóa, dịch vụ theo các cách tiếp cận từ so sánh giá thị trường, từ các yếu tố hình thành giá và từ thu nhập. Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định, thực hiện.

2. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù không thể áp dụng phương pháp định giá chung quy định tại Khoản 1 Điều này. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá riêng.

### **Điều 25. Ban hành Quyết định giá**

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở phương án giá được lập theo quy định tại Luật này. Hình thức quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ là văn bản hành chính. Trừ trường hợp tại Quyết định giá có các nội dung về cơ chế, chính sách giá thì phải ban hành Quyết định văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức lập phương án giá trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính.

3. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ trưởng Bộ Tài chính, việc lập, thẩm định phương án giá và trình ban hành Quyết định giá được thực hiện như sau:



a) Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ: Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức lập phương án giá, có văn bản gửi Bộ Tài chính đề nghị định giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định;

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính, đơn vị chuyên môn hoặc đơn vị quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm lập phương án giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định;

c) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định và có văn bản gửi Bộ Tài chính đề nghị định giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát hồ sơ phương án giá trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

4. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá Bộ, cơ quan ngang Bộ, đơn vị chuyên môn thuộc Bộ lập phương án giá; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giá thuộc Bộ có trách nhiệm thẩm định phương án giá và lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính.

5. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do Bộ trưởng các bộ này quy định việc lập, thẩm định phương án giá và trình Quyết định giá.

6. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức lập phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính. Trường hợp lập và thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Đơn vị được giao trách nhiệm xây dựng phương án giá tổ chức khảo sát thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh tại một số đơn vị; diễn biến cung cầu; mặt bằng giá thị trường để xây dựng phương án giá và đánh giá tác động của mức giá đến kinh tế xã hội, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở biến động yếu tố hình thành giá chủ động rà soát, đánh giá hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền định giá lập báo cáo đánh giá chi tiết về các yếu tố hình thành giá gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định giá hàng hóa, dịch vụ.

8. Bộ Tài chính quy định về phương án giá và hồ sơ trình ban hành Quyết định giá.

## CHƯƠNG IV

### HIỆP THƯƠNG, KÊ KHAI, NIÊM YẾT GIÁ

#### Mục 1

#### HIỆP THƯƠNG GIÁ

##### **Điều 26. Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá**

Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.
2. Có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán mà bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được; hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất hoặc kinh doanh trong điều kiện đặc thù.

##### **Điều 27. Nguyên tắc hiệp thương giá**

1. Các đối tượng đề nghị hiệp thương phải là doanh nghiệp mua, bán hàng hóa, dịch vụ đáp ứng quy định tại Điều 26 Luật này.
2. Việc tiếp nhận, tổ chức hiệp thương được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; cả 2 bên đều phải có văn bản đề nghị hiệp thương.
3. Quá trình hiệp thương phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch.

##### **Điều 28. Thẩm quyền và trách nhiệm cơ quan hiệp thương giá**

1. Bộ Tài chính hiệp thương đối với trường hợp đối tượng đề nghị hiệp thương là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước.
2. Sở Tài chính hiệp thương đối với các trường hợp khác không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp các đối tượng đề nghị hiệp thương có trụ sở đóng tại hai tỉnh khác nhau, hai bên thống nhất đề nghị một trong hai tỉnh hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính nơi bên bán đóng trụ sở hiệp thương.

##### **Điều 29. Tổ chức hiệp thương giá**

1. Khi nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá của cả bên mua, bên bán hàng hóa, dịch vụ; cơ quan hiệp thương rà soát đánh giá để làm rõ hàng hóa,

dịch vụ đề nghị hiệp thương. Trường hợp cần thiết yêu cầu các bên có văn bản bổ sung các thông tin về hàng hóa dịch vụ.

2. Cơ quan hiệp thương tổ chức hội nghị hiệp thương để bên mua và bên bán thương lượng với nhau về mức giá trên cơ sở hợp tác, hài hòa lợi ích giữa các bên. Cơ quan hiệp thương có vai trò trung gian, không được can thiệp vào mức giá thương lượng giữa các bên.

3. Khi bên mua và bên bán thỏa thuận được với nhau về mức giá thì hội nghị hiệp thương kết thúc. Mức giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng vụ việc mua, bán và khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị hiệp thương; mức giá hiệp thương không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. Các bên chịu trách nhiệm về mức giá hiệp thương, việc tổ chức thực hiện mức giá hiệp thương.

4. Trong trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng thỏa thuận được mức giá thì cơ quan hiệp thương lập biên bản để ghi nhận nội dung hội nghị và tiến hành ban hành Quyết định mức giá hiệp thương để 2 bên thực hiện. Việc ban hành Quyết định giá hiệp thương được thực hiện tương tự như việc ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cơ quan hiệp thương thực hiện định giá theo quy định. Quyết định giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng đối tượng đề nghị hiệp thương và không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác.

5. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục tổ chức hiệp thương giá.

## Mục 2

### KÊ KHAI GIÁ

#### **Điều 30. Hàng hóa, dịch vụ kê khai giá**

1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá bao gồm: hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá tham chiếu; một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; một số hàng hóa, dịch vụ tại địa phương.

2. Chính phủ quy định chi tiết Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá. Trường hợp phát sinh phải điều chỉnh Danh mục, trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét điều chỉnh Danh mục.

### **Điều 31. Nội dung và đối tượng kê khai giá**

1. Nội dung kê khai giá gồm mức giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tự quyết định gắn với tên, chủng loại, nước sản xuất và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai.

2. Đối tượng kê khai gồm:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn;

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện kê khai giá bán lẻ.

3. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực rà soát, ban hành Quyết định danh sách tổ chức kê khai giá tại Bộ Tài chính và các Bộ. Căn cứ danh sách của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương.

4. Chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày định giá, điều chỉnh giá, các đối tượng kê khai giá quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm kê khai giá.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về Điều này.

### **Điều 32. Tổ chức tiếp nhận kê khai giá**

1. Hình thức kê khai giá và phương thức tiếp nhận kê khai giá:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá có trách nhiệm gửi văn bản kê khai giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá;

b) Các cơ quan tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận kê khai giá bằng các hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua cơ sở dữ liệu về giá quy định tại Luật này hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin (fax, email).

2. Trên cơ sở mức giá kê khai, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, đánh giá tình hình, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ việc bình ổn giá theo quy định tại Luật này.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai tổng hợp, đánh giá tình hình, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ việc bình ổn giá theo quy định tại Luật này.

### **Điều 33. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

1. Đối với cơ quan tiếp nhận kê khai:

a) Được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định; trường hợp cần thiết để phục vụ công tác quản lý, điều hành giá, có thể yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo một số yếu tố hình thành giá gây tác động đến việc điều chỉnh giá;

b) Tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị kê khai thực hiện theo các hình thức trực tuyến.

2. Đối với tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá:

a) Được lựa chọn phương thức kê khai giá phù hợp;

b) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

## **Mục 5**

### **NIÊM YẾT GIÁ**

#### **Điều 34. Nguyên tắc niêm yết giá**

1. Giá niêm yết là giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh quyết định bằng Đồng Việt Nam, đã bao gồm các loại thuế, phí và khuyến mại (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ đó.

2. Việc niêm yết được thực hiện bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại nơi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; bảo đảm rõ ràng, không gây nhầm lẫn cho khách hàng; khuyến khích in giá trực tiếp lên bao bì của sản phẩm.

3. Việc niêm yết giá phải đi kèm đơn vị định lượng cụ thể và không được thể hiện với kích thước nhỏ hơn giá niêm yết.

#### **Điều 35. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng**

1. Các tổ chức, cá nhân phải thực hiện niêm yết giá gồm:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh (có quầy giao dịch và bán sản phẩm);

b) Siêu thị, trung tâm thương mại, chợ theo quy định của pháp luật;

c) Cửa hàng, cửa hiệu, ki-ốt, quầy hàng, nơi giao dịch thực hiện việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

d) Các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ và bán đúng giá niêm yết; đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp có thỏa thuận với người tiêu dùng/khách hàng thì không được bán cao hơn giá đã niêm yết.

3. Người tiêu dùng có quyền khiếu nại, tố cáo với các cơ quan có thẩm quyền về việc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh niêm yết giá không đúng quy định. Có quyền thỏa thuận về giá với các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh (nếu có).

## CHƯƠNG IV

### TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

#### **Điều 36. Mục tiêu, yêu cầu công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường**

1. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường là việc thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu về giá trong một thời kỳ/chu kỳ để phân tích, đánh giá và dự báo về xu hướng biến động của giá, xây dựng kịch bản điều hành giá và đề ra phương hướng, giải pháp, biện pháp công tác quản lý, điều hành giá.

2. Nội dung công tác tổng hợp, phân tích, dự báo mặt bằng giá thị trường

a) Tổ chức thu thập, phân tích giá các tài sản, hàng hóa, dịch vụ trên thị trường.

b) Xây dựng Báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trong từng giai đoạn, thời kỳ gắn với mục tiêu kiểm soát lạm phát.

c) Đề xuất mục tiêu kiểm soát lạm phát hàng năm và đề xuất các giải pháp về quản lý, điều hành giá phù hợp nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá và tổ chức hoạt động cung cấp, công bố thông tin về giá.

#### **Điều 37. Nguyên tắc tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường**

1. Phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời.

2. Số liệu phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, tổng hợp từ các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp.

3. Việc dự báo giá thị trường phải được thực hiện khoa học, trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với yêu cầu công tác quản lý, điều hành giá.

### **Điều 38. Báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường**

1. Báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường là cơ sở đề ra phương hướng, chủ trương, chính sách và các giải pháp, biện pháp quản lý, điều hành giá, về điều hành kinh tế vĩ mô.

2. Nội dung báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường bao gồm:

a) Tổng hợp mặt bằng giá chung và diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong nước và thế giới phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về giá. Phân tích các nguyên nhân biến động giá. Đánh giá tác động của biến động kinh tế, chính trị trong và ngoài nước đến công tác quản lý, điều hành giá;

b) Xây dựng kịch bản điều hành giá;

c) Tham mưu, đề xuất chủ trương, định hướng, phương hướng quản lý, điều hành giá và kịch bản điều hành giá trong từng Quý, năm.

d) Đề xuất mục tiêu kiểm soát lạm phát trong năm.

3. Bộ Tài chính quy định về chế độ báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

### **Điều 39. Kịch bản điều hành giá**

1. Kịch bản điều hành giá là dự báo về diễn biến lạm phát và các giải pháp, biện pháp điều hành giá trong một giai đoạn nhất định.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm xây dựng và cập nhật kịch bản điều hành giá hằng quý để báo cáo Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các giải pháp, biện pháp quản lý, điều hành giá phù hợp

### **Điều 40. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo**

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính để triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo diễn biến giá thị trường các hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực quản lý và đề xuất các biện pháp điều hành giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo diễn biến giá thị trường các hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn và đề xuất các biện pháp điều hành giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp. Xây dựng báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### **Điều 41. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá**

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá và các nhu cầu của xã hội do Bộ Tài chính thống nhất quản lý.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng, khai thác và quản lý vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phối hợp với đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá để kết nối; cập nhật thông tin từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

4. Việc thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá phải ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo đầy đủ, nhanh chóng, chính xác theo yêu cầu của công tác quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân có nhu cầu về thông tin tại cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu cung cấp và thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

**Điều 42. Kinh phí bảo đảm công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường**

1. Kinh phí hỗ trợ hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và hoạt động quản lý, điều hành giá được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ. Bộ Tài chính quy định về nội dung, định mức chi, dự toán và quyết toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu về giá:

a) Kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

b) Hằng năm, cơ quan xây dựng cơ sở dữ liệu về giá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá có trách nhiệm lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật.



## THẨM ĐỊNH GIÁ

### Mục 1

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 43. Hoạt động thẩm định giá**

1. Hoạt động thẩm định giá gồm hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá của Nhà nước.

2. Tài sản thẩm định giá là tài sản quy định tại Bộ luật dân sự, được cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá hoặc các trường hợp pháp luật quy định phải thẩm định giá.

3. Kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá nhà nước được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định giá xem xét, quyết định giá hoặc phê duyệt giá tài sản phục vụ cho các mục đích về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 44. Nguyên tắc hoạt động thẩm định giá**

1. Tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, chịu trách nhiệm về hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

2. Độc lập, khách quan, trung thực.

3. Dịch vụ thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện, được giao kết bằng hợp đồng dân sự; hoạt động thẩm định giá của nhà nước do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thực hiện theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

##### **Điều 45. Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam**

1. Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam là những quy định về quy trình, nghiệp vụ hoạt động thẩm định giá và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động thẩm định giá mà các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thẩm định giá phải tuân thủ. Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được ban hành thống nhất theo quy định tại Luật này.

2. Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn, tổ chức và giám sát thực hiện Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, có trách nhiệm rà soát, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, kiến nghị bãi bỏ các quy định chồng chéo, mâu thuẫn với Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

##### **Điều 46. Hợp tác quốc tế về thẩm định giá**

1. Hợp tác quốc tế về thẩm định giá bao gồm hợp tác nghiên cứu khoa học, triển khai các dự án phát triển nghề thẩm định giá; tham gia là thành viên hiệp

hội thẩm định giá trong khu vực, thành viên của tổ chức ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về thẩm định giá.

**Điều 47. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá**

1. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội, có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

2. Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá được tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức về thẩm định giá và thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hoạt động thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

**Mục 2**

**DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ**

**Điều 48. Thẻ thẩm định viên về giá**

1. Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận về chuyên môn trong lĩnh vực thẩm định giá tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp cấp cho người đạt yêu cầu tại kỳ sát hạch do Bộ Tài chính tổ chức.

2. Người tham dự kỳ sát hạch cấp Thẻ thẩm định viên về giá phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự, có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành giá, thẩm định giá, kinh tế, kinh tế - kỹ thuật, tài chính, kỹ thuật, luật;
- c) Có thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá từ 36 tháng trở lên;
- d) Có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá còn thời hạn do cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo về thẩm định giá cấp, trừ trường hợp người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học trong nước hoặc nước ngoài về chuyên ngành giá, thẩm định giá.

3. Người đáp ứng yêu cầu tại điểm a và c Khoản 2 Điều này, có thẻ hoặc chứng nhận hành nghề thẩm định giá còn hiệu lực do cơ quan quản lý nhà nước của nước ngoài cấp hoặc công nhận, đạt yêu cầu tại kỳ sát hạch kiến thức pháp luật về giá và thẩm định giá bằng Tiếng Việt do Bộ Tài chính tổ chức thì được cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

4. Bộ Tài chính quy định chi tiết về sát hạch, cấp, quản lý và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá.

### **Điều 49. Đăng ký hành nghề thẩm định giá**

1. Doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện đăng ký hành nghề cho người có thẻ thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp. Điều kiện đăng ký hành nghề là:

a) Trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá được cấp trong vòng 01 năm tính đến ngày đăng ký hành nghề thì phải có hợp đồng lao động toàn thời gian và chứng nhận về đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp;

b) Trường hợp thẻ được cấp trên 01 năm tính đến ngày đăng ký hành nghề, ngoài quy định tại điểm a thì phải có thêm giấy chứng nhận cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Các trường hợp không được đăng ký hành nghề thẩm định giá:

a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

b) Người đang bị cấm hành nghề thẩm định giá theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang trong thời gian bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; người đã bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, giá, thẩm định giá mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người đang bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

c) Người có hành vi vi phạm pháp luật về thẩm định giá bị xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định xử phạt;

d) Người đang bị tước quyền sử dụng thẻ thẩm định viên về giá.

3. Bộ Tài chính quy định chi tiết về đăng ký hành nghề thẩm định giá.

### **Điều 50. Thẩm định viên về giá**

1. Thẩm định viên về giá là người có thẻ thẩm định viên về giá đang hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá.

2. Người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề khi Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá.

3. Định kỳ trước ngày 31/12 hằng năm, Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát, cập nhật danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá kể từ ngày 01/01 của năm tiếp theo. Định kỳ hằng tháng, Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề khi có biến động. Trường hợp biến động thẩm định viên do cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì danh sách thẩm định viên được điều chỉnh tại ngày cấp, cấp lại.

### **Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá**

1. Quyền của thẩm định viên về giá:

- a) Hành nghề thẩm định giá theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- b) Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ;
- c) Yêu cầu khách hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định giá và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thẩm định giá;
- d) Từ chối thực hiện thẩm định giá nếu xét thấy không đủ điều kiện thực hiện thẩm định giá;
- đ) Tham gia tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- e) Được tham gia các hoạt động tư vấn xác định giá cho cơ quan nhà nước mà không phải trang bị thêm các chứng chỉ chuyên môn khác;
- g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Nghĩa vụ của thẩm định viên về giá:

- a) Tuân thủ quy định về hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- b) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá và giải trình hoặc bảo vệ kết quả thẩm định giá do mình thực hiện với khách hàng thẩm định giá hoặc bên thứ ba sử dụng kết quả thẩm định giá không phải là khách hàng thẩm định giá nhưng có ghi trong hợp đồng thẩm định giá khi có yêu cầu;
- c) Tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về thẩm định giá do cơ quan, tổ chức được phép tổ chức;
- d) Lập hồ sơ về thẩm định giá theo quy định của pháp luật;
- đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 52. Doanh nghiệp thẩm định giá**

1. Doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật này.

2. Doanh nghiệp thẩm định giá phải có cụm từ “thẩm định giá” trong tên gọi của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì không được sử dụng cụm từ “thẩm định giá” trong tên gọi của doanh nghiệp.

## **Điều 53. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

1. Doanh nghiệp khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải có 5 người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. Trong đó:

a) Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp, Giám đốc đối với doanh nghiệp tư nhân, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 56 Luật này. Các thành viên hợp danh phải là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải có vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên và phải đảm bảo duy trì được khoản vốn này trong suốt quá trình hoạt động;

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần: Có ít nhất 02 thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, 02 cổ đông đối với công ty cổ phần phải là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp; trường hợp có thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì người đại diện của thành viên là tổ chức phải là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định. Tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn, cổ đông là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp. Có vốn điều lệ tối thiểu từ 5 tỷ đồng trở lên và phải đảm bảo duy trì được khoản vốn này trong suốt quá trình hoạt động. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ty cổ phần phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 56 Luật này.

2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

#### **Điều 54. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

1. Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mất, rách do khách quan hoặc các thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá có thay đổi, doanh nghiệp thẩm định giá phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

#### **Điều 55. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá**

1. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và có tên trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc thẩm định giá.

2. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá phải có ít nhất 03 thẩm định viên về giá độc lập với doanh nghiệp thẩm định giá và các chi nhánh khác. Giám đốc chi nhánh phải là thẩm định viên về giá.

**Điều 56. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá**

1. Có thể thẩm định viên về giá về thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp; phải đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

2. Có đủ 36 tháng là thẩm định viên về giá.

3. Không là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong khoảng thời gian 01 năm (12 tháng) tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

**Điều 57. Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá**

1. Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đồng thời phải bảo đảm duy trì các điều kiện hoạt động kinh doanh quy định tại Điều 53 và các nghĩa vụ quy định tại Điều 58 Luật này.

2. Trong quá trình hoạt động, trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 53, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 55 Luật này thì phải khắc phục kịp thời trong thời hạn tối đa 03 tháng; hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp được thực hiện như sau:

a) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, giám đốc chi nhánh không còn là thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp thì doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá;

b) Trường hợp doanh nghiệp hoặc chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không đủ số lượng thẩm định viên tối thiểu thì không được ký kết thêm hợp đồng dịch vụ thẩm định giá nhưng được phát hành Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá với những hợp đồng thẩm định giá đã ký kết;

c) Trường hợp sau 03 tháng, doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp không khắc phục đảm bảo các điều kiện hoạt động thẩm định giá thì bị đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, xóa tên chi nhánh tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

**Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá**

1. Quyền của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá:

a) Cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Luật này;

b) Tham gia tổ chức nghề nghiệp trong nước và ngoài nước về thẩm định giá theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu khách hàng thẩm định giá cung cấp hồ sơ, tài liệu, số liệu có liên quan đến tài sản thẩm định giá và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thẩm định giá;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá:

a) Tuân thủ quy định về hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật này;

b) Cung cấp Báo cáo kết quả thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá cho khách hàng thẩm định giá;

c) Thực hiện đúng và đầy đủ hợp đồng thẩm định giá; bồi thường thiệt hại cho khách hàng theo quy định của pháp luật về dân sự;

d) Chịu trách nhiệm về tính hợp lý, trung thực, khách quan của kết quả thẩm định giá;

đ) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động thẩm định giá hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp;

e) Quản lý thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp;

g) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định;

h) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá theo quy định;

i) Tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá phục vụ định giá trong tố tụng hình sự theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 59. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

1. Doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong các trường hợp sau:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 53 của Luật này trong 03 tháng liên tục;

b) Vi phạm nghiêm trọng Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;

c) Các trường hợp đình chỉ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kê khai không đúng hoặc gian lận, giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

b) Không kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong 12 tháng liên tục;

c) Không khắc phục được vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bị đình chỉ;

d) Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá;

đ) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ, tài liệu về thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá quy định tại điểm h khoản 2 Điều 58 Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

#### **Điều 60. Kết quả thẩm định giá**

1. Kết quả thẩm định giá được thể hiện bằng hình thức Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá. Thẩm định viên về giá có trách nhiệm xác định thời gian hiệu lực của kết quả thẩm định giá phù hợp với đặc điểm của tài sản, mục đích, yêu cầu thẩm định giá nhưng tối đa không quá 06 tháng.

2. Trường hợp Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá đã được phát hành nhưng chưa được sử dụng, doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thẩm định viên về giá phát hiện thông tin phục vụ thẩm định giá có sai sót thì được thu hồi. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng thẩm định giá trong trường hợp do lỗi của doanh nghiệp thẩm định giá.

3. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá.

4. Bộ Tài chính quy định về mẫu Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá và việc thu hồi Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá.

#### **Điều 61. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng thẩm định giá**

1. Quyền của khách hàng thẩm định giá:

a) Lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật để giao kết hợp đồng thẩm định giá;

b) Yêu cầu doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá và thông tin về thẩm định viên về giá;



c) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến cuộc thẩm định giá;

d) Đề nghị thay thế thẩm định viên tham gia cuộc thẩm định giá khi có căn cứ cho rằng thẩm định viên đó vi phạm nguyên tắc hoạt động độc lập, khách quan trong quá trình thực hiện thẩm định giá;

đ) Yêu cầu bồi thường trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá gây thiệt hại;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của khách hàng thẩm định giá:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, khách quan thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của thẩm định viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp;

b) Phối hợp, tạo điều kiện cho thẩm định viên thực hiện thẩm định giá;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ các vi phạm pháp luật và vi phạm hợp đồng thẩm định giá trong hoạt động thẩm định giá của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Thanh toán thù lao dịch vụ thẩm định giá theo giá thỏa thuận trong hợp đồng;

đ) Sử dụng kết quả thẩm định giá trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 62. Đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá**

1. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện đánh giá dịch vụ thẩm định giá tại doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức kiểm tra, đánh giá dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá.

### **Điều 63. Giá dịch vụ thẩm định giá**

1. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm ban hành, niêm yết biểu giá dịch vụ thẩm định giá theo quy định.

2. Giá dịch vụ thẩm định giá thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá trên nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý và được ghi trong hợp đồng thẩm định giá; trường hợp việc lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm định giá thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

**Điều 64. Cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá**

1. Thương lượng, hòa giải trên cơ sở những cam kết đã ghi trong hợp đồng thẩm định giá.

2. Giải quyết bằng trọng tài thương mại.

3. Khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

**Điều 65. Hoạt động của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam**

1. Tổ chức thẩm định giá nước ngoài có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan được thực hiện hoạt động thẩm định giá tại Việt Nam.

2. Việc thành lập và hoạt động thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chính phủ quy định hình thức, phạm vi cung cấp dịch vụ thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam.

**Mục 3**

**THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC**

**Điều 66. Phạm vi thẩm định giá của Nhà nước**

1. Việc thẩm định giá của Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thực hiện nhằm giúp cho cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt giá tài sản.

2. Thẩm định giá của Nhà nước thực hiện trong các trường hợp sau:

a. Bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá của Nhà nước;

b. Mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước trừ trường hợp pháp luật về ngân sách nhà nước có quy định phương thức xác định giá khác;

c. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của Nhà nước.

**Điều 67. Hội đồng thẩm định giá nhà nước**

1. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện thẩm định giá tài sản theo quy định của Luật này.

2. Hội đồng thẩm định giá nhà nước phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1/3 thành viên có chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp.

### 3. Hội đồng thẩm định giá nhà nước có quyền:

- a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc thẩm định giá tài sản;
- b) Thuê tổ chức có chức năng thực hiện giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản; thuê thẩm định giá tài sản nhằm có thêm thông tin phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá nhà nước;
- c) Được sử dụng con dấu của cơ quan quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### 4. Hội đồng thẩm định giá nhà nước có nghĩa vụ như sau:

- a) Thực hiện thẩm định giá theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam;
- b) Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ; tính trung thực, khách quan trong quá trình thẩm định giá tài sản và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá tài sản;
- c) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật;
- d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp khẩn cấp do thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, các cơ quan nhà nước phải mua sắm các loại hàng hóa, dịch vụ để đáp ứng yêu cầu khắc phục hậu quả thiên tai, ngăn chặn dịch bệnh phục vụ an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng thì Hội đồng thẩm định giá nhà nước có thể xác định giá tài sản thông qua đàm phán giá trực tiếp với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp trung mua, trung dụng theo Luật trung mua, trung dụng tài sản.

### 6. Chính phủ quy định chi tiết về Hội đồng thẩm định giá nhà nước.

#### **Điều 68. Kết quả thẩm định giá**

1. Kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá nhà nước được thể hiện bằng hình thức Kết luận của Hội đồng thẩm định giá nhà nước. Hội đồng thẩm định giá nhà nước có trách nhiệm xác định thời gian hiệu lực của kết quả thẩm định giá phù hợp với đặc điểm của tài sản, mục đích, yêu cầu thẩm định giá nhưng tối đa không quá 06 tháng.

2. Kết quả thẩm định giá của Nhà nước được sử dụng là một trong những căn cứ để tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 67 quyết định về giá tài sản để phục vụ việc quản lý, sử dụng tài sản; các hoạt động bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê theo quy định của pháp luật. Kết quả thẩm định giá phải được cập nhật lên cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trừ trường hợp tài sản thuộc danh mục tài sản bí mật nhà nước.

3. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại văn bản yêu cầu thẩm định giá.

### **Điều 69. Chi phí thẩm định giá**

1. Chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng được trang trải bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước của cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của Hội đồng.

2. Riêng đối với trường hợp thẩm định giá khi mua sắm, bán, thanh lý, liên doanh, liên kết bằng tài sản công thì chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 70. Hồ sơ thẩm định giá của Nhà nước**

1. Hồ sơ thẩm định giá gồm có các tài liệu sau đây:

a) Văn bản giao nhiệm vụ bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê hoặc văn bản được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Thông tin, tài liệu về tài sản cần thẩm định giá;

c) Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước;

d) Các tài liệu do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thu thập, phân tích trong quá trình thẩm định giá; các báo cáo chuyên gia, chứng thư thẩm định giá hoặc báo cáo kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có);

đ) Biên bản và kết luận của Hội đồng thẩm định giá nhà nước về kết quả thẩm định giá;

e) Các tài liệu khác có liên quan đến việc thẩm định giá tài sản.

2. Cơ quan thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hồ sơ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

## **CHƯƠNG VI**

### **KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ**

#### **Điều 71. Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá**

1. Mục đích kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá

a. Kiểm tra việc thi hành luật giá và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành của các cơ quan, đơn vị nhằm đôn đốc, hướng dẫn, giám sát thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giá.

b. Góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đem lại tác động tích cực trong công tác quản lý điều hành giá và thẩm định giá.

b. Nắm bắt khó khăn, vướng mắc trong thực hiện pháp luật về giá và thẩm định giá để kịp thời hướng dẫn triển khai và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.

## 2. Nguyên tắc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá

a) Công tác kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; Việc triển khai được thực hiện theo cơ chế xử lý rủi ro, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.

b) Nội dung kiểm tra phải được thể hiện chi tiết tại kế hoạch kiểm tra do cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm. Bảo đảm phù hợp với định hướng xây dựng hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giá; Không trùng lặp, chồng chéo với hoạt động kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị trong cùng thời kỳ kiểm tra.

c. Kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải được xử lý, khắc phục kịp thời.

## **Điều 72. Nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động quản lý, điều hành giá**

1. Kiểm tra các quy định về quản lý, điều hành giá tại Luật giá và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bao gồm bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. Nội dung kiểm tra phải được thể hiện chi tiết tại kế hoạch kiểm tra hàng năm nhằm đánh giá việc chấp hành các quy định pháp luật các biện pháp quản lý, điều hành giá;

2. Đối tượng kiểm tra là các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao về việc tổ chức thực hiện, chấp hành các quy định pháp luật về giá theo quy định tại Luật giá.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đối với các biện pháp quản lý, điều hành giá trong phạm vi, thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá thuộc Bộ Tài chính thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành về giá, tổ chức triển khai công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá; chủ trì kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá theo quy định tại Luật này. Bộ Tài chính quy định trình tự, thủ tục thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

## **Điều 73. Nội dung và trách nhiệm kiểm tra trong hoạt động thẩm định giá**

1. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý hoạt động thẩm định giá, quản lý thẩm định viên về giá hành nghề; Việc tuân thủ các tiêu chuẩn thẩm

định giá (quy trình thẩm định giá, phương pháp thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá,...); Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng kiểm tra là các doanh nghiệp thẩm định giá và các cơ quan thực hiện thẩm định giá nhà nước.

3. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá tại các doanh nghiệp thẩm định giá, các cơ quan đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định giá.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 74. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến Luật giá**

1. Bãi bỏ các nội dung về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền, trách nhiệm và hình thức định giá tại các văn bản sau:

a) Điểm a Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 90; Điều 149 Bộ Luật Hàng hải;

b) Điều 83 Luật giao thông đường Bộ năm 2008.

c) Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

d) Điểm đ Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 56 Luật Viễn thông năm 2009

đ) Khoản 4, 5 Điều 44 Luật Bưu chính năm 2010.

e) Khoản 2 Điều 78 Luật đấu giá tài sản năm 2016.

g) Khoản 4, Khoản 5 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương.

h) Khoản 5 Điều 31 Luật bảo hiểm y tế được bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế.

i) Khoản 6 Điều 107 Luật Dược năm 2016.

k) Điểm a Khoản 1 Điều 27 Luật Cảnh tranh năm 2018.

l) Khoản 1 Điều 34, Điểm b Khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017.

m) Khoản 3, Khoản 4 Điều 90 Luật Lâm Nghiệp.

n) Điểm d Khoản 2 Điều 18 Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

o) Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.

p) Điểm b Khoản 2 Điều 47 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.

q) Khoản 5 Điều 106 Luật Nhà ở năm 2014.

r) Khoản 6 Điều 78 Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

s) Khoản 3 Điều 22 và Khoản 4 Điều 23 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020.

2. Bãi bỏ quy định về điều kiện đối với Doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá tại các văn bản sau:

a) Khoản 2 Điều 48 Luật Chuyển giao công nghệ và Điều 32 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

b) Điều 116, 116 Luật Đất đai

### **Điều 75. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Luật giá số 11/2012/QH13 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực.

### **Điều 76. Quy định chuyển tiếp**

1. Trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp thẩm định giá đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013 phải bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá quy định tại Luật này.

2. Trước ngày 15 tháng 12 năm 2023, các trường hợp nộp đủ hồ sơ thì được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013.

3. Thẻ thẩm định viên về giá được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành công nhận là thẻ thẩm định viên về giá tài sản và doanh nghiệp.

4. Các văn bản quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi có văn bản khác thay thế.

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Vương Đình Huệ**

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Dự án Luật Giá (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và theo phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự án Luật giá (sửa đổi). Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự án Luật giá (sửa đổi) như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN THI HÀNH LUẬT GIÁ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT GIÁ (SỬA ĐỔI)**

**1. Đánh giá thực tiễn thi hành**

**1.1. Kết quả đạt được**

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013; đồng bộ với đó là các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành được ban hành kịp thời đã tạo khung pháp lý đầy đủ cho công tác quản lý, điều hành giá của Nhà nước. Luật giá được ban hành thay thế Pháp lệnh giá năm 2002 đã tiếp tục thể hiện tư duy đổi mới phương thức quản lý giá trong nền kinh tế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với các cam kết quốc tế. Trong thời gian qua, công tác điều hành, quản lý giá đã góp phần kiểm soát lạm phát hàng năm theo mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô; hệ thống giá điện, nước sạch cho sinh hoạt, xăng dầu, dịch vụ công từng bước được điều hành theo cơ chế thị trường có lộ trình; thu hẹp danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá (chỉ định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, tác động lớn đến kinh tế - xã hội); không thực hiện bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá; phát triển nghề thâm định giá theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch hơn... Theo đó, đã góp phần thúc đẩy sự chuyển biến tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động theo các tín hiệu về cung cầu, giá cả thị trường; tạo điều kiện huy động, phân bổ và vận



dụng hợp lý hơn các nguồn lực của đất nước; góp phần tạo nên tốc độ phát triển cao của nền kinh tế, cải thiện đời sống kinh tế xã hội.

*(Kết quả đánh giá cụ thể được nêu chi tiết tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật giá).*

### **1.2. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn sau 9 năm thi hành Luật cũng đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế nhất định như sau:

**Một là, tồn tại, hạn chế trong các quy định tại Luật giá.** Nội dung một số Điều, Khoản còn có cách hiểu khác nhau, gây khó khăn cho áp dụng thực hiện; hoặc một số quy định không còn phù hợp với thực tiễn; hoặc hiện đã có một số vấn đề mới phát sinh đòi hỏi phải được thể chế tại Luật, cụ thể như sau:

**a. Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá** được quy định cụ thể tại Luật để thể hiện rõ quan điểm trong công tác quản lý, điều hành giá, công khai, minh bạch, tránh sự lạm dụng phát sinh các trường hợp chưa thật sự cần thiết, tuy nhiên trong thực tiễn hiện đã phát sinh tồn tại, hạn chế như:

- Trong thực tiễn cho thấy trong trường hợp đặt ra vấn đề phải sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, định giá thì các thủ tục trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định phải có đủ thời gian để thực hiện quy trình hiện hành; Do đó, sẽ khó đáp ứng được ngay yêu cầu quản lý phát sinh từ thực tiễn.

- Đối với công tác bình ổn giá, tính đến thời điểm hiện nay có những mặt hàng chưa hoặc không phát sinh yêu cầu thực hiện bình ổn giá. Theo đánh giá cho thấy việc không có phát sinh cũng là phù hợp, phản ánh kết quả công tác điều hành giá, kiểm soát lạm phát đã phát huy hiệu quả; tuy nhiên, với điều kiện kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn qua và tầm nhìn đến giai đoạn tiếp theo thì một số mặt hàng không thể phát sinh bình ổn giá (do cung cầu luôn được đảm bảo với nền kinh tế Việt Nam) nên được xem xét đưa ra khỏi danh mục thực hiện bình ổn giá.

- **Gắn với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì việc phân công, phân cấp trong quản lý giá** được giao cho Chính phủ quy định chi tiết. Trong thực tiễn cho thấy việc phân công, phân cấp cần phải được thực hiện nhất quán, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực để nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng khâu; việc phân cấp định giá Nhà nước từ trung ương xuống địa phương còn thiếu tính đồng bộ.

**b. Về phạm vi và biện pháp bình ổn giá** chưa linh hoạt, hiệu quả chưa cao khi có phát sinh biến động giá của những mặt hàng thiết yếu, quan trọng đối với đời sống nhân dân và toàn xã hội, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, khó khăn trong việc quyết định triển khai bình ổn giá. Theo đó, cả 2 tiêu chí là khi giá hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường hoặc khi mặt bằng giá biến động bất hợp lý ảnh hưởng đến ổn định kinh tế, xã hội là khó lượng hóa được tại thời điểm này, nhất là phải nhận diện yếu tố bất hợp lý.

**c. Đối với hoạt động định giá Nhà nước**, việc định giá theo 2 phương pháp chủ đạo hiện hành là phương pháp so sánh và phương pháp chi phí còn khó khăn khi áp dụng đối với một số trường hợp định giá các dịch vụ (như dịch vụ khám chữa bệnh, giáo dục...); việc định giá trong một số trường hợp cũng cần tính đến các yếu tố về điều kiện kinh tế - xã hội hoặc đời sống nhân dân nên cần thiết phải bổ sung nguyên tắc về lộ trình triển khai cơ chế giá thị trường tại Luật. Một mặt khác là các hình thức định giá (giá cụ thể, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) chưa đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn gần đây; như đối với giá xăng dầu, gas, than, một số mặt hàng nông sản, dịch vụ viễn thông... vẫn chưa hoàn toàn có sự cạnh tranh hoàn hảo cần phải có biện pháp quản lý, điều hành gián tiếp.

**d. Công tác hiệp thương giá** đã góp phần khắc phục những khuyết tật của thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ độc quyền, cạnh tranh hạn chế, cả 2 bên mua – bán phụ thuộc lẫn nhau nhưng vẫn còn có bất cập về phạm vi áp dụng và giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương.

**đ. Biện pháp kê khai giá** thể hiện rất rõ chủ trương quản lý, điều hành giá gián tiếp, phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý Nhà nước. Theo quy định hàng hóa thuộc diện kê khai do Doanh nghiệp tự định và gửi bản kê khai đến cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện là phù hợp với thực tiễn hiện nay. Tuy nhiên, thực tế là chưa phát huy được hết hiệu quả đối với cả cơ quan quản lý và cả phía đơn vị thực hiện. Theo quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành thì việc kê khai chỉ là cung cấp thông tin về giá để có ngay các giải pháp điều hành, bình ổn giá, vì vậy cần tiếp tục củng cố khâu tổ chức thực hiện linh hoạt, hiệu quả.

**e. Đối với công tác kiểm tra, thanh tra giá:** Tại Luật giá chưa có các quy định cụ thể về công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá; một số chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực giá và thẩm định giá vẫn còn chưa đủ chặt chẽ, đảm bảo theo kịp với sự phát triển, thay đổi không ngừng của kinh tế xã hội nói chung cũng như từng ngành nghề nói riêng. Do vậy, công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá luôn gặp khó khăn nhất định; nhất là khi phát sinh các yêu cầu về đánh giá năm bắt chi phí giá thành, công tác định giá của doanh nghiệp để

phục vụ triển khai các giải pháp điều hành, bình ổn giá thị trường. Trong bối cảnh quản lý giá bằng các biện pháp vĩ mô, trao nhiều quyền chủ động cho doanh nghiệp thì việc tăng cường công tác hậu kiểm là cần thiết được chú trọng hơn nữa.

**g. Về thẩm định giá,** việc phát triển nóng về số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá trong thời gian gần đây dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật liên tục trong thời gian ngắn hoặc thẩm định viên về giá có hiện tượng không làm toàn thời gian tại doanh nghiệp dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý nhà nước cũng như làm giảm hiệu quả hoạt động, trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp. Hiện Luật giá chưa có quy định chặt chẽ để đảm bảo tính ổn định về nhân sự của doanh nghiệp thẩm định giá, nhất là người đại diện theo pháp luật; chưa có quy định định tính về chất lượng hành nghề của thẩm định viên trong trường hợp phải đình chỉ hành nghề khi không đảm bảo chất lượng. Các quy định về đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa bao quát đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn phát sinh hoặc chưa cụ thể. Các quy định về đình chỉ, thu hồi Thẻ thẩm định viên còn thiếu và chưa rõ nên khó khăn cho khâu thực hiện.

**k. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước hiện chưa rõ phạm vi áp dụng thực hiện.** Các trường hợp phải thực hiện thẩm định giá Nhà nước còn quy định chung chung dẫn đến khó xác định trường hợp cụ thể trong thực tế để thực hiện; chưa rõ phạm vi, chưa cụ thể danh mục các hàng hóa, dịch vụ thực hiện thẩm định giá Nhà nước để tạo sự minh bạch, rõ ràng trong thực tiễn áp dụng hình thức thẩm định giá Nhà nước

**l. Đối với công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường** tuy được xác định là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về giá, nhưng chưa có quy định cụ thể điều chỉnh hoạt động này nên chưa phát huy được hết hiệu quả. Thực tiễn thời gian qua đã cho thấy hoạt động này cần phải được tăng cường trên các phương diện.

**Hai là, tồn tại, hạn chế giữa Luật giá với các Luật chuyên ngành, thể hiện tại những vấn đề sau:**

Luật giá 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý, điều hành giá. Tuy nhiên, thực tế thị tại một số Bộ Luật, Luật khác cũng có quy định về giá. Trong đó có những quy định trùng lặp nhưng cũng có những quy định mở rộng hơn, thậm chí một số quy định gây ra chồng chéo, mâu thuẫn với Luật giá. Cụ thể như:

**a. Đối với các quy định liên quan đến định giá nhà nước,** Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được quy định tại Luật giá là nhằm tránh việc lạm dụng có phát sinh không thực sự cần thiết. Đồng thời với việc quy định về danh mục là các quy định về thẩm quyền (phân công, phân cấp), hình thức định giá, phương pháp định giá, quy trình định giá và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên trong thực tế khi xây dựng các Luật chuyên ngành đã có những quy định liên quan đến định giá nhà nước dẫn đến sự trùng lặp, mâu thuẫn, chồng chéo như:

- *Quy định thêm hàng hóa, dịch vụ áp dụng định giá nhà nước ngoài danh mục tại Luật giá:* Ví dụ như Luật giao thông đường bộ bổ sung giá dịch vụ ra, vào bến xe do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (Điều 83); Luật Đường sắt năm 2017 bổ sung giá dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị do UBND cấp tỉnh quy định (điều 56, Điều 67); Luật đấu giá tài sản năm 2016 bổ sung khung giá thù lao dịch vụ đấu giá tài sản do Bộ Tài chính quy định (Điều 78)...

Việc các Luật quy định bổ sung danh mục mặc dù đều xuất phát từ yêu cầu cấp thiết đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trong quản lý nhà nước; song cũng dẫn đến Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá còn được bổ sung, quy định trùng lặp, chồng chéo tại nhiều Luật, thậm chí tại các Nghị định, Thông tư dẫn đến hạn chế cho việc kiểm soát, theo dõi, tổng hợp tập trung. Trong khi theo quy định thì khi điều chỉnh danh mục, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ đề trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

- *Hàng hóa, dịch vụ được quy định bổ sung tại Luật chuyên ngành chưa đảm bảo phù hợp các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá* được quy định tại Điều 19 Luật giá. Qua rà soát, đánh giá cho thấy một số mặt hàng được bổ sung chưa đảm bảo các nguyên tắc tại Luật giá như dịch vụ ra, vào bến xe; 9 dịch vụ hàng không khác tại Thông tư 36/2015/TT-BGTVT, giá dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, thù lao dịch vụ đấu giá tài sản...

- *Thiếu các quy định đồng bộ về hình thức, thẩm quyền định giá khi có quy định bổ sung hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ngoài danh mục.* Một số mặt hàng được quy định thuộc danh mục định giá nhà nước nhưng thiếu các quy định về hình thức định giá hoặc thẩm quyền định giá hoặc chồng chéo với quy định tại Luật giá dẫn đến khó khăn trong khâu tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

- *Chưa có sự thống nhất về quy trình thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định giá giữa pháp luật chuyên ngành với Luật giá.* Tại Luật giá quy định giao Chính phủ quy định chi tiết quy trình định giá. Nhưng trong một

số trường hợp, tại các Luật chuyên ngành, bên cạnh việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ, còn quy định cả quy trình định giá và chưa thống nhất với quy trình tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP. Ví dụ việc định giá điện, theo quy định tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP, Bộ Công thương xây dựng phương án giá và trình Chính phủ sau khi có *ý kiến thẩm định* của Bộ Tài chính; Tuy nhiên theo Luật điện lực thì Bộ Công Thương chỉ phải *lấy ý kiến tham gia* Bộ Tài chính về phương án giá.

- *Chồng chéo trong vấn đề ban hành phương pháp định giá.* Tại Luật giá quy định: “*Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ. Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình.*”

Việc quy định có phương pháp định giá riêng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn việc xây dựng, ban hành đã dẫn đến một số trường hợp ban hành phương pháp riêng nhưng thực chất chính là phương pháp chi phí kết hợp với việc hướng dẫn chi tiết hơn ở việc xác định một số khoản chi phí đặc thù là không cần thiết. Nếu tiếp tục thực hiện theo nguyên tắc này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý sẽ dẫn đến việc nhiều phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung.

#### **b. Đối với quy định về quản lý thẩm định giá**

- *Luật đất đai năm 2013 (Điều 115, 116) quy định về tư vấn xác định giá đất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất*, trong đó có nội dung quy định điều kiện hoạt động của tư vấn xác định giá đất, hành nghề tư vấn xác định giá đất thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trên cơ sở đó, tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP có quy định về điều kiện đối với tổ chức tư vấn xác định giá đất và cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất là phải có chứng chỉ về định giá đất do Bộ Tài nguyên môi trường cấp.

Theo quy định tại Luật giá thì thẩm định viên về giá (có thể) được hành nghề thẩm định giá với các loại tài sản, trong đó có đất mà không có bất kỳ một điều kiện nào khác. Luật giá đã có các quy định điều chỉnh liên quan đến hoạt động tư vấn xác định giá bất động sản (trong đó đất đai là một loại bất động sản) nên đối với đất đai hoạt động này được hiểu là hoạt động tư vấn xác định giá đất. Trước khi Luật Đất đai năm 2013 được ban hành, hoạt động tư vấn xác định

giá đất được thực hiện thống nhất theo Luật giá năm 2012. Theo đó, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất là các doanh nghiệp thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, các cá nhân thực hiện là các thẩm định viên về giá hành nghề được Bộ Tài chính cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

Việc quy định thêm các điều kiện đối với hoạt động tư vấn định giá đất tại Nghị định 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP là trái với quy định tại Luật giá, phát sinh thêm các khoản chi phí tuân thủ cho xã hội không cần thiết, đồng thời gây cản trở cho việc vận dụng dịch vụ tốt nhất để thực hiện hiệu quả công việc.

*- Về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá chưa có sự thống nhất giữa pháp luật chuyên ngành với quy định của Luật Giá.* Theo quy định của Luật Giá thì kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản. Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng trong thời hạn có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá. Tuy nhiên, nhiều quy định tại pháp luật chuyên ngành gần như sử dụng ngay kết quả thẩm định giá làm căn cứ duy nhất để định giá, kéo theo đó là trách nhiệm rất nặng đặt lên vai các doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá.

### **c. Về các quy định về hình thức văn bản quyết định giá**

Hình thức văn bản của quyết định giá là văn bản hành chính cá biệt hay văn bản quy phạm pháp luật còn chưa rõ giữa Luật giá với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Qua thực tiễn triển khai tại các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá tại trung ương và địa phương cho thấy hiện có sự chưa thống nhất và có cách hiểu khác nhau về việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá ở trung ương và địa phương. Có trường hợp lựa chọn hình thức văn bản quy phạm pháp luật, một số trường hợp lựa chọn hình thức văn bản hành chính cá biệt. Như vậy, đặt ra vấn đề thống nhất nguyên tắc việc quyết định giá, điều chỉnh giá.

### **1.3. Tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:**

a. Luật giá được ban hành có hiệu lực thi hành từ 01/01/2013, tại thời điểm đó Luật là văn bản pháp lý cao nhất quy định thống nhất các nội dung về quản lý giá trên toàn quốc; đáp ứng thực tiễn quản lý nhà nước về giá trong từng lĩnh vực chuyên ngành; Luật giá cũng đã quy định về việc phân công, phân cấp

trong quản lý nhà nước về giá đối với các bộ, ngành, địa phương. Tại thời điểm này, pháp luật chuyên ngành cơ bản không có các quy định về quản lý giá. Trong quá trình tổ chức, thi hành các quy định về quản lý giá theo Luật giá và trên cơ sở thực tiễn quản lý giá theo ngành, lĩnh vực, các bộ ngành đã tiến hành trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, nhưng đã đưa nội dung về quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý tại Luật chuyên ngành; theo đó có những quy định được ban hành nhất quán theo phân công, phân cấp tại Luật giá nhưng đồng thời, cũng phát sinh từ thực tiễn có những quy định mới về quản lý giá, về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý, về thẩm quyền quản lý giá,... chông chéo với Luật Giá.

b. Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thẩm định giá trong những năm gần đây đã đặt ra yêu cầu phải tăng cường quản lý nhà nước, siết chặt điều hành hoạt động để nâng cao tính hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động thẩm định giá.

c. Công tác thực hiện phân tích dự báo và gắn với đó là cơ chế phối hợp trong điều hành giá để bảo đảm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu ngày càng đòi hỏi phải được củng cố, tăng cường về mọi mặt, nhất là cơ sở pháp lý để thực thi. Nhất là trong bối cảnh phải đẩy mạnh chủ trương quản lý, điều hành giá theo thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước.

d. Những diễn biến thay đổi nhanh chóng của tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế đặt ra những yêu cầu cải cách cơ chế quản lý giá, nhất là hoàn thiện danh mục hàng hóa, dịch vụ và phân công, phân cấp quản lý, hình thức định giá cho phù hợp.

e. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cả phía cơ quan quản lý Nhà nước về giá và các tổ chức cá nhân còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả thi hành Luật.

**2. Trên cơ sở việc đánh giá chi tiết cho thấy việc ban hành Luật giá (sửa đổi) là cần thiết vì những lý do sau:**

*Một là*, khắc phục những tồn tại, hạn chế sau hơn 9 năm thi hành Luật giá và bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật dân sự kinh tế liên quan nhằm củng cố hành lang pháp lý đồng bộ, tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện.

*Hai là*, để thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

*Ba là*, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính nhà nước, trong đó có cải cách thể chế là một nội dung quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch.

*Bốn là.* đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng, góp phần triển khai hiệu quả các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

### **1. Mục đích**

Luật giá phải là một trong những công cụ pháp lý quan trọng để tham gia điều hành kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. Tiếp tục củng cố, nhất quán quan điểm về công tác quản lý, điều hành giá của Nhà nước được thực hiện theo cơ chế thị trường, đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, khắc phục những mặt tồn tại như lợi ích nhóm, trục lợi, tiêu cực lãng phí; đồng thời phải có tính linh hoạt trong các trường hợp để ứng phó kịp thời với các tình huống phát sinh trong thực tiễn có tác động ảnh hưởng đến nền kinh tế;

### **2. Quan điểm chỉ đạo**

**2.1.** Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước; Đồng thời có giải pháp cho những vấn đề thực tiễn tất yếu đang tồn tại trong quản lý điều hành một số dịch vụ công cần phải có lộ trình, một số hàng hóa liên quan đến an sinh xã hội cần phải có biện pháp điều tiết phù hợp, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, hướng đến thực hiện các mục tiêu hài hòa lợi ích của doanh nghiệp sản xuất, người dân và nhà nước, góp phần kiểm soát lạm phát mục tiêu và cơ cấu lại ngân sách nhà nước, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

**2.2.** Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật giá và các Luật chuyên ngành có quy định về giá còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, chồng chéo, vướng mắc; đồng thời Luật hóa một số quy định tại các văn bản dưới Luật đã ổn định.

**2.3.** Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Xác định rõ phạm vi, nguyên tắc áp dụng pháp luật trong Luật giá để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả pháp luật về quản lý giá. rà soát Luật giá với các Luật chuyên ngành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế chính sách; biện pháp quản lý điều hành giá; danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và phân công, phân cấp thực hiện để phân định rõ về nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; tăng cường quản lý giá nhà nước về giá, công khai minh bạch trong công tác quản lý, điều hành giá... nhằm khắc phục các chồng chéo, vướng mắc trong hệ thống pháp luật và công tác tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, Luật Giá phải bảo



đảm tính bao quát, toàn diện những nội dung về quản lý Nhà nước về giá, theo đó đề xuất, bãi bỏ các quy định về giá tại các Luật chuyên ngành không phù hợp.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 của Quốc hội, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Dự án Luật giá (sửa đổi). Bám sát Chương trình xây dựng Luật giá (sửa đổi) và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh, Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã thông qua Kế hoạch, tiến độ triển khai xây dựng dự án Luật và tổ chức các cuộc họp để thảo luận, hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật.

Bộ Tài chính, Ban soạn thảo đã tiến hành các hoạt động triển khai nghiên cứu xây dựng Dự án Luật giá (sửa đổi) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, rà soát, tổng hợp, đánh giá các chính sách về quản lý, điều hành giá và thẩm định giá của các nước, khảo sát tại một số nước.

Dự thảo Luật đã được tổ chức lấy ý kiến ..... Cơ quan chủ trì soạn thảo cũng đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm, các buổi làm việc về dự thảo Luật với cơ quan, tổ chức có liên quan, cộng đồng doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Các ý kiến đóng góp đã được tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình.

Ngày ....., dự thảo hồ sơ Luật giá (sửa đổi) đã được Hội đồng thẩm định do Bộ Tư pháp thành lập tiến hành thẩm định và có Báo cáo thẩm định số ..... Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT**

#### **1. Dự thảo Luật giá (sửa đổi) gồm 7 chương, 76 điều, cụ thể như sau:**

*Chương I. Những quy định chung.* gồm 7 điều (từ Điều 1 đến Điều 7).

*Chương II. Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân,* gồm 7 điều (từ Điều 8 đến Điều 14).

*Chương III. Bình ổn giá, định giá,* gồm 11 điều (từ Điều 15 đến Điều 25).

*Chương IV. Hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá,* gồm 10 điều (từ Điều 26 đến Điều 35).

*Chương V. Tổng hợp, phân tích, dự báo mặt bằng giá thị trường,* gồm 7 điều (từ Điều 36 đến Điều 42).

*Chương VI. Thẩm định giá, gồm 28 điều (từ Điều 43 đến Điều 70).*

*Chương VII. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, gồm 3 điều (từ Điều 71 đến Điều 73).*

*Chương VIII. Điều khoản thi hành, gồm 3 điều (từ Điều 74 đến Điều 76).*

Về cơ bản vẫn được kế thừa từ Luật hiện hành nhưng có chỉnh lý, bổ sung cho phù hợp với nội dung chính sách. Theo đó, so với Luật hiện hành, tại dự án Luật đã tách chương III hiện hành (Điều tiết giá) thành 2 chương và bổ sung mới 2 chương về tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

## **2. Về các quy định chung, tổng thể tại Luật**

### **2.1. Những quy định chung**

Về phạm vi điều chỉnh, tại dự thảo được sửa đổi, bổ sung bảo đảm bao quát và chi tiết các nội dung về quản lý giá và thẩm định giá cần điều chỉnh, phù hợp với xu hướng quy định về phạm vi điều chỉnh tại các Luật trong thời gian qua. Theo đó, tại dự thảo Luật quy định “*Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều hành giá của nhà nước bao gồm bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; hoạt động thẩm định giá*”.

*Về đối tượng áp dụng cơ bản kế thừa như quy định hiện hành:* Đối tượng áp dụng của Luật bao gồm cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá và thẩm định giá.

*Về nguyên tắc áp dụng Luật giá và các Luật có liên quan,* nhằm khắc phục triệt để các chông chéo, vướng mắc giữa Luật giá và hệ thống pháp luật dân sự kinh tế hiện hành, tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách đã đề xuất nguyên tắc về việc ưu tiên áp dụng Luật giá trong trường hợp có quan có quy định khác nhau về một số vấn đề có tính chất nguyên tắc tại Luật giá. Cụ thể tại dự thảo Luật quy định “*trường hợp Luật khác có quy định về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, thẩm quyền và trách nhiệm định giá; thẩm định giá thì thực hiện theo quy định tại Luật này*”.

*Về giải thích từ ngữ:* Bổ sung, luật hóa thêm một số thuật ngữ có liên quan đến đề xuất mới tại các chính sách như giá tham chiếu; sửa đổi, chuẩn hóa các thuật ngữ hiện hành trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, bảo đảm phù hợp hơn với thực tiễn và pháp luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý bảo đảm thống nhất trong thực tiễn áp dụng.

Về công khai thông tin về giá, đã bổ sung quy định rõ hơn về nội dung, phạm vi, trách nhiệm trong công khai thông tin về giá của cơ quan nhà nước cũng như của các tổ chức, cá nhân, nhất là đối với việc công khai kết quả thẩm định giá là một trong những quy định hướng đến việc tăng cường công khai, minh bạch trong việc thực hiện thẩm định giá. Về các hành vi bị cấm, cơ bản được kế thừa và có chỉnh lý, hoàn thiện lại cho phù hợp với thực tiễn.

Bên cạnh đó, nội dung quy định thanh tra chuyên ngành về giá được lược bỏ khỏi dự thảo để đảm bảo thống nhất các nội dung về thanh tra chuyên ngành đã được quy định tại pháp luật về thanh tra.

**2.2. Về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về giá,** trên cơ sở cụ thể hóa nội dung chính sách về việc tăng cường phân công, phân cấp cũng như làm rõ trách nhiệm giữa các Bộ, ngành, địa phương, tại dự án Luật đã quy định chi tiết, cụ thể trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Trong đó:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá, có trách nhiệm ban hành các cơ chế, chính sách chung, phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá. Theo đó, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ quyết định giá đối với rất ít hàng hóa, dịch vụ đặc biệt quan trọng (như đất đai) và giao thẩm quyền định giá cụ thể cho các Bộ.

- Bộ Tài chính là cơ quan giúp Chính phủ trong việc thực hiện thống nhất quản lý giá và thẩm định giá. Tại dự thảo Luật đã quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính tại Điều 10 với vai trò đầu mối trong việc triển khai các biện pháp quản lý, điều hành giá.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi lĩnh vực thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được Chính phủ giao; trong đó có những nhiệm vụ về bình ổn giá, định giá, tiếp nhận kê khai giá được phân công theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực chuyên ngành phụ trách.

- Tại địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ được tăng cường phân cấp nhiều thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn, đảm bảo thống nhất xuyên suốt từ trung ương đến địa phương.

- Đối với quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng cơ bản được kế thừa như Luật hiện hành, có chỉnh lý lại một số nội dung nhằm đảm bảo phù hợp hơn với các mối quan hệ kinh tế - xã hội hiện

nay. Đồng thời tăng cường thêm nghĩa vụ về công khai, cung cấp thông tin về giá cho các cơ quan quản lý và xã hội nhằm tăng cường giám sát, hậu kiểm.

3. Nội dung dự thảo Luật giá (sửa đổi) đã bám sát mục đích, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa 09 nhóm chính sách đề nghị xây dựng dự án Luật đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03/12/2022, cụ thể như sau:

**3.1. Chính sách 1, 2 về danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, phương pháp, hình thức định giá đã đề xuất nội dung:** tại Luật sẽ củng cố nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn yêu cầu quản lý và các nguyên tắc thị trường; giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết danh mục; đẩy mạnh phân công, phân cấp nhiệm vụ định giá cho các Bộ, ngành, địa phương, qua đó phân định rõ về nhiệm vụ, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ gắn với chuyên môn, chuyên ngành. Phân định rõ về thẩm quyền ban hành, hướng dẫn chi tiết phương pháp định giá chung và phương pháp định giá cho các hàng hóa, dịch vụ đặc thù. Đồng thời, thể chế hóa tại Luật các hình thức, phương pháp định giá mới theo cơ chế thị trường để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện.

- Về danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá, tại nội dung chính sách đã đề xuất giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết danh mục trên cơ sở các nguyên tắc được quy định chặt chẽ tại Luật. Nhằm tăng cường sự linh hoạt trong thực tiễn triển khai. Vấn đề này còn có nhiều ý kiến khác nhau trong khâu xây dựng chính sách. Khi tiến hành soạn thảo Luật, trên cơ sở đánh giá kỹ hơn cho thấy để có thể khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong thời gian vừa qua thì giải pháp tối ưu là vẫn tiếp tục kế thừa đề quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật gắn với đó là quy định rõ hình thức, thẩm quyền trách nhiệm định giá của các cấp cơ quan quản lý (tương tự như danh mục tại Luật phí, lệ phí). Quy định này mặc dù thay đổi so với phương án chính sách đề xuất áp dụng (Chính phủ quy định chi tiết danh mục trên cơ sở các nguyên tắc đã đề ra tại Luật nhằm tăng cường tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện) nhưng cũng đã được đánh giá tác động chi tiết tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Đồng thời, để khắc phục được các tồn tại, hạn chế như đã phân tích, tại Luật đã bổ sung các quy định về quy trình trình Chính phủ, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh danh mục.

Thẩm quyền và trách nhiệm định giá được quy định bám sát định hướng chính sách về việc tăng cường phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về giá nói chung cũng như định giá nhà nước nói riêng. Theo đó, sẽ bỏ cấp định giá do Chính phủ thực hiện; đối với cấp Thủ tướng Chính phủ chỉ quyết định đối với

khung giá đất (trường hợp Luật đất đai sửa đổi bỏ các quy định về khung giá đất thì tại Luật giá sẽ được cập nhật tương ứng để đảm bảo đồng bộ, thống nhất).

Bộ Tài chính trình Chính phủ thống nhất với việc thay đổi phương án soạn thảo Luật so với phương án được lựa chọn tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

- Về nguyên tắc định giá được kế thừa như hiện hành và có chỉnh lý nhằm thể hiện rõ vai trò của Nhà nước sẽ chi định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục và tôn trọng quyền tự định giá của tổ chức, cá nhân với các hàng hóa, dịch vụ khác. Bên cạnh đó cũng bổ sung quy định về việc tính đến lộ trình giá thị trường phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

- Về phương pháp định giá, bám sát nội dung chính sách là phải hướng đến việc thống nhất về trách nhiệm ban hành phương pháp định giá; tại dự thảo Luật đã quy định hai nhóm phương pháp ứng với từng trường hợp cụ thể tại Điều 24 như sau:

*"1. Phương pháp định giá là các cách thức, quy trình kỹ thuật để xác định giá hàng hóa, dịch vụ theo các cách tiếp cận từ so sánh giá thị trường, từ các yếu tố hình thành giá và từ thu nhập. Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; trường hợp hàng hóa, dịch vụ có yếu tố hình thành giá mang tính chuyên ngành, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn phương thức xác định, thực hiện.*

*2. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù không thể áp dụng phương pháp định giá chung quy định tại Khoản 1 Điều này. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá riêng."*

Như vậy, một mặt sẽ củng cố trong ban hành, áp dụng phương pháp định giá, một mặt khác tránh được việc đùn đẩy trách nhiệm trong việc ban hành, hướng dẫn phương pháp định giá cũng như không làm chậm việc ban hành giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế.

- Ngoài ra, đối với việc ban hành Quyết định giá, tại dự thảo Luật cũng đã Luật hóa một số quy định hiện hành tại Nghị định và có chỉnh lý, hoàn thiện cho phù hợp. Theo đó đã phân định rõ trách nhiệm trong tổ chức triển khai từng nội dung về xây dựng, thẩm định phương án giá và trình ban hành Quyết định giá của các đơn vị theo từng cấp định giá cụ thể. Qua đó hướng đến sự đồng bộ, thống nhất trong thực tiễn triển khai của các cấp.

**3.2. Chính sách 3 về bình ổn giá, tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách đã đề xuất nội dung:** danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá sẽ được giao

thâm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết trên cơ sở các nguyên tắc chặt chẽ được quy định tại Luật. Đồng thời, tăng cường phân công, phân cấp, rõ trách nhiệm trong việc triển khai bình ổn giá trên phạm vi cả nước và trên địa bàn.

- Bình ổn giá được xác định là một biện pháp nhằm ứng phó với những biến động bất thường của giá cả trong những bối cảnh kinh tế xã hội nhất định. Theo đó, bám sát nội dung chính sách đã xây dựng, tại dự án Luật đã quy định chi tiết hơn các nguyên tắc bình ổn giá tại Điều 16 và cụ thể hóa các trường hợp áp dụng bình ổn giá bao gồm *“trường hợp giá của hàng hóa, dịch vụ tăng quá cao hoặc giảm quá thấp trong một khoảng thời gian ảnh hưởng đến kinh tế xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong trường hợp dịch bệnh, thiên tai hoặc khi tuyên bố tình trạng khẩn cấp theo quy định tại Luật tình trạng khẩn cấp”*.

Trên cơ sở đó, để khắc phục hạn chế hiện nay, tại Luật chỉ quy định nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và giao Chính phủ quy định chi tiết (Điều 16) để bảo đảm tính linh hoạt trong thực hiện. Cơ bản Danh mục các hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá chi tiết sẽ được rà soát trên 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ hiện nay để kế thừa, điều chỉnh phù hợp.

Đồng thời, tại dự thảo Luật quy định cơ chế để xử lý tình huống trong các trường hợp khẩn cấp do thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, cho phép Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục để áp dụng trong thời hạn nhất định trên cơ sở đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Khoản 2 Điều 16).

- Các biện pháp bình ổn giá cơ bản được kế thừa như Luật hiện hành, tuy nhiên có điều chỉnh theo nội dung chính sách bao gồm:

+ Điều chỉnh biện pháp đăng ký giá gộp vào nội hàm biện pháp kê khai giá; theo đó biện pháp kê khai giá sẽ là biện pháp được thực hiện thường xuyên nhằm tạo kênh thông tin nắm bắt kịp thời các diễn biến về giá để đề xuất chủ trương bình ổn giá trong trường hợp cần thiết.

+ Điều chỉnh biện pháp kiểm tra yếu tố hình thành giá trở thành một bước trong việc tổ chức thực hiện bình ổn giá nhằm giúp cơ quan quản lý xác định rõ nguyên nhân gây biến động về giá, làm cơ sở cho việc lựa chọn các biện pháp bình ổn giá phù hợp với thực tế.

+ Cụ thể hóa rõ hơn biện pháp *“áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế”*. Theo đó, trong trường hợp áp dụng biện pháp định giá hàng hóa, dịch vụ để bình ổn giá thị trường hợp cơ

quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá thấp hơn phương án giá đã được rà soát, đánh giá theo quy định thì xem xét, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật ngân sách hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý, phù hợp với thẩm quyền (Điểm d Khoản 1 Điều 19).

+ Bỏ các quy định về lập và sử dụng quỹ bình ổn giá; hiện nay chỉ tồn tại quỹ bình ổn giá xăng dầu, tuy nhiên gắn với quy định về đưa mặt hàng này vào diện quản lý theo giá tham chiếu thì đã có thể xem xét bỏ quỹ bình ổn giá để giá xăng dầu được vận động hoàn toàn theo cơ chế thị trường và tôn trọng các nguyên tắc thị trường.

- *Quy định rõ về thẩm quyền, trách nhiệm và tổ chức thực hiện bình ổn giá.* Theo đó, khi hàng hóa, dịch vụ có biến động tăng quá cao hoặc giảm quá thấp gây ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, mặt bằng giá thị trường hoặc trong các trường hợp khẩn cấp, các cơ quan sẽ triển khai bình ổn giá theo các bước: Bước 1, kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hoá tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có để xác định nguyên nhân làm cơ sở cho việc lựa chọn biện pháp bình ổn giá phù hợp; bước 2, lựa chọn, quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định; bước 3, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện biện pháp bình ổn giá.

Theo đó, tại dự thảo Luật đã quy định và phân định rõ về thẩm quyền quyết định chủ trương bình ổn giá của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thẩm quyền đề xuất chủ trương bình ổn giá của Bộ Tài chính, Sở Tài chính; thẩm quyền trong việc thực hiện kiểm tra, đề xuất biện pháp bình ổn giá và tổ chức thực hiện của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các Sở quản lý ngành, lĩnh vực. Các quy định này đã tạo sự rành mạch trong trách nhiệm của các cấp khi tổ chức thực hiện bình ổn giá, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả biện pháp bình ổn giá như mục đích, nội dung chính sách đã đề ra.

**3.3. Chính sách 4 về hiệp thương giá, tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách đã đề xuất nội dung:** Điều chỉnh các quy định hiện hành về phạm vi áp dụng hiệp thương giá chỉ thực hiện giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp với vai trò trọng tài của Nhà nước. Trên cơ sở đó, quy định rõ hơn tính pháp lý của kết quả hiệp thương và trách nhiệm của các đơn vị trong tổ chức thực hiện.

Căn cứ các nội dung chính sách, tại dự thảo Luật đã quy định rõ hơn về phạm vi, nguyên tắc hiệp thương giá. Theo đó, *Hiệp thương giá* là phương thức thỏa thuận giữa các doanh nghiệp về giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm trung gian hỗ trợ các bên thỏa thuận. Việc hiệp thương chỉ thực hiện giữa các đối tượng là doanh nghiệp trong việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ đáp ứng điều kiện hiệp thương giá; các doanh nghiệp đề nghị hiệp thương trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ và khi

2 bên đều phải có văn bản đề nghị hiệp thương. Như vậy, các trường hợp thực hiện hiệp thương giữa một bên là Nhà nước với một bên là doanh nghiệp sẽ được loại bỏ và thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu thầu, đầu giá.

Theo đó, việc tổ chức hiệp thương cũng được điều chỉnh, quy định rõ ràng hơn như sau:

- Khi nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá của cả bên mua, bên bán hàng hóa, dịch vụ; cơ quan hiệp thương rà soát đánh giá để làm rõ hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương. Trường hợp cần thiết yêu cầu các bên có văn bản bổ sung các thông tin về hàng hóa dịch vụ.

- Cơ quan hiệp thương tổ chức hội nghị hiệp thương để bên mua và bên bán thương lượng với nhau về mức giá trên cơ sở hợp tác, hài hòa lợi ích giữa các bên. Cơ quan hiệp thương có vai trò trung gian, không được can thiệp vào mức giá thương lượng giữa các bên.

- Khi bên mua và bên bán thỏa thuận được với nhau về mức giá thì hội nghị hiệp thương kết thúc. Mức giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng vụ việc mua, bán và khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã được các bên thống nhất tại văn bản đề nghị hiệp thương; mức giá hiệp thương không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác. Các bên chịu trách nhiệm về mức giá hiệp thương, việc tổ chức thực hiện mức giá hiệp thương.

- Trong trường hợp bên mua và bên bán không thương lượng thỏa thuận được mức giá thì cơ quan hiệp thương lập biên bản để ghi nhận nội dung hội nghị và tiến hành ban hành Quyết định mức giá hiệp thương để 2 bên thực hiện. Việc ban hành Quyết định giá hiệp thương được thực hiện tương tự như việc ban hành Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cơ quan hiệp thương thực hiện định giá theo quy định. Quyết định giá hiệp thương chỉ được áp dụng cho đúng đối tượng đề nghị hiệp thương và không có giá trị để áp dụng cho các trường hợp khác.

Việc quy định như trên thể hiện rõ tính chất của biện pháp hiệp thương giá hướng đến đề cao việc thỏa thuận giữa các bên trong đó có vai trò trung gian của cơ quan tổ chức nhằm hướng đến mục tiêu hài hòa lợi ích, đảm bảo giao dịch được diễn ra minh bạch, phù hợp với quy luật kinh tế thị trường. Mặt khác, cũng quy định rõ phạm vi áp dụng giá hiệp thương nhằm tránh các trường hợp lợi dụng mức giá hiệp thương để sử dụng cho các mục đích khác, không đúng với yêu cầu hiệp thương và vụ việc mua bán.

**3.4. Chính sách thứ 5 về kê khai giá** được xây dựng trên cơ sở bỏ biện pháp đăng ký giá, đồng thời tăng cường biện pháp kê khai giá để có cơ chế kiểm



soát hoạt động này; gắn với đó là danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai và giao Chính quy định cụ thể, đồng thời đẩy mạnh phân công, phân cấp trong tiếp nhận kê khai giá.

Căn cứ nội dung chính sách, tại dự thảo Luật đã quy định rõ kê khai giá là biện pháp tiếp nhận thông tin để phục vụ cho việc theo dõi diễn biến giá cả thị trường, phục vụ bình ổn giá trong trường hợp cần thiết cũng như là một trong các nguồn thông tin phục vụ cho cơ sở dữ liệu về giá. Bên cạnh đó, nhằm khắc phục những bất cập hiện hành, tại dự thảo Luật cũng đã quy định việc kê khai được tổ chức sản xuất, kinh doanh thực hiện sau khi quyết định giá nhằm tạo thuận lợi cho thực tiễn triển khai tại đơn vị thay cho quy định hiện hành là việc kê khai phải được thực hiện trước khi tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ. Đây là một trong những thay đổi căn bản trong biện pháp kê khai giá nhằm tạo thuận lợi cho các đơn vị thực hiện kê khai.

Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá, bên cạnh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá tham chiếu sẽ phải thực hiện kê khai giá khi tổ chức, cá nhân tự quyết định giá thì một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác cũng sẽ phải thực hiện kê khai giá do Chính phủ quy định trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Trên cơ sở đó, tại Nghị định sẽ quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá. Trong đó sẽ giảm bớt danh mục so với hiện hành để tập trung vào các mặt hàng thật sự quan trọng, thiết yếu.

Việc tiếp nhận kê khai cũng được thể chế rõ ràng hơn, khuyến khích việc áp dụng cơ sở dữ liệu tích hợp hoặc các ứng dụng công nghệ thông tin để kê khai và tiếp nhận kê khai giá, đảm bảo phù hợp với định hướng về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về giá.

Bên cạnh đó, với vai trò là một hình thức công khai về giá nhằm tăng cường tính minh bạch trong mua, bán trên thị trường, các quy định về niêm yết giá cũng được Luật hóa từ Nghị định nhằm tăng tính pháp lý cho việc tổ chức thực hiện. Theo đó, tại dự thảo Luật cơ bản kế thừa các quy định hiện hành song cũng quy định chi tiết hơn đối với một số nội dung phải thực hiện niêm yết cũng như quyền, trách nhiệm của các bên mua, bán trên thị trường.

**3.5. Chính sách 6 về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường và kiểm tra thi hành pháp luật về giá** được đề xuất trên cơ sở cụ thể hóa toàn diện quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá về nguyên tắc và nội dung, trách nhiệm triển khai; Đồng thời, quy định cụ thể hơn về thẩm quyền, thủ tục, quy trình trong việc thực hiện công tác xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá,

công tác kiểm tra thi hành pháp luật trên cơ sở công tác tổng hợp, phân tích, dự báo.

- *Công tác tổng hợp, phân tích, dự báo là vấn đề được bổ sung, quy định tại Chương IV.* Theo đó, quy định điều chỉnh rõ các vấn đề đã triển khai có hiệu quả trong thực tiễn gồm mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; các nhiệm vụ phải triển khai về xây dựng báo cáo, kịch bản điều hành giá cũng như cơ sở dữ liệu quốc gia về giá làm nguồn thông tin quan trọng cho công tác quản lý, điều hành giá. Theo đó, đã thể chế vai trò pháp lý của các báo cáo đánh giá mặt bằng giá thị trường, báo cáo kịch bản điều hành giá nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành giá của Chính phủ, Ban chỉ đạo điều hành giá và các Bộ, ngành.

Trong đó, việc xây dựng kịch bản điều hành giá được quy định là hoạt động trung tâm của nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo *“Kịch bản điều hành giá là dự báo về diễn biến lạm phát và các giải pháp, biện pháp điều hành giá trong một giai đoạn nhất định được xây dựng và cập nhật hàng quý để báo cáo Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các giải pháp, biện pháp quản lý, điều hành giá phù hợp”*. Kịch bản điều hành giá sẽ là cơ sở cho việc đề xuất phương hướng quản lý, điều hành giá trong năm cũng như đề xuất mục tiêu kiểm soát lạm phát cho năm tiếp theo nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế.

Ngoài ra, tại Điều 40 cũng đã quy định chi tiết quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thực hiện; Trong đó nhấn mạnh trách nhiệm về phối hợp, cung cấp thông tin về giá cả giữa các Bộ, ngành, địa phương.

- *Các nội dung về cơ sở dữ liệu về giá cũng được Luật hóa và quy định chi tiết.* Trong đó đã có chính lý cho phù hợp với thực tiễn khi giao trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về Quốc gia về giá cho Bộ tài chính. Các Bộ, ngành có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu về giá cho cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (thay vì phải xây dựng cơ sở dữ liệu về giá riêng như quy định hiện hành). Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu về giá sẽ được tiếp tục triển khai thực hiện tại địa phương và tăng cường kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

- Bên cạnh đó, tại Luật đã bổ sung một chương quy định về công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá. Trong đó đã nêu rõ các nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

**3.6. Đối với các chính sách về nội dung thẩm định giá,** tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách đã đề xuất các nội dung cụ thể tại chính sách 7 và chính sách 8: Cùng cố, tăng cường tiêu chuẩn, điều kiện của thẩm định viên về giá, gắn với đó là nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp của thẩm định viên trong hoạt

động thẩm định giá. Xử lý các chông chéo, vướng mắc trong quản lý thẩm định viên về giá; đồng thời thực hiện chuyên môn hóa hoạt động nghề nghiệp của thẩm định viên về giá theo năng lực và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ thẩm định giá để hướng đến tính chuyên nghiệp, chuyên sâu. Tăng cường các quy định về điều kiện trong khâu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. Bổ sung, hoàn thiện các quy định về giám sát, quản trị doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp được thành lập theo mô hình công ty cổ phần.

- Theo đó, về quy định chung về thẩm định giá, dự thảo Luật cơ bản kế thừa các quy định về nguyên tắc thẩm định giá, tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá quy định tại Luật giá năm 2012, đồng thời, sửa đổi, bổ sung, kết cấu lại các điều khoản quy định về hoạt động thẩm định giá, tài sản thẩm định giá, kết quả thẩm định giá nhằm làm rõ những quy định mang tính chất nền tảng cho lĩnh vực thẩm định giá như sau:

+ Về hoạt động thẩm định giá: Dự thảo Luật sửa đổi quy định về hoạt động thẩm định giá hiện đang được quy định tại Luật giá năm 2012 theo hướng khẳng định hoạt động thẩm định giá bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá và thẩm định giá nhà nước, đồng thời nhóm các quy định về tài sản thẩm định giá và giá trị của kết quả thẩm định giá vào trong quy định về hoạt động thẩm định giá để bảo đảm tính thống nhất của điều khoản.

+ Về Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam: Dự thảo Luật bổ sung một điều quy định về Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Hiện nay quy định về Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam đang được quy định tại nghị định, tuy nhiên, tiêu chuẩn là cơ sở pháp lý về mặt chuyên môn của lĩnh vực thẩm định giá, do đó, cần thiết phải có một điều quy định tại luật để bảo đảm có tính pháp lý cao.

- Về dịch vụ thẩm định giá, dự thảo Luật cơ bản kế thừa các quy định về quyền và nghĩa vụ của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp nghiệp thẩm định giá, điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá, định chi kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, hoạt động của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam, đồng thời, sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành để củng cố một số tiêu chuẩn đối với thẩm định viên về giá, các điều kiện tiêu chuẩn hành nghề đối với thẩm định viên về giá, tăng cường các quy định về điều kiện trong khâu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, nhất là trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá; qua đó, siết chặt quản lý hoạt động thẩm định giá nhằm một mặt đáp ứng yêu cầu đặt ra trong việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá, góp phần chống

tiêu cực, lãng phí, tham nhũng, lợi ích nhóm trong lĩnh vực giá; một mặt bảo đảm tính tương đồng đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính tương tự.

+ Về thẩm định viên về giá: Dự thảo Luật quy định thẩm định viên về giá là người có Thẻ thẩm định viên về giá đang hành nghề tại doanh nghiệp để thống nhất về mặt nguyên lý đã là thẩm định viên thì người đó phải đang hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá.

+ Về Thẻ thẩm định viên về giá: Dự thảo Luật bổ sung quy định khi tham gia thi cấp thẻ thẩm định viên về giá, người dự thi phải đáp ứng tiêu chuẩn 36 tháng kinh nghiệm là thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp thẩm định giá. Đồng thời, tại Thẻ thẩm định viên về giá sẽ thể hiện rõ chuyên môn của thẩm định viên theo lĩnh vực thẩm định giá tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp.

+ Về đăng ký hành nghề thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung một điều quy định về đăng ký hành nghề thẩm định giá trên cơ sở tổng hợp quy định về đăng ký hành nghề thẩm định giá tại các thông tư, quy định về trường hợp không được hành nghề thẩm định giá tại Luật giá năm 2012.

+ Về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Dự thảo Luật cơ bản kế thừa Luật giá năm 2012 nhưng bổ sung điều kiện các thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp phải có ít nhất 05 thẻ thẩm định viên về giá, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải là người có thẻ thẩm định viên về giá tài sản và doanh nghiệp, đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thì tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn, cổ đông là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp. Quy định vốn pháp định của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần là 5 tỷ đồng trở lên.

+ Về chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: Dự thảo Luật cơ bản kế thừa Luật giá năm 2012 nhưng bổ sung điều kiện các thẩm định viên về giá hành nghề tại chi nhánh phải có ít nhất 03 Thẻ thẩm định viên về giá độc lập với doanh nghiệp và các chi nhánh khác.

+ Về người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung một điều về người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá trên cơ sở luật hóa quy định tại nghị định để nâng cao tính pháp lý của quy định này.

+ Về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung một điều quy định về điều kiện hoạt động

của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá để củng cố các chế tài xử lý khi doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp có biến động về thẩm định viên về giá ảnh hưởng đến điều kiện hoạt động.

+ Về đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung một điều quy định về đánh giá hoạt động dịch vụ thẩm định giá nhằm tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua hoạt động phát hiện và ngăn ngừa rủi ro.

+ Về cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá: Dự thảo Luật bổ sung một điều quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá trên cơ sở quy định về giải quyết tranh chấp tại nghị định.

**3.7. Chính sách 9 về thẩm định giá nhà nước tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách đã đề xuất:** được xây dựng trên cơ sở bổ sung các quy định để rõ hơn về phạm vi áp dụng thực hiện thẩm định giá nhà nước; Đồng thời củng cố cơ chế triển khai thẩm định giá của nhà nước theo phương thức Hội đồng nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức thực hiện.

Theo đó, về phạm vi thẩm định giá nhà nước, tại dự thảo Luật quy định các trường hợp phải thẩm định giá nhà nước nhằm kiện toàn hoạt động này cho phù hợp với tình hình thực tiễn quản lý nhà nước về giá hiện nay, đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản công, sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm hiệu quả. Về phương thức thực hiện, tại dự thảo Luật thống nhất phương thức thực hiện Hội đồng nhằm tăng cường tính pháp lý cho việc triển khai cũng như kết quả thẩm định giá nhà nước.

Trên cơ sở đó, đã quy định rõ về kết quả thẩm định giá nhà nước được sử dụng là một trong những căn cứ để tổ chức, cá nhân quyết định về giá tài sản để phục vụ việc quản lý, sử dụng tài sản; các hoạt động bán, cho thuê, liên doanh, liên kết, mua, đi thuê theo quy định của pháp luật. Kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng tài sản, số lượng tài sản tại văn bản yêu cầu thẩm định giá.

## **V. NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT GIÁ (SỬA ĐỔI) SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

### **1. Về tổ chức thực hiện**

Dự kiến khi Luật ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật có trách nhiệm thực thi Luật, trong đó Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật. Cục Quản lý giá là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng quản lý giá và thẩm

định giá bảo đảm đủ điều kiện cơ bản cho việc tổ chức thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

## **2. Về kinh phí**

### ***a) Kinh phí triển khai quy định trong Luật giá (sửa đổi)***

Dự kiến để tổ chức thi hành Luật, các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Giá (sửa đổi): dự kiến Chính phủ ban hành 03 nghị định, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành 02 thông tư về lĩnh vực quản lý, điều hành giá và 08 Thông tư trong lĩnh vực quản lý thẩm định giá.

Nguồn kinh phí được dự toán và phân bổ trong dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm của Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### ***b) Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành***

Bộ Tài chính dự kiến tổ chức các Hội nghị, hội thảo để phổ biến, tuyên truyền về các nội dung tại Luật giá (sửa đổi). Kinh phí được dự toán và bố trí trong dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm của Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, kinh phí thực hiện hoạt động này còn được huy động từ các nguồn hợp pháp các chương trình, dự án khác được tài trợ để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện.

Đối với việc điều chỉnh các quy định về số lượng thẻ thẩm định viên tối thiểu tại doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp gắn với phân loại hoạt động của thẩm định viên và doanh nghiệp theo lĩnh vực chuyên môn sâu và bỏ hình thức công ty cổ phần sẽ có thể phát sinh vấn đề về cấp lại thẻ thẩm định viên về giá, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. Vấn đề này xuất phát từ việc thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước nên dự kiến kinh phí sẽ do cơ quan quản lý nhà nước chi trả từ nguồn kinh phí thường xuyên (Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính).

## **VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Luật giá (sửa đổi), Bộ Tài chính đã chỉnh lý dự thảo Luật.

Tuy nhiên, một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Bộ Tài chính báo cáo xin ý kiến Chính phủ:

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật giá (sửa đổi), Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật giá (sửa đổi); (2) Báo cáo đánh giá thực tế hành chính trong dự án Luật; (3) Báo cáo về lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ; (5) Báo cáo thẩm định dự án Luật; (6) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự án Luật; (7) Bản thuyết minh chi tiết dự án Luật; (8) Bản thuyết minh kinh nghiệm quốc tế; (9) Bảng rà soát, đối chiếu nội dung dự thảo Luật giá sửa đổi so với hệ thống pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế; (10) Bản so sánh Luật giá (sửa đổi) với Luật hiện hành; (11) Dự thảo các văn bản quy định chi tiết).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, UBCKNN (50b).

**BỘ TRƯỞNG**

**Hồ Đức Phúc**

## DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
1	Điện	
	Giá bán lẻ điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật điện lực; theo đó, Thủ tướng Chính phủ quy định khung giá và mức giá bán lẻ điện bình quân; Tập đoàn điện lực Việt Nam tự định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Công thương quy định khung giá và mức giá bán lẻ điện bình quân; Tập đoàn điện lực Việt Nam tự định giá cụ thể.</li> </ul>
	Giá truyền tải điện Giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện Giá điều độ vận hành hệ thống điện Giá điều hành giao dịch thị trường điện lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật điện lực; theo đó, Bộ Công Thương quy định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa các quy định hiện hành, Bộ Công Thương quy định giá cụ thể.</li> </ul>
	Giá phát điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật điện lực; theo đó, Bộ Công Thương quy định khung giá.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Công thương quy định giá tối đa, doanh nghiệp tự quyết định giá cụ thể.</li> </ul>
	Giá bán buôn điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật điện lực; theo đó, Bộ Công Thương quy định khung giá</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Công thương quy định khung giá, doanh nghiệp tự quyết định giá cụ thể.</li> </ul>
	Giá phân phối điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Mặt hàng này hiện không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá. Bộ Công thương có đề xuất bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; việc bổ sung thêm mặt hàng đảm bảo phù hợp với đề án tái cơ cấu ngành điện, tách riêng khâu phân phối và bán lẻ.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Công thương quy định giá cụ thể.</li> </ul>
2	Vật liệu nổ công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Là mặt hàng độc quyền Nhà nước sản xuất, kinh doanh theo danh mục Nghị định 94/2017/NĐ-CP; do đó phải thực hiện định giá theo quy định tại Điều 28 Luật Cạnh tranh. Tuy nhiên chưa có quy định về thẩm quyền, hình thức định giá.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Công thương quy định giá tối đa, doanh nghiệp quyết định giá cụ thể.</li> </ul>



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
3	Dịch vụ hàng không	
	<p>Dịch vụ cất cánh, hạ cánh;            Dịch vụ điều hành bay đi, đến;            Dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay;            Dịch vụ soi chiếu an ninh;            Dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không và dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.</p>	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Điều 1 Luật Hàng không dân dụng sửa đổi; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định giá cụ thể.            - Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa quy định hiện hành, Bộ Giao thông vận tải quy định giá cụ thể.</p>
	<p>Dịch vụ thuê sân đậu tàu bay;            Dịch vụ thuê quầy làm thủ tục hành khách;            Dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý;            Dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay;            Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay (đối với các cảng hàng không còn áp dụng phương thức trọn gói);            Dịch vụ phân loại tự động hành lý đi;            Dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không;            Dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay.</p>	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 1 Luật hàng không dân dụng Việt Nam, Thông tư 36/2015/TT-BGTVT, Thông tư 07/2017/TT-BGTVT; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá và các đơn vị cung cấp dịch vụ quy định giá cụ thể trong khung giá.            - Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa quy định hiện hành, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá và các đơn vị cung cấp dịch vụ quy định giá cụ thể trong khung giá.</p>
	<p>Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không.</p>	<p>- Quy định hiện hành: Mặt hàng này đang được Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, đánh giá để bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.            - Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Giao thông vận tải đề xuất quy định khung giá.</p>
	<p>Dịch vụ thuê mặt bằng cảng hàng không, sân bay;            Dịch vụ thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay;</p>	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 1 Luật hàng không dân dụng Việt Nam và Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá và Các đơn vị tự quy định giá cụ thể trong khung giá.            - Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.</p>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
	Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa tuyến độc quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật Giá và Luật Hàng không dân dụng; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá và Hãng hàng không quy định giá cụ thể trong khung giá. Tuy nhiên, tại Luật Hàng không dân dụng quy định tên dịch vụ là "<i>Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa</i>" với phạm vi rộng hơn Luật giá.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Vẫn giữ tên gọi "<i>Dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa tuyến độc quyền</i>", Bộ Giao thông vận tải quy định giá tối đa và Hãng hàng không quy định giá cụ thể.</li> </ul>
4	Dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 56 Luật Đường sắt; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá, tuy nhiên chưa có quy định về hình thức định giá.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</li> </ul>
5	Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt do nhà nước đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 67 Luật Đường sắt và Thông tư 11/2019/TT-BGTVT; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định giá tối đa.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa quy định hiện hành, Bộ Giao thông vận tải quy định giá tối đa.</li> </ul>
6	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 83 Luật giao thông đường bộ; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá, tuy nhiên chưa có quy định về hình thức định giá.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá tối đa, Ban quản lý bến xe quy định giá cụ thể.</li> </ul>
7	Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ này thuộc nhóm chuyên phí sang giá được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Điều chỉnh tên thành "Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư hoàn toàn từ nguồn vốn NSNN"; Bộ Giao thông vận tải quy định giá cụ thể các bến đò, phà do Bộ quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể các bến đò, phà do địa phương quản lý.</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
8	Dịch vụ bốc dỡ container	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP, Khoản 2 và khoản 3 Điều 90 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam và Thông tư 54/2018/TT-BGTVT; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá, doanh nghiệp quy định giá cụ thể</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa các quy định hiện hành, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá, doanh nghiệp quy định giá cụ thể.</li> </ul>
9	Dịch vụ cầu bến phao neo Dịch vụ hoa tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP, Khoản 2 và khoản 3 Điều 90 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam và Thông tư 54/2018/TT-BGTVT; theo đó, Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá, doanh nghiệp quy định giá cụ thể</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Giao thông vận tải quy định giá tối đa, doanh nghiệp quy định giá cụ thể.</li> </ul>
10	Dịch vụ lai đất thuộc khu vực cảng biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.</li> </ul>
11	Dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh (BOT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; Thông tư 35/2016/TT-BGTVT; theo đó, Bộ GTVT quy định giá tối đa đối với các dự án đường quốc lộ, cao tốc, UBND tỉnh quy định giá tối đa đối với các dự án đường bộ do quản lý địa phương.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.</li> </ul>
12	Dịch vụ đường cao tốc do Nhà nước đầu tư và giao cho đơn vị khai thác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Hiện chưa thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Bộ Giao thông vận tải có đề nghị bổ sung vào danh mục tại công văn số 1774/BGTVT-TC ngày 25/02/2022 về phương án thu hồi vốn nhà nước đầu tư trên các đoạn đường bộ sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công trên tuyến cao tốc Bắc - Nam, phía Đông</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Giao thông vận tải quy định giá cụ thể.</li> </ul>
13	Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải (bao gồm dịch vụ đăng kiểm phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các công trình khai thác, vận chuyển dầu khí biển)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và Bộ Tài chính quy định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Giao thông vận tải quy định giá cụ thể.</li> </ul>
14	Dịch vụ kết nối viễn thông; Dịch vụ viễn thông, bưu chính công ích; Dịch vụ phát hành báo chí công ích.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá và Nghị định 25/2011/NĐ-CP quy định Luật Viễn thông; theo đó, Bộ Thông tin và truyền thông quy định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Thông tin và truyền thông quy định giá cụ thể.</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
15	<p>Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn NSNN;</p> <p>Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn NSNN.</p>	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá; Tuy nhiên, tại nghị định 149/2016/NĐ-CP thì hình thức định giá là giá tối đa; tại Luật bảo vệ môi trường thì hình thức định giá là giá cụ thể và tên mặt hàng được điều chỉnh chung là "dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt".</p> <p>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Thống nhất tên gọi "dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt"; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</p>
15	<p>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải</p>	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Điều 38 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</p> <p>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</p>
16	<p>Một số nội dung của thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p>	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá.</p> <p>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.</p>
17	<p>Đất đai</p>	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật đất đai; Theo đó, Chính phủ quy định khung giá (Bộ Tài nguyên môi trường xây dựng phương án giá, Bộ Tài chính thẩm định); UBND quy định bảng giá đất cụ thể và hệ số điều chỉnh giá đất (Sở Tài nguyên xây dựng phương án giá, Sở Tài chính thẩm định).</p> <p>- Đề xuất: Áp dụng theo quy định tại Luật Đất đai (đang tiến hành sửa đổi).</p>
18	<p>Mặt nước</p>	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá; Luật đất đai; Nghị định 46/2014/NĐ-CP; theo đó, Chính phủ quy định khung giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</p> <p>- Đề xuất: Áp dụng theo quy định tại Luật Đất đai (đang tiến hành sửa đổi).</p>
19	<p>Dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do nhà nước cung cấp</p>	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung giá, giá tối đa; mức giá cụ thể (tùy dịch vụ).</p> <p>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa quy định hiện hành, Bộ Tài chính quy định khung giá, giá tối đa; mức giá cụ thể (tùy dịch vụ).</p>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
	Dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do các tổ chức cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán cung cấp (trừ dịch vụ do nhà nước cung cấp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung giá, giá tối đa; mức giá cụ thể (tùy dịch vụ).</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá</li> </ul>
20	Thuốc lá điều sản xuất trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá; theo đó, Bộ Tài chính định giá tối thiểu.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.</li> </ul>
21	Thù lao dịch vụ đấu giá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật đấu giá; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.</li> </ul>
22	Nước sạch sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Nghị định 117/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định khung giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Điều chỉnh tên mặt hàng thành "Nước sạch"; Bộ Tài chính quy định khung giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</li> </ul>
23	Dịch vụ quy hoạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật quy hoạch; theo đó, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.</li> </ul>
24	Dịch vụ khám chữa bệnh	
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Luật khám chữa bệnh, Luật bảo hiểm y tế và Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Y tế quy định giá cụ thể dịch vụ khám chữa bệnh thuộc phạm vi quỹ bảo hiểm y tế áp dụng trên cả nước.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Điều chỉnh tên gọi dịch vụ thành "Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế" (áp dụng với cả cơ sở tư nhân khi cung cấp dịch vụ thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế); Bộ Y tế quy định giá tối đa, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</li> </ul>
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước không thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Luật khám chữa bệnh, Luật bảo hiểm y tế và Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Y tế quy định khung giá, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể theo đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Y tế quy định giá tối đa, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật khám chữa bệnh, Nghị định 149/2016/NĐ-CP, Nghị định 85/2012/NĐ-CP; theo đó, Bộ Y tế quy định khung giá, cơ sở khám chữa bệnh tự quy định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Y tế quy định giá tối đa, cơ sở khám chữa bệnh tự quy định giá cụ thể.</li> </ul>
25	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định giá tối đa, Bộ Y tế quy định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Y tế quy định giá tối đa; UBND quy định giá cụ thể.</li> </ul>
26	Giá máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại thông tư 17/2020/TT-BYT; theo đó, Bộ Y tế quy định giá tối đa, tổ chức, cá nhân mua bán tự định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa các quy định hiện hành, Bộ Y tế quy định giá tối đa, tổ chức, cá nhân mua bán tự định giá cụ thể.</li> </ul>
27	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc dùng cho người sử dụng ngân sách nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, Bộ Y tế quy định Khung giá, thù lương các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa các quy định hiện hành, Bộ Y tế quy định Khung giá, thù lương các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định giá cụ thể.</li> </ul>
28	Học phí tại các cơ sở đào tạo giáo dục công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá; Luật giáo dục; theo đó, Chính phủ quy định khung giá; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá tối đa, mức giá cụ thể</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Giáo dục và đào tạo quy định khung giá, UBND quy định giá cụ thể.</li> </ul>
29	Dịch vụ giáo dục nghề nghiệp tại đơn vị công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Luật giáo dục nghề nghiệp; theo đó, Chính phủ quy định khung giá; Ủy ban nhân dân quy định giá tối đa.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định khung giá, Ủy ban nhân dân quy định giá tối đa.</li> </ul>
30	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giáo dục; theo đó, Hội đồng nhân dân quy định giá, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về hình thức định giá.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
31	Dịch vụ cấp phát các loại phôi bằng, chứng chỉ giáo dục phổ thông.	<p>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP; Quyết định 186/2016/QĐ-TTg về danh mục dịch vụ sự nghiệp công giáo dục đào tạo; theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định giá cụ thể.</p> <p>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa các quy định hiện hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định giá cụ thể.</p>
32	Dịch vụ tuyển sinh các cấp tại các cơ sở giáo dục nhà nước	<p>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giáo dục; Nghị định 81/2021/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học do địa phương quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.</p> <p>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định giá cụ thể dịch vụ tuyển sinh tại các trường do các Bộ quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể cho các đơn vị còn lại trên địa bàn.</p>
33	Sách giáo khoa	<p>- Quy định hiện hành: Đây là mặt hàng được Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại văn bản số 115/BGDĐT-KHTC ngày 14/01/2020 và công văn số 319/BGDĐT-KHTC ngày 07/02/2020, công văn số 774/BGDĐT-KHTC ngày 11/3/2020 về giá sách giáo khoa theo quy định tại Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội; hiện mặt hàng này thuộc danh mục kê khai giá.</p> <p>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định giá tối đa.</p>
34	Giá rừng	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật lâm nghiệp; theo đó, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định khung giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khung giá rừng trên địa bàn quản lý.</p> <p>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa quy định hiện hành, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định khung giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khung giá rừng trên địa bàn quản lý.</p>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
35	Dịch vụ sử dụng khu vực biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật thủy sản, Nghị định 11/2021/NĐ-CP; theo đó, Chính phủ quy định khung giá.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định khung giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể.</li> </ul>
36	Giá mua nhà làm nhà ở công vụ; Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được chi từ nguồn NSNN, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật Nhà ở; theo đó, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý NSNN quy định khung giá.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý NSNN quy định giá tối đa.</li> </ul>
37	Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung do nhà nước đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: được quy định tại Nghị định 72/2012/NĐ-CP; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cho thuê.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Kế thừa các quy định hiện hành.</li> </ul>
38	Tác quyền sở hữu trí tuệ, bản ghi âm, ghi hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đây là mặt hàng hiện đang được đề xuất đưa vào danh mục nhà nước định giá theo dự thảo Luật sở hữu trí tuệ đang trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Cập nhật danh mục theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ.</li> </ul>
39	Thù lao môi giới, dịch vụ đưa người lao động đi nước ngoài làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật đưa người lao động đi làm việc nước ngoài; theo đó, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định giá tối đa.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.</li> </ul>
40	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Luật chuyên ngành, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình; theo đó, các Bộ quy định giá tối đa hoặc giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Các Bộ, ngành theo lĩnh vực quy định giá tối đa, đơn vị cung cấp dịch vụ quy định giá cụ thể.</li> </ul>



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
41	Dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ công ích nhà nước đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ được quy định tại Luật giá, Nghị định 149/2016/NĐ-CP, Nghị định 32/2019/NĐ-CP; theo đó, Bộ Tài chính quy định giá tối đa, Bộ quản lý ngành ban hành giá cụ thể, trừ các dịch vụ theo quy định khác tại pháp luật chuyên ngành.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Các Bộ, ngành, địa phương quyết định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định đặt hàng của mình.</li> </ul>
42	Thù lao công chứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật công chứng 2014; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức trần thù lao.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.</li> </ul>
43	Dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Luật quản lý, sử dụng tài sản công; theo Luật giá thì Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối thiểu, theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công thì áp dụng hình thức đấu giá.</li> <li>- Qua rà soát cho thấy việc xác định giá thực hiện theo phương thức thẩm định giá nhà nước để xác định giá khởi điểm phục vụ đấu giá. Do vậy, đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.</li> </ul>
44	Nước ngầm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật giá, Điều 65 Luật Tài nguyên nước; theo đó, tại Luật giá quy định hình thức là khung giá và mức giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá do Luật tài nguyên nước quy định đây là khoản tiền nộp khi khai thác, không phải giá.</li> </ul>
45	Hàng dự trữ quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật Giá, Luật Dự trữ quốc gia; theo đó, Bộ Tài chính quy định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu (trừ quốc phòng, an ninh, cơ yếu). Tổng cục dự trữ Nhà nước và Bộ ngành quyết định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất quy định tại danh mục Luật giá sửa đổi: Các Bộ, ngành quyết định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu theo thẩm quyền quản lý hàng dự trữ quốc gia.</li> </ul>
46	Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: Dịch vụ này thuộc nhóm dịch vụ chuyển từ phi sang giá được quy định tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP; theo đó, tỉnh quy định giá cụ thể.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.</li> </ul>
47	Nhà ở xã hội do cá nhân, hộ gia đình xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định hiện hành: được quy định tại Luật Nhà ở; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khung giá.</li> <li>- Đề xuất đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy định hiện hành và đề xuất
48	Xăng dầu	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Nghị định 95/2021/NĐ-CP; theo đó, Bộ Công Thương phối hợp Bộ Tài chính ban hành giá cơ sở; doanh nghiệp được bán không vượt quá mức giá do cơ quan quản lý công bố, dựa trên cơ sở giá Platt's Singapore và áp dụng theo công thức tính tại Nghị định 95/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Đề xuất: Bộ Công Thương quyết định giá tham chiếu và công bố giá tham chiếu trên cơ sở mức giá Platt's hàng ngày; các đơn vị kinh doanh được tự điều chỉnh trong biên độ cho phép quanh mức giá tham chiếu.</p>
49	Giá than	<p>- Quy định hiện hành: mặt hàng này thuộc diện kê khai giá. Tuy nhiên trong thời gian vừa qua đã phát sinh những vướng mắc chủ yếu ở cơ chế giá của mặt hàng than bán cho sản xuất điện. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2223/QĐ-TTg về việc nghiên cứu cơ chế giá tham chiếu đối với mặt hàng than; Tập đoàn Than khoáng sản, Tổng Công ty than Đông Bắc cũng có đề nghị về việc này.</p> <p>- Đề xuất đưa mặt hàng này quản lý theo hình thức giá tham chiếu.</p>
50	Một số dịch vụ cước viễn thông của doanh nghiệp (theo dự thảo Luật viễn thông sửa đổi)	<p>- Quy định hiện hành: Được quy định tại Luật Viễn thông, Nghị định 25/2011/NĐ-CP và áp dụng các hình thức đăng ký giá, thông báo giá.</p> <p>- Đề xuất đưa các mặt hàng này quản lý theo hình thức giá tham chiếu.</p>

Số: 01/BC-BTC

*Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022***BÁO CÁO****Đánh giá tác động các chính sách đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi)****I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013. Để triển khai thi hành Luật, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật, đồng thời ban hành theo thẩm quyền đầy đủ các Thông tư hướng dẫn thực hiện những quy định được Luật, Nghị định giao; Các văn bản này thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu thực tiễn về quản lý, điều hành giá, thẩm định giá. Sau 8 năm thực hiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giá đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự kinh tế; là công cụ pháp lý quan trọng để quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước.

Luật giá được ban hành thay thế Pháp lệnh Giá năm 2002 đã thể hiện tư duy đổi mới phương thức quản lý giá trong nền kinh tế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm sự điều tiết của Nhà nước về giá chủ yếu bằng các biện pháp gián tiếp vĩ mô phù hợp với các cam kết quốc tế. Trên cơ sở các quy định của Luật giá và các văn bản hướng dẫn, công tác điều hành, quản lý giá đã góp phần giữ chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng năm cơ bản theo lạm phát mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô; danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được thu hẹp (chỉ định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, tác động lớn đến kinh tế - xã hội); giá điện, nước sạch, xăng dầu,... được điều hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, một số dịch vụ công được điều chỉnh theo lộ trình phù hợp; không thực hiện bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá; phát triển nghề thẩm định giá theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch hơn...

Hệ thống pháp luật về giá đã thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương nhất quán của Nhà nước trong quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh được tôn trọng và đầy mạnh. Theo đó, đã góp phần thúc đẩy sự chuyên biến tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động theo các tín hiệu về cung cầu, giá

cả thị trường; tạo điều kiện huy động, phân bổ và vận dụng hợp lý hơn các nguồn lực của đất nước; góp phần tạo nên tốc độ phát triển cao của nền kinh tế, cải thiện đời sống kinh tế xã hội.

*(Những kết quả đạt được của Luật giá được nêu chi tiết tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật giá)*

Bên cạnh những kết quả đạt được, hiện Luật giá cũng đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế nhất định; thể hiện ở 3 nhóm sau: (i) Tồn tại, hạn chế trong chính các quy định của Luật; (ii) Tồn tại hạn chế giữa Luật giá với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan; (iii) Tồn tại, hạn chế trong khâu tổ chức thi hành Luật.

### **1.1. Tồn tại, hạn chế trong các quy định tại Luật giá:**

**a. Một số thuật ngữ** cần phải rà soát để thể hiện rõ nội hàm để bao quát, mô tả được hết đặc điểm, tình hình mới trong thực tiễn; một số thuật ngữ còn có cách hiểu khác nhau cần phải rà soát sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất đồng bộ trong khâu thực hiện. Ví dụ như thuật ngữ hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, định giá và định giá nhà nước, thẩm định giá với thẩm định giá nhà nước...

**b. Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá** được quy định cụ thể tại Luật để thể hiện rõ quan điểm trong công tác quản lý, điều hành giá, tăng cường tính công khai, minh bạch, tránh sự lạm dụng phát sinh các trường hợp không cần thiết, tuy nhiên trong thực tiễn hiện đã phát sinh tồn tại, hạn chế sau:

- Trong thực tiễn cho thấy trong trường hợp trường hợp phát sinh cần điều chỉnh danh mục phải trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, việc thực hiện các thủ tục trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phải có đủ thời gian; Do đó, sẽ khó đáp ứng kịp thời được mục tiêu quản lý phát sinh từ thực tiễn (ví dụ như đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa mặt hàng sách giáo khoa vào danh mục Nhà nước định giá).

Với 03 nguyên tắc để xác định phạm vi hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá nhà nước đã không bao quát hết được những phát sinh trên thực tiễn hiện nay, có những mặt hàng do tính chất cần thiết nên mặc dù không thuộc 3 nguyên tắc đặt ra tại Luật giá nhưng vẫn được bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá tại các Luật chuyên ngành; Ví dụ như giá máu và chế phẩm từ máu, giá dịch vụ tuyển sinh các cấp...

- Đối với công tác bình ổn giá, tính đến thời điểm hiện nay có những mặt hàng chưa phát sinh yêu cầu thực hiện bình ổn giá. Theo đánh giá thì không có phát sinh là phù hợp, qua đó cho thấy đã làm tốt công tác điều hành giá, kiểm soát lạm phát, phù hợp với các quy luật thị trường; Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn qua và tầm nhìn đến giai đoạn tiếp

theo thì danh mục thực hiện bình ôn giá cần phải có những điều chỉnh cho phù hợp.

**c. Gắn với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì việc phân công, phân cấp trong quản lý giá** được giao cho Chính phủ quy định chi tiết. Trong thực tiễn cho thấy, tại Luật chưa đặt ra các nguyên tắc đã làm việc phân công, phân cấp trong một số trường hợp còn chưa thể hiện rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng khâu cho nên trong một số trường hợp có sự điều chỉnh khi phát sinh vướng mắc cần xử lý, không phát huy được hết tính hiệu quả; Việc phân cấp từ trung ương xuống địa phương tuy đã được đẩy mạnh nhưng trong khâu phân công quản lý cho các cơ quan chức năng còn thiếu tính đồng bộ giữa các địa phương nên khó khăn trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện thống nhất.

Đối với các cơ quan Trung ương, việc phân công nhiệm vụ giữa Bộ Tài chính với các Bộ, ngành chưa rõ và còn khá dàn trải dẫn đến nhiều đầu mối quản lý giá, trong khi quy trình thực hiện chưa gắn với trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện nên khi có những phát sinh vướng mắc thường có sự đùn đẩy trách nhiệm. Trên một khía cạnh khác là việc phân công nhiệm vụ chưa tính hết được khả năng đáp ứng, cho nên trong một số lĩnh vực việc triển khai nhiệm vụ rất chậm, nhất là đối với những nhóm hàng hóa, dịch vụ phải điều chỉnh theo lộ trình. Trong bối cảnh hiện nay, nhất là khi không còn cơ chế liên tịch thì việc rà soát đánh giá để có sự điều chỉnh trong phân công lại nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành là cần thiết.

Đối với các cơ quan địa phương, trên cơ sở phân cấp một số nhiệm vụ từ cơ quan trung ương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gắn với đó là việc tỉnh sẽ phải phân công nhiệm vụ cho các Sở, ban ngành. Trên thực tế triển khai cho thấy không có sự thống nhất trong phân công quản lý cho các cơ quan chức năng giữa các địa phương; có những mặt hàng tỉnh này giao Sở chuyên ngành nhưng có tỉnh giao Sở Tài chính, trong khi trách nhiệm thẩm định phương án giá do Sở Tài chính thực hiện. Vì vậy, trong đa số các trường hợp khi có phát sinh vướng mắc phải hướng dẫn xử lý hoặc khi phải giải trình với các cơ quan chức năng thì khó phân định được đơn vị chịu trách nhiệm chung, thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh đều giao Sở Tài chính là không phù hợp. Trong quá trình tổng kết đánh giá, một số địa phương có ý kiến đề nghị nghiên cứu phương án giao tập trung nhiệm vụ quản lý giá vào một đầu mối là Sở Tài chính. Nếu giao các Sở chuyên ngành thì Sở Tài chính chỉ thẩm định, nhưng phải quy định trách nhiệm của Sở chuyên ngành trong xây dựng phương án giá và trách nhiệm giải trình với các cơ quan chức năng khi phát sinh. Vấn đề này cũng cần phải có nguyên tắc tại Luật để Ủy ban nhân dân các tỉnh thực thi trách nhiệm của mình hiệu quả hơn.

**d. Về phạm vi và biện pháp bình ôn giá chưa linh hoạt, hiệu quả chưa cao, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh.** Phạm vi thực hiện biện pháp chưa thật sự rõ ràng khiến cho cơ quan quản lý khó khăn trong việc quyết định triển khai. Theo cả 2 tiêu chí được nêu tại Luật là khi giá hàng hóa, dịch vụ có

biến động bất thường hoặc khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế, xã hội đều là các chỉ tiêu khó lượng hóa, rất khó để đưa ra quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định. Một mặt khác là với 7 biện pháp bình ổn giá hiện hành, chưa có cơ chế để sử dụng ngân sách nhà nước trong một số trường hợp đặc biệt như thiên tai, dịch bệnh như các nước nên tính hiệu quả của công cụ bình ổn giá chưa cao.

**d. Đối với hoạt động định giá Nhà nước**, theo quy định tại Luật Giá thì việc định giá phải bảo đảm nguyên tắc bù đắp đủ chi phí, có lợi nhuận (tính đúng, tính đủ) là phù hợp với các nguyên tắc thị trường, theo đúng chủ trương của Đảng, Chính phủ về đổi mới cơ chế quản lý giá trong các giai đoạn vừa qua. Trên cơ sở đó đã hình thành 2 phương pháp định giá chủ đạo là (i) phương pháp so sánh, là việc định giá theo thị trường và (ii) phương pháp định giá theo chi phí. Tuy nhiên, với một số trường hợp đặc thù như các dịch vụ công được chuyển từ phí sang giá thì việc đảm bảo thực hiện đúng, đủ các khoản chi phí sẽ rất khó trong khâu tổ chức thực hiện nếu không có các quy định cụ thể về điều kiện và lộ trình cụ thể. Một số dịch vụ mang tính chất công ích, sự nghiệp công có ảnh hưởng nhạy cảm đến đời sống xã hội như dịch vụ sử dụng đường bộ, dịch vụ sử dụng đò phà tại các vùng sâu, vùng xa, dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt... thì ngoài việc phải tính đúng, tính đủ các chi phí còn phải tính đến các yếu tố về thu nhập của người dân hoặc điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Do vậy, cần thiết phải bổ sung nghiên cứu nguyên tắc về lộ trình triển khai cơ chế giá thị trường tại Luật để áp dụng cho một số trường hợp đặc biệt. Đồng thời với đó là phải khắc phục tình trạng có nhiều phương pháp định giá như hiện hành, rất khó kiểm soát đánh giá khâu thực hiện. Theo đó, nghiên cứu để thống nhất đầu mối ban hành phương pháp định giá để nâng cao hiệu quả hoạt động định giá và kiểm soát hoạt động định giá của cơ quan có thẩm quyền.

Một mặt khác là các hình thức định giá (giá cụ thể, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) chưa bao quát, đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn gần đây. Thực hiện đầy mạnh chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý giá cũng được chuyển đổi mạnh mẽ, nhiều mặt hàng quan trọng thiết yếu, có tính độc quyền có tác động ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng như xăng dầu, gas, than, một số mặt hàng nông sản,... đã được đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Tuy nhiên trong thực tiễn hơn 8 năm qua cho thấy có những hạn chế nhất định khi nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có sự cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp vẫn có thể lợi dụng vị thế của mình để định giá hàng hóa, dịch vụ không phù hợp nguyên tắc thị trường. Vì vậy, cần phải có biện pháp quản lý, điều hành giá gián tiếp của Nhà nước để điều chỉnh.

**e. Công tác hiệp thương giá** đã góp phần khắc phục những khuyết tật của thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ độc quyền, cạnh tranh hạn chế nhưng vẫn còn có bất cập về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá và về giá trị

pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công. Theo quy định tại Luật giá, việc hiệp thương giá được thực hiện theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; hoặc hiệp thương trong trường hợp bên mua là cơ quan nhà nước là không phù hợp với bối cảnh hiện nay, nhất là khi pháp luật về đấu thầu đã được tương đối hoàn thiện.

**g. Biện pháp kê khai giá** thể hiện rất rõ chủ trương quản lý, điều hành giá gián tiếp, phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý Nhà nước. Theo quy định hàng hóa thuộc diện kê khai do Doanh nghiệp tự định và gửi bản kê khai đến cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền là phù hợp với thực tiễn hiện nay. Tuy nhiên, không phát huy được tác dụng đối với cả cơ quan quản lý và cả phía đơn vị thực hiện. Theo quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành thì việc kê khai chỉ là cung cấp thông tin về giá để qua đó cơ quan quản lý Nhà nước nắm bắt các diễn biến, thông qua đó hạn chế sự lợi dụng vị thế hoặc bối cảnh thị trường để tăng giá bất hợp lý; Nhưng không đủ cơ chế để giám sát và điều hành nên trong những trường hợp phát sinh khi thị trường có biến động cần có ngay các giải pháp điều hành, bình ổn giá là khó thực hiện.

**h. Đối với công tác kiểm tra, thanh tra giá:** Tại Luật giá chưa có các quy định cụ thể về công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá; một số chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực giá và thẩm định giá vẫn còn chưa đủ chặt chẽ, đảm bảo theo kịp với sự phát triển, thay đổi không ngừng của kinh tế xã hội nói chung cũng như từng ngành nghề nói riêng. Do vậy, công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá luôn gặp khó khăn nhất định; nhất là khi phát sinh các yêu cầu về đánh giá nắm bắt chi phí giá thành, công tác định giá của doanh nghiệp để phục vụ triển khai các giải pháp điều hành, bình ổn giá thị trường. Trong bối cảnh quản lý giá bằng các biện pháp vĩ mô, trao nhiều quyền chủ động cho doanh nghiệp thì việc tăng cường công tác hậu kiểm là cần thiết được chú trọng hơn nữa.

**i. Về thẩm định giá,** Các quy định, hướng dẫn về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, hồ sơ và quy trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá chưa hiệu quả, thiếu chặt chẽ dẫn đến việc kiểm soát chất lượng thẩm định giá của các doanh nghiệp còn hạn chế.

- Việc phát triển nóng về số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá trong thời gian gần đây dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật liên tục trong thời gian ngắn hoặc có hiện tượng thẩm định viên về giá không làm toàn thời gian tại doanh nghiệp dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý nhà nước cũng như làm giảm hiệu quả hoạt động, trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp. Hiện Luật giá chưa có quy định chặt chẽ để đảm bảo tính ổn định về nhân sự của doanh nghiệp thẩm định giá, nhất là người đại diện theo pháp luật; chưa có quy định định tính về chất lượng hành nghề của thẩm định viên trong trường hợp phải đình chỉ hành nghề khi không đảm bảo chất

lượng (ví dụ mỗi thẩm định viên hành nghề phải ký ít nhất 10 chứng thư thẩm định giá trong một năm).

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa có quy định về mã ngành kinh tế cho dịch vụ này; thiếu quy định chi tiết và trách nhiệm đối với việc ủy quyền toàn bộ hoặc một phần hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp cho chi nhánh của mình.

- Các quy định về đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa bao quát đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn phát sinh hoặc chưa cụ thể. Thiếu các quy định về đình chỉ, thu hồi Thẻ thẩm định viên qua đó nhằm tăng cường công tác quản lý chất lượng hành nghề của thẩm định viên.

**k. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước hiện chưa rõ phạm vi áp dụng thực hiện.** Các trường hợp phải thực hiện thẩm định giá Nhà nước còn quy định chung chung dẫn đến khó xác định trường hợp cụ thể trong thực tế để thực hiện; chưa rõ phạm vi, chưa cụ thể danh mục các hàng hóa, dịch vụ thực hiện thẩm định giá Nhà nước để tạo sự minh bạch, rõ ràng trong thực tiễn áp dụng hình thức thẩm định giá Nhà nước. Luật giá (điều 44) quy định phạm vi hoạt động thẩm định giá trong trường hợp "*không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá*" nhưng chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc thuê doanh nghiệp phải thực hiện các bước, quy trình gì, sau khi thực hiện hết các bước mà không thuê được doanh nghiệp mới được áp dụng Hội đồng thẩm định giá Nhà nước. Ví dụ: Việc tìm kiếm, mời gọi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chỉ thực hiện trong phạm vi địa phương, không mở rộng ra các địa phương khác, trong khi năng lực hoặc số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại địa phương đó không đáp ứng yêu cầu hoặc trường hợp "*mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn*" cũng chưa có hướng dẫn về thuật ngữ "*giá trị lớn*"... Trong thực tiễn thời gian qua cho thấy công tác thẩm định giá nhà nước là cần thiết cho việc mua - bán, cho thuê tài sản Nhà nước, qua đó hạn chế thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước; Vì vậy cần phải có cơ chế rõ ràng, minh bạch để thực hiện thống nhất đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

**l. Đối với công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường** tuy được xác định là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về giá, nhưng chưa có quy định cụ thể điều chỉnh hoạt động này. Trong khi đó hoạt động này cần phải được tăng cường trên các phương diện.

+ Trong thực tiễn công tác quản lý, điều hành giá đã cho thấy vai trò quan trọng thiết yếu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường, đây là nghiệp vụ quản lý nhà nước thường xuyên phải thực hiện với sự chính xác và tính kịp thời đối với các biến động của thị trường; từ đó làm cơ sở cho các cấp thẩm quyền và Ban chỉ đạo điều hành giá đưa ra các kịch bản điều hành giá cũng như đưa ra các chính sách, biện pháp bình ổn giá thị trường; tuy nhiên vẫn đang còn hạn chế về phản ứng chính sách của một số cơ quan nhà nước có thẩm



quyền trong việc sử dụng các công cụ kinh tế vĩ mô để điều tiết, bình ổn thị trường khi thị trường có những biến động bất thường còn chậm. Nguyên nhân do hiện nay Luật chưa quy định cụ thể về công tác này nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn mang tính giao việc hành chính, chưa có hiệu lực pháp lý cao để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ.

+ Tại Luật giá chưa có quy định về việc sử dụng chỉ số giá trong công tác quản lý nhà nước, nhất là chỉ số giá của một số hàng hóa thuộc nhóm tư liệu sản xuất. Hiện nay một số pháp luật chuyên ngành có quy định về việc sử dụng chỉ số giá để điều chỉnh dự toán, giá cả, mức đầu tư... như Luật đầu tư công quy định việc điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công trong một số trường hợp được thực hiện khi chỉ số giá có biến động lớn. Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định. Tuy nhiên, việc xây dựng chỉ số giá để điều chỉnh dự toán, vốn,... cần được nghiên cứu gắn với phương pháp xác định chỉ số giá đảm bảo phù hợp với diễn biến giá cả thị trường và gắn với hiệu quả tài chính, đặc biệt tránh lãng phí, đội vốn ngân sách nhà nước.

Một mặt khác là trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ, bên cạnh những kết quả đạt được cũng cho thấy một số hạn chế nhất định như tính pháp lý và hiệu lực pháp lý của chính sách điều hành giá được Ban chỉ đạo điều hành giá thống nhất thực hiện chưa được hiệu quả, chưa có tính áp dụng bắt buộc cao để đảm bảo các đối tượng liên quan phải thực hiện nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô hàng năm và trong từng thời kỳ. Đồng thời, công tác phối hợp của các bộ quản lý ngành với Bộ Tài chính (cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo điều hành) là rất quan trọng, đảm bảo thông tin, báo cáo được cập nhật nhanh, đầy đủ; tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, kịp thời trong công tác phối hợp cần được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo quyền và trách nhiệm của các bộ ngành liên quan trong công tác quản lý, điều hành giá của Ban chỉ đạo.

## **1.2. Tồn tại, hạn chế giữa Luật giá với các Luật chuyên ngành**

Luật giá 2012 đã thể chế các quan điểm, nguyên tắc cơ bản về quản lý nền kinh tế thị trường trong đó có cơ chế giá thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, qua đó đã tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý, điều hành giá phù hợp với chủ trương chung. Tuy nhiên, với tính chất tất yếu và khách quan của hoạt động quản lý, điều hành giá cùng với những yêu cầu phát sinh trong thực tiễn thì hiện một số Luật, Bộ Luật chuyên ngành khác đã thể chế hóa nhiều quy định về lĩnh vực giá. Trong đó, có những quy định chi tiết hơn một số vấn đề chuyên ngành liên quan đến quản lý giá song vẫn đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và quy định cụ thể tại Luật giá; Tuy nhiên cũng có những Luật chuyên ngành đã quy định “mờ rộng” hơn so với các quy định tại Luật giá; một số trong đó dẫn đến sự

trùng lặp, tuy nhiên cũng có một số quy định đã gây ra “chồng chéo, mâu thuẫn” với Luật giá. Cụ thể như:

### **1.2.1. Đối với các quy định liên quan đến định giá nhà nước**

Chủ trương của Luật giá là quy định đúng và đủ danh mục các mặt hàng cần phải định giá nhà nước để đảm bảo tránh việc lạm dụng biện pháp điều tiết có tính can thiệp trực tiếp như định giá nhà nước. Đồng thời với việc quy định về danh mục là kèm theo đầy đủ các vấn đề về thẩm quyền (phân công, phân cấp), hình thức định giá, phương pháp định giá, quy trình định giá và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên trong thực tế khi xây dựng các Luật chuyên ngành đã có những quy định liên quan đến định giá nhà nước dẫn đến sự trùng lặp, mâu thuẫn, chồng chéo như:

#### **a. Quy định thêm hàng hóa, dịch vụ áp dụng định giá nhà nước ngoài danh mục tại Luật giá**

Ví dụ như Luật giao thông đường bộ bổ sung giá dịch vụ ra, vào bến xe do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (Điều 83); Luật Đường sắt năm 2017 bổ sung giá dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị do UBND cấp tỉnh quy định (điều 56, Điều 67); Luật đấu giá tài sản năm 2016 bổ sung khung giá thù lao dịch vụ đấu giá tài sản do Bộ Tài chính quy định (Điều 78); Luật Quy hoạch bổ sung giá quy hoạch do Bộ Tài chính quy định.

Không chỉ được bổ sung tại Luật, một số hàng hóa, dịch vụ còn được bổ sung thực hiện định giá tại các Nghị định, Thông tư như: Nghị định 96/2012/NĐ-CP bổ sung dịch vụ cai nghiện chất dạng thuốc phiện; Nghị định 146/2016/NĐ-CP bổ sung dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP bổ sung dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Thông tư 36/2015/TT-BGTVT bổ sung 9 dịch vụ hàng không khác...

Việc các Luật bổ sung danh mục mặc dù đều xuất phát từ yêu cầu cấp thiết đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trong quản lý nhà nước; song cũng dẫn đến Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá còn được bổ sung, quy định trùng lặp, chồng chéo tại nhiều Luật, thậm chí tại các Nghị định, Thông tư dẫn đến hạn chế trong việc kiểm soát, theo dõi, tổng hợp tập trung. Trong khi đó trách nhiệm đầu mối kiểm soát, trình thay đổi danh mục được giao cho Bộ Tài chính thực hiện trình Chính phủ (tại Nghị định hướng dẫn Luật) nhưng một số trường hợp chưa tuân thủ triệt để, việc bổ sung các mặt hàng vào danh mục chưa đánh giá kỹ khâu tổ chức thực hiện nên tính hiệu quả không cao.

**b. Một số hàng hóa, dịch vụ được quy định bổ sung tại Luật chuyên ngành chưa đảm bảo phù hợp các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá** được quy định tại Điều 19 Luật giá (3 nguyên tắc đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện định giá là “*Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực nhà nước độc quyền sản xuất kinh doanh; Tài nguyên quan trọng; Hàng dự trữ quốc gia, sản phẩm dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử*

*dụng ngân sách nhà nước*”). Qua rà soát, đánh giá cho thấy như dịch vụ ra, vào bến xe quy định tại Luật giao thông đường bộ; dịch vụ quy hoạch được quy định tại Luật quy hoạch; 9 dịch vụ hàng không quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BGTVT, giá dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, thù lao dịch vụ đấu giá tài sản...

Đồng thời, có một số mặt hàng được quy định tại Luật chuyên ngành có sự trùng lặp với Luật Giá nhưng tên chưa thống nhất như tại Luật Giá quy định “*dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa tuyến độc quyền*”, nhưng tại Luật hàng không chỉ quy định “*dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa*”, theo đó đã mở rộng hơn phạm vi so với Luật giá đối với các tuyến bay không phải độc quyền cũng thực hiện định giá.

### **c. Thiếu các quy định đồng bộ về hình thức, thẩm quyền định giá khi có quy định bổ sung hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ngoài danh mục**

Một số mặt hàng được quy định thuộc danh mục định giá nhà nước nhưng thiếu các quy định về hình thức định giá hoặc thẩm quyền định giá hoặc chồng chéo với quy định tại Luật giá dẫn đến khó khăn trong khâu tổ chức thực hiện. Ví dụ như Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị (tại Luật Đường sắt chưa quy định hình thức định giá); Dịch vụ tuyển sinh (Tại Luật Giáo dục chưa quy định hình thức định giá); Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn nhà nước (tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định là Ủy ban nhân dân quy định giá tối đa, song tại Luật bảo vệ môi trường lại quy định Ủy ban nhân dân quy định giá cụ thể).

Nguyên nhân chủ yếu cũng do việc Luật chuyên ngành chưa đảm bảo đúng các nguyên tắc “gốc”, có tính căn bản của công tác quản lý giá về triển khai được đề cập tại Luật giá; Việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ định giá là nhằm giải quyết thực tế “tình huống phát sinh” khi các cơ quan quản lý cho rằng cần phải kiểm soát giá của một hàng hóa, dịch vụ nào đó cũng rất cần thiết nhưng thiếu đi các quy phạm đồng bộ về tổ chức thực hiện.

### **d. Chồng chéo trong quy định về thẩm quyền và hình thức định giá**

Theo quy định tại Luật Giá, việc phân công, phân cấp thẩm quyền định giá thuộc trách nhiệm của Chính phủ (Điều 22); tuy nhiên, tại một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cũng có các quy định thẩm quyền định giá chồng chéo quy định tại Luật giá, gây vướng mắc không cần thiết như:

- Đối với mặt hàng nước sạch, tại Luật giá và Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính xác định khung giá nước sạch và hướng dẫn phương pháp định giá, song tại Nghị định 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng lại giao Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch riêng cho các đô thị.

- Hoặc tại Luật giá chỉ quy định 4 cấp cơ quan quản lý Nhà nước về giá gồm (1) Chính phủ, (2) Thủ tướng Chính phủ, (3) Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành, (4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong lĩnh vực giáo dục và y tế, Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 đã giao thẩm quyền định giá một số dịch vụ y tế, giáo dục tại cơ sở công lập cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Về hình thức định giá tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Giá giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá rừng cụ thể nhưng Luật Lâm nghiệp giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá rừng trên địa bàn quản lý (Khoản 4 Điều 90).

#### **d. Quy trình thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định giá chưa thống nhất.**

Tại Luật giá giao Chính phủ quy định quy trình định giá; Theo đó, vấn đề này đã được quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP. Về nguyên lý thì quy trình định giá sẽ quyết định đến chất lượng hoạt động, kết quả định giá nên cần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Nhưng tại một số Luật chuyên ngành, bên cạnh việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ, còn quy định cả quy trình định giá không bảo đảm thống nhất với quy trình tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP. Ví dụ việc định giá điện, theo quy định tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP, Bộ Công thương xây dựng phương án giá và trình Chính phủ sau khi có *ý kiến thẩm định* của Bộ Tài chính; Tuy nhiên theo Luật điện lực thì Bộ Công Thương *lấy ý kiến tham gia* Bộ Tài chính về phương án giá.

Ở cấp địa phương, Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh “quy định việc trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá” đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình, trong đó đảm bảo nguyên tắc vai trò thẩm định phương án giá của Sở Tài chính. Như vậy, căn cứ theo quy định này thì tùy địa phương có thể giao cho Sở Tài chính hoặc Sở chuyên ngành trình phương án giá tùy theo thực tiễn. Tuy nhiên, tại một số pháp luật chuyên ngành như Nghị định số 23/2016/NĐ-CP (dịch vụ nghĩa trang), Nghị định số 80/2014/NĐ-CP (dịch vụ thoát nước), Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt) quy định trực tiếp nhiệm vụ lập, thẩm định, phê duyệt giá cho Sở chuyên ngành và giao Sở Tài chính thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá là không phù hợp, dưới góc độ nào đó thì đã can thiệp vào thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **e. Chồng chéo trong vấn đề ban hành phương pháp định giá**

Trong công tác quản lý, điều hành giá, phương pháp định giá được xác định là công cụ quan trọng, thể hiện tính nguyên lý của hoạt động, là chuẩn mực cho hoạt động và là thước đo đánh giá hoạt động khi có phát sinh. Việc định giá hiện được tiếp cận theo 2 phương diện là từ chi phí, từ thị trường (so sánh giá) và trong một số trường hợp được kết hợp cả 2 phương pháp này. Vì vậy,

yêu cầu đặt ra là phải được thực hiện thống nhất trong các trường hợp. Tại Luật giá quy định: “*Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình.*”.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá (i) phương pháp so sánh và (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các trường hợp cần định giá. Vì vậy, việc quy định có phương pháp định giá riêng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn đã dẫn đến tình trạng thực hiện không đồng bộ; một số trường hợp ban hành phương pháp riêng, một số trường hợp áp dụng thông tư 25/2014/TT-BTC. Nếu tiếp tục thực hiện theo quy định này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

- Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý dẫn đến hình thành các phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chông chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kỹ thuật. Vì vậy, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vấn đề vướng mắc là nếu định mức kinh tế kỹ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn với mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, chưa đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc quy định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế...). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ...

### **1.2.2. Về các quy định quản lý thẩm định giá**

a. Theo quy định tại Luật giá thì thẩm định viên về giá (đã được Bộ Tài chính cấp thẻ) được hành nghề thẩm định giá với các loại tài sản, trong đó có đất mà không có bất kỳ một điều kiện nào khác.

Tuy nhiên, tại một số văn bản pháp luật chuyên ngành đã có quy định thêm điều kiện đối với thẩm định viên, doanh nghiệp thẩm định giá khi thực hiện việc định giá một số loại tài sản. Ví dụ như:

- Tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP có mâu thuẫn, chông chéo với Luật giá về điều kiện đối với tổ chức tư vấn xác định giá đất và cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

*Theo quy định tại Điều 115, 116 Luật đất đai năm 2013 về tư vấn xác định giá đất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, trong đó có nội dung quy định điều kiện hoạt động của tư vấn xác định giá đất, hành nghề tư vấn xác định giá đất thực hiện theo quy định của Chính phủ (gồm tổ chức tư vấn định giá đất và định giá viên). Trên cơ sở đó, tại Nghị định số 44 đã quy định:*

*“Cá nhân chỉ được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

*a) Có Chứng chỉ định giá đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai;*

*b) Có Thẻ thẩm định viên về giá hoặc Chứng chỉ định giá bất động sản và Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.”*

*Theo quy định tại Điều 105 Bộ Luật Dân sự về tài sản như sau:*

*“1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.*

*2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.”*

- Tại Điều 32 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ quy định tổ chức thẩm định giá công nghệ phải có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đối với tổ chức khoa học và công nghệ; có ít nhất 02 thẩm định viên về giá hành nghề đã hoàn thành chương trình cập nhật kiến thức về định giá công nghệ, định giá tài sản trí tuệ do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hoặc công nhận.

Theo quy định tại Luật giá thì thẩm định viên về giá (có thẻ) được hành nghề thẩm định giá với các loại tài sản, trong đó có đất mà không có bất kỳ một điều kiện nào khác. Luật giá đã có các quy định điều chỉnh liên quan đến hoạt động tư vấn xác định giá bất động sản (trong đó đất đai là một loại bất động sản) nên đối với đất đai hoạt động này được hiểu là hoạt động tư vấn xác định giá

đất. Trước khi Luật Đất đai năm 2013 được ban hành, hoạt động tư vấn xác định giá đất được thực hiện thống nhất theo Luật giá năm 2012. Theo đó, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất là các doanh nghiệp thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, các cá nhân thực hiện là các thẩm định viên về giá hành nghề được Bộ Tài chính cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

Đồng thời, hiện nay, việc tư vấn xác định giá bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản; tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cổ phần hóa, thoái vốn, góp vốn; tư vấn xác định giá trị công nghệ (thẩm định giá công nghệ) theo Luật chuyển giao công nghệ; tư vấn trong mua sắm tài sản công... cũng đã được quy định rõ thuộc phạm vi hoạt động của các tổ chức thẩm định giá theo Luật giá.

Hơn nữa, hoạt động tư vấn xác định giá (kinh doanh dịch vụ thẩm định giá) được xác định là một hoạt động kinh doanh có điều kiện, kết quả tư vấn được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản, do đó có thể thấy đây là một trong những loại hình dịch vụ tài chính phức tạp, có ảnh hưởng lớn đến nhiều hoạt động kinh tế, đòi hỏi kết quả dịch vụ có độ tin cậy và đảm bảo tính khách quan, trung thực. Để đảm bảo chất lượng của hoạt động dịch vụ tư vấn này, Luật giá đã có những quy định cụ thể, khắt khe đối với cá nhân tham gia tư vấn (thẩm định viên) và tổ chức tham gia tư vấn (doanh nghiệp thẩm định giá) về điều kiện chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, đặc biệt là cá nhân muốn trở thành thẩm định viên về giá phải trải qua kỳ thi do Bộ Tài chính tổ chức...

Việc quy định thêm các điều kiện đối với hoạt động tư vấn định giá đất tại Nghị định 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP là trái với quy định tại Luật giá, phát sinh thêm các khoản chi phí tuân thủ cho xã hội không cần thiết, đồng thời gây cản trở cho việc tiếp cận dịch vụ tốt nhất để thực hiện hiệu quả công việc.

**b.** Luật Giá quy định doanh nghiệp thẩm định giá hằng năm phải có báo cáo kết quả hoạt động gửi cơ quan quản lý; Tuy nhiên tại một số Luật chuyên ngành như Luật chuyển giao công nghệ, Luật Đất đai có quy định trách nhiệm của doanh nghiệp thẩm định giá phải báo cáo cơ quan quản lý công nghệ, đất đai nếu có thực hiện thẩm định giá trong lĩnh vực công nghệ, đất đai; Hoặc trong một số trường hợp có quy định danh mục doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện để thẩm định giá trong một lĩnh vực riêng là không phù hợp, trái với các nguyên tắc tại Luật giá. Như vậy, đã có sự chồng chéo, tăng thêm điều kiện cho hoạt động doanh nghiệp.

**c.** Một số pháp luật chuyên ngành đang quy định về Hội đồng có bản chất công việc tương tự như Hội đồng thẩm định giá Nhà nước quy định tại Luật giá

nhưng thiếu sự đồng bộ trong quy định về phương pháp, quy trình xác định giá trị tài sản với Luật giá. Ví dụ như Hội đồng định giá đất được quy định tại Luật đất đai và Nghị định 44/2014/NĐ-CP.

#### **d. Về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá**

Nội dung này chưa có sự thống nhất giữa pháp luật chuyên ngành với quy định của Luật Giá. Theo quy định của Luật Giá thì kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản. Kết quả thẩm định giá mang tính chất tư vấn và chỉ được sử dụng trong thời hạn có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá, còn người quyết định giá là các cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản, những người này có thể hoặc không quyết định giá theo kết quả thẩm định giá.

Tuy nhiên, nhiều quy định tại pháp luật chuyên ngành gần như sử dụng ngay kết quả thẩm định giá làm căn cứ duy nhất để định giá, kéo theo đó là trách nhiệm rất nặng đặt lên vai các doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá. Cụ thể, đối với hoạt động thẩm định giá khởi điểm đấu giá các khoản nợ xấu, kết quả thẩm định giá được xem như là giá tối thiểu, giá sàn để đấu giá lần đầu khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu (Nghị định số 61/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định chi tiết việc thẩm định giá khởi điểm của khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và việc thành lập Hội đồng đấu giá nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có giá trị lớn).

Tương tự, đối với hoạt động thẩm định giá trong thi hành án dân sự, kết quả thẩm định giá tài sản kê biên trong thi hành án dân sự được lấy làm giá khởi điểm để bán đấu giá theo quy định. Như vậy, đối với Luật thi hành án dân sự, Chấp hành viên và tổ chức thẩm định giá đóng vai trò quyết định đối với kết quả giá khởi điểm để bán đấu giá trong định giá tài sản kê biên (Điều 99 Luật thi hành án dân sự).

#### **1.2.3. Về các quy định về hình thức văn bản quyết định giá**

Hình thức văn bản của quyết định giá là văn bản hành chính cá biệt hay văn bản quy phạm pháp luật còn chưa rõ. Luật giá và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đều không có quy định điều chỉnh chi tiết vấn đề này. Nếu áp dụng cứng theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng có điểm không phù hợp; Qua thực tiễn triển khai tại các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá tại trung ương và địa phương cho thấy hiện có sự chưa thống nhất và có cách hiểu khác nhau về việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá ở trung ương và địa phương. Có trường hợp lựa chọn hình thức văn bản quy phạm pháp luật, một số trường hợp lựa chọn hình thức văn bản hành chính cá biệt. Ví dụ như:



- Đối với giá bán điện: Về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, khung giá điện được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật<sup>1</sup>; việc quy định giá bán lẻ, hoặc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân được ban hành dưới hình thức Quyết định cá biệt<sup>2</sup>.

- Đối với giá nước sạch cho sinh hoạt: Quy định về phương pháp, nguyên tắc xác định giá nước sạch và khung giá nước sạch sinh hoạt được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật<sup>3</sup>; việc quy định giá cụ thể cũng được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (các Quyết định về giá nước cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

- Đối với giá xăng dầu: các quy định về nguyên tắc xác định giá cơ sở, các nội dung chi phí, quỹ bình ổn giá được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật<sup>4</sup>; việc quyết định mức giá cơ sở, mức giá bán lẻ tối đa ban hành dưới hình thức văn bản cá biệt (Thông báo của Bộ Công Thương trong mỗi kỳ điều hành).

- Đối với giá đất: Cơ chế về giá đất được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (Luật đất đai và các Nghị định hướng dẫn); khung giá đất 5 năm và bảng giá đất từng địa phương cũng được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Ủy ban nhân dân);

- Đối với giá dịch vụ y tế: Về cơ chế giá dịch vụ y tế được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật<sup>5</sup>; mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc và không thuộc phạm vi thanh toán của bảo hiểm y tế cũng được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư của Bộ Y tế, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

Nhìn chung việc ban hành các quy định quản lý nhà nước nói chung, trong đó có lĩnh vực giá được áp dụng thực hiện theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật, tính chất quy phạm pháp luật trong việc ban hành cơ chế giá đối với hàng hóa dịch vụ có thể hiểu là các nguyên tắc, phương pháp, định mức chung để xây dựng giá cụ thể đối với một hàng hóa, dịch vụ; Việc ban hành quy định chung về các nội dung này sẽ được tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cả nước áp dụng.

<sup>1</sup> Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu giá bán lẻ điện, Quyết định số 34/2017/QĐ-TTg ngày 25/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân giai đoạn 2016 - 2020

<sup>2</sup> Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện

<sup>3</sup> Thông tư liên tịch 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT.

<sup>4</sup> Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

<sup>5</sup> Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập

Việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá mặc dù cũng có một số tính chất của quy phạm pháp luật nhưng không đầy đủ như đối với văn bản quy phạm pháp luật vì thế đã dẫn đến cách hiểu và tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị không thống nhất. Trong khi đó tính chất của công tác điều hành giá phụ thuộc chủ yếu vào các vấn đề về chi phí và thời điểm, nội hàm vấn đề “mức giá” chỉ có hiệu lực trong một thời điểm, một giai đoạn nhất định. Trong một số trường hợp cơ quan nhà nước ban hành mức giá tối đa, giá cụ thể để điều hành, quản lý ngân sách nhà nước (như giá mua sản phẩm, dịch vụ công, giá mua tối đa, giá bán tối thiểu hàng dự trữ quốc gia...) thì mức giá này không hoàn toàn sử dụng lặp đi, lặp lại nhiều lần và mang tính chất điều hành trong cơ quan nhà nước.

Do đó, các nội dung về cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện... để xác định giá là nội dung quy phạm pháp luật; còn việc quyết định giá, điều chỉnh giá trên cơ sở các cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp đã được quy định sẽ là nội dung có tính chất cá biệt, chỉ thuộc phạm vi khâu tổ chức thực hiện các quy định, cơ chế hiện hành. Như vậy, đặt ra vấn đề thống nhất nguyên tắc việc quyết định giá, điều chỉnh giá.

*(Kết quả rà soát Luật giá với các luật chuyên ngành chi tiết tại Phụ lục số 3 đính kèm)*

### **1.3. Tồn tại, hạn chế trong tổ chức thi hành Luật**

- Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền phổ biến, tổ chức thực hiện các quy định của Luật đã được chú trọng; hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh được nâng cao, nhất là khối doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều các trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước về giá, có nhiệm vụ quản lý giá chưa nắm rõ được các vấn đề căn bản trong thực thi nhiệm vụ; nhất là trong các hoạt động về xây dựng phương án giá; trình tự thủ tục thẩm định, trình phê duyệt phương án giá cho nên khá lúng túng trong triển khai. Các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá còn có những sai phạm căn bản về nhiệm vụ phải bị xử lý vi phạm hành chính, thậm chí đã có trường hợp bị xử lý hình sự.

- Công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, biện pháp quản lý điều hành giá nhất là đối với một số hàng hóa nhạy cảm nhiều khi gián đoạn, không kịp thời dẫn đến dư luận xã hội trái chiều, thậm chí không chính xác đã ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá.

- Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhóm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật được ban hành đầy đủ, kịp thời; Nhưng do thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ, ngành nên chưa được rà soát, sửa đổi bổ sung theo các diễn biến thực tế phát sinh. Nhất là việc bổ sung các chế định điều chỉnh những vấn đề mới, chế tài xử phạt hành chính và cơ chế giám sát,...

#### **1.4. Tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:**

a. Luật giá được ban hành có hiệu lực thi hành từ 01/01/2013, tại thời điểm đó Luật là văn bản pháp lý cao nhất quy định thống nhất các nội dung về quản lý giá trên toàn quốc; đáp ứng thực tiễn quản lý nhà nước về giá trong từng lĩnh vực chuyên ngành; Luật giá cũng đã quy định về việc phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về giá đối với các bộ, ngành, địa phương. Tại thời điểm này, pháp luật chuyên ngành cơ bản không có các quy định về quản lý giá. Trong quá trình tổ chức, thi hành các quy định về quản lý giá theo Luật giá và trên cơ sở thực tiễn quản lý giá theo ngành, lĩnh vực, các bộ ngành đã tiến hành trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, nhưng đã đưa nội dung về quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý tại Luật chuyên ngành; theo đó có những quy định được ban hành nhất quán theo phân công, phân cấp tại Luật giá nhưng đồng thời, cũng phát sinh từ thực tiễn có những quy định mới về quản lý giá, về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý, về thẩm quyền quản lý giá,... chông chéo với Luật Giá.

b. Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thẩm định giá trong những năm gần đây đã đặt ra yêu cầu phải tăng cường quản lý nhà nước, siết chặt điều hành hoạt động để nâng cao tính hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động thẩm định giá.

c. Công tác thực hiện phân tích dự báo và gắn với đó là cơ chế phối hợp trong điều hành giá để bảo đảm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu ngày càng đòi hỏi phải được củng cố, tăng cường về mọi mặt, nhất là cơ sở pháp lý để thực thi. Nhất là trong bối cảnh phải đẩy mạnh chủ trương quản lý, điều hành giá theo thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước.

d. Những diễn biến thay đổi nhanh chóng của tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế đặt ra những yêu cầu cải cách cơ chế quản lý giá, nhất là hoàn thiện danh mục hàng hóa, dịch vụ và phân công, phân cấp quản lý, hình thức định giá cho phù hợp.

e. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cả phía cơ quan quản lý Nhà nước về giá và các tổ chức cá nhân còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả thi hành Luật.

## **2. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu**

#### **2.1.1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức quản lý điều hành giá để phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo được sự nhất quán, thống nhất của Luật giá với hệ thống pháp luật về dân sự kinh tế; Bảo đảm khuyến khích cạnh tranh về giá. Tăng cường vai trò công tác quản lý giá góp phần kiểm soát hiệu quả thu chi ngân sách nhà nước; tạo lập môi trường

pháp lý ổn định và thống nhất trong lĩnh vực giá. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về giá, khắc phục triệt để những chồng chéo pháp luật, qua đó nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.

Với mục tiêu đó, tại Luật giá (sửa đổi) cần phải thể hiện rõ nét hơn các nguyên tắc về quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Củng cố, kiện toàn các nguyên tắc cơ bản về quản lý nhà nước về giá hiện hành tại Luật cũng như bổ sung, luật hóa các nguyên tắc phù hợp với cơ chế thị trường nhằm xây dựng hành lang pháp lý có tính toàn diện, thống nhất, đảm bảo bao quát và thuận lợi cho công tác quản lý điều hành giá trong bối cảnh hiện nay và thời gian tới; tạo công cụ pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện, thi hành Luật.

### **2.1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Luật giá phải là một trong những công cụ pháp lý quan trọng để tham gia điều hành kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, góp phần phát triển kinh tế bền vững và tăng trưởng xanh, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. Công tác quản lý, điều hành giá của Nhà nước được thực hiện theo cơ chế thị trường, đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, khắc phục những mặt tồn tại như lợi ích nhóm, trục lợi, tiêu cực lãng phí; Đồng thời phải có tính linh hoạt trong các trường hợp để ứng phó kịp thời với các tình huống phát sinh trong thực tiễn có tác động ảnh hưởng đến nền kinh tế;

- Sửa đổi hoàn thiện các danh mục hàng hóa dịch vụ thuộc diện bình ổn giá, định giá nhà nước, kê khai giá vừa bảo đảm tính chặt chẽ, vừa linh hoạt phù hợp với yêu cầu quản lý điều hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong từng thời kỳ. Bảo đảm thích ứng với tính linh hoạt trong quản lý điều hành nền kinh tế của Chính phủ. Theo đó, Luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc chung trong triển khai và giao Chính phủ quy định chi tiết cho phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn thời gian qua, phù hợp với Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính phủ; gắn với đó là phân công, phân cấp quản lý giá cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành của các Bộ, ngành, địa phương; cá thể hóa trách nhiệm trong công tác quản lý, điều hành giá. Phân định rõ trách nhiệm quản lý, giám sát về giá giữa Chính phủ với các Bộ, ngành, địa phương, giữa Bộ Tài chính với các Bộ, ngành, địa phương. Trên tinh thần đó, Chính phủ sẽ chỉ đóng vai trò ban hành thể chế pháp luật về giá đảm bảo toàn diện, công khai, minh bạch; Bộ Tài chính có vai trò đầu mối, tham mưu chung cho Chính phủ các vấn đề về nguyên tắc, danh mục, phương pháp quản lý, điều hành giá; Các Bộ, ngành, địa phương có vai trò trong việc thực hiện quản lý giá các mặt hàng cụ thể theo phân công, phân cấp của Chính phủ.

- Tiếp tục rà soát để đẩy mạnh công tác thực thi và hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo nguyên tắc thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu như xăng dầu, nước sạch, đất đai, điện, dịch vụ công theo hướng: làm rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm thực thi của các cấp quản lý nhà

nước trong công tác điều hành, bình ổn giá thị trường thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường hoặc theo lộ trình thích hợp;

- Hoàn thiện cơ chế công bố thông tin rõ ràng, minh bạch để kiểm soát chi phí sản xuất các hàng hóa, dịch vụ nhằm hạn chế tác động tiêu cực của vị thế độc quyền; Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, hoàn thiện về cơ chế thẩm định giá nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay, thúc đẩy kiện toàn cơ chế kiểm soát, chế tài đối với các doanh nghiệp thẩm định giá.

- Bộ Tài chính giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thẩm định giá theo hướng chuyên sâu, qua đó cụ thể hóa trách nhiệm, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động thẩm định giá. Nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá trong cả khối tư vấn của doanh nghiệp cũng như trong công tác thẩm định giá nhà nước. Trong đó, chuyển một số nội dung quy định từ Nghị định lên Luật liên quan đến quy định về nội dung quản lý nhà nước về thẩm định giá và thẩm quyền quản lý nhà nước về thẩm định giá; Làm rõ về tiêu chuẩn hành nghề của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá nhằm định hướng nâng cao chất lượng ngành nghề thẩm định giá để đáp ứng yêu cầu hiện tại và sự phát triển của dịch vụ này trong tương lai. Nhất là, thông qua đó loại trừ các đơn vị yếu về chuyên môn, có tư tưởng chộp giật, ảnh hưởng chung đến cả ngành dịch vụ...

- Bổ sung hoàn thiện các quy định đề cùng cố, tăng cường công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường, giá cả, kiểm soát lạm phát trong tổng thể công tác điều hành kinh tế vĩ mô chung của Chính phủ, Bộ, ngành. Gắn với đó là củng cố địa vị pháp lý cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, hình thành kênh thông tin chính thống, tin cậy phục vụ công tác quản lý giá, thẩm định giá.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để đảm bảo công khai, minh bạch, tránh được các tiêu cực, thông đồng về giá. Mặt khác cũng cần tạo hành lang pháp lý phù hợp để tạo thuận lợi trong tổ chức thực hiện, tránh việc né tránh, thoái thác trách nhiệm. Gắn với đó là hoàn thiện đồng bộ các chế định về biện pháp chế tài, xử lý hành vi lợi dụng giá cả để tạo thế độc quyền, từ việc liên kết giá để khống chế thị trường, tạo lợi nhuận cao, ảnh hưởng gây thiệt hại cho các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng; các hành vi lợi dụng vị thế để khống chế giá trong cùng hệ thống phân phối ở mức có lợi bất hợp lý.

- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý, điều hành giá để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

## **2.2. Quan điểm chỉ đạo:**

a. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước; nhất là đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu thuộc danh mục Nhà nước bình ổn giá, định giá; Đồng thời có giải pháp cho những vấn đề thực tiễn tất yếu đang tồn tại trong quản lý điều hành một số dịch vụ công cần phải có lộ trình, một số hàng hóa liên quan đến an sinh xã hội cần phải có biện pháp điều tiết phù hợp nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, hướng đến thực hiện các mục tiêu hài hòa lợi ích của doanh nghiệp sản xuất, người dân, cộng đồng và nhà nước, phục vụ công tác kiểm soát lạm phát mục tiêu góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

b. Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật giá và các Luật chuyên ngành có quy định về giá còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, chồng chéo, vướng mắc; đồng thời Luật hóa một số quy định tại các văn bản dưới Luật đã ổn định.

c. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Xác định rõ phạm vi, nguyên tắc áp dụng pháp luật trong Luật giá để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả pháp luật về quản lý giá. rà soát Luật giá với các Luật chuyên ngành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế chính sách; biện pháp quản lý điều hành giá; danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và phân công, phân cấp thực hiện để phân định rõ về nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; tăng cường quản lý giá nhà nước về giá, đồng thời hướng đến việc công khai minh bạch trong công tác quản lý, điều hành giá... tại Luật Giá nhằm khắc phục các chồng chéo, vướng mắc trong hệ thống pháp luật và công tác tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, Luật Giá phải bảo đảm tính bao quát, toàn diện những nội dung về quản lý Nhà nước về giá, theo đó đề xuất, bãi bỏ các quy định về giá tại các Luật chuyên ngành không phù hợp.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Chính sách 1: Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá**

Nội dung của chính sách là củng cố hoàn thiện nguyên tắc để xác định hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá quy định tại Điều 19 Luật giá theo hướng rõ hơn về tiêu chí, phạm vi, bảo đảm chặt chẽ để tránh lạm dụng nhưng có tính linh hoạt trong điều hành của Chính phủ trong từng thời kỳ; Trên cơ sở đó, giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết danh mục; Đồng thời xây dựng các quy định để đảm bảo tính tuân thủ triệt để trong quy trình xem xét, thay đổi danh mục trong các trường hợp cần thiết.

Gắn với đó là việc đẩy mạnh phân công, phân cấp trong quản lý giá cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chuyên môn, và các địa phương; phân định rõ trách nhiệm quản lý, giám sát về giá giữa Chính phủ với các Bộ, ngành, địa

phương, giữa Bộ Tài chính với Bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở đó, Chính phủ sẽ tập trung vào ban hành chính sách, giảm tối đa trường hợp định giá cụ thể. Bộ Tài chính nắm giữ vai trò giúp Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về giá; Đồng thời, chi thực hiện định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch, có liên quan đến ngân sách nhà nước. Việc phân cấp tại địa phương và phân công cụ thể cho các Sở, ngành sẽ được thực hiện thống nhất với nguyên tắc tại trung ương để tạo thuận lợi cho việc triển khai nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực.

### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

a. Tại Luật giá đã có quy định về nguyên tắc xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và gắn với đó Luật giá cũng quy định danh mục chi tiết các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (Điều 19). Trên thực tiễn, việc triển khai nhiệm vụ định giá nhà nước đối với danh mục hàng hóa quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước; Tuy nhiên, hiện nay việc quy định danh mục nhà nước định giá còn được mở rộng, dàn trải tại nhiều pháp luật chuyên ngành.

Theo đó, có thể thấy một số bất cập trong danh mục hàng hóa do nhà nước định giá như sau:

*Thứ nhất, mở rộng danh mục khó kiểm soát:* Trên cơ sở rà soát pháp luật cho thấy, tại một số Luật chuyên ngành quy định thêm hàng hóa, dịch vụ cụ thể thực hiện định giá dẫn đến việc (i) Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá còn được bổ sung, quy định trùng lặp, chồng chéo tại một số Luật, thậm chí tại các Nghị định, Thông tư dẫn đến khó khăn cho việc kiểm soát, theo dõi, tổng hợp tập trung (ii) Một số hàng hóa, dịch vụ được đưa vào danh mục tại Luật chuyên ngành nhưng qua đánh giá vẫn chưa đảm bảo đầy đủ nguyên tắc đặt ra về phạm vi hàng hóa, dịch vụ được định giá nêu tại Khoản 1 Điều 19 Luật giá (một phần do nguyên tắc Luật sau phù lên Luật giá khi ban hành sau) (iv) Xảy ra tình trạng quy định tên gọi hàng hóa, dịch vụ không thống nhất, chồng chéo giữa Luật chuyên ngành và Luật giá (v) Trách nhiệm đầu mối kiểm soát, trình thay đổi danh mục được giao cho Bộ Tài chính (tại Nghị định hướng dẫn Luật) nhưng một số trường hợp chưa tuân thủ triệt để quy trình, ngay cả khi lấy ý kiến cũng chỉ mang tính hình thức.

Ví dụ như dịch vụ cho thuê, đậu tàu bay; dịch vụ ra, vào bến xe ô tô; dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị; dịch vụ tuyển sinh; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường... là những trường hợp được quy định bổ sung tại Pháp luật chuyên ngành, hiện khâu thực hiện đã gặp một số vướng mắc về thẩm quyền, hình thức định giá, quy trình định giá...

*Thứ hai, thẩm quyền điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá* là Ủy ban thường vụ Quốc hội không đảm bảo tính kịp thời, tiến độ cấp thiết đề ra của việc triển khai biện pháp quản lý nhà nước trong các bối cảnh cấp bách đặt ra. Trong thời gian qua việc đề xuất bổ sung mặt hàng sách giáo khoa vào danh

mục nhà nước định giá được đánh giá là cần thiết và phải triển khai ngay để đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản lý. Tuy nhiên, khi triển khai theo quy trình trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phải có đủ thời gian, nhưng không phải trường hợp nào cũng được xem xét ngay, đối với sách giáo khoa thì Ủy ban thường vụ Quốc hội yêu cầu sửa Luật để thực hiện; vì vậy tính kịp thời là không đáp ứng được. Bên cạnh đó, có những hàng hóa, dịch vụ do điều kiện kinh tế xã hội có sự thay đổi liên tục được đánh giá không cần thiết tiếp tục thực hiện định giá thì lại rất khó để đưa ra khỏi danh mục.

Điều này thể hiện tính “cứng” của danh mục định giá, việc quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Luật (được giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội kiểm soát) là nhằm hướng đến việc giám sát sự tuân thủ song lại thiếu sự linh hoạt trong thực tiễn triển khai và chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu công tác quản lý giá. Bên cạnh đó, theo quy định tại Hiến pháp năm 2013, Chính phủ được giao thống nhất quản lý về kinh tế, bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nhà nước và xã hội, thực hiện điều hành giải pháp cụ thể song thực tiễn lại thiếu linh hoạt trong hoạt động này.

*Thứ ba, ba nguyên tắc để xác định phạm vi hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá nhà nước đã không bao quát hết được các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn.* Hiện nay, tại các Luật chuyên ngành đã được Quốc hội ban hành có những mặt hàng do tính chất cần thiết nên mặc dù chưa hoàn toàn thuộc 3 nguyên tắc đặt ra tại Luật giá nhưng vẫn được đưa vào danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá. Các mặt hàng này chủ yếu thuộc diện có yếu tố độc quyền thị trường sản xuất, kinh doanh có tác động ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội hoặc các mặt hàng đặc thù độc quyền địa bàn, có thị trường hạn chế hoặc có vị thế thống lĩnh thị trường (một số dịch vụ như Dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo; dịch vụ lai đất; dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ bốc dỡ container; Dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô... và một số dịch vụ khác hiện nay thuộc diện độc quyền thị trường, độc quyền địa bàn, không phải do nhà nước độc quyền sản xuất, kinh doanh nhưng vẫn được đưa vào danh mục định giá).

Từ những vấn đề thực trạng trên cho thấy cần thiết phải sửa đổi, hoàn thiện các nguyên tắc để xác định các hàng hóa, danh mục thuộc diện định giá nhà nước tại Luật Giá để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các Luật; Đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho các trường hợp phát sinh khác. Ví dụ như việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất bổ sung sách giáo khoa vào danh mục định giá; là mặt hàng có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế xã hội, có tính độc quyền tự nhiên nên cần có cơ chế kiểm soát giá để khắc phục những khiếm khuyết của thị trường.

*Thứ tư, không thống nhất trong phương thức thực hiện giữa Luật Giá với Luật chuyên ngành:* Về nguyên lý trong công tác quản lý giá, khi quy định bổ sung một mặt hàng vào danh mục nhà nước định giá, cần quy định kèm theo với hình thức định giá và phương pháp định giá cụ thể. Tuy nhiên, có những trường hợp tại Luật chuyên ngành có quy định bổ sung các hàng hóa, dịch vụ định giá



ngoài danh mục được quy định tại Luật Giá nhưng chỉ dừng ở quy định danh mục mặt hàng nhưng không có quy định về thẩm quyền, hình thức, phương pháp định giá gây khó khăn cho quá trình triển khai. Ví dụ như tại Luật Thủy sản quy định mặt hàng định giá Nhà nước là khung giá tiền sử dụng khu vực biển tuy nhiên không quy định về phân công, phân cấp đơn vị thực hiện; tại Điều 56 Luật đường sắt quy định Ủy ban nhân dân tỉnh định giá đối với Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị nhưng lại chưa quy định hình thức định giá cụ thể.

Nguyên nhân chủ yếu cũng do việc Luật chuyên ngành chưa đảm bảo đúng các nguyên tắc “gốc”, có tính căn bản của công tác quản lý giá về triển khai được đề cập tại Luật giá; Việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ định giá đôi lúc chỉ nhằm giải quyết thực tế “tình huống phát sinh” khi các cơ quan quản lý cho rằng cần phải kiểm soát giá của một hàng hóa, dịch vụ nào đó mà thiếu đi các quy phạm đồng bộ về tổ chức thực hiện.

**b.** Trên cơ sở kết quả tổng kết đánh giá thi hành Luật cho thấy việc phân công thẩm quyền định giá hiện nay còn chưa có sự thống nhất về nguyên tắc để làm rõ trách nhiệm của từng Bộ ngành, cơ quan, đơn vị; việc phân cấp định giá Nhà nước từ trung ương xuống địa phương còn thiếu tính đồng bộ giữa các địa phương. Cụ thể:

- Đối với các cơ quan Trung ương, việc phân công nhiệm vụ giữa Bộ Tài chính với các Bộ, ngành mặc dù đã được quy định tại Nghị định hướng dẫn Luật nhưng còn khá dàn trải và chưa đề ra một nguyên tắc cụ thể để xác định cơ chế phân công. Vì vậy, việc phân công đôi khi còn chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng “cơ quan nào làm được thì giao” mà chưa gắn với quản lý chuyên ngành, chuyên môn, thiếu tính nguyên tắc để đề cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

Một mặt khác, việc giao Chính phủ định giá đối với một số mặt hàng như khung giá cho thuê mặt nước, khung giá cho thuê, mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ là không còn phù hợp vì việc quyết định giá thuộc nhóm vấn đề cơ chế chính sách chuyên ngành sâu, gắn với kỹ năng nghề nghiệp nhất định, vì vậy việc nghiên cứu để chuyển giao thẩm quyền quyết định cho Thủ tướng Chính phủ thậm chí có thể đẩy mạnh để giao Bộ, ngành sẽ phù hợp hơn về nguyên tắc điều hành.

- Tại một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cũng quy định thẩm quyền định giá khi quy định thêm danh mục định giá; Tuy nhiên cũng do chưa có nguyên tắc cụ thể về phân công nên đôi khi xảy ra tình trạng ấn định cơ quan thực hiện định giá mà chưa tính toán cụ thể về khả năng tổ chức thực hiện. Thậm chí còn xảy ra tình trạng pháp luật chuyên ngành về một mặt hàng nào đó quy định thẩm quyền định giá mặt hàng đã được quy định tại Luật giá, gây nên tình trạng chồng chéo, không khớp giữa các quy định tương tự nhau, ví dụ như đối với mặt hàng nước sạch, tại Luật giá và Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính xác định khung giá nước sạch và hướng dẫn phương pháp định giá, song tại Nghị định 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ về

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Xây dựng lại giao Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch tại các khu đô thị.

- Việc phân cấp xuống địa phương cũng mới chỉ nêu chung về thẩm quyền định giá thuộc về Ủy ban nhân dân tỉnh mà chưa đưa ra nguyên tắc cụ thể để làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trách nhiệm thực hiện cho các Sở, ngành chuyên môn. Dẫn đến tình trạng có những mặt hàng thì ở tỉnh này giao Sở chuyên ngành thực hiện định giá nhưng tỉnh khác lại giao Sở Tài chính; Bên cạnh đó, trách nhiệm thẩm định phương án giá chung cũng chưa có quy định rõ ràng và thường được Ủy ban nhân dân giao cho Sở Tài chính thực hiện.

- Ngoài ra, cũng phát sinh tình trạng thiếu đồng bộ, chông chéo về quy định thẩm quyền định giá tại Luật giá và Luật chuyên ngành. Tại Luật giá chỉ quy định 4 cấp cơ quan quản lý Nhà nước về giá gồm (1) Chính phủ, (2) Thủ tướng Chính phủ, (3) Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành, (4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong lĩnh vực giáo dục và y tế, Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 đã giao thẩm quyền định giá một số dịch vụ y tế, giáo dục tại cơ sở công lập cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

#### **b. Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:**

- Kinh tế xã hội liên tục thay đổi để thích ứng và hội nhập, việc kiểm soát giá cũng là một trong những vấn đề được các tổ chức quốc tế quan tâm, trao đổi thường xuyên. Vì vậy, nếu tiếp tục phân tán như hiện nay sẽ không đảm bảo nguyên tắc, cơ chế chung về quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đã được đề ra tại Luật giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá vẫn sẽ không kiểm soát được; gây khó khăn cho cơ quan quản lý, doanh nghiệp, người dân trong việc tổ chức thi hành, áp dụng pháp luật về giá.

- Việc điều chỉnh danh mục không đảm bảo tiến độ, yêu cầu quản lý cần giải quyết ngay các bức xúc trong kinh tế xã hội.

#### **1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Bảo đảm thực thi đúng, hiệu quả nguyên tắc xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật là tính thống nhất, đồng bộ; tăng cường cơ chế phối hợp chặt chẽ những phát sinh hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật chuyên ngành khi chưa thật sự cần thiết.

- Đảm bảo tính linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành giá trong từng thời kỳ, đáp ứng được yêu cầu quản lý nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Rà soát, điều chỉnh phân công, phân cấp hiện nay đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực với công tác quản lý giá. Giải quyết dứt điểm tình trạng chông chéo trong chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành giá giữa các Bộ, ngành. Rà soát và thống nhất vai trò của Cơ quan tài chính các cấp trong nhiệm vụ thẩm định phương án giá, định giá đối với một số mặt hàng cụ thể.

- Nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc hợp lý, minh bạch, tạo thuận lợi cho Chính phủ, Ủy ban nhân dân trong việc triển khai phân công, phân cấp quản lý điều hành giá theo hướng đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước hiện nay; Nhất là tăng cường phân cấp quản lý giá từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho Bộ, ngành, địa phương.

### **1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**1.3.1. Giải pháp 1:** Cơ bản giữ như hiện hành, nhưng thực hiện rà soát và điều chỉnh để cập nhật đầy đủ các mặt hàng do Nhà nước định giá hiện đang quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; Đồng thời, để quy định thống nhất tại Luật Giá; rà soát để chuẩn hóa các vấn đề về thẩm quyền, hình thức, phương pháp, quy trình định giá của từng mặt hàng để đảm bảo phù hợp với thực tiễn yêu cầu công tác quản lý; những mặt hàng nào không còn phù hợp thì đưa ra khỏi danh mục trường hợp cần thiết thì có thể áp dụng các biện pháp quản lý có tính gián tiếp khác.

**1.3.2. Giải pháp 2:** Trên cơ sở nội dung rà soát và thực hiện theo giải pháp 1, Luật giá sẽ được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

- Điều chỉnh Điều 19 Luật giá theo hướng củng cố các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá phù hợp với các nguyên tắc kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Theo đó, qua quá trình tổng kết, đánh giá cho thấy các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại các Luật chuyên ngành trong thời gian vừa qua chủ yếu là hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu, có tính chất độc quyền thị trường, độc quyền địa bàn, độc quyền tự nhiên... có ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế xã hội. Do đó, trong quá trình xây dựng Luật sẽ tổng hợp, nghiên cứu sửa đổi hoàn thiện hoặc bổ sung thêm nguyên tắc xác định danh mục nhà nước định giá cho phù hợp với những tính chất của nhóm hàng hóa này và bao quát được các phát sinh mới trong việc thực hiện định giá đặc thù tại các Luật khác.

Trên cơ sở đó, giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định danh mục chi tiết trên cơ sở tuân thủ đúng các nguyên tắc đã được đề ra tại Luật. Theo đó, giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính thường xuyên rà soát, tổng hợp nhu cầu điều chỉnh thay đổi danh mục của các Bộ, ngành để trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung để tránh sự lạm dụng, quy định thêm mặt hàng không cần thiết phải định giá. Đồng thời, có quy định để loại trừ các trường hợp phát sinh thêm mặt hàng định giá tại các Luật chuyên ngành như hiện nay.

- Vấn đề về phân công, phân cấp định giá sẽ được hoàn thiện theo hướng đẩy mạnh phân công, phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương, qua đó phân định rõ về nhiệm vụ, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:

+ Rà soát để điều chỉnh các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Chính phủ sang cho Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp Bộ; Theo đó, Chính phủ sẽ không trực tiếp định giá bất cứ mặt hàng nào và chỉ đóng vai trò ban hành các văn bản

quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện Luật, thực hiện phân công, phân cấp trong quản lý giá. Thủ tướng Chính phủ chỉ thực hiện định giá đối với rất ít hàng hóa, dịch vụ tính chất đặc biệt quan trọng (như khung giá đất) và đẩy mạnh phân công, phân cấp việc định giá cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương.

+ Đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền cấp Bộ, việc định giá trực tiếp các mặt hàng sẽ giao các Bộ chuyên ngành thực hiện phù hợp với chức năng, phạm vi quản lý được Chính phủ giao. Bộ Tài chính thực hiện định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch hoặc có tác động ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước, có liên quan đến quản lý tài chính ngân sách như việc quản lý về giá đất.

+ Đẩy mạnh việc phân cấp định giá cụ thể cho địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh thực hiện định giá và phân công nhiệm vụ tham mưu cho các Sở, ngành chuyên môn tương ứng với thẩm quyền và trách nhiệm các Bộ, ngành. rà soát, bãi bỏ quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định giá của Hội đồng nhân dân để đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ theo Hiến pháp. Tuy nhiên, đối với một số trường hợp cần thiết phải xin ý kiến Hội đồng nhân dân sẽ thể hiện rõ trong quy trình định giá.

- Đồng bộ với đó sẽ quy tại Luật một số nguyên tắc chung của quy trình định giá nhằm tạo sự thống nhất trong phân công, phân cấp thực hiện xây dựng phương án giá, thẩm định phương án giá, trình ban hành mức giá; Đồng thời tăng cường các quy định để đảm bảo tính tuân thủ quy trình định giá đã đề ra. Cụ thể:

+ Tại trung ương, đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền định giá của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan lập phương án giá phải gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính như hiện hành. Gắn với đó là phải bổ sung cơ chế xử lý về các nội dung có ý kiến khác nhau, trách nhiệm giải trình và chế tài khi không thực hiện đúng quy trình.

+ Đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền định giá của Bộ, ngành nào thì Bộ, ngành đó có trách nhiệm tổ chức triển khai xây dựng phương án giá và xin ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, trường hợp không tuân thủ cũng phải có chế tài phù hợp.

+ Đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Sở chuyên ngành hoặc tổ chức, đơn vị kinh doanh có trách nhiệm xây dựng phương án giá, trình Ủy ban nhân dân ban hành sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính. Đồng thời quy định rõ trách nhiệm giữa các đơn vị cũng như nguyên tắc xử lý khi có sự khác nhau giữa ý kiến thẩm định và phương án của các đơn vị xây dựng để tạo cơ sở pháp lý cho việc tuân thủ nghiêm túc quy trình định giá.

**1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

### 1.4.1. Giải pháp 1:

#### a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội: Phương án này không có nhiều thay đổi trong các chế định pháp luật hiện hành, chỉ định hướng rà soát, hoàn chỉnh lại các quy định đã có. Trước mắt giải quyết ngay được vấn đề danh mục mặt hàng còn rải rác, không tập trung tại các Luật chuyên ngành. Việc chỉ cần hệ thống lại danh mục sẽ giúp việc xây dựng chính sách dễ dàng hơn, nhanh chóng khắc phục ngay tình trạng phân tán và khó kiểm soát việc mở rộng phạm vi định giá Nhà nước.

Nếu vẫn giữ nguyên tắc về phân công, phân cấp trong thẩm quyền định giá như hiện hành, thì việc triển khai nhiệm vụ của các Bộ ngành, địa phương hiện nay sẽ không có sự xáo trộn. Trước mắt giải quyết được vấn đề các quy định về phân công, phân cấp vẫn được quy định rải rác tại nhiều pháp luật chuyên ngành cũng như phân công lại thẩm quyền định giá một số mặt hàng cho hợp lý, thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### b) Tác động tiêu cực

- *Tác động về thể chế, hệ thống pháp luật:* Việc chỉ rà soát, hoàn chỉnh lại theo hướng hệ thống lại danh mục mặt hàng nhà nước định giá quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành đưa vào thống nhất tại Luật giá mà không thực hiện các điều chỉnh quy định khác về nguyên tắc, thẩm quyền quy định danh mục, thẩm quyền thay đổi danh mục và trách nhiệm tổ chức thực hiện sẽ chỉ mang tính tạm thời, thiếu tính bền vững, không giải quyết được tận gốc vấn đề chồng chéo pháp luật hiện nay. Ngay khi Luật giá sửa đổi được ban hành thì các Luật chuyên ngành vẫn tiếp tục có thể quy định thêm danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá và tiếp tục phát sinh chồng chéo, vướng mắc như đã phân tích.

- *Tác động đến tính hiệu lực, hiệu quả kịp thời của Chính sách:* Nếu tiếp tục quy định cụ thể danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá tại Luật trong khía cạnh thị trường sẽ giới hạn được phạm vi can thiệp của Nhà nước trong việc định giá hàng hóa, dịch vụ nhưng không thể đảm bảo tính kịp thời khi Nhà nước cần điều chỉnh danh mục theo yêu cầu kinh tế xã hội do quy trình sửa Luật mất nhiều thời gian. Cũng có ý kiến cho rằng có thể giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định bằng Pháp lệnh hoặc Nghị quyết của Ủy ban

thường vụ Quốc hội danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá. Trong trường hợp này vẫn không khắc phục được hạn chế trên, vì để sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh hoặc Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn phải bố trí vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm trình Quốc hội thông qua. Ngoài ra, còn phải thực hiện các quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên thời gian sẽ kéo dài.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc không khắc phục được tình trạng các luật chuyên ngành tiếp tục đưa vào quy định mặt hàng Nhà nước định giá sau thời điểm Luật giá (sửa đổi) được ban hành vẫn sẽ dẫn đến tình trạng chông chéo, thiếu đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Như vậy, không bảo đảm đúng nguyên tắc về tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; không bảo đảm nguyên tắc đặt Luật giá là "Luật gốc" đối với lĩnh vực giá đã đề ra.

#### **1.4.2. Giải pháp 2:**

##### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Việc sửa đổi hoàn thiện các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá là tất yếu khách quan nhằm khắc phục vướng mắc hiện hành, phù hợp với thực tế phát sinh thời gian qua; và định giá đáp ứng được yêu cầu phát sinh thực tiễn đối với công tác quản lý, điều hành của Chính phủ.

- Việc quy định chặt chẽ nguyên tắc xác định danh mục tại Luật và giao thẩm quyền quy định chi tiết cho Chính phủ (đầu mối là Bộ Tài chính và thống nhất tại một Nghị định riêng) là đảm bảo nguyên tắc về phân công trách nhiệm của Chính phủ được quy định tại Hiến pháp; Đồng thời tăng cường tính linh hoạt, chủ động của Chính phủ khi thực hiện các giải pháp điều hành. Tuy vậy, nếu triển khai theo phương án này thì việc xây dựng nguyên tắc về danh mục mặt hàng cần phải được nghiên cứu chi tiết, thấu đáo để đảm bảo chặt chẽ, kiểm soát được tình trạng lạm dụng chính sách nhưng phải linh hoạt trong thực tế quản lý phát sinh. Theo đó, nhiệm vụ của Ủy ban thường vụ Quốc hội sẽ thực hiện giám sát chặt chẽ những nguyên tắc đã đề ra về danh mục hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá với công tác tổ chức thực hiện, phân công, phân cấp của Chính phủ cho các Bộ, ngành, địa phương.

- Theo phương án này, việc điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ hoặc điều chỉnh thẩm quyền định giá sẽ được đảm bảo thực hiện thống nhất, triệt để thông qua đầu mối là Bộ Tài chính là cơ quan chuyên môn thống nhất quản lý nhà nước về giá. Việc giao trách nhiệm thống nhất cho một cơ quan chuyên môn sẽ giúp việc nghiên cứu, xây dựng, đánh giá tác động chính sách, đánh giá chi tiết đối với phương án thay đổi danh mục được thực hiện thấu đáo, triệt để và hiệu quả hơn. Trách nhiệm của các Bộ, ngành cũng được phân định rõ ràng trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đánh giá tính cần thiết để xây dựng đề nghị điều chỉnh

gửi Bộ Tài chính để trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định. Qua đó, giúp cho việc điều chỉnh danh mục cũng đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý và thực tiễn hơn.

- Việc đẩy mạnh phân công, phân cấp quản lý giá là phù hợp với chủ trương chung, qua đó gắn trách nhiệm cơ quan đơn vị và tăng cường công tác kiểm tra là nhằm hướng đến mục tiêu cải cách hành chính. Trên cơ sở phương pháp định giá được ban hành thống nhất, đồng bộ, các Bộ chuyên ngành sẽ triển khai định giá đối với các hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý của mình cũng phù hợp với công tác chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên, đảm bảo sự đồng bộ giữa chức năng, nhiệm vụ quản lý với thẩm quyền định giá hàng hóa, dịch vụ. Việc gắn thẩm quyền với chuyên môn cũng giúp cho công tác định giá nhà nước tại các Bộ chuyên ngành diễn ra thông suốt, đảm bảo rà soát được hết các tính chất đặc thù của mặt hàng; Thông qua đó đảm bảo quyền lợi cho các bên sản xuất, tiêu dùng và cả Nhà nước.

Bộ Tài chính chi thực hiện định giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc biệt có ảnh hưởng lớn đến chi, tiêu ngân sách nhà nước như hàng hóa, dịch vụ do nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch (sử dụng 100% ngân sách trung ương) và những hàng hóa dịch vụ có ảnh hưởng đến quản lý tài chính ngân sách là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ về kiểm soát thu, chi ngân sách nhà nước; Đồng thời nâng cao trách nhiệm của Cơ quan tài chính trong nhiệm vụ đầu mối kiểm soát chung công tác quản lý, điều hành giá.

Với tiêu chí phân công đó, việc phân cấp xuống các địa phương cũng sẽ thuận lợi hơn. Trên cơ sở đầu mối quản lý giá tại Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cũng sẽ phân công rõ trách nhiệm tham mưu về định giá của các Sở chuyên ngành cũng như phân định rõ được nhiệm vụ của cơ quan Tài chính địa phương. Việc bãi bỏ các quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về thẩm quyền định giá của Hội đồng nhân dân cũng giúp phân định rõ giữa trách nhiệm giám sát – quản lý nhà nước của 2 cơ quan; bên cạnh đó, trong thực tiễn việc giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cũng tạo thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện, xây dựng phương án giá xuất phát từ các đơn vị chuyên môn, có nhiệm vụ quản lý, điều hành kinh tế.

- Những vấn đề nguyên tắc của quy trình định giá được quy định tại Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc hướng dẫn triển khai thống nhất trong các trường hợp, thuận lợi cho công tác tổ chức triển khai, tránh được vấn đề đùn đẩy trách nhiệm của các đơn vị trong tham mưu và triển khai định giá, đặc biệt ở khâu thẩm định và trình ban hành quyết định giá. Đồng thời tăng cường tính tuân thủ chặt chẽ quy trình của các Bộ chuyên ngành, Sở chuyên ngành, nhất là việc tôn trọng ý kiến của các cơ quan tài chính với vai trò thẩm định/tham gia ý kiến.

- *Tác động về xã hội:* Giảm thiểu các bất cập của thị trường, giúp cho vai trò của cơ quan quản lý nhà nước được thể hiện trong các trường hợp khiếm khuyết của thị trường kiểm soát lợi thế độc quyền của doanh nghiệp và tăng

cường công bằng xã hội, đảm bảo quyền lợi cho người dân khi tiêu dùng các mặt hàng độc quyền, các mặt hàng thuộc danh mục định giá được đảm bảo phù hợp với thị trường, góp phần tham gia chính sách an sinh xã hội.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới;

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với nguyên tắc cần được xem xét đưa Luật giá thành Luật gốc với các nguyên tắc chung về quản lý nhà nước về giá trên phạm vi cả nước. Đồng thời, tương thích, phù hợp hơn với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Mặt khác, giải pháp này sẽ giúp cho vấn đề danh mục định giá nhà nước được thống nhất, giảm thiểu việc sửa đổi, bổ sung văn bản trong tương lai, qua đó giảm chi phí ngân sách nhà nước trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

#### ***b) Tác động tiêu cực:***

Phương án này về cơ bản không có những tác động tiêu cực cụ thể vào hệ thống pháp luật, xã hội hay chi phí. Tuy nhiên, việc bổ sung phạm vi, nguyên tắc định giá nhà nước đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục độc quyền thị trường mặc dù được khái quát theo thực tiễn đã được quy định tại các Luật chuyên ngành nhưng có thể khiến cho việc xây dựng chính sách bị hiểu là mở rộng phạm vi định giá nhà nước.

### **1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là Giải pháp 2.

## **2. Chính sách 2: Phương pháp và hình thức định giá**

Nội dung cơ bản của chính sách này là: chuẩn hóa việc xây dựng, ban hành phương pháp định giá chung và ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng trong một số trường hợp chuyên ngành, phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù; nhất là trong một số trường hợp phương pháp định giá được xác định là một trong các biện pháp, hình thức quản lý giá. Trên cơ sở đó, cần phân định thẩm quyền quản lý nhà nước về giá, hướng dẫn, ban hành phương pháp định giá, xử lý được những khó khăn, vướng mắc hiện nay trong quản lý giá chuyên ngành của các bộ, cơ quan, đảm bảo tính khả thi theo hướng: Bộ Tài chính giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giá; chịu trách nhiệm ban



hành phương pháp định giá chung đảm bảo áp dụng chung; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng phương pháp định giá chung có tính chất chuyên ngành trên cơ sở đề xuất từ các bộ, ngành; các bộ, ngành chủ trì xây dựng các phương pháp định giá có tính đặc thù cần phải có phương pháp chuyên ngành riêng.

Bên cạnh các hình thức định giá như hiện hành, bổ sung thêm biện pháp quản lý giá gián tiếp theo hình thức “giá tham chiếu” hoặc một số mặt hàng do doanh nghiệp tự định giá nhưng pháp áp dụng phương pháp định giá do cơ quan có thẩm quyền quy định để đáp ứng yêu cầu phát sinh trong thực tiễn quản lý giá hiện nay, đồng thời phù hợp với kinh nghiệm một số nước có nền kinh tế tương đồng.

## **2.1. Xác định vấn đề bất cập**

2.1.1. Về Phương pháp định giá, tại Luật giá quy định: *Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình.*. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch v.: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá gồm (i) phương pháp so sánh (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Vì vậy, việc quy định các Bộ, ngành được phân công quản lý giá một số mặt hàng ban hành phương pháp định giá riêng để áp dụng cho từng mặt hàng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn việc xây dựng, ban hành đã dẫn đến một số trường hợp ban hành phương pháp riêng nhưng thực chất chính là phương pháp chi phí kết hợp với việc hướng dẫn chi tiết hơn ở việc xác định một số khoản chi phí đặc thù là không cần thiết. Nếu tiếp tục quy định này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Một mặt khác là tại các Luật chuyên ngành, gắn với việc quy định mặt hàng do Nhà nước định giá là các quy định về phương pháp định giá đối với mặt hàng đó; Vì vậy dẫn đến sự chòng chéo, thậm chí mâu thuẫn. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

- Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý dẫn đến hình thành các phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chòng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kỹ thuật. Vì vậy, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vẫn đề

vướng mắc là nếu định mức kinh tế kỹ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn với mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, chưa đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc quy định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế...). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ...

2.1.2. Về các hình thức định giá đang áp dụng (giá cụ thể, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) chưa bao quát, đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn gần đây. Thực hiện đầy mạnh chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý giá cũng được chuyển đổi mạnh mẽ, nhiều mặt hàng có tính chất thiết yếu có tác động ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, thậm chí có khả năng độc quyền theo nhóm nhưng đã được đưa ra khỏi danh mục do nhà nước định giá để có các biện pháp quản lý phù hợp hơn như xăng dầu, gas, than bán cho sản xuất điện, phân bón; dịch vụ hoa tiêu, sách giáo khoa, một số dịch vụ cảng biển và một số mặt hàng nông sản,... đã được đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trong thực tiễn hơn 8 năm qua cho thấy việc nhà nước không định giá những hàng hóa, dịch vụ này là đúng đắn, phù hợp với cơ chế thị trường, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong định giá hàng hóa, dịch vụ, nhưng cũng từ thực tiễn cho thấy có những hạn chế nhất định khi nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có sự cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp vẫn có thể lợi dụng vị thế của mình về địa bàn, về tính chất mặt hàng để quyết định giá hàng hóa, dịch vụ không phù hợp nguyên tắc thị trường. Tuy nhiên trong các trường hợp này lại thiếu công cụ điều hành giá để có thể định hướng thị trường, nâng cao tính minh bạch trong việc quyết định giá hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp, tổ chức; Một số mặt hàng thực hiện kê khai giá thì chỉ mang tính theo dõi về thông tin, không đi kèm với các biện pháp quản lý cụ thể nên khó có thể thực hiện điều hành theo yêu cầu thực tiễn của kinh tế xã hội.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn quản lý thì hiện một số mặt hàng đã được quản lý, điều hành giá thông qua những hình thức có tính gián tiếp, đặc thù như đối với xăng dầu (giá cơ sở), thóc lúa (giá định hướng). Theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP thì giá cơ sở xăng dầu là mức giá để điều hành giá bán cụ thể của doanh nghiệp, giá cơ sở có tính chất định hướng và hạn chế lạm dụng vị thế của mặt hàng để ấn định giá không phù hợp; thông qua giá cơ sở trong giai đoạn vừa qua là một trong các thành công trong việc đưa giá xăng dầu theo đúng

cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch đến xã hội nhưng vẫn đảm bảo về khả năng điều hành gián tiếp của Nhà nước. Hoặc được kiểm soát thông qua các nguyên tắc, phương pháp định giá do cơ quan Nhà nước ban hành để doanh nghiệp tự định giá nhưng bảo đảm được tính công khai, minh bạch và có cơ chế để kiểm soát khi phát sinh; Ví dụ như dịch vụ kinh doanh nghĩa trang, dịch vụ bưu chính viễn thông, nhà ở xã hội, tổ chức, cá nhân kinh doanh được quyền tự định giá nhưng phải áp dụng theo phương pháp do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Từ những vấn đề trên cho thấy bên cạnh việc quản lý giá theo biện pháp định giá nhà nước và các hình thức định giá hiện nay, cần thiết phải nghiên cứu, bổ sung một số biện pháp, hình thức quản lý giá mới mang tính định hướng để điều hành thông qua một số hình thức gián tiếp, tương tự hiện nay như công bố giá cơ sở (đối với xăng dầu), giá định hướng (đối với giá thóc). Một mặt khác, cần phải có cơ chế pháp lý để đưa phương pháp định giá là một trong các biện pháp quản lý, điều hành giá của một số hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tính chất mặt hàng và yêu cầu quản lý điều hành giá. Theo đó, đối với một số hàng hóa, dịch vụ, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh được quyền định giá nhưng phải thực hiện theo phương pháp định giá do nhà nước ban hành; Như vậy sẽ không can thiệp trực tiếp vào hoạt động định giá của doanh nghiệp, nhưng sẽ tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhằm bảo đảm duy trì tính minh bạch trong triển khai, kiểm soát hành vi của doanh nghiệp để tránh lạm dụng.

### **Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:**

Thực tế cho thấy nếu vẫn là một mặt hàng nhưng được định giá bằng các phương pháp khác nhau, nhiều trường hợp sự khác nhau quá lớn không thể giải thích được. Như vậy, vấn đề xung đột pháp luật rất có thể xảy ra, trong khi đây là việc có tính chuyên môn, nghiệp vụ nên sẽ phát sinh hậu quả rất khó khắc phục. Vì vậy, phần nào làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành giá của Nhà nước.

### **2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Bảo đảm thực thi đúng, hiệu quả nguyên tắc xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật là tính thống nhất, đồng bộ. Trên cơ sở đó sẽ rà soát lại các phương pháp định giá chuyên ngành có sự chồng chéo, chưa thống nhất với nguyên tắc phương pháp định giá chung, bãi bỏ trong trường hợp cần thiết (trừ những trường hợp đặt biệt thì phương pháp định giá mặt hàng đó phải được quy định tại Luật chuyên ngành và có loại trừ tại Luật Giá như đất đai, điện....

- Thống nhất về trách nhiệm ban hành, phương pháp định giá chung hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục định giá nhà nước và việc hướng dẫn chi tiết phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan chuyên môn về quản lý giá để đảm bảo tính thống nhất cao về chuyên môn, nghiệp vụ. Xây dựng quy trình về việc ban hành văn bản để hướng dẫn áp dụng phương pháp

định giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù trong trường hợp cần thiết để đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

- Thể chế hóa tại Luật các phương pháp định giá mới theo cơ chế thị trường để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện (Bổ sung thêm phương pháp định giá từ thu nhập). Bổ sung công cụ quản lý, điều hành giá có tính gián tiếp trong các trường hợp hàng hóa, dịch vụ không trong danh mục định giá nhưng lại thuộc diện độc quyền hoặc hạn chế về thị trường.

### **2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**2.3.1. Giải pháp 1:** Vẫn giữ khung quy định hiện hành, theo đó, Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung, các Bộ quy định phương pháp định giá cụ thể đối với các mặt hàng được giao quản lý. Tuy nhiên, bổ sung quy định cụ thể hệ thống các phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ chi phí, từ thị trường và bổ sung phương pháp định giá từ thu nhập để làm cơ sở cho việc xây dựng các phương pháp định giá phù hợp với kinh tế thị trường hiện nay. Trên cơ sở đó sẽ rà soát hệ thống các phương pháp định giá riêng do các Bộ, ngành ban hành để sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ trong trường hợp có sự chồng chéo, mâu thuẫn.

#### **2.3.2. Giải pháp 2:**

**2.3.2.1.** Trên cơ sở định hướng giải pháp 1, quy định rõ hệ thống các phương pháp định giá để hình thành từ 3 nguyên lý chung là tiếp cận từ chi phí, từ thị trường và từ thu nhập; nhưng để bảo đảm khắc phục triệt để những chồng chéo, mâu thuẫn hiện nay, đồng thời xuất phát từ yêu cầu chuyên môn cao thì riêng đối với việc xây dựng, ban hành phương pháp định giá cần quy định rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành. Cụ thể:

- Phương pháp định giá chung là các nguyên tắc, phương thức, quy trình kỹ thuật thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá. Việc ban hành phương pháp chung sẽ do Bộ Tài chính thực hiện như hiện hành để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong các nguyên tắc “gốc” xác định giá, bảo đảm bao quát được các trường hợp; Tuy nhiên, nếu có phát sinh hàng hóa, dịch vụ có những yếu tố cấu thành giá cần hướng dẫn chi tiết hơn, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ quản lý ngành để ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện theo nguyên tắc chung có tính chuyên ngành.

Đối với trường hợp quá đặc thù không thể áp dụng theo phương pháp chung, việc ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết theo phương pháp chung cũng không đảm bảo khả thi (như tần số vô tuyến điện, công nghệ mới, quyền tài sản liên quan đến bản quyền...) thì sẽ giao các Bộ, ngành chủ trì xây dựng phương pháp đặc thù (phương pháp riêng).

- Trên cơ sở đó, tại Luật sẽ quy định về quy trình, cơ chế phối hợp giữa Bộ Tài chính và các Bộ, ngành trong việc xây dựng phương pháp định giá và hướng dẫn chi tiết phương pháp định giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ cụ

thể. Gắn với đó quy định chặt chẽ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc phối hợp xây dựng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật (nếu có) và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện công tác định giá nhà nước. Đồng thời nghiên cứu xây dựng các nguyên tắc cho việc lựa chọn, áp dụng phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ trong các trường hợp cụ thể (tại các văn bản quy phạm pháp luật về phương pháp định giá) để tạo thuận lợi cho các cơ quan thực hiện định giá, đảm bảo tính khách quan, phù hợp của kết quả định giá với các nguyên tắc kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

**2.3.2.2.** Bổ sung phương thức điều hành giá thông qua “giá tham chiếu” nhằm phù hợp với xu hướng của thế giới (như giá xăng dầu tham chiếu từ giá Platt’s Singapore, Giá LPG tham chiếu từ giá CP, giá than tại Indonesia, Úc cũng áp dụng tham chiếu). Theo đó, mức giá tham chiếu được cơ quan có thẩm quyền xây dựng và công bố trên cơ sở kết hợp giữa các yếu tố về chi phí gắn với diễn biến mặt bằng giá phổ biến trên thị trường trong và ngoài nước (nếu có). Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được quyền tự quyết định mức giá cụ thể để áp dụng trên nguyên tắc tôn trọng mức giá tham chiếu và có thể tăng giảm quanh mức giá này với một biên độ nhất định và đảm bảo đúng các nguyên tắc thị trường. Qua đó, một mặt vẫn đảm bảo quyền của doanh nghiệp nhưng yếu tố quan trọng là tạo sự công khai minh bạch và có cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng giám sát, xử lý khi phát sinh. Trên cơ sở đó, quy định rõ cơ chế thực thi và trách nhiệm theo dõi, giám sát của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành theo lĩnh vực.

Đồng thời với đó là việc quy định biện pháp quản lý, điều hành giá một số hàng hóa, dịch vụ đặc thù do doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, cung ứng định giá song phải đảm bảo thực hiện theo phương pháp định giá do các cơ quan có thẩm quyền ban hành như đối với giá dịch vụ nghỉ trang (hiện đang được quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP), giá dịch vụ ra vào bến xe (hiện đang được quy định tại Luật Giao thông đường bộ theo hình thức định giá),.... Cơ quan ban hành phương pháp có trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện trong thực tiễn.

## **2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

### **2.4.1. Giải pháp 1:**

#### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Tác động về kinh tế - xã hội: Phương án này cơ bản không có những thay đổi trong các chế định pháp luật hiện hành, chỉ định hướng rà soát, hoàn chỉnh lại các quy định đã có. Trước mắt giải quyết vấn đề khó khăn, vướng mắc trong định giá các hàng hóa, dịch vụ còn chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, phù hợp với cách tiếp cận từ thu nhập (các dịch vụ sự nghiệp công y tế, giáo dục, một số dịch vụ chuyển từ phí sang giá...).

Theo đó, sẽ không phát sinh những thay đổi lớn về quan hệ kinh tế giữa các chủ thể trong xã hội. Bên cạnh đó, việc chỉ cần hệ thống lại danh mục sẽ giúp việc xây dựng chính sách dễ dàng hơn, nhanh chóng khắc phục ngay tình trạng phân tán và khó kiểm soát việc mở rộng phạm vi định giá Nhà nước.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### ***b) Tác động tiêu cực***

- *Tác động về thể chế, hệ thống pháp luật:* Chưa thể khắc phục được bất cập về việc phát sinh quá nhiều phương pháp định giá riêng khó kiểm soát. Việc các Bộ, ngành tiếp tục chủ trì xây dựng phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của mình sẽ khiến việc mâu thuẫn, chòng chéo với các nguyên tắc căn bản tại phương pháp định giá chung tiếp tục xảy ra. Như vậy, các nguyên lý chung về quản lý điều hành giá sẽ khó được triển khai áp dụng thống nhất, đồng bộ.

- *Tác động đến tính hiệu lực, hiệu quả kịp thời của Chính sách:* Việc không luật hóa các quy định cụ thể hơn về quy trình xây dựng phương pháp định giá, trách nhiệm của các đơn vị cũng khiến cho tính hiệu quả trong vấn đề xây dựng phương pháp định giá chưa cao, chưa đẩy mạnh việc ban hành đầy đủ các chính sách phù hợp đảm bảo thực thi toàn diện được biện pháp định giá nhà nước với vai trò khắc phục những khiếm khuyết, bất cập, tồn tại của thị trường.

## **2.4.2. Giải pháp 2:**

### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

Việc quy định rõ ràng trách nhiệm của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành trong vấn đề xây dựng phương pháp định giá là nhằm tăng cường tính đồng bộ thống nhất trong áp dụng các nguyên lý chung của công tác quản lý, điều hành giá. Qua đó, tránh được vấn đề xung đột trong pháp luật cũng như mâu thuẫn trong kết quả định giá khi áp dụng các phương pháp định giá khác nhau đối với cùng một hàng hóa, dịch vụ. Đây cũng chính là giải pháp hỗ trợ cho việc đẩy mạnh phân công, phân cấp trong quản lý giá. Bộ Tài chính sẽ cơ bản không trực tiếp định giá đa số hàng hóa, dịch vụ mà sẽ có trách nhiệm tạo dựng hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất để các Bộ, ngành triển khai theo phân công, phân cấp của Chính phủ. Đồng thời, tăng cường sự chủ động trong triển khai nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương gắn với tính chất chuyên môn, chuyên ngành, phù hợp với thực tiễn hiện nay và trong thời gian tới.

Việc Luật hóa các quy định về hệ thống các phương pháp định giá cơ bản sẽ giúp cho các đơn vị thuận lợi trong việc lựa chọn phương pháp định giá phù hợp nhằm không quá lệ thuộc vào vấn đề định mức kinh tế - kỹ thuật (là một trong những tồn tại hạn chế nhiều năm nay, khó khắc phục), giải quyết được việc định giá các hàng hóa, dịch vụ phù hợp với cách tiếp cận từ thu nhập (các dịch vụ sự nghiệp công y tế, giáo dục, một số dịch vụ chuyên từ phi sang giá...).

Việc quy định thêm một hình thức điều hành giá mới theo “giá tham chiếu” hoặc thông qua phương pháp định giá sẽ đảm bảo cho công tác quản lý, điều hành giá của nhà nước ngày càng phù hợp với các nguyên tắc kinh tế thị trường khi nhà nước chủ yếu thực hiện quản lý thông qua các hình thức gián tiếp, không tác động trực tiếp đến giá cả.

- Tác động về xã hội: Giảm thiểu các bất cập của thị trường, giúp cho vai trò của cơ quan quản lý nhà nước được thể hiện trong các trường hợp khiếm khuyết của thị trường, tăng cường công bằng xã hội và đảm bảo quyền lợi cho người dân khi tiêu dùng các mặt hàng độc quyền, các mặt hàng thuộc danh mục định giá được đảm bảo mức giá phù hợp với thị trường.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới;

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với nguyên tắc cần được xem xét đưa Luật giá thành Luật gốc, đưa ra các nguyên tắc chung về quản lý nhà nước về giá trên phạm vi cả nước. Đồng thời, tương thích, phù hợp hơn với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### ***b) Tác động tiêu cực/chi phí:***

Có khả năng phát sinh xung đột pháp luật trong trường hợp pháp luật hiện hành có những quy định chồng chéo dẫn đến các pháp luật chuyên ngành cũng phải được thay đổi tương ứng với quy định tại Luật giá.

### **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là Giải pháp 2.

### **3. Chính sách 3 về Bình ổn giá**

Nội dung của chính sách này là hoàn thiện cơ chế bình ổn giá theo hướng linh hoạt trong các tình huống. Theo đó, sẽ không quy định danh mục cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá tại Luật Giá để thể hiện rõ vai trò

của biện pháp bình ổn giá là có tính thời điểm trong một bối cảnh kinh tế - xã hội nhất định và giao thẩm quyền cho Chính phủ quyết định mặt hàng cũng như thời gian áp dụng được giới hạn theo mục tiêu thực hiện bình ổn giá. Bên cạnh đó, cùng cố các quy định về trường hợp áp dụng bình ổn giá để tránh sự lạm dụng không cần thiết nhưng vẫn phải đảm bảo đáp ứng được tính cấp thiết trong triển khai.

### 3.1. Xác định vấn đề bất cập

Đối với danh mục thực hiện bình ổn giá được quy định tại Điều 15 Luật giá gồm 11 hàng hóa, dịch vụ; Các trường hợp thực hiện bình ổn giá được quy định tại Điều 16 của Luật. Tuy vậy, thực tiễn công tác triển khai biện pháp bình ổn giá còn nhiều bất cập, cụ thể:

- Phạm vi thực hiện biện pháp chưa thật sự rõ ràng khiến cho cơ quan quản lý khó khăn trong việc quyết định triển khai. Theo đó, cả 2 tiêu chí được nêu tại Luật là khi giá hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường hoặc khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế, xã hội đều là các chỉ tiêu khó lượng hóa, gây khó khăn khi quyết định thế nào là giá biến động bất thường hoặc có ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội để triển khai. Thực tiễn biện pháp bình ổn giá mới chỉ được triển khai một lần đối với giá sữa cho trẻ em dưới 06 tuổi và một lần thí điểm đối với giá dịch vụ bốc dỡ Công-te-nơ.

- Việc điều chỉnh danh mục mặt hàng còn phức tạp, khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn cần triển khai ngay đối với một biện pháp điều tiết có tính thời điểm. Quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật giá thì *"Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện Bình ổn giá được quy định tại khoản 2 Điều này, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định."* Việc giải trình đề Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét quyết định sẽ mất một khoảng thời gian khá dài theo quy định; trong khi đó việc thực hiện Bình ổn giá phải mang tính chất tức thời, trong thời điểm hàng hóa dịch vụ có biến động bất thường, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội, ảnh hưởng lợi ích của các tổ chức cá nhân, mặt bằng giá, mục tiêu kiểm soát lạm phát,... Trong thực tế thì khi có phát sinh mặt hàng có biến động lớn, ảnh hưởng đến mặt bằng giá chung và kinh tế xã hội cần phải có biện pháp bình ổn giá nhưng không thực hiện được vì không nằm trong danh mục (ví dụ như mặt hàng thịt lợn thời gian qua). Vì vậy, việc đặt thẩm quyền quyết định điều chỉnh danh mục cụ thể cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng như việc quy định điều kiện để đưa mặt hàng nào đó vào thực hiện bình ổn giá vẫn còn thiếu sự linh hoạt, không kịp thời theo diễn biến của thị trường. Điều này cũng tương tự với chính sách về định giá khi Chính phủ thiếu cơ chế pháp lý để thực hiện ngay công tác điều hành trong các trường hợp cần thiết. Do vậy có thể nói qua hơn 8 năm thực hiện, chính sách này vẫn chưa phát huy hết được tính hiệu lực, hiệu quả.

- Bên cạnh đó, trong danh mục mặt hàng thực hiện bình ổn giá quy định trong Luật hiện nay có những mặt hàng từ khi Luật giá đưa vào thi hành đến nay



chưa phát sinh yêu cầu thực hiện bình ổn giá (như thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật...); Theo đánh giá cho thấy với điều kiện kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn qua và tầm nhìn đến giai đoạn tiếp theo thì một số mặt hàng nên được xem xét đưa ra hoặc nghiên cứu đưa vào danh mục thực hiện bình ổn giá theo từng thời kỳ.

- Các biện pháp để thực hiện bình ổn giá vẫn còn chưa mang tính thực tế cao, áp dụng biện pháp bình ổn giá trong thực tế từ khi Luật giá ra đời đến nay rất khó thực thi; do đó khi lựa chọn phương pháp thực hiện vẫn còn gây nhiều khó khăn. Vì vậy, cần nghiên cứu một quy trình thống nhất, chi tiết, nguyên tắc thực hiện khi thực hiện bình ổn giá. Đặc biệt đối với việc áp dụng thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá cần phải đưa ra khỏi hệ thống biện pháp bình ổn giá, xác định đây là một quy trình bắt buộc, phải thực hiện ngay từ khi có dấu hiệu biến động giá; kết quả của hoạt động sẽ được xem xét để áp dụng hay không biện pháp bình ổn giá, nhất là khi áp dụng biện pháp định giá tối đa, giá tối thiểu, giá cụ thể đối với mặt hàng bình ổn giá.

- Đối với việc thực hiện bình ổn giá tại địa phương, mặc dù tại Luật cũng như các văn bản dưới Luật có quy định về quyền, trách nhiệm và các trường hợp thực hiện bình ổn giá tại địa phương theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân. Tuy nhiên lại ràng buộc điều kiện là phải trong trường hợp Chính phủ triển khai bình ổn giá thì các địa phương mới thực hiện theo chủ trương chung và hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành nên đã làm giảm tính linh hoạt trong thực hiện chính sách bình ổn giá ở các địa phương. Đặc biệt là những trường hợp biến động giá chỉ là vấn đề có tính cục bộ tại địa phương trong một số trường hợp như thiên tai, dịch bệnh chỉ phát sinh trên các địa bàn nhất định.

### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

Khắc phục tồn tại, hạn chế, tăng cường công tác tổ chức thực hiện theo hướng linh hoạt, gắn trách nhiệm bình ổn giá với trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực, tạo công cụ pháp lý đầy đủ, hiệu quả cho công tác kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội và hỗ trợ cho công tác quản lý, điều hành giá

### **3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**3.3.1. Giải pháp 1:** Chỉ thực hiện rà soát, điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá hiện nay tại Luật cho phù hợp với thực tiễn, đưa các mặt hàng cần thiết được đánh giá trong thời gian gần đây vào danh mục.

#### **3.3.2. Giải pháp 2:** Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể:

- Không quy định danh mục cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trong Luật; Củng cố các quy định cụ thể về các trường hợp áp dụng biện pháp để tránh sự lạm dụng không cần thiết nhưng vẫn phải đảm bảo tính cấp thiết trong triển khai. Giao thẩm quyền quy định danh mục cụ thể cho Chính phủ quyết định thay vì Ủy ban thường vụ Quốc hội như quy định hiện hành. Các vấn đề về phân công, phân cấp và tổ chức thực hiện được điều chỉnh như sau:

- Trên cơ sở nhiệm vụ Chính phủ giao, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ vào tình hình thực tế, các nguyên tắc tại Luật giá để xác định, đề xuất mặt hàng bình ổn giá và phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương thực hiện bình ổn giá gắn với hàng hóa, dịch vụ và biện pháp bình ổn giá được thực hiện trong một thời gian nhất định trên phạm vi cả nước hoặc từ 2 địa phương trở lên.

- Giao thẩm quyền cho địa phương thực hiện bình ổn giá trên phạm vi địa bàn của mình trong trường hợp khẩn cấp tương tự với quy định về bình ổn giá tại trung ương. Việc thực hiện bình ổn giá tại địa phương cần tuân thủ quy trình trình Thủ tướng Chính phủ (sau khi xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ chuyên ngành) về chủ trương thực hiện bình ổn giá một hàng hóa cụ thể trên địa bàn.

- Đưa ra quy trình cụ thể việc lựa chọn phương pháp thực hiện bình ổn giá, quy trình thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương; Trong đó, bỏ biện pháp đăng ký giá với hiệu lực không cao (*sẽ được đề cập chi tiết tại chính sách 5*), đưa biện pháp kiểm tra yếu tố hình thành giá thành một trong các quy trình khi thực hiện các biện pháp định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; Đồng thời nghiên cứu đề bổ sung giải pháp để nhà nước có các biện pháp hỗ trợ phù hợp trong một số trường hợp khẩn cấp như dịch bệnh, thiên tai nhằm kịp thời bình ổn giá cả thị trường, đảm bảo đời sống cho người dân và xã hội (tăng cường sự hỗ trợ ngân sách nhà nước đối với các trường hợp này).

### **3.3.3. Giải pháp 3:** Sửa đổi toàn diện cơ chế bình ổn giá theo hướng:

- Bỏ các quy định về danh mục mặt hàng bình ổn giá; theo đó, tại Luật chỉ quy định các nguyên tắc để xác định các trường hợp phải bình ổn giá, gắn với đó là các biện pháp bình ổn giá cụ thể để khi có phát sinh có thể áp dụng đối với bất cứ mặt hàng nào. Tuy nhiên cần củng cố các nguyên tắc áp dụng theo hướng quy định chặt chẽ các trường hợp áp dụng khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh... Trong trường hợp cụ thể và căn cứ theo nguyên tắc đã được quy định tại Luật, Chính phủ sẽ quyết định loại hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn và biện pháp bình ổn trong một khoảng thời gian cụ thể.

- Các quy định về thẩm quyền địa phương, quy trình thực hiện tương tự với giải pháp thứ 2.

## **3.4. Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách**

### **3.4.1. Giải pháp 1:**

#### **a. Tác động tích cực/lợi ích:**

- Đối với kinh tế - xã hội: Trong thực tiễn triển khai, áp dụng các biện pháp bình ổn giá tạo công cụ pháp lý, kinh tế tài chính cho công tác điều hành giá các mặt hàng thực hiện bình ổn giá và đã kết hợp đồng bộ các quy định của pháp luật về quản lý giá với các cơ chế chính sách quản lý chuyên ngành đã góp

phần quan trọng trong việc kiểm soát giá các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khi có biến động, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội; góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an ninh xã hội trong thời gian qua.

**b. Tác động tiêu cực/chưa hợp lý:**

- Đối với kinh tế - xã hội: Việc quy định cứng danh mục và khi muốn đưa một mặt hàng vào danh mục bình ổn giá thì Chính phủ phải trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, việc này sẽ không đáp ứng được tính kịp thời, linh hoạt của các biện pháp thực hiện bình ổn giá. Vì theo tính chất áp dụng việc thực hiện biện pháp bình ổn giá đối với một hàng hóa, dịch vụ nào đó thì mặt hàng đó có biến động bất thường hoặc mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội; vì vậy việc thực hiện bình ổn giá cần thực hiện ngay. Điều này sẽ gây ra tác động mạnh tới mặt bằng giá, ảnh hưởng đến việc điều hành kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

- Đối với công tác thực thi: Việc không có quy định cụ thể về nguyên tắc, quy trình, phương pháp lựa chọn cụ thể sẽ gây khó khăn cho công tác thực hiện từ Trung ương đến địa phương; làm chậm và kém hiệu quả việc thực hiện biện pháp này.

**3.4.2. Giải pháp 2:**

**a. Tác động tích cực/lợi ích:**

- Đối với kinh tế: Việc không quy định danh mục cụ thể trong Luật, đồng thời việc giao thẩm quyền cho Chính phủ quyết định danh mục và phương pháp sẽ tạo điều kiện cho việc điều hành linh hoạt, đáp ứng kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh đối với công tác bình ổn giá khi thực tế yêu cầu cần thực hiện tại thời điểm thị trường của hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường hoặc xảy ra cạnh tranh không lành mạnh về giá.

Đồng thời việc bình ổn giá mặt hàng, dịch vụ có tính thiết yếu tác động nhiều đến mặt bằng giá sẽ góp phần ổn định mặt bằng giá, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bao quát cả trường hợp dịch bệnh, thiên tai, bão lũ...

- Đối với xã hội: Khi sử dụng biện pháp bình ổn giá một cách có hiệu quả về cả mặt phương pháp và phương thức thực hiện sẽ góp phần kiểm soát mặt bằng giá, tạo niềm tin của người dân và tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên thị trường.

- Đối với công tác thực thi: Khi xây dựng được quy định cụ thể về nguyên tắc, quy trình, phương pháp lựa chọn cụ thể sẽ tạo điều kiện cho công tác thực hiện từ Trung ương đến địa phương; nâng cao hiệu quả thực thi và đáp ứng tính cấp thiết của việc thực hiện bình ổn giá.

**b. Tác động tiêu cực/chưa hợp lý:**

- Khi không quy định cứng danh mục và để cho thẩm quyền Chính phủ quyết định có thể dẫn đến tình trạng lạm dụng sử dụng biện pháp này có thể ảnh

hưởng đến nguồn ngân sách nhà nước nếu áp dụng đối với các mặt hàng do Nhà nước thực hiện quản lý.

- Việc quy định này sẽ dẫn đến việc thay đổi hầu hết kết cấu, quy định tại Luật hiện nay của biện pháp bình ổn giá.

### **3.4.3. Giải pháp 3:**

a. Tác động tích cực/lợi ích:

Việc này sẽ đảm bảo tính linh hoạt, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong triển khai biện pháp. Tuy nhiên cần quy định thật chặt chẽ đối với các điều kiện để xem xét thực hiện bình ổn giá để tránh việc lạm dụng sử dụng biện pháp này; có thể xem xét gắn với việc thực hiện bình ổn đối với việc sửa đổi về khái niệm hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và giá cả biến động bất thường

- Đối với xã hội: Tạo niềm tin của người dân và tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên thị trường khi có những biện pháp kịp thời góp phần ổn định mặt bằng giá, ổn định cuộc sống, hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Tác động tiêu cực: Việc không quy định danh mục cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có thể khiến cho giải pháp chính sách dễ bị nhìn nhận là lạm dụng biện pháp điều tiết bình ổn giá.

### **3.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp**

Mỗi biện pháp có những ưu nhược điểm khác nhau; tuy nhiên trong quá trình triển khai thực tế hiện nay đồng thời thông qua kinh nghiệm thực thi Luật giá; đề nghị sửa theo hướng Biện pháp thứ 2.

*Bên cạnh đó, qua đánh giá của Bộ Tài chính, tương đồng với quan điểm và triển khai bình ổn giá tại một số nước, giải pháp 3 với nguyên tắc không cần quy định danh mục cụ thể cũng là một giải pháp chính sách có tính đột phá, cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá trong quá trình tiếp thu ý kiến rộng rãi từ các Bộ, ngành, các đối tượng chịu tác động từ chính sách.*

## **4. Chính sách 4 về hiệp thương giá**

Nội dung của chính sách này là điều chỉnh các quy định hiện hành về phạm vi áp dụng là chỉ đối với các hàng hóa, dịch vụ có yếu tố độc quyền địa bàn, có lợi thế về tính chất mặt hàng và dẫn đến cạnh tranh hạn chế nhưng do doanh nghiệp quyết định giá; Đồng thời giới hạn chủ thể đề nghị hiệp thương chỉ giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, quy định rõ hơn trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện mức giá hiệp thương thành công và mức giá tạm thời do cơ quan tổ chức hiệp thương quyết định trong trường hợp không hiệp thương thành công.

### **4.1. Xác định vấn đề bất cập**

Thực tế, trong những năm qua theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của các doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã tổ chức hiệp thương giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ sau: Than bán cho 4 hộ tiêu dùng lớn (điện, xi măng, phân bón, giấy); Cuộc vận chuyển than cho sản xuất điện bằng đường sông; Vật liệu nổ công nghiệp bán cho khai thác khoáng sản; Phí tra nạp nhiên liệu cho máy bay. Tại địa phương, công tác hiệp thương giá theo quy định của Luật Giá chủ yếu thực hiện theo phân cấp và được Sở Tài chính chủ trì, tổ chức hiệp thương theo đúng trình tự quy định. Một số địa phương đã tổ chức hiệp thương giá thành công và đem lại lợi ích hài hòa cho các bên tham gia như: Sở Tài chính Ninh Bình đã tổ chức hiệp thương giá xử lý nước thải của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Nam tại Khu Công nghiệp Khánh Phú vào tháng 3/2014. Sở Tài chính Quảng Ngãi đã thực hiện hiệp thương giá đối với các công ty vận tải thực hiện đậu xe ở các bến xe, bến cảng...

Từ thực tiễn triển khai các quy định pháp luật về hiệp thương giá cho thấy tính đúng đắn, phù hợp với cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay. Thông qua hiệp thương sẽ kịp thời xử lý, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền nhưng chưa đến mức phải có sự can thiệp từ Nhà nước bằng biện pháp định giá; ngăn ngừa được tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán), qua đó tạo ổn định thị trường và mặt bằng giá. Tuy nhiên, hiện đã phát sinh một số bất cập cần khắc phục. Cụ thể là:

- Về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá (Khoản 1 Điều 25 Luật giá) quy định 2 trường hợp được hiệp thương giá. Trong đó, đối với việc quy định hàng hóa, dịch vụ hiệp thương không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá là không cần thiết do tính chất của biện pháp định giá nhà nước là việc nhà nước quyết định giá nên không thể phát sinh trường hợp các bên không thỏa thuận được mức giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ.

Bên cạnh đó, việc quy định điều kiện hiệp thương giá trong thực tế lại chưa quy định rõ về tính chất của các bên mua, bán hàng hóa, dịch vụ. Với bản chất của biện pháp hiệp thương giá là việc cơ quan nhà nước đứng ra làm trọng tài cho việc đàm phán, thỏa thuận giá thì việc phát sinh hiệp thương sẽ chỉ đúng trong trường hợp khi giữa các bên là doanh nghiệp với doanh nghiệp không thể thỏa thuận được giá mua bán hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, phải gắn với cả tính chất của hàng hóa, dịch vụ là phải có tính độc quyền (cả độc quyền mua và độc quyền bán) hoặc phụ thuộc không thể thay thế, có thị trường hạn chế. Ví dụ trong trường hợp hiệp thương giá than bán cho điện trong thực tế thì 2 bên không thể thống nhất được mức giá là Tập đoàn điện lực và Tập đoàn than khoáng sản, Tổng công ty Đông Bắc nhưng không có mặt hàng khác để thay thế nên ngay cả bên mua cũng không có lựa chọn khác... là phù hợp với bản chất, điều kiện, yêu cầu của việc thực hiện hiệp thương giá. Tuy nhiên đối với trường hợp hiệp thương giá theo đề xuất của Bộ Y tế đối với sinh phẩm y tế phục vụ chuẩn đoán Covid – 19 thì lại phát sinh giữa Bộ Y tế và doanh nghiệp là chưa

thật sự phù hợp với bản chất biện pháp cũng như các quy định khác liên quan đến mục sắm nhà nước theo Luật đấu thầu.

Từ thực tiễn triển khai hiệp thương giá cho thấy, việc quy định thẩm quyền yêu cầu hiệp thương giá của “*Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*” (Điều 23 Luật giá) là không cần thiết, dễ gây các cách hiểu khác nhau trong triển khai pháp luật; Biện pháp hiệp thương giá được quy định nhằm giải quyết các phát sinh tranh chấp có tính chất thị trường, khắc phục các bất cập trong mua, bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền, phụ thuộc nên yêu cầu về hiệp thương giá chỉ xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của các bên mua và bên bán.

- Về giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công chưa rõ ràng; chưa có các quy định cụ thể để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia hiệp thương bao gồm cả bên mua, bên bán và cơ quan tổ chức hiệp thương. Điều này trong một số trường hợp có thể khiến việc hiệp thương giá diễn ra kém hiệu quả khi các bên không có đầy đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo cho việc thực hiện mức giá hiệp thương thành công; đôi khi cũng như có thể dẫn đến sự tùy ý trong cách xác định mức giá tạm thời khi các quy định về quy trình cơ bản về cách xác định mức giá hiện chưa nằm tại Luật.

#### **4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Làm rõ vai trò của công tác, hiệp thương giá trong việc khắc phục những vướng mắc về giá trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có yếu tố độc quyền; ngăn ngừa tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán). Thông qua hiệp thương giá, cơ quan Nhà nước được tham gia với vai trò trọng tài để hai bên mua bán trao đổi thống nhất giá thể hiện được tính đúng đắn, phù hợp của cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay và trong giai đoạn tới.

#### **4.3. Các giải pháp đề xuất**

**Giải pháp 1:** Không thay đổi các quy định về biện pháp hiệp thương giá

**Giải pháp 2:** sửa đổi bổ sung thêm một số quy định pháp luật theo hướng:

- Quy định phạm vi thực hiện hiệp thương giá chỉ thực hiện đối với việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ quan trọng, được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế, có tính chất độc quyền mua, độc quyền bán, phụ thuộc lẫn nhau *giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp*. Việc mua sắm nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật đấu thầu và không thuộc phạm vi hiệp thương giá (theo đó bỏ quy định tại điểm a Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều 23 Luật giá).

- Quy định cụ thể về tính pháp lý của mức giá hiệp thương thành công và mức giá tạm thời trong trường hợp không hiệp thương thành công; Gắn với quy

định rõ trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện mức giá trên. Cụ thể theo hướng:

- Mức giá hiệp thương thành công sẽ là mức giá do 2 doanh nghiệp thỏa thuận quyết định phù hợp với thị trường; Cơ quan hiệp thương chỉ có trách nhiệm giám sát việc thực hiện mức giá này của các đơn vị.

+ Mức giá tạm thời sẽ do cơ quan hiệp thương căn cứ hồ sơ phương án giá mua, phương án giá bán của các bên để quyết định trên cơ sở cân đối hài hòa các yếu tố chi phí, lợi nhuận hợp lý của bên bán và bên mua theo tính chất mặt hàng. Bên bán và bên mua chịu trách nhiệm pháp lý về thực hiện đúng mức giá này trong thời gian quy định và tổ chức thỏa thuận về mức giá khi hết thời gian áp dụng.

#### **4.4. Đánh giá tác động các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động của chính sách**

##### **4.4.1 Giải pháp 1:**

###### ***a) Tác động tích cực:***

- *Tác động về kinh tế - xã hội:* Không có thay đổi nhiều đối với các quy định hiện hành về chính sách, hệ thống pháp luật không chịu ảnh hưởng

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí quản lý của Nhà nước và các tổ chức, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

###### ***b) Tác động tiêu cực:***

- *Tác động vào hệ thống pháp luật:* Việc giữ nguyên các quy định hiện hành về biện pháp hiệp thương giá sẽ tiếp tục khiến cho việc hiệp thương giá trong một số trường hợp bị lạm dụng, không phù hợp với bản chất. Việc sử dụng hiệp thương giá giữa nhà nước và doanh nghiệp để mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước có thể bị chông chéo với quy định pháp luật về mua sắm nhà nước với nhiều hình thức đấu thầu, mua sắm.

Việc không quy định cụ thể về trách nhiệm triển khai cũng như cơ sở pháp lý của mức giá sẽ làm cho các bên tham gia hiệp thương gặp vướng mắc trong việc xác định mức giá phù hợp.

- *Tác động về xã hội:* Hiệu lực hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về hiệp thương giá không cao do quy định hiện hành vẫn khiến cho việc thực hiện hiệp thương giá trong một số trường hợp chưa đúng với bản chất biện pháp.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Chưa có hướng dẫn cụ thể về quy trình, cách thức để xác định mức giá tạm thời khi cơ quan tổ chức hiệp thương phải ra quyết định mức giá tạm thời do đó có thể dẫn đến sự chưa rõ ràng về pháp lý của mức giá hiệp thương gắn với pháp lý, trách nhiệm của cơ quan tổ chức hiệp thương khi xác định mức giá này.

#### **4.4.2 Giải pháp 2: Bổ sung quy định pháp luật/thay đổi chính sách**

##### **a) Tác động tích cực**

- *Tác động về kinh tế - xã hội:* Việc khoanh vùng rõ phạm vi hiệp thương giá sẽ tránh được tình trạng có các cách hiểu khác nhau về việc hiệp thương giá; Việc hiệp thương chỉ thực hiện giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp là đúng với bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với bản chất của biện pháp và mục tiêu của biện pháp; Đảm bảo việc áp dụng thực tiễn thuận lợi, thông suốt. Trên cơ sở đó sẽ làm rõ được mục đích của hiệp thương giá không phải là biện pháp can thiệp hay điều tiết của Nhà nước.

Việc sử dụng hiệp thương giá giữa nhà nước và doanh nghiệp để mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước cần đảm bảo đúng theo Pháp luật về đấu thầu và các quy định liên quan, không thuộc phạm vi hiệp thương giá của Luật giá.

Việc loại bỏ quy định về điều kiện hiệp thương theo yêu cầu của “*Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*” cũng giúp cho các cơ quan linh hoạt hơn trong việc thực hiện hiệp thương, không gây nhiều cách hiểu khác nhau, mâu thuẫn trong triển khai thực hiện pháp luật. Nhất là sẽ tránh có cách hiểu khác về Nhà nước có can thiệp vào giá mua – bán của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc bổ sung quy định về quy trình, cách thức để xác định mức giá tạm thời sẽ giúp thống nhất cách xác định mức giá tạm thời cũng như bảo đảm cơ sở pháp lý, trách nhiệm của cơ quan tổ chức hiệp thương khi xác định mức giá này. Cơ quan tổ chức hiệp thương cũng có đầy đủ pháp lý vững chắc hơn để đảm bảo cho việc đưa ra mức giá có tính thuyết phục, đúng quy định của pháp luật.

- *Tác động về xã hội:* Gia tăng cơ hội có việc làm bởi khi doanh nghiệp huy động được vốn từ nền kinh tế sẽ có điều kiện mở rộng sản xuất, kinh doanh. Tăng niềm tin của xã hội vào tính nghiêm minh của pháp luật, vào môi trường đầu tư, kinh doanh.



- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp, Luật Cạnh tranh và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Và có sự tương thích, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**b) Tác động tiêu cực:**

Qua rà soát nhận định không thấy có tác động tiêu cực trong việc triển khai giải pháp này.

**4.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được là Giải pháp 2.

Đối với việc bổ sung quy định về quy trình, cách thức để xác định mức giá tạm thời sẽ giúp thống nhất cách xác định mức giá tạm thời cũng như bảo đảm cơ sở pháp lý, trách nhiệm của cơ quan tổ chức hiệp thương khi xác định mức giá này.

**5. Chính sách 5 về biện pháp kê khai giá**

Nội dung của chính sách này là gộp cơ chế đăng ký giá với kê khai giá để tăng cường hiệu lực thực hiện đối với biện pháp kê khai giá là công cụ quản lý, điều hành giá (gián tiếp), nắm bắt thông tin hiệu quả về giá, đáp ứng yêu cầu quản lý giá trong tình hình hiện nay. Gắn với đó là thu hẹp, làm rõ phạm vi thực hiện kê khai giá, đồng thời củng cố cơ chế công khai minh bạch thông tin, các giải pháp giám sát, kiểm tra thực hiện.

**5.1. Xác định vấn đề bất cập**

- *Đối với biện pháp kê khai giá* tại Luật giá quy định kê khai chỉ là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi thông báo mức giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa thuộc danh mục kê khai giá; Doanh nghiệp có trách nhiệm bán hàng hóa, dịch vụ theo mức giá đã kê khai (có thể tăng, giảm trong phạm vi 5%); Giám sát biến động chi phí, yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng đặc thù này thông qua công tác kê khai giá. Tuy nhiên, các quy định về cơ chế giám sát thực hiện, cơ chế kiểm soát hoạt động kê khai giá, và nhất là việc xử lý của cơ quan tiếp nhận kê khai khi phát hiện trường hợp điều chỉnh giá bất hợp lý là chưa cụ thể, rõ ràng nên không phát huy hết hiệu quả của cơ chế này.

- Về danh mục kê khai giá: Số lượng mặt hàng hiện đang quy định kê khai giá là khá nhiều, tổng là 26 mặt hàng (trong đó có 11 mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá). Tuy nhiên, trong thực tế thi hành chưa thể hiện rõ ràng hiệu quả của công tác kê khai giá; kết quả xử phạt trong lĩnh vực kê khai giá còn hạn chế.

Về mức giá kê khai, thời điểm kê khai và hình thức kê khai theo quy định hiện hành đã có hạn chế nhất là đối với một số mặt hàng có đặc điểm rất đa dạng, phong phú về chủng loại, tên thương mại nên khi thực hiện kê khai danh mục kê khai của một mặt hàng sẽ rất khó khăn; một mặt khác là nếu tiếp tục áp dụng thời điểm kê khai trước khi mua bán hàng hóa là không phù hợp với thực tiễn hiện nay, làm giảm tính chủ động của doanh nghiệp, nhất là yếu tố cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khi yếu tố giá hàng hóa, dịch vụ thường phải đưa ra quy định kịp thời với xu hướng thị trường tại một thời điểm nhất định.

- Bên cạnh đó, đối với biện pháp đăng ký giá, hiện nay là một trong các biện pháp để thực hiện bình ổn giá; Theo đó, trong trường hợp Chính phủ áp dụng biện pháp bình ổn giá và sử dụng biện pháp đăng ký giá thì tổ chức sản xuất, kinh doanh phải thực hiện gửi bản đăng ký giá (bao gồm cả việc giải trình về các yếu tố chi phí hình thành giá) để cơ quan quản lý rà soát. Tuy vậy, việc áp dụng biện pháp đăng ký giá đến nay lại rất hạn chế (mới chỉ thực hiện 01 lần đối với giá sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi) do các bất cập:

+ Theo phân tích từ chính sách đã đề cập, việc thực hiện bình ổn giá rất hạn chế nên kéo theo việc triển khai các biện pháp nằm trong bình ổn giá cũng không được áp dụng nhiều trong thực tiễn.

+ Bản thân biện pháp đăng ký giá có đặt ra chế định kiểm soát của nhà nước nhưng khó khả thi vì những phức tạp về yếu tố cấu thành giá, chi phí đặc thù,... rất khó xác định, đánh giá theo chuẩn mực. Các quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP mới chỉ quy định về quyền tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá mà chưa có các quy định về kiểm soát hoặc chế tài xử lý kèm theo.

Về mặt hình thức, 2 biện pháp kê khai giá, đăng ký giá có tính chất tương đồng cao, chỉ khác nhau việc báo cáo, giải trình các yếu tố hình thành giá với cơ quan quản lý.

## **5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả của hoạt động kê khai giá là một biện pháp quản lý, theo dõi nắm bắt thông tin về giá. Trên cơ sở đó, gộp quy định về đăng ký giá với kê khai giá và bỏ quy định đăng ký giá.

## **5.3. Các giải pháp đề xuất**

**5.3.1. Giải pháp 1:** Về cơ bản vẫn giữ 2 biện pháp như hiện hành; Tuy nhiên cần quy định cơ chế kê khai đặc thù đối với các hàng hóa, dịch vụ có biến động giá liên tục hoặc những hàng hóa là đầu vào cho sản xuất các hàng hóa, dịch vụ khác phải được thực hiện tương tự như đối với đăng ký giá.

### 5.3.2. Giải pháp 2:

- Gộp cơ chế đăng ký giá với biện pháp kê khai giá và bỏ quy định về biện pháp đăng ký giá khỏi các biện pháp bình ổn giá. Theo đó, mức giá kê khai là mức giá do doanh nghiệp tự quyết định nhưng có kèm theo biểu thuyết minh tổng hợp về các yếu tố chi phí để theo dõi giám sát. Đồng thời phân định thời điểm kê khai sẽ được thực hiện sau khi đơn vị quyết định giá cho phù hợp thực tế hiện nay, đảm bảo thực thi quyền chủ động của doanh nghiệp trong định giá hàng hóa, dịch vụ.

- Gắn với đó, thu hẹp phạm vi kê khai giá theo nguyên tắc lựa chọn các hàng hóa thiết yếu, đặc biệt quan trọng hoặc một số hàng hóa độc quyền sản xuất, kinh doanh và có ảnh hưởng lớn đến kinh tế, xã hội. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá phải được quy định cụ thể; Theo đó, trên cơ sở tham mưu của Bộ Tài chính, Chính phủ quy định chi tiết danh mục gắn với phân công, phân cấp cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương triển khai tiếp nhận để một mặt củng cố cơ sở pháp lý cho hoạt động này, nhưng vẫn phải bảo đảm tính linh hoạt trong thực thi phải có rà soát, điều chỉnh danh mục hàng năm.

- Việc phân công tiếp nhận kê khai giá tại trung ương sẽ theo nguyên tắc kế thừa quy định hiện hành, nhưng sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp với chức năng quản lý Nhà nước của các Bộ ngành; Theo đó, cơ quan tiếp nhận kê khai sẽ gồm Bộ Tài chính và các Bộ ngành quản lý lĩnh vực mặt hàng. Việc phân cấp tiếp nhận kê khai tại địa phương thực hiện tương tự với trung ương; Đồng thời cũng quy định trách nhiệm về tổng hợp báo cáo định kỳ gửi Sở Tài chính để thực hiện vào báo cáo thị trường của Quý.

- Đồng thời quy định rõ về nguyên tắc đối với việc rà soát điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai tại Trung ương và địa phương đảm bảo phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn; bổ sung cơ chế công khai thông tin về giá kê khai, cơ chế giám sát, kiểm tra thực hiện và chế tài xử lý vi phạm.

## 5.4. Đánh giá tác động chính sách

### 5.4.1 Giải pháp 1:

#### a) Tác động tích cực:

- *Tác động về kinh tế - xã hội: Tác động về giới:* Không phát sinh các chính sách mới nhiều mà chỉ mang tính rà soát, hợp lý hóa các quy định hiện hành đối với một số hàng hóa đặc thù, không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí quản lý của Nhà nước và các tổ chức, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**b) Tác động tiêu cực:**

- Việc không thay đổi cơ cấu chính sách hiện hành sẽ vẫn dẫn đến tình trạng biện pháp đăng ký giá không có tính hiệu lực, hiệu quả và biện pháp kê khai giá lại chưa thể hiện vai trò của cơ quan quản lý trong xử lý kết quả kê khai.

**5.4.2 Giải pháp 2: Bổ sung quy định pháp luật/thay đổi chính sách**

**a) Tác động tích cực**

- *Tác động về hiệu lực quản lý nhà nước:* Kê khai giá là biện pháp quản lý giá phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tế thời gian qua đã cho thấy thông qua hoạt động kê khai, một mặt bảo đảm được quyền và lợi ích của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong việc tự định giá; Nhưng thông qua kê khai như là một biện pháp giám sát của Nhà nước sẽ giúp cho việc mua bán hàng hóa, dịch vụ được thuận lợi hơn. Tuy nhiên, khi đã gộp đăng ký giá với kê khai giá, đồng thời để khắc phục tồn tại hạn chế của hoạt động này thì cần thiết phải có quy định cơ bản thuyết minh cơ cấu chi phí, yếu tố hình thành giá khi thực hiện kê khai giá sẽ giúp cơ quan quản lý triển khai hiệu quả chức năng của mình trong việc kiểm soát việc tăng, giảm giá của một số nhóm hàng hóa đặc thù, thiết yếu và ngăn chặn tình trạng lợi dụng vị thế độc quyền để tăng giảm giá bất hợp lý.

Gắn với đó, việc quy định rõ và thu hẹp phạm vi thực hiện kê khai giá, quy định danh mục cụ thể sẽ giúp cho việc triển khai biện pháp đảm bảo đúng các nguyên tắc về kinh tế thị trường, giảm tính kiểm soát của Nhà nước đối với các mặt hàng không cần thiết. Việc quy định rõ nguyên tắc phân công, phân cấp tiếp nhận kê khai giá tại Luật cũng đảm bảo điều kiện triển khai các quy định hiện hành được thuận lợi, tránh tình trạng lạm dụng chính sách, hiểu sai về chính sách.

- Việc thu hẹp phạm vi cũng như gộp 2 biện pháp đăng ký giá, kê khai giá sẽ giúp giảm bớt thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp; Ngoài ra, việc quy định biện pháp Thông báo giá với vai trò để cung cấp thông tin điều hành cũng không phát sinh thủ tục hành chính, là kênh thông tin cập nhật quan trọng cho cơ quan điều hành trong triển khai các biện pháp chung.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Việc thu hẹp phạm vi cũng như gộp 2 biện pháp đăng ký giá, kê khai giá sẽ giúp giảm bớt thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp; Ngoài ra, việc quy định biện pháp Thông báo giá với vai trò để

cung cấp thông tin điều hành cũng không phát sinh thủ tục hành chính, là kênh thông tin cập nhật quan trọng cho cơ quan điều hành trong triển khai các biện pháp chung.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; vẫn đảm bảo sự tương thích, phù hợp với các quy định hiện hành. Bên cạnh đó đơn giản hóa 2 biện pháp đã được quy định tại Luật giá hiện nay để tạo thuận lợi cho quá trình triển khai

***b) Tác động tiêu cực:***

Việc nâng cao vai trò của cơ quan quản lý đối với biện pháp kê khai giá có thể khiến cho một số đơn vị nhận định việc gia tăng thủ tục hành chính, tăng sự kiểm soát của cơ quan nhà nước trong bối cảnh thực hiện cơ chế thị trường. Tuy nhiên cần nhận định việc thực hiện biện pháp kê khai giá theo giải pháp này là sự kết hợp giữa cả biện pháp đăng ký giá trước đây và kê khai giá, khiến cho việc thực hiện đơn giản hơn, với phạm vi áp dụng chỉ ở diện hẹp đối với một số mặt hàng nhất định.

**5.5. Đề xuất lựa chọn chính sách**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được là Giải pháp 2. Việc sửa đổi toàn diện đối với 2 biện pháp đăng ký giá – kê khai giá sẽ giúp cho việc triển khai biện pháp trong thực tiễn có tính hiệu lực, hiệu quả cao, gia tăng vai trò của cơ quan quản lý đối với một số nhóm mặt hàng đặc thù cần kê khai. Bên cạnh đó vẫn hình thành biện pháp về thông báo giá để đáp ứng nhu cầu về thông tin kịp thời trong công tác quản lý, điều hành.

**6. Chính sách 6 về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường và kiểm tra thực hiện pháp luật về giá.**

Nội dung của chính sách này là bổ sung các quy định pháp lý cụ thể để điều chỉnh hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo tình hình giá cả thị trường gồm các nội dung về: nguyên tắc thực hiện, nguồn thông tin, trách nhiệm cung cấp thông tin của các đơn vị, phương pháp tổng hợp, phân tích thông tin, dự báo giá cả thị trường; Cơ chế chỉ đạo, điều hành giá, trách nhiệm triển khai các biện pháp quản lý, điều hành giá; Kinh phí phục vụ hoạt động. Bên cạnh đó, Luật hóa và đưa các quy định hiện nay tại Nghị định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá quy định tại Luật để tăng cường cơ sở pháp lý cho công tác tổ chức thực hiện.

Đồng thời, củng cố cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giá trên nền tảng thông tin từ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá để đảm bảo tăng cường công tác hậu kiểm đối với việc triển khai các chính sách pháp luật về giá; Đồng thời có chế tài cụ thể xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giá.

## **6.1. Xác định vấn đề bất cập**

**a.** Công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường giá cả trong thời gian qua là một hoạt động thường xuyên định kỳ về cơ bản đã góp phần tham mưu cho các cấp thẩm quyền các kịch bản điều hành giá cũng như đưa ra các chính sách, biện pháp bình ổn giá thị trường. Trong thực tiễn triển khai công tác quản lý, điều hành giá đã cho thấy vai trò quan trọng thiết yếu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường; đây là nghiệp vụ quản lý nhà nước thường xuyên phải thực hiện với sự chính xác và tính kịp thời đối với các biến động của thị trường; từ đó làm cơ sở cho các cơ quan thường trực giúp việc cho Chính phủ, Ban chỉ đạo điều hành giá đưa ra các kịch bản điều hành giá; tham mưu giúp việc cho Chính phủ đưa ra các quyết định điều hành, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Mặc dù Thủ tướng đã có quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động của Ban chỉ đạo được triển khai tương đối hiệu quả, tạo nền tảng thực tiễn rất tốt cho công tác quản lý, điều hành trong thời gian qua. Tuy nhiên thể chế đối với nhiệm vụ này còn yếu, chưa có những cơ chế rõ ràng, hành lang pháp lý vững chắc để triển khai sâu rộng từ trung ương đến địa phương, thể hiện ở một số hạn chế như:

- Nội dung về tổng hợp, phân tích, dự báo, điều hành chỉ được nêu ngắn gọn tại Điều 7 Luật giá quy định nội dung quản lý Nhà nước về giá gồm công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường, nhưng trong thực tiễn chưa có quy định, cơ sở pháp lý cho việc thực hiện công tác này nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn chưa được thể chế rõ ràng, quy định rải rác tại một số văn bản dưới Luật như Thông tư 116/2018/TT-BTC, Quyết định 690/QĐ-ITG của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo điều hành giá... mà chưa đặt tại các văn bản có hiệu lực pháp lý cao như Luật hay Nghị định. Các nhiệm vụ triển khai hiện nay còn mang tính giao việc hành chính, chưa có quy phạm có tính nguyên tắc để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ.

- Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp trong triển khai nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo để làm nền tảng cho công tác chỉ đạo, điều hành chưa có nền tảng pháp lý trong Luật giá, dẫn đến hiệu lực triển khai còn hạn chế, có độ trễ về cung cấp thông tin và chất lượng thông tin cũng như chưa xác định được trách nhiệm rõ ràng khi xảy ra biến động bất thường về giá, hạn chế trong việc phối hợp thực hiện lộ trình điều chỉnh giá các dịch vụ thiết yếu theo lộ trình thị trường. Bên cạnh đó cũng chưa có cơ sở pháp lý để triển khai thông suốt từ trung ương đến địa phương.

**b.** Việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về giá là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan quản lý nhà nước về giá; đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia chung của Chính phủ và cơ sở dữ liệu

ngành Tài chính. Mặt khác, giá cả là vấn đề có tính tổng hợp, liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của các Bộ, ngành, do vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá có tính bao quát, đầy đủ được đánh giá là vô cùng cấp thiết.

Tuy nhiên, trên cơ sở rà soát, đánh giá thi hành Luật giá và các văn bản hướng dẫn cho thấy cơ sở pháp lý về nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá còn chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong quá trình xây dựng, thu thập thông tin từ các Bộ, ngành ngoài Bộ Tài chính. Cụ thể như tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP hiện nay đưa ra một số quy định chung về trách nhiệm trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá gồm cả Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương; Tuy nhiên các nội dung quy định chi tiết tại Thông tư 142/2015/TT-BTC thì chỉ có thể đề cập được đến trách nhiệm của Bộ Tài chính và các địa phương. Do vậy, trách nhiệm về xây dựng cơ sở dữ liệu về giá hoặc cung cấp thông tin về giá của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa được thực thi hiệu quả.

Một mặt khác, việc quy định các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá như hiện nay mặc dù tăng cường trách nhiệm và tính chủ động của các đơn vị trong xây dựng cơ sở dữ liệu về giá nhưng thực tiễn cho thấy hiện nay các Bộ, ngành đều chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về giá đối với ngành, lĩnh vực. Do đó, việc đặt ra vấn đề xây dựng các cơ sở dữ liệu tại các Bộ, ngành là khó khả thi và cần nghiên cứu các giải pháp chính sách nhằm có mô hình xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đảm bảo hiệu quả, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

c. Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về giá hiện nay cũng đã được các Bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giá. Tuy nhiên hiện nay cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác kiểm tra thi hành còn chưa được quy định rõ ràng tại Luật; Một mặt khác, công tác kiểm tra, hậu kiểm việc thi hành các chính sách về giá cũng còn gặp khó khăn khi chưa có nền tảng thông tin từ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo cũng như cơ sở dữ liệu về giá nhằm kịp thời phát hiện ra các hiện tượng về giá cả hàng hóa và có các biện pháp kiểm tra, kiểm soát kịp thời.

## **6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

- Nâng cao vai trò pháp lý của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thành một trong các nhiệm vụ chính của cơ quan quản lý nhà nước về giá bên cạnh các nhiệm vụ điều tiết về giá cụ thể. Qua đó thể hiện rõ chủ trương, định hướng trong việc phát triển cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của nhà nước; từng bước khẳng định vai trò của Nhà nước trong điều tiết kinh tế vĩ mô, ổn định, kiểm soát lạm phát chung.

- Cùng cố hoạt động và nâng cao hiệu quả công tác tổng hợp, phân tích dự báo giá cả thị trường để tạo cơ sở pháp lý phục vụ cho công tác tham mưu, điều hành của Chính phủ.

- Đồng thời, củng cố cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về giá.

- Củng cố và nâng cao tính pháp lý cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, hình thành kênh thông tin chính thống, tin cậy phục vụ công tác quản lý giá, thẩm định giá. Xác định rõ quyền và trách nhiệm của các đơn vị trong việc cung cấp và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

### **6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**6.3.1. Giải pháp 1:** Bổ sung một số quy định có tính nguyên tắc trong triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo tại nội dung quản lý nhà nước về giá. Trong đó tăng cường trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai nhiệm vụ này.

**6.3.2. Giải pháp 2:** được xây dựng trên cơ sở bổ sung toàn diện thêm 01 chương tại Luật “*Công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá và kiểm tra thi hành pháp luật về giá*” Theo đó, cụ thể hóa quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá.

- Nguyên tắc và nội dung của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường; Trong đó công tác tổng hợp, phân tích dự báo giá sẽ phục vụ cho việc nắm bắt tổng thể mặt bằng giá cả thị trường, nghiên cứu phân tích, dự báo giá cả các mặt hàng, xây dựng kịch bản điều hành giá, kiểm soát lạm phát chung. Trên cơ sở đó tham mưu cho công tác quản lý, điều hành giá các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cũng như công tác điều hành giá vĩ mô của Chính phủ, góp phần trong tổng thể việc triển khai phát triển kinh tế vĩ mô.

- Trách nhiệm đầu mối của Bộ Tài chính, trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ về tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường. Cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin về điều hành để tạo thuận lợi cho tổ chức thực hiện.

- Phương pháp tổng hợp, phân tích thông tin, dự báo giá; phương pháp xây dựng kịch bản điều hành giá, đề xuất tham mưu

- Cơ chế chỉ đạo, điều hành giá (Trong đó sẽ có quy định về việc thành lập và chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu và quyền hạn của Ban Chỉ đạo điều hành giá);

- Kinh phí cho hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá.

- Luật hóa các quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP để nâng cao cơ sở pháp lý đối với nhiệm vụ này vào một mục thuộc chương tổng hợp, phân tích, dự báo giá, gồm các nội dung:

+ Nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

+ Đối tượng và trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

+ Yêu cầu về dữ liệu, phương pháp tổng hợp dữ liệu, biểu mẫu thống kê, kỳ báo cáo, thời gian báo cáo, phương thức kết nối dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu



chuyên ngành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giá... Trách nhiệm về công khai và cung cấp dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

+ Cơ chế và kinh phí phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

- Công tác kiểm tra: Các quy định cụ thể hơn về thẩm quyền, thủ tục, quy trình trong việc thực hiện công tác kiểm tra.

#### **6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

##### **6.4.1. Giải pháp 1:**

###### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Tác động về hệ thống pháp Luật: Việc bổ sung những quy định có tính nguyên tắc trong triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá tại Luật sẽ giúp tạo nền tảng pháp lý cho việc xây dựng, thể chế các quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn dưới Luật; Khi phát sinh vấn đề sửa đổi, bổ sung các quy định sẽ dễ dàng hơn trong triển khai sửa đổi các văn bản dưới Luật như Nghị định, Thông tư.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

###### ***b) Tác động tiêu cực***

Việc hoàn thiện hơn các nguyên tắc căn bản tại Luật mặc dù là phương án đơn giản, dễ triển khai khi xây dựng chính sách và giao thẩm quyền cho Chính phủ hướng dẫn chi tiết; Tuy nhiên hiệu lực pháp lý vẫn chưa thật sự đảm bảo so với tầm quan trọng của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá.

##### **6.4.2. Giải pháp 2:**

###### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Tác động về kinh tế:

+ Đối với Nhà nước: Việc cụ thể hóa các quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo và bổ sung quy định về vị trí pháp lý của Ban Chỉ đạo điều hành giá đã thể hiện rõ nét nhất quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi cơ chế quản lý nhà nước về giá theo hướng đề cao, coi trọng quản lý vĩ mô, kết hợp với quản lý cụ thể, sử dụng biện pháp điều tiết giá hạn chế trong trường hợp cần thiết.

Thông qua công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá, các chính sách điều hành giá vĩ mô và các chính sách điều hành cụ thể được cập nhật nhanh chóng, đầy đủ dữ liệu phục vụ kịp thời cho công tác điều hành của Chính phủ, tăng cường phản ứng chính sách của các cơ quan quản lý trong việc sử dụng các công cụ kinh tế vĩ mô để điều tiết, bình ổn thị trường. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của việc triển khai các nhiệm vụ về quản lý, điều hành giá, đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác chỉ đạo, điều hành nói chung và tổng hợp, phân tích dự báo nói riêng. Qua đó, phục vụ hiệu quả công tác quản lý điều hành giá cả, kiểm soát lạm phát trong tổng thể công tác điều hành kinh tế vĩ mô chung theo mục tiêu Quốc hội, Chính phủ đề ra;

Nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo và cơ chế phối hợp hiệu quả hơn. Việc xây dựng quy trình, phương pháp tổng hợp, phân tích, dự báo cụ thể sẽ giúp cho thông tin dữ liệu giá cả được chuẩn hóa hơn và các quyết định chính sách sẽ kịp thời và hiệu quả hơn. Đồng thời, gắn trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá nhằm tạo lập nguồn thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành cũng như nhu cầu xã hội.

+ Đối với doanh nghiệp, người dân: Việc củng cố quy định pháp lý về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường và cơ chế chỉ đạo điều hành giá của Chính phủ sẽ góp phần hiệu quả giúp cho lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu, qua đó góp phần ổn định chi phí sinh hoạt và chi phí sản xuất cho người dân.

Mặt khác, việc củng cố pháp lý đối với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá cũng sẽ giúp cho xã hội, người dân tiếp cận tốt hơn với nguồn thông tin tin cậy về giá.

- *Tác động về hệ thống pháp luật:* Việc Luật hóa và bổ sung một chương về tổng hợp phân tích, dự báo giá sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc, thuận lợi cho công tác tổ chức thực hiện của tất cả các cơ quan từ trung ương đến địa phương. Nếu các quy định chi tiết chỉ được đặt tại Nghị định vô hình chung sẽ làm giảm vị thế, tầm quan trọng công tác quản lý, điều tiết vĩ mô của Chính phủ.

Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; Giải pháp chính sách tương thích, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- *Tác động về xã hội:* Tăng niềm tin vào sự ổn định của giá cả nói riêng và nền kinh tế nói chung, tăng điều kiện được hưởng thụ các dịch vụ công với chất lượng cung cấp tốt hơn, chất lượng cuộc sống tốt hơn, góp phần ổn định xã hội.

- *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* không phát sinh các thủ tục hành chính mới.

b) Tác động tiêu cực: Trong công tác soạn thảo Luật cần rất cân trọng để tránh các cách hiểu không chính xác, cho rằng Nhà nước tăng cường quản lý giá bằng mệnh lệnh hành chính.

### **6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và phù hợp với công tác quản lý giá trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là Giải pháp 2.

## **7. Chính sách 7 về thẩm định viên về giá**

Nội dung của chính sách này là sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành để củng cố một số tiêu chuẩn đối với thẩm định viên về giá, cũng như các điều kiện tiêu chuẩn hành nghề đối với thẩm định viên về giá nhằm cảnh báo, ngăn chặn tình trạng thông đồng trong hoạt động thẩm định giá; xử lý các chông chéo, vướng mắc trong quản lý thẩm định viên về giá; đồng thời thực hiện chuyên môn hóa hoạt động nghề nghiệp của thẩm định viên về giá theo năng lực và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ thẩm định giá để hướng đến tính chuyên nghiệp, chuyên sâu, đề cao trách nhiệm của thẩm định viên về giá trong hoạt động nghề nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng nhu cầu thực tiễn hiện nay. Trên cơ sở đó sẽ chuẩn hóa việc đào tạo cấp chứng chỉ và công tác cập nhật kiến thức hàng năm cho thẩm định viên phải được gắn với chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá, tránh dàn trải không kiểm soát được chất lượng hoạt động.

### **7.1. Xác định vấn đề bất cập**

a. Theo quy định của Luật giá, tiêu chuẩn của thẩm định viên về giá bao gồm: có năng lực hành vi dân sự; có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực, khách quan; tốt nghiệp đại học chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo từ 36 tháng trở lên sau khi có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có chứng chỉ đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá do cơ quan có thẩm quyền cấp và có thể thẩm định viên về giá theo quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cho thấy, quy định trên này sinh một số vấn đề bất cập sau:

- Luật chưa quy định thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo phải là thời gian làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá với nhiệm vụ công việc liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá, do đó, nhiều trường hợp đã làm việc 36 tháng, nhưng không phải tại các doanh nghiệp thẩm định giá và công việc không liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá. Vì vậy, mặc dù những trường hợp này dù điều kiện cấp thẻ thông qua các kỳ thi, nhưng chất lượng chuyên môn cơ bản không đáp ứng được ngay các nghiệp vụ thẩm định giá.

Một mặt khác là hoạt động thẩm định giá có tính chuyên môn sâu, thẩm định viên phải chịu trách nhiệm về các hành vi của mình trong quá trình thẩm định giá, nhưng vẫn cần thiết phải có các chế định chi tiết, cụ thể hơn để cảnh báo, ngăn chặn và điều chỉnh hành vi theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, kiểm chế các trường hợp trao đổi, thông đồng làm méo mó kết quả thẩm định giá. Như vậy, cùng với việc tăng cường quản lý chặt khâu cấp thẻ là phải chú trọng nhiều hơn cho việc củng cố kiện toàn các điều kiện, tiêu chuẩn hoạt động của thẩm định viên.

- Theo quy định hiện hành, người được cấp thẻ thẩm định viên về giá là có đủ điều kiện thẩm định các loại tài sản. Tuy nhiên, thực tế cho thấy thẩm định viên khi hành nghề sẽ cơ bản làm chuyên sâu trong một lĩnh vực về thẩm định giá bất động sản (khoảng 65%) hoặc vừa làm bất động sản, vừa làm về máy, thiết bị và một số ít làm về giá trị doanh nghiệp. Trong khi đó, để được cấp thẻ phải thi đủ các môn gồm: Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực giá và thẩm định giá; Nguyên lý hình thành giá cả thị trường và nguyên lý căn bản về thẩm định giá; Thẩm định giá bất động sản; Thẩm định giá máy, thiết bị; Thẩm định giá doanh nghiệp và Môn Ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ C); điều này là không cần thiết, sẽ làm tăng chi phí cho người muốn trở thành thẩm định viên về giá, lãng phí nguồn lực của xã hội. Trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi hoạt động thẩm định giá phải có chuyên môn sâu về lĩnh vực để đáp ứng yêu cầu từ thực tế, vì trong nhiều trường hợp khi thẩm định giá doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình do chưa có chuyên môn sâu nên đã ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động, và với số lượng thẩm định viên tham gia trong lĩnh vực này rất hạn chế sẽ khó đáp ứng được yêu cầu thực tế sẽ phát sinh trong thời gian tới khi đẩy mạnh triển khai hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công thành công ty cổ phần; xác định giá trị thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ... Kinh nghiệm quốc tế cho thấy rằng một số nước cũng phân loại thẩm định viên theo loại tài sản như: bất động sản, doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình....

- Theo quy định tại Luật giá, người có thẻ thẩm định viên về giá được hành nghề trong tất cả các lĩnh vực (không bị giới hạn); trong khi đó, hiện Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá cũng được xây dựng đồng bộ và đầy đủ để áp dụng trong thẩm định giá hầu hết các loại tài sản từ bất động sản đến các loại động sản. Tuy nhiên, một số pháp luật chuyên ngành ban hành sau Luật giá như Luật đất đai năm 2013 lại quy định người có thẻ thẩm định viên về giá vẫn phải tham gia khóa học về định giá đất mới đủ điều kiện hoạt động tư vấn định giá đất cho cơ quan nhà nước (bản chất của việc tư vấn định giá đất là việc áp dụng pháp luật trong hoạt động tư vấn xác định giá đối với tài sản đặc thù là đất đai của nhà nước) là mâu thuẫn, tăng thêm các tiêu chuẩn điều kiện không cần thiết và sẽ gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, các thẩm định viên về giá theo quy định tại Luật giá.

- Vấn đề đào tạo cấp chứng chỉ và cập nhật kiến thức hàng năm cho thẩm định viên là yếu tố rất quan trọng đến chất lượng thẩm định viên. Tuy nhiên việc thực hiện thời gian qua là chưa có chế định để nâng cao chất lượng, kiểm soát hoạt động này. Hiện tại Nghị định 89/NĐ-CP và Thông tư số 38/IT-BTC có quy định về vấn đề này nhưng chưa rõ cơ chế phải thực hiện như thế nào, chưa gắn được với công tác quản lý thẩm định giá nên rất khó để chế tài các tổ chức, các nhân thực hiện không tốt.

*b. Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết*

Sẽ tiếp tục có một số thẩm định viên thiếu kinh nghiệm thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, không có trình độ chuyên môn sâu theo từng nhóm tài sản thẩm định giá; nên khi hành nghề thực tế dễ phát sinh vướng mắc, sai sót, chất lượng dịch vụ không cao. Số lượng lớn thẩm định viên tốn nhiều công sức để được cấp thẻ thẩm định viên về giá và về nguyên tắc được phép thẩm định giá tất cả các loại tài sản, nhưng sau đó cơ bản chỉ tập trung vào hoạt động thẩm định giá bất động sản, điều này là rất lãng phí. Việc pháp luật chuyên ngành quy định thêm về một số loại chứng chỉ/giấy chứng nhận định giá với tiêu chuẩn chuyên môn không cao bằng thẻ thẩm định viên về giá là tăng thêm các điều kiện không cần thiết, gây chông chéo pháp luật và lãng phí cho xã hội.

*c. Nguyên nhân gây ra vấn đề:*

Một số quy định của Luật hiện không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay là phát triển theo chiều sâu, tập trung vào nâng cao chất lượng của nghề thẩm định giá. Luật giá là luật gốc về giá nhưng vẫn thiếu các quy định mang tính nguyên tắc để khẳng định vị trí, vai trò của công tác thẩm định giá; đồng thời với đó là yếu tố cục bộ trong quản lý ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành nên đã phát sinh thêm các điều kiện không cần thiết để điều chỉnh hoạt động thẩm định giá.

## **7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nâng cao chất lượng thẩm định viên về giá thông qua củng cố, tăng cường tiêu chuẩn, điều kiện của thẩm định viên về giá cả ở khâu cấp thẻ và khâu hoạt động thẩm định giá, gắn với đó là nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp của thẩm định viên trong hoạt động thẩm định giá.

## **7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

### **7.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện hành.**

### **7.3.2. Giải pháp 2: sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, cụ thể:**

- Quy định khi tham gia thi cấp thẻ thẩm định viên về giá, người dự thi phải đáp ứng tiêu chuẩn 36 tháng kinh nghiệm là thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp thẩm định giá, với công việc liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá, giúp việc cho các thẩm định viên trong các cuộc thẩm định giá tài sản cụ

thẻ, như: hỗ trợ khảo sát, thu thập thông tin, lập dự thảo chứng thư, báo cáo kết quả thẩm định giá...

- Chuyên môn hóa hoạt động nghề nghiệp của thẩm định viên để bảo đảm tính chuyên sâu, chuyên nghiệp, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ thẩm định giá. Theo đó, tại thẻ thẩm định viên về giá sẽ thể hiện rõ lĩnh vực chuyên môn của thẩm định viên theo nhóm tài sản thẩm định giá: (1) Thẩm định viên về giá các tài sản, hàng hóa, dịch vụ thông thường (ví dụ như bất động sản, máy thiết bị, các tài sản thông thường khác...) và (2) Thẩm định viên về giá các tài sản tài chính (ví dụ như doanh nghiệp, tài sản vô hình, thương hiệu...). Như vậy, một mặt sẽ nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá thông qua việc chuyên môn hóa lĩnh vực hoạt động của thẩm định viên để đảm bảo tính chuyên nghiệp, chuyên sâu; mặt khác sẽ giúp cho việc giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá của cơ quan nhà nước được hiệu quả hơn; Việc phân định chi tiết các nhóm tài sản này sẽ tiếp tục được đánh giá, phân định rõ ràng, cụ thể trong quá trình soạn thảo Luật.

- Bổ sung quy định để làm rõ phạm vi hoạt động của thẩm định viên tương ứng với lĩnh vực chuyên môn được ghi trên thẻ thẩm định viên; thẩm định viên sẽ không phải trang bị thêm các chứng chỉ/chứng nhận chuyên môn khác như hiện nay (theo quy định tại Luật Đất đai 2013 và Nghị định số: 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường, thẩm định viên về giá khi tham gia tư vấn xác định giá đất phải có Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành).

#### **7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và đối tượng khác có liên quan**

##### **7.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng**

###### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Tác động về kinh tế - xã hội: Các quy định hiện hành đã tạo điều kiện cho thị trường kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phát triển với số lượng trên 2300 thẩm định viên về giá, các thẩm định viên đã tham gia tích cực vào hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá phục vụ nhu cầu của xã hội với nhiều mục đích khác nhau, như: mua, bán, sáp nhập, chuyển nhượng, góp vốn, thi hành án, vay vốn ngân hàng... với đa dạng các loại tài sản từ bất động sản, máy thiết bị, doanh nghiệp, tài sản vô hình.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Thậm chí trong lĩnh vực này,

giới nữa sẽ có nhiều cơ hội tham gia hơn vì đòi hỏi tính cẩn trọng, kiên nhẫn và luôn phải nghiên cứu học tập để cập nhật kiến thức chuyên môn mới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân. Thủ tục hành chính hiện tại đảm bảo được quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia.

- Chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

***b) Tác động tiêu cực/chi phí:***

- Đối với khách hàng thẩm định giá: không nâng cao được chất lượng dịch vụ thẩm định giá, ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của khách hàng thẩm định giá.

- Đối với người có nhu cầu thi cấp thẻ thẩm định viên về giá: mất nhiều thời gian và công sức không cần thiết để đào tạo, bồi dưỡng về các kiến thức liên quan đến thẩm định giá tất cả các loại tài sản; cũng như phải mất chi phí và công sức dự kỳ thi và phải đỗ tất cả các môn thi để được cấp thẻ thẩm định viên về giá như hiện nay (thẻ không phân theo nhóm tài sản), nhưng có khi lại không hành nghề thẩm định giá đối với một nhóm tài sản nào đó.

- Đối với thẩm định viên về giá: do thẻ thẩm định viên về giá không phân loại theo nhóm tài sản nên nhiều khi không có kiến thức chuyên sâu về tất cả các tài sản cần thẩm định, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động thẩm định giá. Bên cạnh đó, đối với các thẩm định viên đã có thẻ thẩm định viên về giá, những quy định của các pháp luật chuyên ngành vẫn bắt buộc phải học thêm các kiến thức thuộc chuyên môn của mình, điều này gây lãng phí không cần thiết; thẩm định viên vừa mất công sức và chi phí để có các chứng chỉ/chứng nhận định giá chuyên ngành để tham gia hoạt động tư vấn định giá cho cơ quan nhà nước.

- Đối với hệ thống pháp luật, giải pháp chính sách chưa tạo được sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật theo định hướng Luật giá là luật gốc về quản lý giá.

**7.4.2. Giải pháp 2:** Sửa đổi các quy định hiện hành về tiêu chuẩn thẩm định viên về giá.

***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Tác động về kinh tế:

+ Đối với xã hội: Bảo vệ tài sản của khách hàng và người sử dụng kết quả thẩm định giá thông qua việc thẩm định viên về giá được chuyên nghiệp hóa và tăng cường kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ thẩm định giá; ổn định môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần ổn định xã hội. Đồng thời, xã hội được sử

dụng dịch vụ thẩm định giá với chất lượng cao và chuyên sâu hơn; kết quả thẩm định giá có độ tin cậy.

+ Đối với thẩm định viên về giá: do thẻ thẩm định viên về giá chuyên sâu theo nhóm tài sản, nên thẩm định viên có điều kiện để tập trung học tập, thực hành chuyên môn, từ đó góp phần nâng cao chất lượng thẩm định viên về giá. Khi quy định thẩm định viên về giá được thực hiện các hoạt động tư vấn định giá theo nhóm tài sản được phép của từng loại thẻ thẩm định viên về giá sẽ giúp giảm chông chéo trong các quy định của pháp luật, cũng như giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo cấp chứng chỉ định giá chuyên ngành, củng cố địa vị pháp lý của thẩm định viên về giá trong hoạt động tư vấn định giá, thẩm định giá.

+ Đối với người dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá: giảm thời gian và công sức (trong việc đào tạo, bồi dưỡng; tham dự các kỳ thi...) đối với người chỉ có nhu cầu tham gia hoạt động thẩm định giá tài sản đối với một nhóm tài sản nào đó.

+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giá: tạo điều kiện phân bổ hợp lý nguồn lực xây dựng hệ thống quản lý khi thẩm định viên về giá được phân thành 2 lĩnh vực hoạt động, giúp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý đối với thẩm định viên về giá nói riêng và đối với hoạt động thẩm định giá nói chung.

- Tác động về giới: Hiện nay số lượng thẩm định viên là nam chiếm khoảng 55%, nữ khoảng 45% và nhiều doanh nghiệp thẩm định giá có đại diện pháp luật, Giám đốc/Tổng giám đốc doanh nghiệp là nữ. Chính sách mới không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; bảo đảm thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

### ***b) Tác động tiêu cực/chi phí***

Quy định trước mắt nhìn chung không phát sinh tăng chi phí thực hiện thủ tục hành chính; về lâu dài theo lộ trình chuyển tiếp các thẩm định viên hiện tại muốn tiếp tục hành nghề phải chuyển đổi thẻ sang các loại phù hợp, khi đó phát sinh chi phí để chuyển đổi thẻ.

## **7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực ở mức thấp nhất là giải pháp 2.

## **8. Chính sách 8 về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

Nội dung của chính sách này là tăng cường các quy định về điều kiện trong khâu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá,



nhất là trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Qua đó, siết chặt quản lý hoạt động thẩm định giá nhằm một mặt đáp ứng yêu cầu đặt ra trong việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá, góp phần chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng, lợi ích nhóm trong lĩnh vực giá; một mặt bảo đảm tính tương đồng đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính tương tự.

### **8.1. Xác định vấn đề bất cập**

Luật giá hiện quy định điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá gồm:

(i) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

(ii) Có ít nhất 3 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó có chủ doanh nghiệp đối với loại hình công ty TNHH một thành viên, có ít nhất 2 thành viên hợp danh đối với loại hình công ty hợp danh, có ít nhất 2 thành viên góp vốn đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, có ít nhất 2 cổ đông đối với loại hình công ty cổ phần;

(iii) Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với loại hình công ty hợp danh, công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần, chủ doanh nghiệp đối với loại hình doanh nghiệp tư nhân phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;

(iv) Đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần có thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định, đồng thời người đại diện của thành viên là tổ chức phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

Thực tế triển khai cho thấy cần phải có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hiện nay, qua đó nâng cao chất lượng hoạt động và kiểm soát sự phát triển nóng doanh nghiệp thẩm định giá, cụ thể là:

(1) Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đòi hỏi tính chuyên môn cao và phức tạp; kết quả thẩm định giá mặc dù mang tính chất tư vấn, nhưng lại có giá trị cao giúp các chủ thể trong việc đưa ra quyết định về mức giá hợp lý của tài sản. Tuy nhiên, hiện nay các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá quá mờ nên số lượng doanh nghiệp thẩm định giá tăng quá nhanh; hơn nữa với số lượng trên 2300 thẩm định viên như hiện nay thì việc doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 03 thẩm định viên, chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 02 thẩm định viên là có thể thực hiện cung cấp dịch vụ thẩm định giá đối với tất cả các tài sản trên thị trường, như vậy là khó đáp ứng được yêu cầu về chất lượng công việc ngày càng tăng nhanh, đòi hỏi quy trình thực thi chặt chẽ hơn.

(2) Công tác thẩm định giá có tính chuyên môn sâu, vì vậy đòi hỏi người đứng đầu doanh nghiệp phải là người vừa có chuyên môn nhưng phải có kinh nghiệm. Tuy nhiên Luật giá chưa có các quy định cụ thể về kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, nhiều thẩm định viên mới được cấp thẻ thẩm định viên, chưa am hiểu về thị trường, thiếu các kiến thức hành nghề đã thành lập và là người đứng đầu doanh nghiệp thẩm định giá, sau đó thu hút khách hàng bằng hạ giá dịch vụ dẫn đến chất lượng dịch vụ bị suy giảm. Để tạm thời khắc phục, Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ cũng đã bổ sung điều kiện kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá.

(3) Về hình thức doanh nghiệp, hiện doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo loại hình công ty cổ phần. Tuy nhiên, đối với loại hình này thì việc rà soát bảo đảm tính khách quan trong quá trình thẩm định giá, hạn chế các lợi ích liên quan giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá là rất cần thiết, nhất là trong trường hợp các công ty cổ phần trở thành công ty đại chúng, có nhiều cổ đông; Vì vậy, cần có giải pháp để kiểm soát phù hợp.

*- Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết*

Doanh nghiệp thẩm định giá phát triển về số lượng nhưng không đi kèm với chất lượng, tốn kém chi phí và khó khăn trong công tác quản lý nhà nước; xuất hiện tình trạng cạnh tranh không lành mạnh về giá dịch vụ, nhiều vụ việc thẩm định giá chất lượng dịch vụ thấp ảnh hưởng đến lợi ích của khách hàng và người sử dụng kết quả thẩm định giá, gây bức xúc trong dư luận và xã hội; lãnh đạo doanh nghiệp thẩm định giá do không có nhiều kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ trong việc hành nghề thẩm định giá nên việc điều hành doanh nghiệp thẩm định giá, cũng như việc kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá kém hiệu quả, chứa đựng nhiều rủi ro trong kinh doanh.

*- Nguyên nhân gây ra vấn đề:* Quy định pháp luật về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá được đánh giá là quá mờ, hiện không còn phù hợp với giai đoạn phát triển theo hướng nâng cao chất lượng của nghề thẩm định giá.

## **8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ thẩm định giá; đảm bảo công khai, minh bạch, độc lập, khách quan trong hoạt động thẩm định giá; hoàn thiện cơ chế, khung pháp lý để chấn chỉnh khâu tổ chức thực hiện trong hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

## **8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**8.3.1. Giải pháp 1:** Giữ nguyên hiện trạng.

**8.3.2. Giải pháp 2:** Bổ sung quy định pháp luật theo hướng:

- Đối với điều kiện thành lập doanh nghiệp thẩm định giá: bổ sung, hoàn thiện quy định để chuyên môn hóa theo hai nhóm lĩnh vực tài sản thẩm định giá như tại chính sách thứ 7 (Thẩm định giá các tài sản, hàng hóa, dịch vụ thông thường và Thẩm định giá tài sản tài chính). Trong đó, doanh nghiệp hoạt động trong một lĩnh vực ngoài quy định bắt buộc người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá phải có thẻ thẩm định viên về giá được phép hành nghề cả hai lĩnh vực, thì phải có thêm thẩm định viên về giá có thẻ tương ứng với lĩnh vực hoạt động đó (ví dụ: có thêm ít nhất 02 thẩm định viên); trường hợp hoạt động cả hai lĩnh vực thì doanh nghiệp thẩm định giá phải có thêm thẩm định viên về giá có thẻ tương ứng ở lĩnh vực hoạt động thứ hai (ví dụ: có thêm ít nhất 02 thẩm định viên).

- Đối với điều kiện thành lập chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá: phải bảo đảm có giám đốc chi nhánh đáp ứng điều kiện về loại thẻ tương tự giám đốc doanh nghiệp; chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo nhóm tài sản nào (nhóm bất động sản, máy thiết bị và các hàng hóa, dịch vụ thông thường hay nhóm doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình) thì thẩm định viên (ví dụ: ít nhất 01 thẩm định viên) phải có thẻ thẩm định viên về giá theo lĩnh vực hoạt động tương ứng.

- Về cơ cấu người tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp: bổ sung quy định ràng buộc phải có đối tượng là thẩm định viên về giá hành nghề tại doanh nghiệp với tỉ lệ vốn góp của các thẩm định viên đủ để có thể kiểm soát các quyết định trong hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời bổ sung các quy định để kiểm soát sở hữu chéo dẫn đến giảm tính độc lập, khách quan trong kết quả thẩm định giá. Đưa các quy định về tiêu chuẩn của thẩm định viên là người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc tại doanh nghiệp vào Luật để tăng cường tính pháp lý, hướng đến việc quản lý chặt chẽ, hiệu quả.

Việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải được kiện toàn theo hướng chặt chẽ thông qua các quy trình kiểm tra, xác minh và giải trình để qua đó kiểm soát việc thành lập doanh nghiệp thẩm định giá. Nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện các quy định về giám sát, quản trị doanh nghiệp cho phù hợp với các hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính; các dịch vụ tư vấn pháp luật... (kinh doanh có điều kiện). Qua đó, tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua hoạt động ngăn ngừa rủi ro. Đồng thời loại bỏ các quy định chông chéo trong việc yêu cầu doanh nghiệp thẩm định giá có báo cáo riêng trong hoạt động một số lĩnh vực (chuyển giao công nghệ, định giá đất...), loại bỏ các quy định ràng buộc hạn chế sự tham gia của các doanh nghiệp thẩm định giá trong một số lĩnh vực thông qua ban hành danh sách doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện (như chuyển giao công nghệ, ngân hàng...).

#### **8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

##### **8.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng**

### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Tác động về kinh tế - xã hội: Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giá: điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá rất mờ, do đó, nếu giữ nguyên hiện trạng dự kiến số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá sẽ tăng nhanh, theo đó, phần thu phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá nộp vào ngân sách Nhà nước có thể tăng.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### ***b) Tác động tiêu cực/chi phí***

- Tác động về kinh tế: cạnh tranh không lành mạnh về giá dịch vụ thẩm định giá, chất lượng dịch vụ thẩm định giá thấp ảnh hưởng đến lợi ích của người sử dụng kết quả thẩm định giá, khách hàng thẩm định giá, trong đó có các cơ quan nhà nước; tăng chi phí quản lý nhà nước về giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá của các doanh nghiệp.

- Tác động về xã hội: Niềm tin của xã hội vào chính sách, pháp luật, hiệu lực quản lý nhà nước bị ảnh hưởng; nhiều sai phạm của các doanh nghiệp thẩm định giá gây bức xúc trong dư luận.

## **8.4.2. Giải pháp 2: Bổ sung quy định pháp luật**

### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Đối với khách hàng thẩm định giá: dễ dàng trong việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá có lĩnh vực chuyên môn sâu, có chất lượng dịch vụ thẩm định giá tốt, tăng niềm tin của xã hội vào tính nghiêm minh của pháp luật, vào môi trường đầu tư, kinh doanh.

+ Đối với doanh nghiệp thẩm định giá: tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh bằng chất lượng dịch vụ; các doanh nghiệp thẩm định giá được phân loại theo chuyên môn sâu giúp thuận lợi và chủ động trong việc nâng cao trình độ thẩm định viên, cũng như kiểm soát tốt chất lượng hoạt động thẩm định giá và tăng cơ hội tiếp cận với khách hàng.

Thẩm định giá là ngành nghề có tính đối nhân thay vì đối vốn, các thẩm định viên cần chịu trách nhiệm cao hơn đối với toàn bộ vấn đề của doanh nghiệp

thay vì chỉ chịu trách nhiệm đối với phần vốn của mình. Qua đó giúp tăng cường trách nhiệm, tinh tuân thủ, giảm thiểu các sai phạm có thể xảy ra.

+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giá: giảm chi phí giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng dịch vụ thẩm định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; thống nhất với Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

#### ***b) Tác động tiêu cực/chi phí:***

Quy định trước mắt nhìn chung không phát sinh tăng chi phí thực hiện thủ tục hành chính; Ngoài ra, việc thay đổi một số vấn đề về điều kiện hoạt động doanh nghiệp có thể phát sinh chi phí để chuyển đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

### **8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được là giải pháp 2.

### **9. Chính sách 9 về hoạt động thẩm định giá của nhà nước**

Nội dung của chính sách này là giới hạn lại quy định rõ phạm vi (những trường hợp) thẩm định giá của nhà nước. Trên cơ sở đó, kiện toàn hoạt động này cho phù hợp với tình hình thực tiễn quản lý nhà nước về giá hiện nay; đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản công, sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm hiệu quả. Theo đó, làm rõ trách nhiệm thực hiện, phương thức thực hiện, và sử dụng kết quả thẩm định giá Nhà nước trong các trường hợp. Đồng thời, tạo lập cơ sở pháp lý cho các trường hợp thực hiện thẩm định giá nhà nước nhưng trong bối cảnh dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, khẩn cấp... cần phải đáp ứng ngay các nhu cầu của Nhà nước, xã hội.

#### **9.1. Xác định vấn đề bất cập**

- Về phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước hiện nay là khá rộng và chưa rõ phạm vi áp dụng. Điều 44 Luật giá quy định 4 trường hợp: (1). Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; (2). Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá; (3). Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước; (4). Mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê

duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 21/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó thuật ngữ “tài sản nhà nước” đã được thay thế bằng thuật ngữ “tài sản công”, đồng thời nội hàm của tài sản công cũng được chi tiết và rõ ràng hơn, cụ thể: *Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác.* Như vậy, nếu chỉ thay thuật ngữ “tài sản nhà nước” bằng thuật ngữ “tài sản công” trong phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước tại Luật giá thì phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước sẽ được giới hạn lại, nhưng không áp dụng được với các trường hợp khác như việc các cơ quan nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, thuê tài sản, liên doanh, liên kết với các đơn vị ngoài nhà nước thì cũng cần thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước theo thẩm quyền.

- Về phương thức hoạt động thẩm định giá Nhà nước, Luật giá quy định thuộc trách nhiệm của cơ quan đơn vị... Tuy nhiên, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá khi cần thiết để thẩm định giá Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm thẩm định giá theo quy định của Luật giá, quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả thẩm định giá. Trên cơ sở đó, việc thành lập Hội đồng thẩm định giá như thế nào, điều kiện thành lập là gì, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên như thế nào Luật giao Chính phủ quy định tại Nghị định. Trong khi đó những nội dung liên quan đến điều kiện thành lập các doanh nghiệp thẩm định giá lại được quy định rõ tại Luật giá; Điều này vô hình chung làm vị thế pháp lý của Hội đồng thẩm định giá nhà nước bị yếu đi, công cụ quản lý giá quan trọng này của nhà nước bị xem nhẹ.

Thực tiễn trong những năm qua, nhiều Bộ ngành ở Trung ương, cũng như nhiều địa phương đã thực hiện việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng... thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình. Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định về giá mua, bán tài sản... qua đó góp phần kiểm soát tài sản công, tiết kiệm chi ngân sách, đảm bảo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả. Tuy vậy, một số bộ ngành, địa phương chưa chủ động trong việc thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước; không thực hiện hoặc rất ít tài sản đưa vào thẩm định giá, cán bộ tham gia công tác liên quan đến thẩm định giá thiếu kiến thức chuyên môn sâu về thẩm định giá.

- *Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:* Tình trạng lúng túng, phân vân trong việc áp dụng pháp luật về thẩm định giá nhà nước không được khắc phục, tiếp tục phát sinh nhiều hơn. Điều này có thể dẫn đến trường hợp thuộc phạm vi thẩm định giá nhà nước thì không thực hiện, trường hợp không thuộc phạm vi lại thực hiện và vấn đề không thực hiện đầy đủ việc thẩm định giá của nhà nước khi thực hiện mua bán, trao đổi... các tài sản là không bảo đảm đúng quy trình, bỏ qua một công cụ quản lý giá hiệu quả, chưa kiểm soát được giá trong các giao dịch tài sản. Một mặt khác là chuyên môn của Hội đồng cũng còn nhiều vấn đề bất cập cần củng cố tăng cường để nâng cao hiệu quả công tác này theo đúng mục tiêu đã được đặt ra ngay từ khi xây dựng Luật Giá năm 2012.

- *Nguyên nhân gây ra vấn đề:* thực tế đã có những biến động thay đổi, nhất là phạm vi áp dụng biện pháp thẩm định giá của nhà nước; một mặt khác là sau hơn 8 năm thực thi Luật giá, một số luật chuyên ngành về quản lý, sử dụng tài sản được hoàn thiện nên có tác động đến công tác thẩm định giá của nhà nước; ngoài ra còn do một số điều kiện về chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ những người làm công tác giá cũng thay đổi, nhất là những người tham gia Hội đồng thẩm định giá nhà nước.

## **9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Tăng cường tính công khai, minh bạch, vị trí, vai trò của thẩm định giá nhà nước trong các hoạt động mua bán tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước.

## **9.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**9.3.1. Giải pháp 1:** giữ nguyên hiện hành nhưng có điều chỉnh về câu chữ, thay tài sản nhà nước bằng tài sản công.

### **9.3.2. Giải pháp 2:**

Giới hạn quy định rõ phạm vi thực hiện thẩm định giá của nhà nước nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai đồng bộ, thống nhất, thuận lợi. Qua nghiên cứu có thể đánh giá việc thẩm định giá của nhà nước thường gồm các trường hợp:

- Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước;
- Bán, cho thuê, thanh lý tài sản công của cơ quan nhà nước;
- Mua, đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và mua tài sản sử dụng nguồn toàn bộ từ ngân sách nhà nước; nhưng trừ một số trường hợp liên quan đến mua, đi thuê tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước.

Theo đó, trong quá trình soạn thảo Luật sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá, để quy định cụ thể các trường hợp thực hiện thẩm định giá của nhà nước phù hợp với thực tiễn triển khai.

Theo đó, bổ sung quy định về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá tương ứng với từng phương thức mua, bán (như nếu đấu thầu thì kết quả thẩm

định là một trong những căn cứ xác định giá tối đa để thực hiện đấu thầu; nếu đấu giá thì kết quả thẩm định giá là một trong những căn cứ xác định giá khởi điểm).

Như vậy, với việc điều chỉnh rõ phạm vi nêu trên thì trách nhiệm thẩm định giá nhà nước sẽ được gắn với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị bán tài sản công, mua tài sản sử dụng ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó, quy định rõ phương thức thẩm định giá là do cơ quan, đơn vị mua, bán tài sản thực hiện, nhưng được quyền thuê tổ chức thẩm định giá để thực hiện.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá nhà nước áp dụng khi Nhà nước bán, chuyển nhượng quyền sử dụng, cho thuê, mua, đi thuê cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc hoặc khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thấy cần phải thành lập Hội đồng. Hội đồng thẩm định giá nhà nước có quyền thuê doanh nghiệp thẩm định giá để tư vấn cho cơ quan nhà nước và Hội đồng thẩm định giá trong quá trình thẩm định giá tài sản. Trong trường hợp này kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá cũng chỉ có giá trị tư vấn, tham khảo, nhưng doanh nghiệp thẩm định giá phải chịu trách nhiệm về sai phạm của hoạt động khi không đảm bảo theo đúng quy trình, tiêu chuẩn thẩm định giá và quy định pháp luật có liên quan.

Một mặt khác, để củng cố cơ sở pháp lý cho hoạt động thẩm định giá theo phương thức Hội đồng, sẽ Luật hóa các quy định tại Nghị định 89/2013/NĐ-CP về: (1) Hội đồng thẩm định giá nhà nước; (2) Quyền, nghĩa vụ của Hội đồng thẩm định giá nhà nước; (3) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thẩm định giá nhà nước; (4) Các trường hợp không được tham gia thẩm định giá nhà nước; (5) Chi phí thẩm định giá tài sản nhà nước; đồng thời, bổ sung điều kiện chuyên môn của các thành viên tham gia Hội đồng, theo đó Chủ tịch Hội đồng hoặc thường trực Hội đồng phải có Chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp hoặc có thẻ thẩm định viên về giá, Thư ký Hội đồng hoặc thành viên Hội đồng phụ trách Tổ giúp việc cũng phải có Chứng chỉ thẩm định giá nhà nước do Bộ Tài chính cấp hoặc có thẻ thẩm định viên về giá để bảo đảm tính tương đồng về chuyên môn, nghiệp vụ thẩm định giá với hoạt động thẩm định giá nhà nước.

Ngoài ra, trong những trường hợp khẩn cấp như dịch bệnh, thiên tai hoặc thậm chí trong trường hợp chiến tranh... khi Nhà nước cần mua sắm ngay các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc diện độc quyền, khan hiếm trên thị trường để phục vụ người dân, đảm bảo an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng thì cần thiết phải nghiên cứu, bổ sung quy định về phương pháp đặc thù để có thể xác định giá tài sản mua sắm Nhà nước thông qua “đàm phán giá” hoặc “thỏa thuận giá” (trừ trường hợp trung mua, trung dụng đã có quy định theo Luật Trung mua trung dụng tài sản năm 2008 và Luật Đấu thầu năm 2013). Tại Luật giá sẽ quy định các điều kiện, trường hợp thực hiện phương pháp đàm phán, thỏa thuận giá và giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện đàm phán giá phục vụ nhu cầu mua sắm Nhà nước trong trường hợp khẩn cấp.



Trong những trường hợp khẩn cấp nêu trên, nếu thực hiện đúng theo quy trình thủ tục mua hàng hóa, dịch vụ của Nhà nước như hiện nay sẽ mất rất nhiều thời gian, không đáp ứng được nhu cầu cấp thiết cũng như cơ chế mua - bán gồm rất nhiều quy trình, chính sách khiến cho các tổ chức, cơ quan, cá nhân không sẵn sàng tham gia cung ứng dịch vụ. Điển hình như việc mua Vắc-xin phòng chống dịch Covid – 19 trong thời gian qua. Nội dung này sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong quá trình xin ý kiến rộng rãi để tiếp thu và hoàn thiện chính sách đảm bảo thuận lợi cho triển khai trong thực tế, đáp ứng yêu cầu phát sinh trong thực tiễn.

#### **9.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

##### **9.4.1. Giải pháp 1:**

###### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Tác động về kinh tế - xã hội: Giải pháp góp phần kiểm soát chi sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của tổ chức, cá nhân.

###### ***b) Tác động tiêu cực/chi phí***

- Tác động về kinh tế: Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước có thể dẫn đến tình trạng lãng phí, không kiểm soát được giá trong các giao dịch tài sản.

- Tác động về xã hội: Niềm tin của xã hội vào chính sách, pháp luật, hiệu lực quản lý nhà nước bị ảnh hưởng.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Có sự chưa phù hợp giữa các thuật ngữ sử dụng trong các văn bản pháp lý hiện hành.

##### **9.4.2. Giải pháp 2:**

###### ***a) Tác động tích cực/lợi ích***

- Tác động về kinh tế - xã hội: Tăng cường công cụ quản lý giá của nhà nước, góp phần tham gia vào hoạt động kiểm soát, sử dụng tài sản công, cũng như hoạt động chi sử dụng ngân sách nhà nước, tiết kiệm và hiệu quả. Vấn đề này đã được kiểm chứng trên thực tiễn thời gian qua, tại Báo cáo hoạt động thẩm định giá nhà nước của các địa phương đã nêu: năm 2019, các cơ quan quản lý nhà nước về thẩm định giá nhà nước ở Đắk Lắk đã ban hành 234 Kết luận thẩm định giá tài sản với tổng giá trị tài sản khoảng 713,4 tỷ đồng, tiết kiệm và tăng thu cho ngân sách nhà nước khoảng 11,3 tỷ đồng; tại Thành phố Hồ Chí

Minh từ năm 2013 đến hết năm 2020 đã thành lập được 664 Hội đồng thẩm định giá đất, tổng giá trị ước tính khoảng 53.720 tỷ đồng; từ năm 2013 đến hết ngày 20/11/2020, tại Sơn La đã thành lập tổng số 829 Hội đồng thẩm định giá, đã ban hành 1010 Kết luận thẩm định giá, tổng giá trị tài sản thẩm định giá là 944,65 tỷ đồng... Mặt khác, quy định như trên sẽ tạo hành lang pháp lý cho việc xác định giá mua các hàng hóa trong điều kiện khẩn cấp, bắt buộc phải mua để đảm bảo các mục tiêu lớn của Nhà nước.

- Tác động về xã hội: Minh bạch các hoạt động mua, bán của các cơ quan nhà nước; tăng niềm tin của xã hội vào tính nghiêm minh của pháp luật.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; phù hợp với các quy định của hệ thống pháp luật liên quan, đặc biệt là Luật Ngân sách nhà nước và Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

#### ***b) Tác động tiêu cực/chi phí:***

Giải pháp chính sách có thể sẽ ảnh hưởng đến hoạt động bán, cho thuê, thanh lý tài sản công hoặc mua, đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, do phải thực hiện thẩm định giá, phát sinh thêm chi phí và thời gian. Tuy nhiên, thực tế chứng minh ở một số địa phương thực hiện tốt công tác thẩm định giá của nhà nước thì lợi ích mang lại là rất lớn so với chi phí bỏ ra, đặc biệt là góp phần kiểm soát được tài sản công, cũng như chi tiêu ngân sách nhà nước.

### **9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua đánh giá tác động của từng giải pháp cho thấy, mỗi giải pháp đều có ưu điểm, nhược điểm, có mặt tích cực, tiêu cực nhưng giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được là giải pháp 2.

### **III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Trong quá trình xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi), Bộ Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến về Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật giá sửa đổi như sau:

- Đăng tải dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật giá, Báo cáo đánh giá tác động chính sách trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (ngày 13/07/2021). Sau 30 ngày đăng tải, Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính không nhận được ý kiến góp ý của công dân, tổ chức đối với đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi).

- Ngày 12/07/2021, Bộ Tài chính đã gửi lấy ý kiến trực tiếp các Bộ, ngành đối với đề nghị xây dựng Luật (gồm Bộ Nội Vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương). Bộ Tài chính đã nhận được văn bản góp ý của các Bộ, ngành; Thực hiện đánh giá về nguồn lực tài chính cho việc xây dựng Luật (ý kiến của về nguồn lực Bộ Tài chính). Đồng thời đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo.

- Ngày 17/8/2021, Bộ Tài chính đã có công văn số 9404/BTC-QLG đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định đối với đề nghị xây dựng Luật. Ngày 26/08/2021, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 106/BC-BTP cho ý kiến thẩm định đối với đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi).

- Ngày 24/9/2021, được sự ủy quyền của Lãnh đạo Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành để rà soát, thống nhất lại một số nội dung chính sách còn có ý kiến khác nhau. Trên cơ sở đó, ngày 30/9/2021, Thường trực Chính phủ đã cho ý kiến chi tiết vào các nội dung chính sách để thống nhất các vấn đề, giải pháp đề ra.

- Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03/12/2021 về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2021, Bộ Tài chính đã chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật giá (sửa đổi) theo các chỉ đạo của Chính phủ đối với nội dung các chính sách để phối hợp với Bộ Tư pháp thay mặt Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung dự án Luật này vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2022.

#### IV. Giám sát và đánh giá

- Cơ quan giám sát: Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành có liên quan. ✓

#### Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLGS (50) *1/2*

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



*[Handwritten signature]*  
T. Anh Tuấn

Số: 100/BC-BTC

*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021***BÁO CÁO**  
**Tổng kết thi hành Luật giá**

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua từ kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013 là văn bản pháp lý quan trọng để quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước. Qua hơn 8 năm thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác quản lý điều hành giá và công tác tổng hợp, phân tích dự báo thị trường giá cả,... đã góp phần vào công tác ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực cũng đã phát sinh những tồn tại, hạn chế, bất cập cần phải nghiên cứu sửa đổi để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

**I. CÔNG TÁC TỔNG CHỨC, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THI HÀNH**

Ngay sau khi Luật Giá được ban hành, Bộ Tài chính, các bộ, ngành có liên quan và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tổ chức triển khai đồng bộ các hoạt động, từ các vấn đề chỉ đạo, quán triệt chấp hành, đến việc phổ biến tuyên truyền đến các đối tượng nhất là trong quá trình thực hiện Luật đã kịp thời trao đổi, hướng dẫn, xử lý vướng mắc... Qua đó, đưa Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật vào thực tiễn, tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất đồng bộ cho công tác quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước và phù hợp với các cam kết quốc tế. Cụ thể như sau:

**1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, bao gồm:**

- Để triển khai thi hành Luật, Bộ Tài chính đã chủ trì soạn thảo và trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, Thẩm định giá; 01 Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính. Các văn bản này đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2016. Đồng thời, trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao Bộ Tài chính đã ban hành hoặc phối hợp với các Bộ ngành ban hành các Thông tư và Thông tư liên tịch để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đầy đủ, toàn diện những quy định về phương pháp định giá, kê khai, hiệp thương, bình ổn giá... và ban hành đầy đủ 13 tiêu chuẩn thẩm định giá (Danh mục chi tiết tại Phụ lục I đính kèm).

- Căn cứ vào quy định của Luật Giá và các nghị định, thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá tại địa phương (như

Quyết định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn, Quyết định về giá các dịch vụ chuyên từ phí sáng giá...), đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác quản lý, điều hành giá tại địa phương. Tại các quyết định quản lý nhà nước về giá của địa phương đã có những nội dung quy định chi tiết, phân cấp cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập trình, thẩm định phương án giá, thẩm quyền hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, Văn bản kê khai giá cho Sở Tài chính, Sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Nhìn nhận tổng quan cho thấy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn về quản lý giá đã được ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật theo quy định, cũng như tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Việc ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành Luật giá đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và điều hành giá được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Các văn bản quản lý nhà nước về giá đều đã thể hiện một nguyên tắc chung được quy định tại Luật Giá là: Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật; Nhà nước thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, các văn bản luôn được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn, thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm sự thống nhất hiệu quả trong áp dụng pháp luật.

**2. Gắn với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giá, công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về quản lý giá luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên tổ chức thực hiện, thông qua đó đã kịp thời hướng dẫn trả lời vướng mắc trong quá trình thi hành Luật, thể hiện thông qua các hoạt động.**

**2.1 Song hành với công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về giá trong những năm qua kể từ khi Luật Giá được ban hành, công tác phổ biến, tuyên truyền Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành luôn được chú trọng triển khai đồng bộ, rộng rãi tại các cấp từ trung ương tới địa phương để đảm bảo Luật Giá với các quy định về quản lý giá được các cơ quan quản lý, tổ chức có liên quan và người dân nắm thông tin và thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định pháp luật và tạo sự đồng thuận trong xã hội.**

- Tại Trung ương, ngay sau khi Luật Giá, các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính được ban hành, Bộ Tài chính đã tổ chức các Hội nghị phổ biến Luật Giá và các văn bản hướng dẫn đến các Sở Tài chính, các Sở chuyên ngành, các doanh nghiệp... Đồng thời, trong quá trình thực hiện pháp luật về giá, trên cơ sở tình hình thực tế và đề nghị của địa phương, Bộ Tài chính cũng đã tổ chức các buổi tập huấn theo chuyên đề cho cán bộ công chức, viên

chức tại một số Sở Tài chính để hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật Giá và quy trình, nghiệp vụ có liên quan.

Ngoài ra, thông qua Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Trang thông tin quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá của Cục Quản lý giá đã thường xuyên biên tập và đăng tải kịp thời các bài viết liên quan đến Luật Giá và văn bản hướng dẫn nhằm mục tiêu phổ biến giáo dục pháp luật rộng rãi tới tổ chức, cá nhân.

- Tại các bộ, ngành, hệ thống văn bản pháp luật về giá và các văn bản quản lý giá thuộc thẩm quyền ban hành của các bộ cũng được tích cực tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với thực tế của từng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ để nghiên cứu triển khai thực hiện; phối hợp với các hiệp hội, tổ chức có liên quan tổ chức hội thảo hướng dẫn thực hiện các quy định về quản lý giá thuộc lĩnh vực ngành.

- Tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố đã có văn bản chỉ đạo Sở Tài chính và các Sở ngành có liên quan tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến Luật Giá và các văn bản hướng dẫn bằng nhiều hình thức đan xen, linh hoạt như: Đăng tải các văn bản pháp luật về giá, các văn bản chỉ đạo, điều hành giá của Chính phủ, Bộ Tài chính, bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; tổ chức các hội nghị phổ biến, hội nghị tập huấn có sự tham gia của các Sở, ngành có chức năng, nhiệm vụ liên quan như Sở Công thương, Chi cục Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Một số địa phương đã thực hiện các hình thức tuyên truyền rất hiệu quả, nhân bản nhiều đề cương tuyên truyền và tổ chức tập huấn cho các báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, huyện và tuyên truyền viên công đoàn, Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí địa phương phối hợp tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Giá và các văn bản hướng dẫn.

2.2. Kể từ khi Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến nay, công tác hướng dẫn và trả lời vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật được Bộ Tài chính quan tâm thực hiện đảm bảo tháo gỡ kịp thời các vấn đề còn chưa rõ, cần thống nhất cách hiểu và tổ chức thực hiện các quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn. Theo đó, các vướng mắc liên quan đến quy trình, thủ tục của nội dung đăng ký giá, kê khai giá hoặc định giá nhà nước; các vấn đề liên quan đến định giá trong tổ tụng hình sự; công tác kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về giá... đã được tháo gỡ kịp thời. Thông qua công tác hướng dẫn và trả lời vướng mắc với từng trường hợp cụ thể, đã khái quát chung theo từng nhóm vấn đề và phổ biến đến tất cả các địa phương để nắm bắt, phòng tránh được các vướng mắc tương tự, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành pháp luật về giá được nhanh chóng, hiệu quả.

Tại địa phương, Sở Tài chính cùng các Sở quản lý chuyên ngành đã kịp thời hướng dẫn, giải đáp thắc mắc trong quá trình thi hành Luật Giá và các văn bản hướng dẫn cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm xử lý vướng mắc theo hướng đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý giá thuộc thẩm quyền của địa phương để kịp thời tháo gỡ những hạn chế cho các đối tượng thực thi chính sách.

## II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG THI HÀNH LUẬT GIÁ

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua từ kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013. Đến nay đã đạt được kết quả theo mục tiêu, cụ thể như sau:

1. Luật giá là văn bản pháp lý cao, thể chế hóa quan điểm đổi mới của Đảng, Chính phủ về quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước; Phương thức quản lý giá trong nền kinh tế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm sự điều tiết của Nhà nước về giá chủ yếu bằng các biện pháp gián tiếp vĩ mô phù hợp với các cam kết quốc tế. Trên cơ sở các quy định của Luật giá và các văn bản hướng dẫn, công tác điều hành, quản lý giá đã góp phần giữ CPI hàng năm cơ bản theo lạm phát mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô; hệ thống giá điện, than, xăng dầu, dịch vụ công từng bước được điều hành theo cơ chế thị trường có lộ trình; thu hẹp danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá (chỉ định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, tác động lớn đến kinh tế - xã hội); không thực hiện bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá; phát triển nghề thẩm định giá theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch hơn...

Quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh được tôn trọng và đẩy mạnh. Theo đó, đã thúc đẩy mạnh sự chuyển biến tích cực và tạo bước ngoặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động theo các tín hiệu về cung cầu, giá cả thị trường; tạo điều kiện huy động, phân bổ và vận dụng hợp lý hơn các nguồn lực của đất nước; góp phần tạo nên tốc độ phát triển cao của nền kinh tế, cải thiện đời sống kinh tế xã hội.

**2. Pháp luật về giá đã tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá, điều tiết giá cả thị trường và ngăn ngừa các tác động làm ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội được thực thi hiệu quả, phù hợp với cam kết quốc tế.**

Căn cứ quy định tại Luật Giá, tại Nghị quyết của Chính phủ về điều hành kinh tế xã hội hàng năm đều có các nội dung về giá cả; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị để chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác bình ổn giá cả thị trường trong các thời điểm trước, trong và sau Tết, Chương trình bình ổn thị trường được triển khai tại nhiều địa phương đã giúp đảm bảo cung cầu các mặt hàng

thiết yếu trên địa bàn, giá một số vật tư đầu vào quan trọng của nền kinh tế đã được, kiểm soát để tránh có biến động tăng đột biến, tác động dây chuyền đến toàn bộ mặt bằng giá.

Trong những thời điểm bối cảnh kinh tế thế giới có biến động, tác động đến nền kinh tế trong nước đã đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho công tác quản lý, điều hành giá, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội, Chính phủ đặt ra. Công tác tổng hợp, phân tích, dự báo và đề xuất, triển khai các giải pháp cụ thể cho việc bình ổn giá cả thị trường một số mặt hàng thiết yếu, quan trọng trong các thời kỳ được đẩy mạnh đã góp phần quan trọng trong việc ổn định thị trường giá cả, kiểm soát lạm phát. Trên thực tiễn áp dụng các biện pháp bình ổn giá mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi; xây dựng cơ chế hình thành Quỹ bình ổn giá xăng dầu để tạo công cụ pháp lý, kinh tế tài chính cho công tác điều hành giá mặt hàng này và nhất là việc đã tổ chức kết hợp đồng bộ các quy định của pháp luật về quản lý giá với các cơ chế chính sách quản lý chuyên ngành đã góp phần quan trọng trong việc kiểm soát giá các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khi có biến động, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội; góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an ninh xã hội trong thời gian qua.

Mặt khác, công tác phối hợp trong triển khai nhiệm vụ thông qua cơ chế Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy hiệu quả, phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Việc tham mưu, đề xuất những chủ trương, định hướng lớn về quản lý điều hành giá trong từng thời kỳ, tổ chức thực hiện đồng bộ các chính sách về giá, các biện pháp bình ổn giá đã được các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phối hợp thực hiện phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ về kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Kịch bản điều hành giá cụ thể được xây dựng hàng năm, hàng quý đã tạo điều kiện đề chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành giá các mặt hàng thiết yếu và dịch vụ công theo lộ trình thị trường, bám sát mục tiêu kiểm soát lạm phát và tín hiệu diễn biến thị trường trong nước và thế giới góp phần thực hiện lộ trình tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

**3. Danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý, điều hành giá cơ bản là phù hợp với yêu cầu thực tiễn, thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước trong việc quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước; gắn với đó là việc phân công, phân cấp quản lý giá giữa Bộ, ngành, địa phương đã bước đầu phân định được rõ hơn về nhiệm vụ, xác định trách nhiệm cụ thể của từng Bộ, ngành, địa phương và qua đó thể hiện được tính minh bạch, công khai, hợp lý, góp phần rất lớn trong việc điều hành giá, kiểm soát lạm phát, bình ổn thị trường, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người dân, Nhà nước và doanh nghiệp.**

Thực hiện thẩm quyền được giao, các Bộ, ngành đã tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định giá một số hàng hóa thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như khung giá đất, khung giá cho thuê mặt



nước, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân,... Đồng thời, các Bộ ngành đã ban hành theo thẩm quyền các quy định về giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của mình như giá truyền tải điện, giá phát điện...; một số dịch vụ thuộc lĩnh vực hàng không, hàng hải, bưu chính viễn thông, y tế (dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân ban hành các quy định về giá các loại đất, giá thuê đất, thuê mặt nước, giá nước sạch sinh hoạt, giá các dịch vụ y tế, giáo dục thuộc phạm vi quản lý của địa phương... Các mặt hàng do nhà nước định giá được thẩm định phương án giá chặt chẽ, đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý, hợp lệ, có xem xét đến khả năng chi trả của người tiêu dùng và tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Tại địa phương, thực hiện chức năng định giá của nhà nước, các Sở, ngành đã chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân ban hành giá đối với các loại hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá, đảm bảo kịp thời, đúng quy định, phù hợp với giá thị trường. Cơ bản các hình thức định giá, trình tự, hồ sơ, biểu mẫu và thời gian thực hiện phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn tại các địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giao các sở chuyên ngành rà soát, xây dựng giá của các mặt hàng, như : giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân ban hành quyết định giá các loại đất trên địa bàn giai đoạn từ năm 2014-2019; Ban hành giá cho thuê đất, mặt nước; Sở Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính trong việc thẩm định, trình ban hành giá nước sạch sinh hoạt; Sở Xây dựng và Sở Tài chính phối hợp trong việc thẩm định giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khảo sát và công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn; Sở Y tế và Sở Tài chính tham mưu ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh, Sở Tài chính và các Sở, ngành chủ quản tham mưu giá một số dịch vụ công...

Công tác định giá của Nhà nước đối với các hàng hóa, dịch vụ quan trọng trong đó có vai trò thẩm định/ tham gia ý kiến của Bộ Tài chính, Sở Tài chính được thực hiện hiệu quả nhằm đảm bảo giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp với đặc điểm kinh tế, thị trường, kỹ thuật của từng loại hàng hóa dịch vụ, phương án giá, ngăn ngừa tình trạng độc quyền tăng giá không hợp lý gây thiệt hại cho người tiêu dùng và giảm trừ tình trạng cạnh tranh không lành mạnh về giá... Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần chống lãng phí, tiết kiệm ngân sách Nhà nước đối với việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước.

Việc phân công, phân cấp thẩm quyền giữa các cơ quan trung ương và địa phương đã cơ bản tạo sự minh bạch, rõ ràng giúp cho các cơ quan nhà nước xác định rõ trách nhiệm trong công tác quản lý giá đối với từng lĩnh vực. Qua đó, đã tạo sự thuận lợi cho công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giá ở trung ương và địa phương. Tuy nhiên, gắn với chủ trương của Đảng, Chính phủ trong việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong thời gian tới; đồng

thời trên cơ sở thực hiện triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong quy trình quản lý, điều hành giá thời gian qua cho thấy cần phải tiếp tục rà soát các quy định giữa Luật giá với các luật chuyên ngành, trên cơ sở đó căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để có kiến nghị điều chỉnh một cách hợp lý, phù hợp trong công tác quản lý, điều hành giá theo hướng một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm; Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giá trong tình hình mới.

**4. Một số biện pháp quản lý giá (hiệp thương giá, kê khai giá và niêm yết giá) đã phát huy tác dụng trong thực tiễn, là công cụ pháp lý quan trọng để xử lý những vấn đề phát sinh, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.**

**4.1.** Trong những năm qua, trên thực tế đã có những phát sinh khi một số doanh nghiệp lớn có hoạt động mua-bán hàng hóa thiết yếu là đầu vào của một số dịch vụ khác nhưng không thỏa thuận được giá bán gây cản trở cho hoạt động sản xuất kinh doanh (than bán cho sản xuất điện, nước sạch bán buôn giữa đơn vị sản xuất và đơn vị kinh doanh,...). Cơ quan có thẩm quyền quản lý giá đã tổ chức hiệp thương giá để các bên thực hiện. Công tác hiệp thương giá thành công và đem lại lợi ích hài hòa cho các bên tham gia. Từ thực tiễn triển khai các quy định pháp luật về hiệp thương giá cho thấy tính đúng đắn, phù hợp với cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay và trong giai đoạn tới. Thông qua hiệp thương sẽ kịp thời xử lý, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền; ngăn ngừa được tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán), qua đó tạo ổn định thị trường và mặt bằng giá.

**4.2.** Biện pháp về kê khai giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ đã thể hiện rõ chủ trương quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của nhà nước; Đảm bảo sự chủ động thể hiện tính công khai, minh bạch trong hoạt động định giá của các doanh nghiệp. Thông qua đó, các tổ chức, cá nhân vẫn được đảm bảo quyền tự định giá hàng hóa, dịch vụ nhưng cơ quan quản lý vẫn có thể theo dõi, tổng hợp mức giá bán của các tổ chức, cá nhân và thực hiện rà soát phát hiện những trường hợp bất hợp lý để kịp thời yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật; qua đó nhằm hạn chế tình trạng lợi dụng tăng giá bất hợp lý hoặc kịp thời có giải pháp bình ổn giá khi thị trường có biến động giá. Một mặt khác, dữ liệu thông tin kê khai giá được sử dụng làm cơ sở theo dõi diễn biến giá cả thị trường, hỗ trợ việc tham mưu và phục vụ xây dựng các báo cáo chuyên đề trong công tác quản lý, điều hành giá trên địa bàn hoặc trên phạm vi cả nước.

**4.3.** Vấn đề về công khai thông tin về giá, niêm yết giá được bảo đảm thực thi trên cơ sở các quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch tại Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong thời gian qua, việc thực thi quy định của Luật Giá về công khai thông tin về giá, niêm yết giá được triển khai quyết liệt

thông qua nhiều hình thức; vai trò của cơ quan nhà nước thể hiện trong việc thực hiện công khai chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý, điều tiết, quyết định về giá của Nhà nước bằng một hoặc một số hình thức như hợp báo, đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức thích hợp khác. Thông qua đó đã kịp thời giúp dư luận nắm bắt, hiểu rõ công tác quản lý điều hành giá của Nhà nước, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội trong những lần điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ.

## **5. Đối với hoạt động thẩm định giá**

### **5.1. Về quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thẩm định giá**

- Về cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Tính đến ngày 06/8/2021, cả nước có 425 doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận, trong đó có 356 doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đang hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Các quy định về thủ tục cấp và cấp lại Giấy chứng nhận rõ ràng, đảm bảo cung cấp đầy đủ các nội dung thông tin cần thiết cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính. Danh sách các doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá được Bộ Tài chính thông báo công khai và thường xuyên cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để các cơ quan quản lý nhà nước khách hàng thẩm định giá biết và lựa chọn.

- Về đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Tính đến thời điểm hiện nay, Bộ Tài chính đã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với tổng cộng 69 doanh nghiệp. Đồng thời Bộ Tài chính cũng đã tiến hành đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với 28 doanh nghiệp.

- Về quản lý thẩm định viên về giá hành nghề: Tính đến thời điểm đầu năm 2021, Bộ Tài chính đã cấp 2.352 thẻ thẩm định viên về giá, trong đó có 1.750 thẩm định viên đã đăng ký hành nghề tại các doanh nghiệp thẩm định giá. Danh sách các thẩm định viên về giá đủ điều kiện đăng ký hành nghề hàng năm hành nghề được Bộ Tài chính thông báo và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính ngay từ đầu năm. Thông báo cung cấp đầy đủ các nội dung: danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh; thông tin chi tiết về danh sách các thẩm định viên về giá của từng doanh nghiệp, chi nhánh. Đồng thời, trong quá trình hoạt động, khi có thay đổi về danh sách thẩm định viên đăng ký hành nghề, các doanh nghiệp đều phải báo cáo để Bộ Tài chính rà soát và có thông báo kịp thời về thay đổi danh sách thẩm định viên đăng ký hành nghề.

- Công tác kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá:

+ Công tác quản lý, theo dõi việc đăng ký và duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và điều kiện hành nghề của thẩm định viên cho thấy về cơ bản các doanh nghiệp thẩm định giá đã tuân

thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá, như: đảm bảo các điều kiện hoạt động thẩm định giá, hợp đồng thẩm định giá, quy trình thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá, quản lý thẩm định viên về giá. Công tác tổng hợp, xử lý các thông tin phản ánh, đơn thư khiếu nại, tố cáo của khách hàng thẩm định giá, về cơ bản đã được giải quyết kịp thời và phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm định giá, pháp luật về khiếu nại và pháp luật về tố cáo.

+ Việc đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 323/2016/TT-BTC và Thông tư số 25/2019/TT-BTC, nhằm mục tiêu góp phần tăng cường hơn trách nhiệm của các doanh nghiệp thẩm định giá và các thẩm định viên về giá hành nghề đối với việc đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ thẩm định giá cung cấp cho xã hội. Thực tế cho thấy, triển khai đã tạo ra áp lực buộc các doanh nghiệp phải rà soát lại toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp từ việc quản trị doanh nghiệp, quản lý thẩm định viên đến việc kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá nội bộ của doanh nghiệp, đặc biệt là thúc đẩy doanh nghiệp chấp hành tốt hơn pháp luật về thẩm định giá, nhất là các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

- Công tác kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm về thẩm định giá

+ Về thanh tra, kiểm tra: Từ khi Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (trong đó có hoạt động thẩm định giá), Nghị định 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP và hệ thống các Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được ban hành; để triển khai và kiểm tra tình hình thực hiện Bộ Tài chính đã tăng cường công tác kiểm tra doanh nghiệp thẩm định giá từ năm 2013 đến nay, cụ thể: năm 2013 kiểm tra 15 doanh nghiệp và 3 chi nhánh; năm 2014 kiểm tra 30 doanh nghiệp; năm 2015 kiểm tra 39 doanh nghiệp; năm 2016 kiểm tra 40 doanh nghiệp (trong năm 2016, Bộ Tài chính cũng đã thanh tra đối với 02 doanh nghiệp thẩm định giá); năm 2017 kiểm tra 34 doanh nghiệp và 3 chi nhánh; năm 2018 kiểm tra 52 doanh nghiệp; năm 2019 kiểm tra 65 doanh nghiệp; năm 2020 kiểm tra 58 doanh nghiệp. Bộ Tài chính cũng đã chủ động tiến hành kiểm tra đột xuất hoặc đưa vào danh sách kiểm tra trong năm kế tiếp đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm.

+ Về các biện pháp xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với công tác thanh tra, kiểm tra: Công tác giám sát, kiểm tra hàng năm và thanh tra đã phát hiện và xử phạt hành chính đối với các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về thẩm định giá và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính theo đúng quy định hiện hành, cụ thể: năm 2014 xử phạt 5 doanh nghiệp; năm 2015 xử phạt 5 doanh nghiệp; năm 2016 xử phạt 1 doanh nghiệp; năm 2017 xử phạt 1 doanh nghiệp; năm 2018 xử phạt 1 doanh nghiệp; năm 2019 đã xử phạt 15 doanh nghiệp; năm 2020 đã xử phạt 5 doanh nghiệp... Bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thẩm định giá, Bộ Tài chính có văn bản nhắc nhở gửi tất cả các doanh nghiệp hoặc riêng đối với một số doanh

nghiệp, yêu cầu các doanh nghiệp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những vi phạm hoặc sai sót trong quá trình hoạt động thẩm định giá. Cuối mỗi năm, trên cơ sở kết quả kiểm tra, Bộ Tài chính đều có công văn nhắc nhở các doanh nghiệp thẩm định giá về việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thẩm định giá, trong đó có những nội dung đánh giá chung về tình hình hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp, chỉ ra những tồn tại của các doanh nghiệp trong kỳ kiểm tra, đặc biệt đưa ra những yêu cầu chấn chỉnh đối với các doanh nghiệp thẩm định giá nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn Luật và tuân thủ Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

## **5.2. Về hoạt động thẩm định giá của nhà nước**

Trong những năm qua, nhiều Bộ ngành ở Trung ương, cũng như địa phương đã chủ động trong việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng... thuộc thẩm quyền của đơn vị mình. Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản; đảm bảo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả, cụ thể:

- Tại Trung ương: Kể từ khi Nghị định số 89/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá có hiệu lực, một số Bộ ngành tại Trung ương đã thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện thẩm định giá các tài sản có giá trị lớn, các tài sản đặc thù, các tài sản có yếu tố bí mật Nhà nước (Hội đồng thẩm định giá nhà nước của Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an...). Bên cạnh đó, một số Bộ ngành cũng đã chủ động trong việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng... thuộc phạm vi của đơn vị mình, qua đó góp phần kiểm soát công tác chi tiêu ngân sách nhà nước (tiêu biểu như Bộ Quốc phòng, từ năm 2013 đến nay, thông qua hoạt động thẩm định giá đã tiết kiệm cho ngân sách nhà nước gần 2.200 tỷ đồng).

- Tại địa phương: đã thực hiện việc phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước thuộc địa phương quản lý theo quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan. Đồng thời một số địa phương cũng đã ban hành quy trình trong việc thẩm định giá tài sản nhà nước tại địa phương mình để làm cơ sở cho các hoạt động thẩm định giá nhà nước và thực hiện nhiều cuộc thẩm định giá thông qua các Hội đồng thẩm định giá thường xuyên, cũng như Hội đồng thẩm định giá theo vụ việc và thông báo kết quả thẩm định giá tài sản mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, góp phần tiết kiệm chi ngân sách.

Nhìn chung, hoạt động thẩm định giá nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản; đảm bảo sử dụng các nguồn lực của nhà nước một cách hiệu quả hơn. Tuy nhiên, thực tế hoạt động thẩm định giá nhà nước tại một số địa phương

vẫn còn một số vấn đề, như: kiến thức chuyên sâu về thẩm định giá của một số thành viên hội đồng thẩm định giá hạn chế; việc phân cấp thực hiện thẩm định giá nhà nước tại các địa phương đôi khi chưa hợp lý; chưa có hướng dẫn mức chi cụ thể đối với công tác thẩm định giá nhà nước...

### **5.3. Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến thẩm định giá**

Trong những năm qua, Bộ Tài chính đã trả lời bằng văn bản, hoặc tham gia trả lời bằng văn bản khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động thẩm định giá, cụ thể như sau: năm 2015 trả lời 3 lượt, năm 2016 trả lời 3 lượt, năm 2017 trả lời 7 lượt, năm 2018 trả lời 8 lượt, năm 2019 trả lời 5 lượt, năm 2020 trả lời 6 lượt. Như vậy, 100% các khiếu nại, tố cáo có văn bản về Bộ Tài chính đã được xử lý kịp thời. Chính vì vậy không xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài.

Nội dung khiếu nại và tố cáo chủ yếu liên quan đến về kết quả thẩm định giá trong thi hành án, cá biệt có trường hợp khiếu nại doanh nghiệp thẩm định giá vi phạm trong thủ tục thẩm định giá. Căn cứ quy định của pháp luật liên quan đến khiếu nại, tố cáo và căn cứ chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài chính đối với các nội dung khiếu nại, tố cáo này, Bộ Tài chính đã chuyển các đơn thư này đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đồng thời có văn bản đề nghị các doanh nghiệp thẩm định giá có liên quan giải trình các nội dung về thực hiện Luật giá về thẩm định giá và Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Bên cạnh đó, đối với các doanh nghiệp thẩm định giá bị khiếu nại, tố cáo, Bộ Tài chính cũng đã chủ động đưa vào danh sách để kiểm tra nhằm làm rõ các nội dung được nêu tại các đơn thư này.

### **5.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng thẩm định giá**

Kể từ khi Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ Tài chính được ban hành và có hiệu lực, các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá được quy định rõ ràng và tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện của các cơ sở đào tạo cũng như công tác giám sát, kiểm tra việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá của cơ quan quản lý nhà nước. Thêm vào đó, để hoàn thiện hơn việc đào tạo, bồi dưỡng, cũng như công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng về thẩm định giá, ngày 20/02/2019 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 11/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/TT-BTC.

Những nội dung của Thông tư 204/2014/TT-BTC và Thông tư số 11/2019/TT-BTC quy định về Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá cho đối tượng là cán bộ, công chức làm công tác thẩm định trong cơ quan nhà nước... đã góp phần bổ sung nguồn lực cho hoạt động của Hội đồng thẩm định giá nhà nước hoặc Hội đồng định giá tổ tụng hình sự ở cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố và quận, huyện; đồng thời quy định về cập nhật kiến thức cho các đối tượng là thẩm định viên về giá hành nghề... đã mang lại những tác dụng tích cực trên nhiều mặt, phù hợp với nhu cầu thực tế, cụ thể như: cập nhật các quy định mới

về văn bản pháp luật liên quan đến giá/thẩm định giá, cập nhật các kiến thức nghiệp vụ thẩm định giá, bài học kinh nghiệm từ hoạt động thẩm định giá.

**6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đã được kịp thời triển khai và hiện giai đoạn 1 đã đi vào khâu vận hành thực tế tại các bộ phận thuộc phạm vi dự án đã đạt được các kết quả cụ thể. Qua đó tạo kênh thông tin quan trọng, chính thống giúp phục vụ cho công tác quản lý điều hành giá của các cơ quan trung ương và địa phương; đồng thời đáp ứng kịp thời các nhu cầu xã hội, nhất là trong hoạt động thẩm định giá.**

Gắn với việc xây dựng và triển khai vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đã dần hình thành cơ chế cho việc thu thập, quản lý, khai thác giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ; quản lý thông tin về hoạt động thẩm định giá, bao gồm: quản lý thông tin doanh nghiệp thẩm định giá; thu thập thông tin về tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá. Giá trị tài sản được thẩm định giá và thông tin, tài liệu liên quan đến kết quả thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá; xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm dự báo thị trường giá cả ngắn hạn (theo tháng, quý, năm) trên phạm vi cả nước, phục vụ công tác quản lý điều hành giá.

Kết quả triển khai bước đầu đã mang lại những hiệu quả cơ bản trong việc thu thập, kết nối, liên thông dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước về giá sang hệ thống CSDL quốc gia về giá; tạo lập kho dữ liệu về giá với các số liệu phong phú, đa dạng như giá thị trường các mặt hàng thiết yếu, quan trọng; giá xuất nhập khẩu, giá hàng hóa thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá. Qua đó, tạo nguồn thông tin chính thống hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý điều hành giá như:

- Quản lý, khai thác dữ liệu lịch sử về sự biến động giá cả thị trường các hàng hóa, dịch vụ; phục vụ công tác phân tích và dự báo diễn biến giá thị trường trong và ngoài nước. Các dữ liệu được lưu trữ, quản lý nhằm phục vụ khai thác dữ liệu đáp ứng các nhu cầu nghiệp vụ quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về giá, cũng như đáp ứng các yêu cầu quản lý tác nghiệp của các đơn vị.

- Vận hành hiệu quả phần mềm dự báo thị trường giá cả góp phần giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước quyết định các chủ trương, định hướng quản lý, điều hành giá; biện pháp điều hành giá, bình ổn giá đối với các hàng hóa dịch vụ quan trọng thiết yếu nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ trong từng thời kỳ...

- Quản lý, khai thác thông tin về hoạt động thẩm định giá, bao gồm: Quản lý thông tin doanh nghiệp thẩm định giá; thu thập thông tin về tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá. Giá trị tài sản được thẩm định giá và thông tin, tài liệu liên quan đến kết quả thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

**7. Công tác kiểm tra, thanh tra giá và xử lý vi phạm pháp luật về giá** cũng là một nội dung được chú trọng trong thời gian triển khai Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc phát hiện kịp thời các sai phạm và có những biện pháp chấn chỉnh, đưa ra các chế tài phù hợp là một bước không thể thiếu trong công tác quản lý giá nói chung. Trong các năm qua, công tác kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực giá và thẩm định giá đã được triển khai toàn diện từ Trung ương đến địa phương. Qua đó, cũng đã tiếp nhận được nhiều thông tin phản hồi về những khó khăn vướng mắc để trên cơ sở đó rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về giá trong các lĩnh vực.

- Trong lĩnh vực thẩm định giá, gắn với việc đẩy mạnh phát triển ngành nghề dịch vụ tư vấn để phục vụ cho các nhu cầu của xã hội, đã tăng cường kiểm soát về quy trình, chất lượng dịch vụ, đánh giá chất lượng hoạt động chuyên môn về thẩm định giá của từng doanh nghiệp để kịp thời phát hiện thiếu sót chủ yếu trong việc thực hiện quy trình thẩm định giá, áp dụng phương pháp thẩm định giá. Qua đó, kịp thời chấn chỉnh, có giải đáp, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng dịch vụ cũng như có những hình thức xử lý vi phạm đối với các đơn vị không đảm bảo điều kiện kinh doanh, không chấp hành về quy trình, phương pháp thẩm định giá.

- Kiểm soát các yếu tố hình thành giá, kiểm soát chặt chẽ các nguồn chi tiêu từ ngân sách Nhà nước thanh toán cho các mức giá hàng hóa, dịch vụ mà Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất; hàng hóa dịch vụ còn được trợ giá, trợ cước,... không bổ sung tăng thêm so với kinh phí đã bố trí từ đầu năm để thực hiện các nhiệm vụ.

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra, thanh tra về giá đã phát huy vai trò quan trọng, là một trong những nội dung không thể thiếu góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về giá. Việc thực hiện kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo đúng quy định, quy trình thanh tra, kiểm tra và đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Công tác kiểm tra trong lĩnh vực giá không chỉ đảm bảo phát hiện được những sai phạm, thiếu sót trong quá trình triển khai thực thi pháp luật mà còn tìm ra được những nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan từ phía đơn vị được kiểm tra cũng như rà soát được các vướng mắc, bất cập tồn tại trong hệ thống văn bản quy định về giá cũng như các chồng chéo trong pháp luật chuyên ngành. Thông qua công tác thanh kiểm tra đã kịp thời hướng dẫn, giải đáp vướng mắc cho các đơn vị; đồng thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý sai phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về giá. Mặt khác, qua công tác thanh kiểm tra đã đề xuất những kiến nghị về cơ chế, chính sách thiết thực, từ đó làm cơ sở sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

**8. Công tác đơn giản hóa thủ tục hành chính và áp dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực giá liên tục được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.**



Tính đến ngày 18/12/2014 số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giá trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính là 13 TTHC, trong đó: ban hành mới 9 thủ tục hành chính cấp trung ương và 4 thủ tục hành chính cấp tỉnh, đồng thời bãi bỏ 31 thủ tục cũ đã công bố trước đây, tỷ lệ thủ tục bãi bỏ là 42%.

Tính đến ngày 29/03/2017, đã tiếp tục rà soát bãi bỏ các thủ tục hành chính và số thủ tục hành chính về giá còn 08 TTHC, bãi bỏ 02 thủ tục hành chính, trong đó: bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp trung ương và 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh, tỷ lệ thủ tục được bãi bỏ là 20%.

Đã triển khai xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với thủ tục Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc danh sách đăng ký giá tại Bộ Tài chính; thủ tục Cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Tại địa phương, hầu hết dịch vụ công trực tuyến đã đang thực hiện cấp độ 3 và đặc biệt một số địa phương đã triển khai mức cao nhất là dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4. Đồng thời, việc tổ chức thực hiện tiếp nhận các hồ sơ thủ tục hành chính của dịch vụ công trực tuyến đa phần được các địa phương thực hiện theo mô hình tập trung tại Trung tâm hành chính công của tỉnh.

### III. CÁC TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau hơn 8 năm thực hiện Luật, phát sinh một số tồn tại, hạn chế nhất định; thể hiện ở 3 nhóm sau: (i) Tồn tại, hạn chế trong chính các quy định của Luật; (ii) Hạn chế, bất cập giữa Luật giá với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan; (iii) Tồn tại, hạn chế trong khâu tổ chức thi hành Luật.

#### 1. Tồn tại, hạn chế trong các quy định tại Luật giá:

*a. Một số thuật ngữ* cần phải rà soát để thể hiện rõ nội hàm để bao quát, mô tả được hết đặc điểm, tình hình mới trong thực tiễn phát sinh; một số thuật ngữ còn có cách hiểu khác nhau cần phải rà soát sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất đồng bộ trong khâu thực hiện, ví dụ như thuật ngữ hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, định giá và định giá nhà nước, thẩm định giá với thẩm định giá nhà nước...

*b. Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá* được quy định cụ thể tại Luật để thể hiện rõ quan điểm trong công tác quản lý, điều hành giá, tăng cường tính công khai, minh bạch, tránh sự lạm dụng phát sinh các trường hợp không cần thiết, tuy nhiên trong thực tiễn hiện đã phát sinh tồn tại, hạn chế sau:

*Việc điều chỉnh danh mục mặt hàng thực hiện bình ổn giá còn phức tạp, khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn cần triển khai ngay đối với một biện pháp điều tiết có tính thời điểm. Quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật giá thì “Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện Bình ổn giá được quy định tại khoản 2 Điều này, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.”* Việc giải trình để Chính phủ trình Ủy ban thường vụ

Quốc hội xem xét quyết định sẽ mất một khoảng thời gian khá dài theo quy định; trong khi đó việc thực hiện Bình ổn giá phải mang tính chất tức thời, trong thời điểm hàng hóa dịch vụ có biến động bất thường, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội, ảnh hưởng lợi ích của các tổ chức cá nhân, mặt bằng giá, mục tiêu kiểm soát lạm phát,... Trong thực tế thì khi có phát sinh mặt hàng có biến động lớn, ảnh hưởng đến mặt bằng giá chung và kinh tế xã hội cần phải có biện pháp bình ổn giá nhưng không thực hiện được vì không nằm trong danh mục (ví dụ như mặt hàng thịt lợn thời gian qua). Vì vậy việc đặt thẩm quyền quyết định danh mục cụ thể cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Luật cũng như việc quy định điều kiện để đưa mặt hàng nào đó vào thực hiện bình ổn giá vẫn còn thiếu sự linh hoạt, kịp thời. Điều này cũng tương tự với chính sách về định giá khi Chính phủ thiếu cơ chế pháp lý để thực hiện ngay công tác điều hành trong các trường hợp cần thiết. Do vậy có thể nói qua hơn 8 năm thực hiện, chính sách này vẫn chưa phát huy hết được tính hiệu lực, hiệu quả.

Mặt khác, trong danh mục mặt hàng thực hiện bình ổn giá quy định trong Luật hiện nay có những mặt hàng từ khi Luật giá đưa vào thi hành đến nay chưa phát sinh yêu cầu thực hiện bình ổn giá. Theo đánh giá cho thấy việc không có phát sinh cũng là phù hợp vì giá cả các mặt hàng là phù hợp với các quy luật thị trường; Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn qua và tầm nhìn đến giai đoạn tiếp theo thì một số mặt hàng nên được xem xét đưa ra khỏi danh mục thực hiện bình ổn giá.

Tại Luật giá đã có quy định về nguyên tắc xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và gắn với đó Luật giá cũng quy định danh mục chi tiết các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trên thực tiễn, việc triển khai nhiệm vụ định giá nhà nước đối với danh mục hàng hóa quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước; Tuy nhiên, hiện nay việc quy định danh mục nhà nước định giá còn được mở rộng, dàn trải tại nhiều pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, trong thực tiễn công tác quản lý, điều hành phát sinh cho thấy trong các trường hợp đặt ra vấn đề phải sửa đổi, bổ sung thì các thủ tục trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thường sẽ mất nhiều thời gian theo quy định hiện hành; Do đó, sẽ khó đáp ứng được mục tiêu quản lý cần phải triển khai ngay các biện pháp quản lý đối với các mặt hàng thiết yếu có giá biến động ảnh hưởng đến an sinh xã hội, đời sống người dân và dư luận xã hội.

*Ngoài ra, thẩm quyền điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cũng là Ủy ban thường vụ Quốc hội tương tự như danh mục bình ổn giá vì vậy cũng sẽ không đảm bảo tính kịp thời, tiến độ cấp thiết đề ra của việc triển khai biện pháp quản lý nhà nước trong các bối cảnh cấp bách đặt ra. Như việc đề xuất bổ sung mặt hàng sách giáo khoa vào danh mục nhà nước định giá trong năm 2020 được đánh giá là cần thiết và phải triển khai ngay để đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản lý. Tuy nhiên do quy trình trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phải có đủ thời gian, nhưng cũng không khả thi vì khi phát sinh thì Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn yêu cầu sửa Luật. Vì vậy vấn đề vẫn không*

được xử lý kịp thời. Bên cạnh đó, có những hàng hóa, dịch vụ do điều kiện kinh tế xã hội có sự thay đổi liên tục được đánh giá không cần thiết tiếp tục thực hiện định giá thì lại rất khó để đưa ra khỏi danh mục.

Điều này thể hiện tính “cứng” của danh mục định giá, việc quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Luật (được giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội kiểm soát) là nhắm hướng đến việc giám sát song lại thiếu sự linh hoạt trong thực tiễn triển khai và chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu quản lý giá. Bên cạnh đó, theo quy định tại Hiến pháp năm 2013 quy định chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ thống nhất quản lý về kinh tế, bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nhà nước và xã hội, thực hiện điều hành giải pháp cụ thể song thực tiễn lại thiếu linh hoạt trong hoạt động này.

*Quy định về nguyên tắc để xác định phạm vi hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá nhà nước đã không bao quát hết được các hàng hóa cần thực hiện định giá trong thực tiễn. Cụ thể khi Luật giá có hiệu lực thì việc quy định 3 nguyên tắc tại khoản 1 Điều 19 Luật giá là phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội. Tuy vậy trong thực tiễn hiện nay, có những mặt hàng do tính chất cần thiết nên mặc dù không thuộc 3 nguyên tắc đặt ra tại Luật giá nhưng vẫn được đưa vào danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá. Các mặt hàng này chủ yếu thuộc diện có yếu tố độc quyền thị trường sản xuất, kinh doanh có tác động ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội hoặc các mặt hàng đặc thù độc quyền địa bàn, có thị trường hạn chế hoặc có vị thế thống lĩnh thị trường. Từ những vấn đề thực trạng trên cho thấy cần thiết phải bổ sung thêm nguyên tắc để xác định các hàng hóa, danh mục thuộc diện định giá nhà nước tại Luật Giá để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các Luật; Đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho các trường hợp phát sinh khác. Ví dụ như việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất bổ sung sách giáo khoa vào danh mục định giá; là mặt hàng có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế xã hội, có tính độc quyền tự nhiên nên cần có cơ chế kiểm soát giá (định khung giá) để khắc phục những khiếm khuyết của thị trường.*

*(Bảng tổng hợp danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại*

*Phụ lục số 2 đính kèm).*

**c. Việc phân công, phân cấp trong quản lý giá** được giao cho Chính phủ quy định chi tiết tại các văn bản hướng dẫn Luật. Trong thực tiễn cho thấy, việc tại Luật chưa đặt ra các nguyên tắc trong phân công, phân cấp đã làm việc phân công, phân cấp của Chính phủ trong thực tiễn đôi lúc còn chưa thể hiện rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng khâu cho nên trong một số trường hợp không phát huy được hết tính hiệu quả; việc phân cấp định giá Nhà nước từ trung ương xuống địa phương còn thiếu tính đồng bộ tại tất cả các địa phương.

- *Đối với các cơ quan Trung ương*, việc phân công nhiệm vụ giữa Bộ Tài chính với các Bộ, ngành còn khá dàn trải dẫn đến nhiều đầu mối quản lý giá, trong khi quy trình thực hiện chưa gắn với trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện nên khi có những phát sinh vướng mắc thường có sự đùn đẩy trách nhiệm. Cơ chế phân công đôi khi còn chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng “cơ quan nào làm

được thì phân công” mà chưa gắn với yếu tố chuyên ngành, chuyên môn, thiếu tính nguyên tắc để đề cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Trên một khía cạnh khác là việc phân công nhiệm vụ chưa tính hết được khả năng đáp ứng, cho nên trong một số lĩnh vực việc triển khai nhiệm vụ rất chậm, nhất là đối với những nhóm hàng hóa, dịch vụ phải điều chỉnh theo lộ trình. Trong bối cảnh hiện nay, nhất là khi không còn cơ chế liên tịch thì việc rà soát đánh giá để có sự điều chỉnh trong phân công lại nhiệm vụ giữa các cơ quan Trung ương là cần thiết.

Ngoài ra, việc giao Chính phủ định giá đối với một số mặt hàng như khung giá cho thuê mặt nước, khung giá cho thuê, mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ là không còn phù hợp vì việc quyết định giá không phải là vấn đề cơ chế chính sách, vì vậy việc nghiên cứu để chuyển giao thẩm quyền quyết định cho Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ chuyên ngành sẽ phù hợp hơn về nguyên tắc điều hành. Tuy nhiên đối với mặt hàng quan trọng như khung giá đất, vẫn giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định do đây là mặt hàng đặc thù, có ảnh hưởng sâu rộng đến toàn diện kinh tế, xã hội.

- *Đối với các cơ quan địa phương*, trên cơ sở phân cấp một số nhiệm vụ từ cơ quan trung ương cho Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, địa phương được quyền giao nhiệm vụ cho các Sở, ban ngành; Việc phân cấp xuống địa phương chưa đưa ra nguyên tắc cụ thể để làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục phân công trách nhiệm thực hiện cho các Sở, ngành chuyên môn. Dẫn đến trên thực tế triển khai cho thấy không có sự thống nhất giữa các địa phương; có những mặt hàng giao Sở chuyên ngành nhưng có tình giao Sở Tài chính; trong khi trách nhiệm thẩm định phương án giá do Sở Tài chính thực hiện. Vì vậy, trong đa số các trường hợp khi có phát sinh vướng mắc phải giải trình với các cơ quan chức năng thì trách nhiệm đều thuộc Sở Tài chính. Trong quá trình tổng kết đánh giá một số địa phương có ý kiến nên nghiên cứu phương án giao tập trung nhiệm vụ quản lý giá vào một đầu mối. Nếu giao các Sở chuyên ngành thì Sở Tài chính chỉ thẩm định, nhưng phải quy định một số trách nhiệm của Sở chuyên ngành; còn nếu không thì giao tập trung hết vào một đầu mối Sở Tài chính sẽ thuận lợi hơn. Vấn đề này cũng cần phải có nguyên tắc tại Luật đề UBND các tỉnh thực thi trách nhiệm của mình hiệu quả hơn.

*d. Về phạm vi và biện pháp bình ổn giá chưa linh hoạt, hiệu quả chưa cao khi có phát sinh biến động giá của những mặt hàng thiết yếu, quan trọng đối với đời sống nhân dân và toàn xã hội, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh.* Phạm vi thực hiện biện pháp chưa thật sự rõ ràng khiến cho cơ quan quản lý khó khăn trong việc quyết định triển khai. Theo đó, cả 2 tiêu chí được nêu tại Luật là khi giá hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường hoặc khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế, xã hội đều là các chỉ tiêu khó lượng hóa, gây khó khăn khi quyết định thế nào là giá biến động bất thường hoặc có ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội để triển khai. Thực tiễn thì cơ chế về bình ổn giá mới chỉ được triển khai một lần đối với giá sữa cho trẻ em dưới 06 tuổi và một lần thí điểm đối với giá dịch vụ bốc dỡ Công-te-nơ.

- Các biện pháp để thực hiện bình ổn giá vẫn còn chưa mang tính thực tế cao, áp dụng biện pháp bình ổn giá trong thực tế từ khi Luật giá ra đời đến nay rất khó thực thi; do đó khi lựa chọn phương pháp thực hiện vẫn còn gây nhiều khó khăn. Vì vậy cần nghiên cứu một quy trình thống nhất, chi tiết, nguyên tắc thực hiện khi thực hiện bình ổn giá. Đặc biệt đối với việc áp dụng thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá cần được đánh giá là một quy trình bắt buộc khi thực hiện các biện pháp bình ổn giá, nhất là khi áp dụng biện pháp định giá tối đa, giá tối thiểu, giá cụ thể đối với mặt hàng bình ổn giá.

- Đối với việc thực hiện bình ổn giá tại địa phương, mặc dù tại Luật cũng như các văn bản dưới Luật có quy định về quyền, trách nhiệm và các trường hợp thực hiện bình ổn giá tại địa phương theo thẩm quyền của UBND. Tuy nhiên lại ràng buộc khi Chính phủ triển khai bình ổn giá thì các địa phương mới thực hiện theo chủ trương chung và hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành làm giảm tính linh hoạt trong thực hiện chính sách bình ổn giá ở các địa phương. Đặc biệt là những vấn đề có tính cục bộ tại địa phương, khi xảy ra các trường hợp đặc biệt, khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh chỉ phát sinh trên các địa bàn nhất định.

***đ. Đối với việc định giá Nhà nước***, theo quy định bảo đảm nguyên tắc bù đắp đủ chi phí, có lợi nhuận (tính đúng, tính đủ) là phù hợp với các nguyên tắc thị trường, theo đúng chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý giá trong các giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, với một số trường hợp đặc thù như các dịch vụ cũng được chuyển từ phí sang giá thì việc đảm bảo thực hiện ngay nguyên tắc này sẽ rất khó trong khâu tổ chức thực hiện nếu không có các quy định cụ thể về điều kiện và lộ trình thực hiện. Một số dịch vụ mang tính chất công ích, sự nghiệp công có ảnh hưởng nhạy cảm đến đời sống xã hội như dịch vụ sử dụng đường bộ, dịch vụ sử dụng đò phà tại các vùng sâu, vùng xa, dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt... thì ngoài việc phải tính đúng, tính đủ các chi phí còn phải tính đến các yếu tố về thu nhập của người dân hoặc điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Do vậy, cần thiết phải bổ sung nguyên tắc về lộ trình triển khai cơ chế giá thị trường tại Luật.

*- Về Phương pháp định giá, tại Luật giá quy định: “Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình.”*

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá (i) phương pháp so sánh (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Vì vậy, việc quy định có phương pháp định giá riêng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn việc xây dựng, ban hành đã dẫn đến một số trường hợp ban hành phương pháp riêng nhưng thực chất chính là phương pháp chi phí kết hợp với việc hướng dẫn chi tiết hơn ở việc xác định một số khoản chi phí đặc thù là không

cần thiết. Nếu tiếp thực hiện theo nguyên tắc này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý sẽ dẫn đến việc nhiều phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chông chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung, một phần do vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành về giá.

Mặt khác, việc giao các Bộ, ngành quy định phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ cụ thể áp dụng cho từng hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực là hướng đến việc tăng cường quản lý chuyên ngành, gắn với tính chất mặt hàng song trong thực tiễn nhiều Bộ, ngành còn lúng túng, chậm trễ trong việc xây dựng phương pháp định giá theo thẩm quyền, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ.

Trong khi đó, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kỹ thuật. Vì vậy, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vấn đề vướng mắc là bởi nếu định mức kinh tế kỹ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn với mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá nhất là các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế...). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ...

- Về các hình thức định giá đang áp dụng (giá cụ thể, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) chưa bao quát, đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn gần đây. Thực hiện đầy mạnh chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý giá cũng được chuyển đổi mạnh mẽ, nhiều mặt hàng quan trọng thiết yếu, có tính độc quyền có tác động ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng chưa đến mức phải định giá như xăng dầu, gas, than bán cho sản xuất điện, phân bón; dịch vụ hoa tiêu, sách giáo khoa, một số dịch vụ cảng biển và một số mặt hàng nông sản,... đã được đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trong thực tiễn hơn 8 năm qua cho thấy việc nhà nước không định giá những hàng hóa, dịch vụ này là đúng đắn, phù hợp với cơ chế thị trường, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động

trong định giá hàng hóa, dịch vụ, nhưng cũng từ thực tiễn cho thấy có những hạn chế nhất định khi nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có sự cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp vẫn có thể lợi dụng vị thế của mình để quyết định giá hàng hóa, dịch vụ không phù hợp nguyên tắc thị trường. Tuy nhiên trong các trường hợp này, Nhà nước lại thiếu công cụ điều hành giá để có thể định hướng thị trường, nâng cao tính minh bạch trong việc quyết định giá hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp, tổ chức; Một số mặt hàng thực hiện kê khai giá thì chỉ mang tính theo dõi về thông tin, không đi kèm với các biện pháp quản lý cụ thể nên khó có thể thực hiện điều hành theo yêu cầu thực tiễn của kinh tế xã hội.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn quản lý thì hiện một số mặt hàng đã được quản lý, điều hành giá thông qua những hình thức có tính gián tiếp, đặc thù như đối với xăng dầu (giá cơ sở), thóc lúa (giá định hướng). Theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP thì giá cơ sở xăng dầu là mức giá để điều hành giá bán cụ thể của doanh nghiệp, giá cơ sở có tính chất định hướng và hạn chế lạm dụng vị thế của mặt hàng để ấn định giá không phù hợp; thông qua giá cơ sở trong giai đoạn vừa qua là một trong các thành công trong việc đưa giá xăng dầu theo đúng cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch đến xã hội nhưng vẫn đảm bảo về khả năng điều hành gián tiếp của Nhà nước.

Từ những vấn đề trên cho thấy bên cạnh việc quản lý giá theo biện pháp định giá nhà nước và các hình thức định giá hiện nay, cần thiết phải nghiên cứu, bổ sung một hình thức giá mới có sự tham gia mang tính định hướng của Nhà nước để điều hành thông qua một số hình thức gián tiếp, tương tự hiện nay đối với như công bố giá cơ sở (như đối với xăng dầu), giá định hướng (đối với giá thóc). Một mặt khác, cần phải có cơ chế pháp lý để đưa phương pháp định giá là một trong các biện pháp quản lý, điều hành giá của một số hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tính chất mặt hàng và yêu cầu quản lý điều hành giá. Theo đó, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải căn cứ vào phương pháp định giá do nhà nước ban hành để quyết định giá, cơ quan nhà nước sẽ tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhằm bảo đảm duy trì tính minh bạch trong triển khai.

**e. Công tác hiệp thương giá** đã góp phần khắc phục những khuyết tật của thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ độc quyền, cạnh tranh hạn chế nhưng vẫn còn có bất cập về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá và về giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công. Thực tế, trong những năm qua theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của các doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã tổ chức hiệp thương giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ sau: Than bán cho 4 hộ tiêu dùng lớn (điện, xi măng, phân bón, giấy); Cước vận chuyển than cho sản xuất điện bằng đường sông; Vật liệu nổ công nghiệp bán cho khai thác khoáng sản; Phí tra nạp nhiên liệu cho máy bay. Tại địa phương, công tác hiệp thương giá theo quy định của Luật Giá chủ yếu thực hiện theo phân cấp và được Sở Tài chính chủ trì, tổ chức hiệp thương theo đúng trình tự quy định. Một số địa phương đã tổ chức hiệp thương giá thành công và đem lại lợi ích hài hòa cho các bên tham gia như:

Sở Tài chính Ninh Bình đã tổ chức hiệp thương giá xử lý nước thải của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Nam tại Khu Công nghiệp Khánh Phú vào tháng 3/2014. Sở Tài chính Quảng Ngãi đã thực hiện hiệp thương giá đối với các công ty vận tải thực hiện đậu xe ở các bến xe, bến cảng...

Từ thực tiễn triển khai các quy định pháp luật về hiệp thương giá cho thấy tính đúng đắn, phù hợp với cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay. Thông qua hiệp thương sẽ kịp thời xử lý, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền nhưng chưa đến mức phải có sự can thiệp từ Nhà nước bằng biện pháp định giá; ngăn ngừa được tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán), qua đó tạo ổn định thị trường và mặt bằng giá. Tuy nhiên, hiện đã phát sinh một số bất cập cần khắc phục. Cụ thể là:

- Về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá (Khoản 1 Điều 25 Luật giá) quy định 2 trường hợp được hiệp thương giá. Trong đó, đối với việc quy định hàng hóa, dịch vụ hiệp thương không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá là không cần thiết do tính chất của biện pháp định giá nhà nước là việc nhà nước quyết định giá nên không thể phát sinh trường hợp các bên không thỏa thuận được mức giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ.

Bên cạnh đó, việc quy định điều kiện hiệp thương giá trong thực tế lại chưa quy định rõ về tính chất của các bên mua, bán hàng hóa, dịch vụ. Với bản chất của biện pháp hiệp thương giá là việc cơ quan nhà nước đứng ra làm trọng tài cho việc đàm phán, thỏa thuận giá thì việc phát sinh hiệp thương sẽ chỉ đúng trong trường hợp khi có tranh chấp giữa các bên là doanh nghiệp với doanh nghiệp khi không thỏa thuận mua bán hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, phải gắn với cả tính chất của hàng hóa, dịch vụ là phải có tính độc quyền (cả độc quyền mua và độc quyền bán) hoặc phụ thuộc không thể thay thế, có thị trường hạn chế. Ví dụ trong trường hợp hiệp thương giá than bán cho điện trong thực tế thì 2 bên không thể thống nhất được mức giá là Tập đoàn điện lực và Tập đoàn than khoáng sản, Tổng công ty Đông Bắc... là phù hợp với bản chất, điều kiện, yêu cầu của việc thực hiện hiệp thương giá. Tuy nhiên đối với trường hợp hiệp thương giá được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với sinh phẩm y tế phục vụ chuẩn đoán Covid – 19 thì lại phát sinh giữa Bộ Y tế và doanh nghiệp là chưa thật sự phù hợp với bản chất biện pháp cũng như các quy định khác liên quan đến mức giá nhà nước theo Luật đấu thầu.

Từ thực tiễn triển khai hiệp thương giá cho thấy, việc quy định thẩm quyền yêu cầu hiệp thương giá của “Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” (Điều 23 Luật giá) là không cần thiết, dễ gây các cách hiểu khác nhau trong triển khai pháp luật; Biện pháp hiệp thương giá được quy định nhằm giải quyết các phát sinh tranh chấp có tính chất thị trường, khắc phục các bất cập trong mua, bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền, phụ thuộc nên yêu cầu về hiệp thương giá chỉ xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của các bên mua và bên bán.



- Về giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công chưa rõ ràng; chưa có các quy định cụ thể để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia hiệp thương bao gồm cả bên mua, bên bán và cơ quan tổ chức hiệp thương. Điều này trong một số trường hợp có thể khiến việc hiệp thương giá diễn ra kém hiệu quả khi các bên không có đầy đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo cho việc thực hiện mức giá hiệp thương thành công; đôi khi cũng như có thể dẫn đến sự tùy ý trong cách xác định mức giá tạm thời khi các quy định về quy trình cơ bản về cách xác định mức giá hiện chưa nằm tại Luật.

**g. Biện pháp đăng ký giá và kê khai giá** thể hiện rất rõ chủ trương quản lý, điều hành giá theo thị trường có sự quản lý Nhà nước, đây là công cụ hữu hiệu của nhà nước thực hiện điều tiết thị trường chủ yếu bằng các biện pháp vĩ mô và gián tiếp. Tuy nhiên, kết quả đạt được khi triển khai thực tế chưa cao do có những bất cập về danh mục, biện pháp thực hiện, nhất là đối với các hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù.

- Đối với biện pháp đăng ký giá, hiện nay là một trong các biện pháp để thực hiện bình ổn giá; Theo đó, trong trường hợp Chính phủ áp dụng biện pháp bình ổn giá và sử dụng biện pháp đăng ký giá thì tổ chức sản xuất, kinh doanh phải thực hiện gửi bản đăng ký giá (bao gồm cả việc giải trình về các yếu tố chi phí hình thành giá) để cơ quan quản lý rà soát. Tuy vậy, việc áp dụng biện pháp đăng ký giá đến nay lại rất hạn chế (mới chỉ thực hiện 01 lần đối với giá sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi) do các bất cập:

+ Theo phân tích từ chính sách đã đề cập, việc thực hiện bình ổn giá rất hạn chế nên kéo theo việc triển khai các biện pháp nằm trong bình ổn giá cũng không được áp dụng nhiều trong thực tiễn.

+ Bản thân biện pháp đăng ký giá có tính kiểm soát của nhà nước nhưng kết quả kiểm soát lại chưa được pháp lý hóa rõ ràng. Các quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP mới chỉ quy định về quyền tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá mà chưa có các quy định về kiểm soát hoặc chế tài xử lý kèm theo.

Về mặt hình thức, 2 biện pháp kê khai giá, đăng ký giá có tính chất tương đồng cao, chỉ khác nhau việc báo cáo, giải trình các yếu tố hình thành giá với cơ quan quản lý.

- Đối với biện pháp kê khai giá, tại Luật giá quy định kê khai chỉ là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi thông báo mức giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa thuộc danh mục kê khai giá; Doanh nghiệp có trách nhiệm bán hàng hóa, dịch vụ theo mức giá đã kê khai (có thể tăng, giảm trong phạm vi 5%); Giám sát biến động chi phí, yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng đặc thù này thông qua công tác kê khai giá. Tuy nhiên, không có quy định cơ chế giám sát thực hiện, cơ chế kiểm soát hoạt động kê khai giá, và nhất là việc xử lý của cơ quan tiếp nhận kê khai khi phát hiện trường hợp điều chỉnh giá bất hợp lý, như vậy

biện pháp kê khai giá chưa thể hiện được tác dụng rõ nét đối với cả cơ quan quản lý và cả phía đơn vị thực hiện. Đối với một số mặt hàng có tính đặc thù, độc quyền mua hoặc bán, giá bán là chi phí, đầu vào của một số mặt hàng khác khi áp dụng quy trình chung không phù hợp; Hồ sơ kê khai không có đủ thông tin để điều hành, cơ chế giám sát không đủ để có các biện pháp quản lý nhà nước phù hợp trong những trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên, nhất là khi thị trường có biến động cần có ngay các giải pháp điều hành, bình ổn giá phù hợp.

+ Về danh mục kê khai giá: Số lượng mặt hàng hiện đang quy định kê khai giá là khá nhiều, tổng là 26 mặt hàng (trong đó có 11 mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá). Tuy nhiên, trong thực tế thi hành chưa thể hiện rõ ràng hiệu quả của công tác kê khai giá; kết quả xử phạt trong lĩnh vực kê khai giá còn hạn chế.

+ Về mức giá kê khai, thời điểm kê khai và hình thức kê khai theo quy định hiện hành đã có hạn chế nhất là đối với một số mặt hàng có đặc điểm rất đa dạng, phong phú về chủng loại, tên thương mại nên khi thực hiện kê khai danh mục kê khai của một mặt hàng sẽ rất khó khăn; một mặt khác là nếu tiếp tục áp dụng thời điểm kê khai trước khi bên mua hàng hóa cũng sẽ khó khăn, làm giảm sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khi yếu tố giá hàng hóa, dịch vụ thường phải đưa ra quy định kịp thời với xu hướng thị trường tại một thời điểm nhất định.

***h. Đối với công tác kiểm tra, thanh tra giá:*** Tại Luật giá chưa có các quy định có tính nguyên tắc và cụ thể về công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá; chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực giá và thẩm định giá vẫn còn chưa đủ chặt chẽ, đảm bảo theo kịp với sự phát triển, thay đổi không ngừng của kinh tế xã hội nói chung cũng như từng ngành nghề nói riêng. Do vậy, công tác kiểm tra, thanh tra về giá luôn gặp khó khăn nhất định mỗi khi có yêu cầu tổ chức kiểm tra, thanh tra giá hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Trong bối cảnh trao nhiều quyền chủ động cho doanh nghiệp thì việc tăng cường công tác hậu kiểm là cần thiết được chú trọng hơn nữa.

***i. Về thẩm định giá:***

- Các quy định, hướng dẫn về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, hồ sơ và quy trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá chưa hiệu quả, thiếu chặt chẽ dẫn đến việc kiểm soát chất lượng thẩm định giá của các doanh nghiệp còn hạn chế. Việc quy định về điều kiện cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá, hành nghề thẩm định giá tương đối mở dẫn đến số lượng doanh nghiệp thẩm định giá phát triển nóng. Việc phát triển nóng về số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá trong thời gian gần đây dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật liên tục trong thời gian ngắn hoặc thẩm định viên về giá có hiện tượng không làm toàn thời gian tại doanh nghiệp dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý nhà nước cũng như làm giảm hiệu quả hoạt

động, trách nhiệm nghề nghiệp của các đối tượng này. Hiện Luật giá chưa có quy định chặt chẽ để đảm bảo tính ổn định về nhân sự của doanh nghiệp thẩm định giá, nhất là người đại diện theo pháp luật; chưa có quy định định tính về chất lượng hành nghề của thẩm định viên trong trường hợp phải đình chỉ hành nghề khi không đảm bảo chất lượng (ví dụ mỗi thẩm định viên hành nghề phải ký ít nhất 30 chứng thư thẩm định giá trong một năm). Một mặt khác cũng dẫn đến việc một số doanh nghiệp thẩm định giá, cũng như các thẩm định viên hành nghề thiếu kinh nghiệm, chưa chủ động cập nhật, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn dẫn đến những sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ.

Luật giá hiện quy định điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện dịch vụ thẩm định giá gồm:

(i) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

(ii) Có ít nhất 3 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó có chủ doanh nghiệp đối với loại hình công ty TNHH một thành viên, có ít nhất 2 thành viên hợp danh đối với loại hình công ty hợp danh, có ít nhất 2 thành viên góp vốn đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, có ít nhất 2 cổ đông đối với loại hình công ty cổ phần;

(iii) Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với loại hình công ty hợp danh, công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần, chủ doanh nghiệp đối với loại hình doanh nghiệp tư nhân phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;

(iv) Đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần có thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định, đồng thời người đại diện của thành viên là tổ chức phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

Với mục tiêu yêu cầu đặt ra trong giai đoạn này thì các điều kiện trên được đánh giá là quá mở trong khi nghề thẩm định giá là ngành nghề đòi hỏi tính chuyên môn cao, với số lượng trên 2300 thẩm định viên như hiện nay thì việc doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 3 thẩm định viên, chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 02 thẩm định viên để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá là rất dễ dàng. Luật giá cũng chưa có các quy định cụ thể về kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, nhiều thẩm định viên mới được cấp thẻ thẩm định viên, chưa am hiểu về thị trường, thiếu các kiến thức hành nghề đã thành lập doanh nghiệp doanh nghiệp thẩm định giá, sau đó thu hút khách hàng bằng hạ giá dịch vụ dẫn đến chất lượng dịch vụ bị suy giảm, để tạm thời khắc phục, Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ cũng đã bổ sung điều kiện kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá.

Luật giá cũng quy định loại hình công ty cổ phần, tuy nhiên, đối với loại hình này thì việc rà soát bảo đảm tính khách quan trong quá trình thẩm định giá, hạn chế các lợi ích liên quan giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá là khó khả thi trong trường hợp các công ty cổ phần trở thành công ty đại chúng. Nhất là đối với loại hình cung cấp dịch vụ có tính chuyên môn sâu thì yêu cầu về chất lượng luôn gắn với con người thực hiện, vấn đề vốn đầu tư và kinh phí duy trì hoạt động không nhiều. Trong khi đó, với trách nhiệm phải luôn gắn với cá nhân và cả doanh nghiệp thì việc có quy định mô hình doanh nghiệp thẩm định giá là công ty cổ phần sẽ không phù hợp.

- Theo quy định của Luật giá, tiêu chuẩn của thẩm định viên về giá bao gồm: có năng lực hành vi dân sự; có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực, khách quan; tốt nghiệp đại học chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo từ 36 tháng trở lên sau khi có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có chứng chỉ đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá do cơ quan có thẩm quyền cấp và có Thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cho thấy, quy định trên nảy sinh một số vấn đề bất cập.

Một là, Luật chưa quy định thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo phải là thời gian làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá với nhiệm vụ công việc liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá, do đó, nhiều trường hợp đã làm việc 36 tháng, nhưng không phải tại các doanh nghiệp thẩm định giá và công việc không liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá.

Hai là, Luật chưa quy định các nguyên tắc làm cơ sở phân chia thẩm định viên về giá theo loại tài sản. Theo quy định hiện hành, chỉ có 1 loại thẻ thẩm định viên về giá, người muốn trở thành thẩm định viên về giá phải thi đủ các môn thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá máy, thiết bị và thẩm định giá doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy số lượng lớn thẩm định viên sau khi được cấp thẻ và tham gia hoạt động thẩm định giá chỉ chuyên về thẩm định giá bất động sản (khoảng 65%), số còn lại vừa làm bất động sản, vừa làm về máy, thiết bị và một số ít làm về giá trị doanh nghiệp. Như vậy, việc chỉ có một loại thẻ thẩm định viên như hiện tại sẽ làm tăng chi phí cho người muốn trở thành thẩm định viên về giá, lãng phí nguồn lực của xã hội; bên cạnh đó đối với các hoạt động thẩm định giá đòi hỏi phải có chuyên môn sâu về tài chính như thẩm định giá doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình thì hiện tại lại chưa chú ý nhiều đến yêu cầu chuyên môn sâu đối với mảng kiến thức này mà vẫn như các thông định viên thông thường. Kinh nghiệm quốc tế cũng chỉ ra rằng một số nước cũng phân loại thẩm định viên theo loại tài sản.

Ba là, Luật chưa quy định nguyên tắc làm cơ sở xác định Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận về chuyên môn cao nhất trong hoạt động tư vấn định giá, thẩm định giá tài sản. Luật giá là luật gốc về công tác quản lý giá nói chung và quản lý về thẩm định giá nói riêng, đồng thời, đưa ra những yêu cầu chuyên môn rất cao để trở thành thẩm định viên về giá, Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định

giá cũng được xây dựng đồng bộ và đầy đủ để áp dụng trong thẩm định giá hầu hết các loại tài sản từ bất động sản đến các loại động sản, tuy nhiên, một số pháp luật chuyên ngành ban hành sau Luật giá như Luật đất đai năm 2013 lại quy định người có Thẻ thẩm định viên về giá vẫn phải tham gia khóa học về định giá đất để tham gia hoạt động tư vấn định giá đất cho cơ quan nhà nước (bản chất của việc tư vấn định giá đất là việc áp dụng pháp luật trong hoạt động tư vấn xác định giá đối với tài sản đặc thù là đất đai của nhà nước) là rất mâu thuẫn, tăng thêm các tiêu chuẩn điều kiện không cần thiết và sẽ gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, các thẩm định viên về giá theo quy định tại Luật giá.

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa có quy định về mã ngành kinh tế cho dịch vụ này; thiếu quy định chi tiết và trách nhiệm đối với việc ủy quyền toàn bộ hoặc một phần hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp cho chi nhánh của mình.

- Các quy định về đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa bao quát đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn phát sinh hoặc chưa cụ thể. Thiếu các quy định về đình chỉ, thu hồi Thẻ thẩm định viên qua đó nhằm tăng cường công tác quản lý chất lượng hành nghề của thẩm định viên.

**k. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước hiện chưa rõ phạm vi áp dụng thực hiện.** Các trường hợp phải thực hiện thẩm định giá Nhà nước còn quy định chung chung dẫn đến khó xác định trường hợp cụ thể trong thực tế để thực hiện; chưa rõ phạm vi, chưa cụ thể danh mục các hàng hóa, dịch vụ thực hiện thẩm định giá Nhà nước để tạo sự minh bạch, rõ ràng trong thực tiễn vận dụng hình thức thẩm định giá Nhà nước. Điều 44 Luật giá quy định 4 trường hợp: (1). Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; (2). Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá; (3). Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước; (4). Mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với quy định “không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá” thì chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc thuê doanh nghiệp phải thực hiện các bước, quy trình gì, sau khi thực hiện hết các bước mà không thuê được doanh nghiệp mới được áp dụng Hội đồng thẩm định giá Nhà nước. Ví dụ: Việc tìm kiếm, mời gọi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chỉ thực hiện trong phạm vi địa phương, không mở rộng ra các địa phương khác, trong khi năng lực hoặc số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại địa phương đó không đáp ứng yêu cầu. Trường hợp “mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn” cũng chưa có hướng dẫn về thuật ngữ “giá trị lớn”...

+ Đồng thời, ngày 21/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó thuật ngữ “tài sản nhà nước” đã được thay thế bằng thuật ngữ “tài sản công”, đồng thời nội hàm của thuật ngữ tài sản công cũng

được chi tiết và rõ ràng hơn, cụ thể: *Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác.* Như vậy, nếu chỉ thay thuật ngữ “tài sản nhà nước” bằng thuật ngữ “tài sản công” trong phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước tại Luật giá thì phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước sẽ bị giới hạn lại, không phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước về giá. Bên cạnh đó, cũng cần làm rõ hơn việc các cơ quan nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, thuê tài sản, liên doanh, liên kết với các đơn vị ngoài nhà nước thì cũng cần thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước theo thẩm quyền.

+ Về phương thức hoạt động thẩm định giá Nhà nước, Luật giá quy định:

(1). Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá khi cần thiết để thẩm định giá đối với các trường hợp quy định tại Điều 44 của Luật giá. Hội đồng thẩm định giá giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ; (2). Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm thẩm định giá theo quy định của Luật giá, quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả thẩm định giá. Còn việc thành lập Hội đồng thẩm định giá như thế nào, điều kiện thành lập là gì, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên như thế nào thì chưa quy định rõ tại Luật, mà quy định tại Nghị định của Chính phủ; trong khi đó những nội dung liên quan đến điều kiện thành lập các doanh nghiệp thẩm định giá lại được quy định rõ tại Luật giá. Điều này vô hình chung làm vị thế pháp lý của Hội đồng thẩm định giá của nhà nước bị yếu đi, công cụ quản lý giá quan trọng này của nhà nước bị xem nhẹ.

Bên cạnh đó, thực tiễn trong những năm qua, nhiều Bộ ngành ở Trung ương, cũng như nhiều địa phương đã thực hiện việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng... thuộc thẩm quyền của đơn vị mình. Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản... qua đó góp phần kiểm soát tài sản công, tiết kiệm chi ngân sách, đảm bảo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả. Tuy vậy, một số bộ ngành, địa phương chưa chủ động trong việc thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước: không thực hiện hoặc rất ít tài sản đưa vào thẩm định giá, cán bộ tham gia công tác liên quan đến thẩm định giá thiếu kiến thức chuyên môn sâu về thẩm định giá.

**1. Đối với công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường và chỉ số giá:** Tại Điều 7 Luật giá có quy định nội dung quản lý Nhà nước về giá gồm công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường, nhưng thể chế đối với nhiệm vụ này còn yếu, chưa có những cơ chế rõ ràng, hành lang pháp lý vững chắc để triển khai sâu rộng từ trung ương đến địa phương.

- Trong thực tiễn công tác quản lý, điều hành giá đã cho thấy vai trò quan trọng thiết yếu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường, đây là nghiệp vụ quản lý nhà nước thường xuyên phải thực hiện với sự chính xác và tính kịp thời đối với các biến động của thị trường; từ đó làm cơ sở cho các cấp thẩm quyền và Ban chỉ đạo điều hành giá đưa ra các kịch bản điều hành giá cũng như đưa ra các chính sách, biện pháp bình ổn giá thị trường. Nội dung về tổng hợp, phân tích, dự báo, điều hành chỉ được nêu ngắn gọn tại Điều 7 Luật giá quy định nội dung quản lý Nhà nước về giá gồm công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường, chưa đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thực hiện công tác này trên thực tiễn nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn chưa được thể chế rõ ràng, quy định rải rác tại một số văn bản dưới Luật như Thông tư 116/2018/TT-BTC, Quyết định 690/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo điều hành giá... mà chưa đặt tại các văn bản có hiệu lực pháp lý cao như Luật hay Nghị định. Các nhiệm vụ triển khai hiện nay còn mang tính giao việc hành chính, chưa có quy phạm có tính nguyên tắc để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ; Vẫn đang còn hạn chế về phản ứng chính sách của một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc sử dụng các công cụ kinh tế vĩ mô để điều tiết, bình ổn thị trường khi thị trường có những biến động bất thường còn chậm. Nguyên nhân do hiện nay chưa có các quy định cụ thể về công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá cả thị trường nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn mang tính giao việc hành chính, chưa có hiệu lực pháp lý cao để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ.

- Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp trong triển khai nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo để làm nền tảng cho công tác chỉ đạo, điều hành chưa có nền tảng pháp lý trong Luật giá, dẫn đến hiệu lực triển khai còn hạn chế, có độ trễ về cung cấp thông tin và chất lượng thông tin cũng như chưa xác định được trách nhiệm rõ ràng khi xảy ra biến động bất thường về giá, hạn chế trong việc phối hợp thực hiện lộ trình điều chỉnh giá các dịch vụ thiết yếu theo lộ trình thị trường. Bên cạnh đó cũng chưa có cơ sở pháp lý để triển khai tại thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Tại Luật giá chưa có quy định về việc sử dụng chỉ số giá trong công tác quản lý nhà nước. Hiện nay một số pháp luật chuyên ngành có quy định về việc sử dụng chỉ số giá để điều chỉnh dự toán, giá cả, mức đầu tư... như Luật đầu tư công quy định việc điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công trong một số trường hợp được thực hiện khi chỉ số giá có biến động lớn. Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định. Tuy nhiên, việc xây dựng chỉ số giá để điều chỉnh dự toán, vốn,... cần được nghiên cứu gắn với phương pháp xác định chỉ số giá đảm bảo phù hợp với diễn biến giá cả thị

trường và gắn với hiệu quả tài chính, đặc biệt tránh lãng phí, đội vốn ngân sách nhà nước.

- Việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về giá là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan quản lý nhà nước về giá để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo đề từ đó đưa ra các chính sách, biện pháp quản lý giá kịp thời, chính xác. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia chung của Chính phủ và cơ sở dữ liệu ngành Tài chính. Mặt khác, giá cả là vấn đề có tính tổng hợp, liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của các Bộ, ngành, do vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá có tính bao quát, đầy đủ được đánh giá là vô cùng cấp thiết.

Tuy nhiên, trên cơ sở rà soát, đánh giá thi hành Luật giá và các văn bản hướng dẫn cho thấy cơ sở pháp lý về nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá còn chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong quá trình xây dựng, thu thập thông tin từ các Bộ, ngành ngoài Bộ Tài chính. Cụ thể như tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP hiện nay đưa ra một số quy định chung về trách nhiệm trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá gồm cả Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương; Tuy nhiên các nội dung quy định chi tiết đều được nằm ở Thông tư 142/2015/TT-BTC thì lại chỉ hướng dẫn thực hiện đối với Bộ Tài chính và các địa phương. Do vậy, trách nhiệm về xây dựng cơ sở dữ liệu về giá hoặc cung cấp thông tin về giá của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực lại chưa được quy định rõ ràng, chi tiết.

Một mặt khác, việc quy định các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá như hiện nay mặc dù tăng cường trách nhiệm và tính chủ động của các đơn vị trong xây dựng cơ sở dữ liệu về giá nhưng thực tiễn cho thấy hiện nay các Bộ, ngành đều chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về giá đối với ngành, lĩnh vực. Do đó, việc đặt ra vấn đề xây dựng các cơ sở dữ liệu tại các Bộ, ngành là khó khả thi và cần nghiên cứu các giải pháp chính sách nhằm có mô hình xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đảm bảo hiệu quả, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Một mặt khác là trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo điều hành giá, bên cạnh những kết quả đạt được cũng cho thấy một số hạn chế nhất định như tính pháp lý và hiệu lực pháp lý của chính sách điều hành giá được Ban chỉ đạo điều hành giá thống nhất thực hiện chưa được hiệu quả, chưa có tính áp dụng bắt buộc cao để đảm bảo các đối tượng liên quan phải thực hiện nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô hàng năm và trong từng thời kỳ. Đồng thời, công tác phối hợp của các bộ quản lý ngành với Bộ Tài chính (cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo điều hành) là rất quan trọng, đảm bảo thông tin, báo cáo được cập nhật nhanh, đầy đủ; tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, kịp thời trong công tác phối hợp cần được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo quyền và trách nhiệm của các bộ ngành liên quan trong công tác quản lý, điều hành giá của Ban chỉ đạo.



## **2. Hạn chế, bất cập giữa Luật giá với các Luật chuyên ngành**

Luật giá 2012 đã thể chế các quan điểm, nguyên tắc cơ bản để thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, qua đó đã tạo hành lang pháp lý cho các cơ quan quản lý thực hiện các biện pháp điều tiết. Tuy nhiên, với tính chất tất yếu và khách quan của hoạt động quản lý, điều hành giá cùng với những yêu cầu phát sinh trong thực tiễn thì tại một số Luật, Bộ Luật chuyên ngành khác đã thể chế hóa nhiều quy định về lĩnh vực giá. Trong đó, có những quy định chi tiết hơn một số vấn đề chuyên ngành liên quan đến quản lý giá song vẫn đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và quy định cụ thể tại Luật giá; Tuy nhiên cũng có những Luật chuyên ngành đã quy định “mở rộng” hơn so với các quy định tại Luật giá; một số trong đó dẫn đến sự trùng lặp trong quy phạm, tuy nhiên cũng có một số quy định đã gây ra “chồng chéo, mâu thuẫn” với Luật giá. Cụ thể như:

### **2.1. Đối với các quy định liên quan đến biện pháp định giá nhà nước**

Chủ trương của Luật giá là quy định đúng và đủ danh mục các mặt hàng cần phải định giá nhà nước để đảm bảo tránh việc lạm dụng biện pháp điều tiết có tính can thiệp trực tiếp như định giá nhà nước. Đồng thời với việc quy định về danh mục là kèm theo đầy đủ các vấn đề về thẩm quyền (phân công, phân cấp), hình thức định giá, phương pháp định giá, quy trình định giá và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên trong thực tế khi xây dựng các Luật chuyên ngành đã có những quy định liên quan đến biện pháp định giá nhà nước dẫn đến sự trùng lặp, mâu thuẫn, chồng chéo như:

#### **a. Quy định thêm hàng hóa, dịch vụ áp dụng định giá nhà nước ngoài Luật giá**

Tại một số Luật chuyên ngành quy định thêm hàng hóa, dịch vụ cụ thể thực hiện định giá. Ví dụ như Luật giao thông đường bộ bổ sung giá dịch vụ ra, vào bến xe do UBND tỉnh quy định (Điều 83); Luật Đường sắt năm 2017 bổ sung giá dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị do UBND cấp tỉnh quy định (Điều 83); Luật Đường sắt năm 2017 bổ sung giá dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị do UBND cấp tỉnh quy định (điều 56, Điều 67); Luật đấu giá tài sản năm 2016 bổ sung khung giá thù lao dịch vụ đấu giá tài sản do Bộ Tài chính quy định (Điều 78); Luật Quy hoạch bổ sung giá quy hoạch do Bộ Tài chính quy định.

Không chỉ được bổ sung tại Luật, một số hàng hóa, dịch vụ còn được bổ sung thực hiện định giá tại các Nghị định, Thông tư như: Nghị định 96/2012/NĐ-CP bổ sung dịch vụ cai nghiện chất dạng thuốc phiện; Nghị định 146/2016/NĐ-CP bổ sung dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; Nghị định Nghị định số 80/2014/NĐ-CP bổ sung dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Thông tư 36/2015/TT-BGTVT bổ sung 9 dịch vụ hàng không khác... *(phụ lục danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo)*

Việc các Luật bổ sung danh mục mặc dù đều do vấn đề cấp thiết đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trong quản lý nhà nước song cũng dẫn đến Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá còn được bổ sung, quy định trùng lặp, chồng chéo tại nhiều Luật, thậm chí tại các Nghị định, Thông tư dẫn đến hạn chế cho việc kiểm soát, theo dõi, tổng hợp tập trung. Mặt khác trách nhiệm đầu mỗi kiểm soát, trình thay đổi danh mục được giao cho Bộ Tài chính (tại Nghị định hướng dẫn Luật) nhưng một số trường hợp chưa tuân thủ triệt để, chưa thông qua xin ý kiến chuyên môn sâu của Bộ Tài chính về nội dung này.

**b. Hàng hóa, dịch vụ được quy định bổ sung tại Luật chuyên ngành chưa đảm bảo các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá**

Tại Điều 19 Luật giá quy định 3 nguyên tắc đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện định giá là “*Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực nhà nước độc quyền sản xuất kinh doanh; Tài nguyên quan trọng; Hàng dự trữ quốc gia, sản phẩm dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước*”. Tuy nhiên một số mặt hàng được bổ sung chưa đảm bảo các nguyên tắc tại Luật giá như dịch vụ ra, vào bến xe; 9 dịch vụ hàng không khác tại Thông tư 36/2015/TT-BGTVT, giá dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, thù lao dịch vụ đấu giá tài sản...

Đồng thời, có một số mặt hàng tại Luật chuyên ngành quy định có tên chưa thống nhất với Luật giá dẫn đến việc chưa đảm bảo nguyên tắc như Luật giá quy định nhà nước định giá đối với “*dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa tuyến độc quyền*”, nhưng tại Luật hàng không chỉ quy định “*dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa*”, theo đó đã mở rộng hơn phạm vi so với Luật giá đối với các tuyến bay không phải độc quyền cũng thực hiện định giá.

**c. Thiếu các quy định đồng bộ về hình thức, thẩm quyền khi quy định bổ sung danh mục**

Một số mặt hàng được quy định thuộc danh mục định giá nhà nước nhưng thiếu các quy định về hình thức định giá hoặc thẩm quyền định giá hoặc chồng chéo với quy định tại Luật giá dẫn đến khó khăn trong khâu tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Ví dụ như Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị (tại Luật Đường sắt chưa quy định hình thức định giá); Dịch vụ tuyển sinh (Tại Luật Giáo dục chưa quy định hình thức định giá); Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn nhà nước (tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định là UBND quy định giá tối đa, song tại Luật bảo vệ môi trường lại quy định UBND quy định giá cụ thể); Giá vật liệu nông công nghiệp (Tại Luật Cạnh tranh và Nghị định 94/2017/NĐ-CP chưa quy định về hình thức và thẩm quyền định giá);

Phương thức quản lý giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ còn có sự mâu thuẫn giữa Luật giá và các Luật chuyên ngành. Ví dụ như đối với giá dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nhà nước là công

trình kết cấu hạ tầng, tại Luật giá quy định nhà nước định giá tối thiểu; Tuy nhiên mức giá tối thiểu này lại không phải là cơ sở, căn cứ khi xác định mức giá khởi điểm phục vụ đấu giá khi thực hiện đấu giá quyền khai thác tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng theo Luật Tài sản công, Luật đấu giá.

Nguyên nhân chủ yếu cũng do việc Luật chuyên ngành chưa đảm bảo đúng các nguyên tắc “gốc”, có tính căn bản của công tác quản lý giá về triển khai được đề cập tại Luật giá; Việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ định giá là nhằm giải quyết thực tế “tinh hướng phát sinh” khi các cơ quan quản lý cho rằng cần phải kiểm soát giá của một hàng hóa, dịch vụ nào đó cũng rất cần thiết nhưng thiếu đi các quy phạm đồng bộ về tổ chức thực hiện.

#### **d. Chồng chéo trong quy định về thẩm quyền và hình thức định giá**

Tại một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cũng quy định thẩm quyền định giá khi quy định thêm danh mục định giá; Tuy nhiên cũng do chưa có nguyên tắc cụ thể về phân công nên đôi khi xảy ra tình trạng ấn định cơ quan thực hiện định giá mà chưa tính toán cụ thể về khả năng tổ chức thực hiện. Thậm chí còn xảy ra tình trạng pháp luật chuyên ngành về một mặt hàng nào đó quy định thẩm quyền định giá mặt hàng đã được quy định tại Luật giá, gây nên tình trạng chồng chéo, không khớp giữa các quy định tương tự nhau.

Ví dụ như đối với mặt hàng nước sạch, tại Luật giá và Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính xác định khung giá nước sạch và hướng dẫn phương pháp định giá, song tại Nghị định 81/2017/NĐ-CP lại giao Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch.

Hoặc tại Luật giá chỉ quy định 3 cấp cơ quan quản lý Nhà nước về giá gồm (1) Chính phủ, (2) Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành, (3) UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong lĩnh vực giáo dục và y tế, Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 đã giao thẩm quyền định giá một số dịch vụ y tế, giáo dục tại cơ sở công lập cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Tại Luật Lâm nghiệp giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá rừng trên địa bàn quản lý (Khoản 4 Điều 90), tuy nhiên tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá rừng cụ thể.

#### **đ. Chưa có sự thống nhất về quy trình thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định giá giữa pháp luật chuyên ngành với Luật giá.**

Tại Luật giá chưa có các quy định về các nguyên tắc cơ bản trong việc triển khai quy trình định giá mà giao Chính phủ quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP; Do vậy, tại các Luật chuyên ngành, bên cạnh việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ, còn quy định cả quy trình định giá và chưa thống nhất với quy trình tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP. Ví dụ việc định giá điện, theo quy định tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP, Bộ Công thương xây dựng phương án giá

và trình Chính phủ sau khi có *ý kiến thẩm định* của Bộ Tài chính; Tuy nhiên theo Luật điện lực thì Bộ Công Thương chỉ phải *lấy ý kiến tham gia* Bộ Tài chính về phương án giá.

Ở cấp địa phương, Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh “quy định việc trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá” đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình, trong đó đảm bảo nguyên tắc vai trò thẩm định phương án giá của Sở Tài chính. Như vậy, căn cứ theo quy định này thì tùy địa phương có thể giao cho Sở Tài chính hoặc Sở chuyên ngành trình phương án giá tùy theo thực tiễn. Tuy nhiên, tại một số pháp luật chuyên ngành như Nghị định số 23/2016/NĐ-CP (dịch vụ nghĩa trang), Nghị định số 80/2014/NĐ-CP (dịch vụ thoát nước), Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt) quy định trực tiếp nhiệm vụ lập, thẩm định, phê duyệt giá cho Sở chuyên ngành và giao Sở Tài chính thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án giá.

#### **e. Chồng chéo trong vấn đề ban hành phương pháp định giá**

Về Phương pháp định giá, tại Luật giá quy định: *Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình.*”

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá (i) phương pháp so sánh (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Vì vậy, việc quy định có phương pháp định giá riêng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn việc xây dựng, ban hành đã dẫn đến một số trường hợp ban hành phương pháp riêng nhưng thực chất chính là phương pháp chi phí kết hợp với việc hướng dẫn chi tiết hơn ở việc xác định một số khoản chi phí đặc thù là không cần thiết. Nếu tiếp thực hiện theo nguyên tắc này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

- Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý sẽ dẫn đến việc nhiều phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung, một phần do vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành về giá.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kỹ thuật. Vì vậy, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vẫn đề

vướng mắc là bởi nếu định mức kinh tế kỹ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn với mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá nhất là các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế...). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ...

## **2.2. Về các quy định về quản lý thẩm định giá**

**a. Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP** có mâu thuẫn, chòng chẹo với Luật giá về điều kiện đối với tổ chức tư vấn xác định giá đất và cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

**Theo quy định tại Luật đất đai năm 2013:** Tại Điều 115, 116 quy định về tư vấn xác định giá đất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, trong đó có nội dung quy định điều kiện hoạt động của tư vấn xác định giá đất, hành nghề tư vấn xác định giá đất thực hiện theo quy định của Chính phủ (gồm tổ chức tư vấn định giá đất và định giá viên).

**Theo quy định tại Bộ Luật Dân sự:** Điều 105 quy định về tài sản như sau:

“1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.

2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.”

**Theo quy định tại Luật giá thì thẩm định viên về giá** (có thể) được hành nghề thẩm định giá với các loại tài sản, trong đó có đất mà không có bất kỳ một điều kiện nào khác. Luật giá đã có các quy định điều chỉnh liên quan đến hoạt động tư vấn xác định giá bất động sản (trong đó đất đai là một loại bất động sản) nên đối với đất đai hoạt động này được hiểu là hoạt động tư vấn xác định giá đất. Trước khi Luật Đất đai năm 2013 được ban hành, hoạt động tư vấn xác định giá đất được thực hiện thống nhất theo Luật giá năm 2012. Theo đó, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất là các doanh nghiệp thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, các cá nhân thực hiện là các thẩm định viên về giá hành nghề được Bộ Tài chính cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

Đồng thời, hiện nay, việc tư vấn xác định giá bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản; tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cổ phần hóa,

thoái vốn, góp vốn; tư vấn xác định giá trị công nghệ (thẩm định giá công nghệ) theo Luật chuyên giao công nghệ; tư vấn trong mua sắm tài sản công... cũng đã được quy định rõ thuộc phạm vi hoạt động của các tổ chức thẩm định giá theo Luật giá.

Hơn nữa, hoạt động tư vấn xác định giá (kinh doanh dịch vụ thẩm định giá) được xác định là một hoạt động kinh doanh có điều kiện, kết quả tư vấn được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản, do đó có thể thấy đây là một trong những loại hình dịch vụ tài chính phức tạp, có ảnh hưởng lớn đến nhiều hoạt động kinh tế, đòi hỏi kết quả dịch vụ có độ tin cậy và đảm bảo tính khách quan, trung thực. Để đảm bảo chất lượng của hoạt động dịch vụ tư vấn này, Luật giá đã có những quy định cụ thể, khắt khe đối với cá nhân tham gia tư vấn (thẩm định viên) và tổ chức tham gia tư vấn (doanh nghiệp thẩm định giá) về điều kiện chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, đặc biệt là cá nhân muốn trở thành thẩm định viên về giá phải trải qua kỳ thi do Bộ Tài chính tổ chức...

Việc quy định thêm các điều kiện đối với hoạt động tư vấn định giá đặt tại Nghị định 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP là trái với quy định tại Luật giá, phát sinh thêm các khoản chi phí tuân thủ cho xã hội không cần thiết, đồng thời gây cản trở cho việc vận dụng dịch vụ tốt nhất để thực hiện hiệu quả công việc.

**b. Một số pháp luật chuyên ngành đang quy định về Hội đồng có bản chất công việc tương tự như Hội đồng thẩm định giá Nhà nước quy định tại Luật giá nhưng thiếu sự đồng bộ trong quy định về phương pháp, quy trình xác định giá trị tài sản với Luật giá.** Ví dụ như Hội đồng định giá tài sản theo Luật tài sản công

Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 có nội dung quy định về hoạt động định giá, thẩm định giá, xác định giá trị tài sản trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trong đó quy định mức giá là một trong những tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công (Điều 24). Tại các văn bản hướng dẫn Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) quy định về việc thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức đấu giá, xác định giá bán chỉ định trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức chỉ định, xác định giá bán niêm yết trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá. Hội đồng xác định giá bản chất như Hội đồng thẩm định giá Nhà nước theo pháp luật về giá, tuy nhiên chưa có quy định, hướng dẫn về phương pháp, quy trình xác định giá trị tài sản.

### **c. Về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá**

Nội dung này chưa có sự thống nhất giữa pháp luật chuyên ngành với quy định của Luật Giá. Theo quy định của Luật Giá thì kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản. Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng trong thời hạn có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá.

Tuy nhiên, nhiều quy định tại pháp luật chuyên ngành gần như sử dụng ngay kết quả thẩm định giá làm căn cứ duy nhất để định giá, kéo theo đó là trách nhiệm rất nặng đặt lên vai các doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá. Cụ thể, đối với hoạt động thẩm định giá khởi điểm đấu giá các khoản nợ xấu, kết quả thẩm định giá được xem như là giá tối thiểu, giá sàn để đấu giá lần đầu khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu (Nghị định số 61/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định chi tiết việc thẩm định giá khởi điểm của khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và việc thành lập Hội đồng đấu giá nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đối với khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có giá trị lớn).

Tương tự, đối với hoạt động thẩm định giá trong thi hành án dân sự, kết quả thẩm định giá tài sản kê biên trong thi hành án dân sự được lấy làm giá khởi điểm để bán đấu giá theo quy định. Như vậy, đối với Luật thi hành án dân sự, Chấp hành viên và tổ chức thẩm định giá đóng vai trò quyết định đối với kết quả giá khởi điểm để bán đấu giá trong định giá tài sản kê biên.

### **2.3. Về các quy định về hình thức văn bản quyết định giá**

Hình thức văn bản của quyết định giá là văn bản hành chính cá biệt hay văn bản quy phạm pháp luật còn chưa rõ giữa Luật giá với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Qua thực tiễn triển khai tại các cơ quan có thẩm quyền QLNN về giá tại trung ương và địa phương cho thấy hiện có sự chưa thống nhất và có cách hiểu khác nhau về việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá ở trung ương và địa phương. Có trường hợp lựa chọn hình thức văn bản quy phạm pháp luật, một số trường hợp lựa chọn hình thức văn bản hành chính cá biệt. Ví dụ như

- Đối với giá bán điện: về cơ chế về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, khung giá điện được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL<sup>1</sup>; việc quy định giá bán lẻ,

<sup>1</sup> Quyết định số 28/2014/QĐ-TTG ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu giá bán lẻ điện, Quyết định số 34/2017/QĐ-TTg ngày 25/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân giai đoạn 2016 – 2020

hoặc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân được ban hành dưới hình thức Quyết định cá biệt<sup>2</sup>.

- Đối với giá nước sạch cho sinh hoạt: Quy định về phương pháp, nguyên tắc xác định giá nước sạch và khung giá nước sạch sinh hoạt được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL<sup>3</sup>; việc quy định giá cụ thể cũng được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (các Quyết định về giá nước cụ thể của UBND cấp tỉnh).

- Đối với giá xăng dầu: các quy định về nguyên tắc xác định giá cơ sở, các nội dung chi phí, quỹ bình ổn giá được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL<sup>4</sup>; việc quyết định mức giá cơ sở, mức giá bán lẻ tối đa ban hành dưới hình thức văn bản cá biệt (Thông báo của Bộ Công Thương trong mỗi kỳ điều hành).

- Đối với giá đất: Cơ chế về giá đất được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (Luật đất đai và các Nghị định hướng dẫn); khung giá đất 5 năm và bảng giá đất từng địa phương cũng được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Ủy ban nhân dân);

- Đối với giá dịch vụ y tế: Về cơ chế giá dịch vụ y tế được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL<sup>5</sup>; mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc và không thuộc phạm vi thanh toán của bảo hiểm y tế cũng được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (Thông tư của Bộ Y tế, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

Nhìn chung việc ban hành các quy định quản lý nhà nước nói chung, trong đó có lĩnh vực giá được áp dụng thực hiện theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật, tính chất quy phạm pháp luật trong việc ban hành cơ chế giá đối với hàng hóa dịch vụ có thể hiểu là các nguyên tắc, phương pháp, định mức chung để xây dựng giá cụ thể đối với một hàng hóa, dịch vụ; Việc ban hành quy định chung về các nội dung này sẽ được tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cả nước áp dụng.

Việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá mặc dù cũng có một số tính chất của quy phạm pháp luật nhưng không đầy đủ như đối với văn bản QPPL vì thế đã dẫn đến cách hiểu và tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị không thống nhất. Trong khi đó tính chất của công tác điều hành giá phụ thuộc chủ yếu vào các vấn đề về chi phí và thời điểm, nội hàm vấn đề “mức giá” chỉ có hiệu lực trong một thời điểm, một giai đoạn nhất định. Trong một số trường hợp cơ quan nhà nước ban hành mức giá tối đa, giá cụ thể để điều hành, quản lý

<sup>2</sup> Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện

<sup>3</sup> Thông tư liên tịch 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT.

<sup>4</sup> Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

<sup>5</sup> Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập



ngân sách nhà nước (như giá mua sản phẩm, dịch vụ công, giá mua tối đa, giá bán tối thiểu hàng dự trữ quốc gia...) thì mức giá này không toàn toàn sử dụng lập đi, lập lại nhiều lần và mang tính chất điều hành trong cơ quan nhà nước.

Do đó, các nội dung về cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện... để xác định giá là nội dung quy phạm pháp luật; còn việc quyết định giá, điều chỉnh giá trên cơ sở các cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp đã được quy định sẽ là nội dung có tính chất cá biệt, chỉ thuộc phạm vi khâu tổ chức thực hiện các quy định, cơ chế hiện hành. Như vậy, việc đặt ra vấn đề thống nhất nguyên tắc việc quyết định giá, điều chỉnh giá.

### **3. Tồn tại, hạn chế trong tổ chức thi hành Luật**

a. Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền phổ biến, tổ chức thực hiện các quy định của Luật đã được chú trọng; hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh được nâng cao, nhất là khối doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều các trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước về giá, có nhiệm vụ quản lý giá chưa nắm rõ được các vấn đề căn bản trong thực thi nhiệm vụ; nhất là trong các hoạt động về xây dựng phương án giá; trình tự thủ tục thẩm định, trình phê duyệt phương án giá cho nên khá lúng túng trong triển khai. Các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá còn có những sai phạm căn bản về nhiệm vụ phải bị xử lý vi phạm hành chính.

b. Công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, biện pháp quản lý điều hành giá nhất là đối với một số hàng hóa nhạy cảm nhiều khi gián đoạn, không kịp thời dẫn đến dư luận xã hội trái chiều, thậm chí không chính xác đã ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá.

c. Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhóm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật được ban hành đầy đủ, kịp thời; Nhưng do thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ, ngành nên chưa được rà soát, sửa đổi bổ sung theo các diễn biến thực tế phát sinh. Nhất là việc bổ sung các chế định điều chỉnh những vấn đề mới, chế tài xử phạt hành chính và cơ chế giám sát,...

### **4. Tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:**

a. Luật giá được ban hành có hiệu lực thi hành từ 01/01/2013, khi đó đây là văn bản pháp lý cao nhất đầu tiên quy định thống nhất các nội dung về quản lý giá trên toàn quốc, cũng như qua rà soát đã đưa vào những quy định cơ bản bao quát toàn bộ danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, định giá, kê khai giá...đáp ứng thực tiễn quản lý nhà nước về giá trong từng lĩnh vực chuyên ngành tại thời điểm đó và Luật giá cũng đã quy định về việc phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về giá đối với các bộ, ngành, địa phương. Tại thời điểm này, các pháp luật chuyên ngành hiện hành hầu như chưa có các quy định

về quản lý giá và chưa đánh giá để sửa đổi, bổ sung theo các quy định mới về quản lý giá theo Luật giá. Trong quá trình tổ chức, thi hành các quy định về quản lý giá theo Luật giá và trên cơ sở thực tiễn quản lý giá theo ngành, lĩnh vực, các bộ ngành đã tiến hành đánh giá, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có nội dung về quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý; theo đó có những quy định được ban hành nhất quán theo phân công, phân cấp tại Luật giá nhưng đồng thời, cũng phát sinh từ thực tiễn có những quy định mới về quản lý giá, về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý, về thẩm quyền quản lý giá,...

b. Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thẩm định giá trong những năm gần đây đã đặt ra yêu cầu phải tăng cường quản lý nhà nước, siết chặt điều hành hoạt động để nâng cao tính hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động thẩm định giá.

c. Công tác thực hiện phân tích dự báo và gắn với đó là cơ chế phối hợp trong điều hành giá để bảo đảm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu ngày càng đòi hỏi phải được củng cố, tăng cường về mọi mặt, nhất là cơ sở pháp lý để thực thi. Nhất là trong bối cảnh phải đẩy mạnh chủ trương quản lý, điều hành giá theo thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước.

d. Những diễn biến thay đổi của tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế đặt ra những yêu cầu cải cách cơ chế quản lý giá, nhất là hoàn thiện danh mục hàng hóa, dịch vụ và phân công, phân cấp quản lý cho phù hợp.

e. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cả phía cơ quan quản lý Nhà nước về giá và các tổ chức cá nhân còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả thi hành Luật.

#### **IV. ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN**

**1. Khái quát về đặc điểm, tình hình kinh tế, tài chính và yêu cầu đặt ra trong xây dựng hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá trong giai đoạn tới:**

**1.1. Công tác quản lý, điều hành giá những năm gần đây luôn được đặt ra trong tình hình chính trị, kinh tế thế giới có những diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại, căng thẳng chính trị giữa các quốc gia, xung đột thương mại và xu hướng bảo hộ mậu dịch đã có những tác động đến kinh tế toàn cầu và kéo theo sự tác động đến nền kinh tế, giá cả trong nước; một số hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá tiếp tục thực hiện theo lộ trình quy định (y tế, giáo dục,...), các mặt hàng quan trọng, thiết yếu có ảnh hưởng nhạy cảm với phạm vi rộng đến đời sống xã hội như điện, sách giáo khoa vẫn có xu hướng tăng giá theo yếu tố hình thành giá, giá xăng dầu trong nước diễn biến phức tạp theo giá thế giới và nhất là biến động khó lường của giá hàng hóa, dịch vụ bị tác động mạnh bởi thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, công tác điều hành kinh tế vĩ mô luôn đòi hỏi song hành hai mục tiêu là phát triển kinh tế và**

kiểm soát lạm phát, theo đó công tác quản lý, điều hành giá đặt trọng tâm là hoàn thành kiểm soát lạm phát do Quốc hội đặt ra, đồng thời đảm bảo góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế thông qua việc điều hành thực hiện lộ trình giá thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá từ đó giúp cho việc giải phóng sức sản xuất của nền kinh tế, thúc đẩy thị trường phát triển, hàng hóa, dịch vụ được nâng cao chất lượng.

Ngoài ra, thị trường tài chính, thị trường giao dịch mua bán trong nước đang phát triển mạnh mẽ và hội nhập với thị trường quốc tế, vẫn còn nhiều tồn tại về vấn đề minh bạch, lành mạnh trong công tác xác định giá trị tài sản, thẩm định giá để phục vụ cho việc trao đổi, giao dịch về tài sản, hàng hóa trên thị trường, mua bán, thế chấp, góp vốn, liên doanh, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước; chưa phòng chống hiệu quả đối với các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí qua giá và bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ tài sản, của các nhà đầu tư và của các bên liên quan tham gia giao dịch.

**1.2.** Trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới, mục tiêu, yêu cầu đặt ra cho công tác tài chính và việc xây dựng hoàn thiện thể chế pháp luật về tài chính ngân sách là vừa phải góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định các cân đối lớn về tài chính – ngân sách; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế; vừa phải chủ động góp phần ngăn ngừa suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời với đó là các cơ chế chính sách tài chính trong giai đoạn này phải đáp ứng yêu cầu hội nhập nhanh và sâu rộng, góp phần tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Trong bối cảnh đó, pháp luật về quản lý giá phải được rà soát, đánh giá để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ; tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, các nhân sản xuất kinh doanh, khuyến khích cạnh tranh; các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải bảo đảm nguyên tắc tính đúng, tính đủ các khoản chi phí theo cơ chế thị trường, góp phần làm cho giá cả phản ánh giá thị trường và là tín hiệu để thị trường phân bổ có hiệu quả nguồn lực của xã hội.

**1.3.** Trong thời gian qua, Đảng, Chính phủ tiếp tục có những chủ trương, chính sách cho việc tăng cường công tác quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu: *“Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước. Tập trung thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phối hợp hiệu quả các*

*chính sách tài khóa, tiền tệ để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng GDP tối thiểu như đã đề ra. Thực hiện lộ trình giá thị trường có sự quản lý của nhà nước đối với những hàng hóa quan trọng, thiết yếu; sớm thực hiện đầy đủ cơ chế giá thị trường đối với dịch vụ công, điện, nước, đất đai và các nguồn tài nguyên quan trọng”.*

Mặt khác, tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương đã nêu nguyên tắc cơ bản trong việc phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý Nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc tôn trọng đầu mối, một việc do một cơ quan đảm nhiệm và thực hiện.

Các Nghị quyết số 01 của Chính phủ hàng năm về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước đều đặt ra nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

#### **1.4. Một số vấn đề đặt ra đối với việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh**

Triển khai thực hiện đề án tổng thể đơn giản hóa giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 8/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 896), ngày 09/10/2017, Chính phủ đã ký ban hành Nghị quyết số 104/NQ-CP về phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. Tại Nghị quyết này, Chính phủ đã phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với 91 thủ tục hành chính, trong đó có một số thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực giá. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã chủ trì trình Chính phủ ký ban hành Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; trong đó đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tổng số 117 điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực tài chính.

Ngoài ra, thực hiện yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 174/TTg-KSTT về việc thực hiện cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh và theo kiến nghị của Tổ công tác Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo số 70/BC-TCTTTg ngày 1/3/2018 về phương án cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 50% điều kiện đầu tư kinh doanh, Bộ Tài chính cũng đã có đưa vào sửa đổi một số nội dung về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực thẩm định giá tại Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, chưa thực hiện sửa đổi điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực thẩm định giá quy định tại Điều 38 và Điều 39 Luật giá quy định điều kiện thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá,

điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo từng loại hình doanh nghiệp.

Để đảm bảo tính thực thi của đề án trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, yêu cầu đặt ra cần phải sửa đổi Luật cho phù hợp với thực tiễn.

### **1.5. Yêu cầu đặt ra trong việc tham gia hội nhập kinh tế quốc tế**

Xu hướng quốc tế hoá, xu hướng chuyển sang nền kinh tế có cơ sở vật chất kỹ thuật mới về chất - một nền văn minh hậu công nghiệp, xu hướng cải tổ và đổi mới nền kinh tế thế giới là những xu hướng phát triển kinh tế chủ đạo trong giai đoạn hiện nay. Đối với nước ta, việc hoà nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực là việc làm hết sức cần thiết. Tuân thủ định hướng chung, chiến lược điều hành giá cả nói chung, giá hàng hóa thiết yếu, quan trọng nói riêng bảo đảm đạt các mục tiêu kinh tế của toàn xã hội, mục tiêu chung toàn cầu.

Nhìn chung, cơ chế quản lý giá dịch vụ, hàng hóa ở nước ta hiện nay đang được điều hành phù hợp với thông lệ các nước (Nhà nước chỉ quy định mức trần, khung giá dịch vụ tại cơ sở công lập, sử dụng ngân sách nhà nước; đối với cơ sở ngoài công lập, không sử dụng ngân sách nhà nước theo cơ chế giá thị trường...). Do hệ thống giá dịch vụ, hàng hóa của Việt Nam được giữ ổn định quá lâu nên khi chuyển sang cơ chế thị trường cần phải thực hiện từng bước, có lộ trình để không ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân và cân đối vĩ mô của nhà nước.

## **2. Mục tiêu, quan điểm và định hướng nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về quản lý giá trong thời gian tới:**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức quản lý điều hành giá để phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo được sự nhất quán, thống nhất của Luật giá với hệ thống pháp luật về dân sự kinh tế; Bảo đảm khuyến khích cạnh tranh về giá. Tăng cường vai trò công tác quản lý giá góp phần kiểm soát hiệu quả thu chi ngân sách nhà nước; tạo lập môi trường pháp lý ổn định và thống nhất trong lĩnh vực giá. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về giá, khắc phục triệt để những chồng chéo pháp luật, qua đó nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.

*Trên cơ sở đó, đưa vai trò pháp lý của Luật Giá được xác định là Luật chuyên ngành có giá trị pháp lý cao nhất trong lĩnh vực giá, điều chỉnh toàn diện các hoạt động về quản lý điều hành giá, thẩm định giá. Được ưu tiên vận dụng trong các trường hợp xung đột pháp luật liên quan đến lĩnh vực giá.*

Với mục tiêu đó, tại Luật giá (sửa đổi) cần phải thể hiện rõ nét hơn các nguyên tắc về quản lý, điều hành giá trong cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Cùng cố, kiện toàn các nguyên tắc cơ bản về quản lý nhà nước về giá hiện hành tại Luật cũng như bổ sung, luật hóa các nguyên tắc phù hợp với cơ chế thị trường nhằm xây dựng hành lang pháp lý có tính toàn diện, thống nhất,

đảm bảo bao quát và thuận lợi cho công tác xây dựng các văn bản hướng dẫn nói riêng, các quy định về quản lý giá tại Luật chuyên ngành hoặc cho cả công tác tổ chức thực hiện, thi hành Luật.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

- Sửa đổi hoàn thiện các danh mục hàng hóa dịch vụ thuộc diện bình ổn giá, định giá nhà nước, kê khai giá cho phù hợp với yêu cầu quản lý điều hành nền kinh tế; Theo đó, Luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc chung trong triển khai và giao Chính phủ quy định chi tiết cho phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn thời gian qua, phù hợp với Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính phủ; gắn với đó là phân công, phân cấp quản lý giá cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành của các Bộ, ngành, địa phương. Trên tinh thần đó, Bộ Tài chính sẽ tập trung vào công tác quản lý nhà nước như trình Chính phủ quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; quy trình lập, thẩm định, trình phương án giá; Ban hành các phương pháp định giá, kiểm tra các chấp hành pháp luật về giá... và chỉ quản lý giá đối với hàng hóa, dịch vụ có liên quan nhiều đến ngân sách nhà nước, đẩy mạnh phân công, phân cấp quản lý giá trực tiếp cho các Bộ, ngành, địa phương. Gắn với đó là việc sửa đổi, hoàn thiện và bổ sung mới các biện pháp quản lý, điều hành giá phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Tiếp tục rà soát để đẩy mạnh công tác thực thi và hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo nguyên tắc thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu như xăng dầu, nước sạch, đất đai, điện, dịch vụ công theo hướng: làm rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm thực thi của các cấp quản lý nhà nước trong công tác điều hành, bình ổn giá thị trường thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường theo lộ trình thích hợp; Tăng cường chế tài kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá và xử lý vi phạm phù hợp với yêu cầu quản lý điều

- Hoàn thiện cơ chế công bố thông tin rõ ràng, minh bạch để kiểm soát chi phí sản xuất các hàng hóa, dịch vụ nhằm hạn chế tác động tiêu cực của vị thế độc quyền, hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, hoàn thiện về cơ chế thẩm định giá nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay, thúc đẩy kiện toàn cơ chế kiểm soát, chế tài đối với các doanh nghiệp thẩm định giá.

- Cùng cố, kiện toàn hoạt động thẩm định giá nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá trong cả khối tư vấn tại doanh nghiệp cũng như trong công tác thẩm định giá nhà nước. Trong đó, chuyển một số nội dung quy định từ Nghị định lên Luật liên quan đến quy định về nội dung quản lý nhà nước về thẩm định giá và thẩm quyền quản lý nhà nước về thẩm định giá; Làm

rõ về tiêu chuẩn hành nghề của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá nhằm định hướng nâng cao chất lượng ngành nghề thẩm định giá trong tương lai. Đồng thời, thông qua đó loại trừ các đơn vị yếu về chuyên môn, có tư tưởng chộp giật, ảnh hưởng chung đến cả ngành dịch vụ...

- Bổ sung hoàn thiện các quy định để củng cố, tăng cường công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường, giá cả, kiểm soát lạm phát trong tổng thể công tác điều hành kinh tế vĩ mô chung của Chính phủ, Bộ, ngành. Gắn với đó là củng cố địa vị pháp lý cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, hình thành kênh thông tin chính thống, tin cậy phục vụ công tác quản lý giá, thẩm định giá.

- Thúc đẩy tăng cường công tác công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành giá, công tác kiểm soát, kiểm tra đánh giá về chấp hành pháp luật về giá để qua đó ngăn ngừa kịp thời các sai phạm nếu có trước, trong quá trình thực hiện.

- Hoàn thiện đồng bộ các chế định về biện pháp chế tài, xử lý hành vi lợi dụng giá cả để tạo thế độc quyền, từ việc liên kết giá để khống chế thị trường, tạo lợi nhuận cao, ảnh hưởng gây thiệt hại cho các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng; các hành vi lợi dụng vị thế để khống chế giá trong cùng hệ thống phân phối ở mức có lợi bất hợp lý. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt nhằm giữ ổn định môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý, điều hành giá để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

### **2.3. Quan điểm chỉ đạo:**

a. Thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng, Chính phủ về nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước định hướng xã hội chủ nghĩa; nhất là đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu thuộc danh mục Nhà nước bình ổn giá, định giá. Qua đó có giải pháp cho những vấn đề thực tiễn tất yếu đang tồn tại, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; hướng đến thực hiện các mục tiêu bảo vệ lợi ích của người dân, cộng đồng, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ công tác kiểm soát lạm phát mục tiêu góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

b. Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật giá còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, đồng thời Luật hóa một số quy định tại các văn bản dưới Luật đã ổn định.

c. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Xác định rõ phạm vi, nguyên tắc áp dụng pháp luật trong Luật giá để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả pháp luật về quản lý giá. Rà soát Luật giá với các Luật chuyên ngành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế chính sách; biện pháp quản lý điều

hành gi; danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và phân công, phân cấp thực hiện,... tại Luật Giá nhằm khắc phục các chông chéo, vướng mắc trong hệ thống pháp luật và công tác tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, Luật Giá phải bảo đảm tính bao quát, toàn diện những nội dung về quản lý Nhà nước về giá, theo đó đề xuất, bãi bỏ các quy định về giá tại các Luật chuyên ngành không phù hợp.

#### **2.4. Định hướng nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về giá**

- Rà soát Luật giá với các Luật chuyên ngành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nhằm tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng; tổ chức triển khai kịp thời các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thực hiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước;

- Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế để kiểm soát có hiệu quả tình trạng tăng, giảm giá bất hợp lý, không phù hợp với quy luật kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu với đời sống kinh tế- xã hội; hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền phải được tiếp tục rà soát đánh giá để thực hiện giảm dần tiến tới loại bỏ hoàn toàn cơ chế bao cấp qua giá; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường; làm rõ vai trò, nhiệm vụ của nhà nước trong quản lý, điều hành, bình ổn giá thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện cơ chế công bố thông tin rõ ràng, minh bạch để kiểm soát chi phí sản xuất các hàng hóa, dịch vụ nhằm hạn chế tác động tiêu cực của vị thế độc quyền, hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, hoàn thiện về cơ chế thẩm định giá nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay, thúc đẩy kiện toàn cơ chế kiểm soát, chế tài đối với các doanh nghiệp thâm định giá.

- Hoàn thiện đồng bộ các chế định về biện pháp chế tài, xử lý hành vi lợi dụng giá cả để tạo thế độc quyền, từ việc liên kết giá để khống chế thị trường, tạo lợi nhuận cao, ảnh hưởng gây thiệt hại cho các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng; các hành vi lợi dụng vị thế để khống chế giá trong cùng hệ thống phân phối ở mức có lợi bất hợp lý. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt nhằm giữ ổn định môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Rà soát để sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, bình ổn giá, kê khai giá cho phù hợp với yêu cầu và thực tiễn đặt ra trong tình hình mới. Đồng thời, rà soát đánh giá thực trạng để điều chỉnh việc phân công, phân cấp trong quản lý điều hành giá giữa các Bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao tính hiệu quả, phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay và trong thời gian tới, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành và điều kiện thực tế tại địa phương.



- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý, điều hành giá để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục rà soát để đẩy mạnh công tác thực thi và hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo nguyên tắc thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu như xăng dầu, nước sạch, đất đai, điện, dịch vụ công theo hướng: làm rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm thực thi của các cấp quản lý nhà nước trong công tác điều hành, bình ổn giá thị trường thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường theo lộ trình thích hợp; Tăng cường chế tài kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá và xử lý vi phạm phù hợp với yêu cầu quản lý điều

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý để đẩy mạnh công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường giá cả từ Trung ương đến địa phương để kiến nghị các giải pháp mang tính vĩ mô góp phần bình ổn giá cả thị trường, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Trên cơ sở đó, có các biện pháp cụ thể để kiện toàn về nhân sự, phương thức thực hiện, cơ chế hỗ trợ để nâng cao chất lượng công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường đáp ứng kịp thời và hiệu quả công tác quản lý, điều hành, bình ổn mặt bằng giá cả thị trường. Thực hiện rà soát hoàn thiện các cơ sở pháp lý nhằm củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng về địa vị pháp lý của Ban chỉ đạo; cơ chế hoạt động của Ban chỉ đạo gắn quy trình xây dựng phương án giá, xác định giá của một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu.

- Đẩy nhanh hoàn thiện việc xây dựng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về giá tập trung nhằm tạo lập nguồn thông tin dữ liệu về giá hoàn chỉnh có tính đồng bộ, độ tin cậy và khả năng ứng dụng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác quản lý nhà nước về giá, hỗ trợ cho công tác phân tích, dự báo và ra quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý, điều hành giá một cách kịp thời và hiệu quả. Ghi nhận và lưu trữ phản ánh kịp thời tình hình và sự biến động giá cả, dự báo hướng diễn biến giá thị trường trong và ngoài nước, góp phần thực hiện bình ổn giá; định hướng các hành vi trong trao đổi, mua bán của các chủ thể tham gia thị trường; Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý nhà nước về giá trong giai đoạn hiện nay. Xây dựng và ký kết các quy chế về trao đổi, cung cấp thông tin giữa các Bộ, ngành để tăng cường công tác nắm bắt thông tin, đảm bảo nguồn thông tin chính thống, đủ độ tin cậy. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, các Bộ ngành có liên quan nghiên cứu đề xuất việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

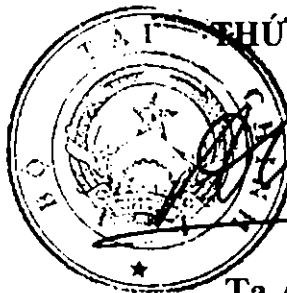
- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao vai trò, trách nhiệm cũng như năng lực của các tổ chức tư vấn giá, doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá khi tham gia thẩm định giá; xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức này vào hoạt động định giá, thẩm định giá của nhà nước, nhất là đối với trường hợp phức tạp, thời gian yêu cầu thực hiện gấp./

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLG. (50)

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỦ TRƯỞNG**



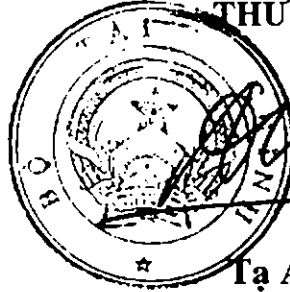
**Tạ Anh Tuấn**

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao vai trò, trách nhiệm cũng như năng lực của các tổ chức tư vấn giá, doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá khi tham gia thẩm định giá; xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức này vào hoạt động định giá, thẩm định giá của nhà nước, nhất là đối với trường hợp phức tạp, thời gian yêu cầu thực hiện gấp./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLG. ( 50) *me*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Tạ Anh Tuấn*